

ĐẶC SAN CỎ THƠM ONLINE

SỐ 14 – THÁNG 2, 2019



“Trẻ Chơi Rồng Rắn”

Tranh màu nước của Họa sĩ **Nguyễn Thị Hợp**



ĐẶC SAN CỎ THƠM ONLINE SỐ 14 – THÁNG 2, 2019

MỤC LỤC

BIÊN KHẢO:

15 - CHẤM ĐIỂM RƯỢU NHO - PHẠM VĂN TUẤN

27 - TẢN MẠN VỀ TẾT – HẢI BĂNG
HDB & BẠCH CÚC NGUYỄN

67- BÙI THANH TIÊN & TẬP GIÁC MƠ ĐỜI - TM NGÔ TẮNG GIAO

108- SÔNG GIANG CÒN ĐÓ – NGUYỄN PHÚ LONG

117- MARIE ANTOINETTE & CÁCH MẠNG PHÁP 1789 – NGUYỄN VĂN THÀNH23

128- NĂM HỘI NÓI CHUYỆN HEO – NGUYỄN CHÂU

152- MÙA XUÂN VỚI THƠ RƯỢU – NGUYỄN QUÝ ĐẠI (GERMANY)

189- NGÔN SỮ CỬA NGÔI LỜI – ĐỖ BÌNH (FRANCE)

221 – GIỚI THIỆU SÁCH VĂN HỌC VIỆT NAM CỦA TRẦN BÍCH SAN – TRẦN VĂN TÍCH (GERMANY)

VĂN:

4 - VÀI LỜI CHÂN TÌNH – PHAN ANH DŨNG

8- XUÂN KHỞI ĐIỂM - TRẦN QUỐC BẢO – Richmond VA

22 - NHỚ QUÊ HƯƠNG ... – HOÀNG HẢI THỦY

41- XUÂN MUỘN – VUU VĂN TÂM

44- EM CÒN NHỚ – NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

54- CHỜ TÔI ĐÊM BA MƯƠI – TT THÁI AN

73- TÌNH KHÚC VALENTINE – KIỀU OANH VIRGINIA

91 – VIẾT BÁO XUÂN – ĐOÀN XUÂN THU (MELBOURNE)

165 – NGƯỜI BẠN – VŨ NAM

174 – MỘT CÀNH MAI TRẮNG NỞ ... – TÓNG MAI

179 – MÙA XUÂN BẤT NGỜ – DIỄM CHÂU (CÁT ĐƠN SA)

203 – ANH EM CỘT CHÈO – NGỌC CƯỜNG

THƠ:

6- XUÂN VIỄN PHƯƠNG – ĐT MINH GIANG

7 – CHÚC TẾT – NT NGỌC DUNG / NGUYỄN THÙY / TUỆ NGÀ

14 – VINH DANH CỎ THƠM – ĐÀO NGUYỄN

20 – MỪNG ĐÓN XUÂN SANG – THÁI HÙNG PGH

25- MÙA XUÂN RU THƠ – TUỆ NGÀ

26- QUỲNH NƯƠNG – THANH TRÍ

36- CỬ VUI LÊN CHO HẾT CUỘC ĐỜI NÀY - HOA VẤN

38 – THƠ XƯỚNG HỌA – TUỆ NGÀ/ NT NGỌC DUNG/ PHAN KHÂM/ TM NGÔ TẮNG GIAO

43- ... MỘT THUỞ XUÂN XƯA – HẠ THÁI TRẦN QUỐC PHIỆT

52 – CÙNG ĐÀN H & KHOA KHÁT – NGUYỄN KINH BẮC

66 – NHỚ NGƯỜI CHIẾN SĨ VÔ DANH – TRẦN QUỐC BẢO Richmond VA

84- XUÂN VÀ CUỘC ĐÓI ĐỜI & XUÂN
QUÁN TRỢ – NGUYỄN VÔ CÙNG

90 – TÌNH QUÊ ĐẤT QUẢNG –
TIÊN SHA-LÊ LUYẾN

95 – NHỚ MẸ – THANH THANH

107- GIỌT LỆ XUÂN – KHÊ KINH KHA

114- DẤU THỜI GIAN – NGUYỄN PHÚ
LONG

115 – PARIS CHIỀU HUẾ NHỚ –
TRƯỜNG ĐÌNH

126- ĐÊM XUÂN CHO NGƯỜI YÊU –
VŨ THÁI HÒA

150- XÔNG ĐÁT & DUYÊN XUÂN -
CAO NGUYỄN

162 – XUÂN, TẾT QUÊ NGƯỜI –
HOÀNG SONG LIÊM

163 – NGƠ NGÁC CÔI NGƯỜI – LUÂN
HOÁN /BEWILDERED ABROAD –
THANH THANH

172- MƠ XUÂN – QUỲNH ANH

173 – LE PRINTEMPS TARDIF DE
THUY TIEN – DIỄM HOA

178 – MẤY CÁI XUÂN TRÒN – ĐẶNG
NGUYỄN

188 – CHIỀU CUỐI NĂM – NGÔ VĂN
GIAI

201 - KIẾP PHÙ SINH & TÂM SỰ VỚI
TRĂNG – VƯƠNG THANH

218 – TẾT LY HƯƠNG – HOÀNG
TRÙNG DƯƠNG

HỘI HỌA, NHIỆP ẢNH:

1/ BÌA: –TRẺ CHƠI RỒNG RẪN –
Tranh: NGUYỄN THỊ HỢP

5- CUNG CHÚC TÂN XUÂN – Thư họa:
VŨ HỐI; Thơ: PHAN KHÂM

7 – BÉ HỘI ĐÓN TẾT – DIỄM HOA

21 – NGƯỜI CON GÁI ÂU CƠ... –
Tranh: NGUYỄN SƠN (Germany)

37 – THIẾU NỮ MÙA XUÂN – Tranh:
ĐÌNH CƯỜNG

53 – HỒI CÔ TÁT NƯỚC ... – Thư họa:
VĂN TẤN PHƯỚC (France)

97- NGHỆ THUẬT NHIỆP ẢNH CỦA
VŨ CÔNG HIỂN

107 – XUÂN VỀ TRÊN QUÊ HƯƠNG –
VŨ THÁI HÒA

116 – NGÀY XUÂN NHỚ HUẾ - Tranh:
THANH TRÍ

127 – TRANH & TEM TẾT – VI VI VÕ
HÙNG KIỆT

149- TRANH XUÂN CỦA TRƯỜNG VŨ

199 – VÀI HÌNH ẢNH MÙA ĐÔNG –
MINH CHÁU / PHAN ANH DŨNG

219- TẾT KỶ HỘI XEM MỘT SỐ
TRANH VỀ HEO

228 – THỦY TIÊN – HƯƠNG KIỀU LOAN

NHẠC:

13- XUÂN SANG TÔI VỀ NHÀ – LM
DUY LINH

39- QUÊ HƯƠNG - NIỀM ĐAU – HỒ
BẮNG

85- NHẠC PHẨM XUÂN THA HƯƠNG
của PHẠM ĐÌNH CHUÔNG – QUỲNH
GIAO

151- MÙNG XUÂN AN LẠC – Nhạc:
NGUYỄN TUẤN; Lời: thơ HẢI ĐÀ

164 – HẠNH PHÚC HÔM NAY 2 –
TRƯỜNG SA

GIỚI THIỆU SÁCH:

35 – “NHỮNG GIỌT LỆ TÌNH” của HẢI
BẮNG HDB & BẠCH CỨC NGUYỄN

51 – “TUYỂN TẬP THƠ NHẠC – NỖI
NHỚ NIỀM THƯƠNG” của NGUYỄN
THỊ NGỌC DUNG

220– “VĂN HỌC VIỆT NAM” của
TRẦN BÍCH SAN

VÀI LỜI CHÂN TÌNH

Thưa quý mạnh thường quân, độc giả
và quý văn, thi, họa, nhạc sĩ, biên khảo gia, nhiếp ảnh gia của Cỏ Thơm,

Sau khi tạp chí báo in số 83 phát hành vào ngày 26 tháng 1, 2019, chúng tôi lại kêu gọi các tác giả đóng góp bài vở cho Đặc san Cỏ Thơm online số 14. Tuy Tết Kỷ Hợi gần kề nhưng chúng tôi ngạc nhiên vì được nhiều tác giả hưởng ứng, gửi bài tới tấp! Để không phụ lòng các tác giả nên chúng tôi hăng hái làm việc trong tuần lễ Tết để số báo online này đến tay quý vị sớm. **Xin thành thật cảm ơn các tác giả nhiều và mong quý vị gửi món quà Tết này đến thân hữu yêu văn học nghệ thuật.**

Trong số báo 14 phong phú với nhiều bài về Xuân và Tết này có một số bài do thân hữu gửi đăng như trang 128: “Năm Hợi nói chuyện Heo” của cựu Giáo sư Nguyễn Châu (San Jose, California); trang 174: “Một Cảnh Mai Trắng Nở ...” của Tổng Mai (vùng Hoa Thịnh Đốn); trang 13: “Xuân Sang Tôi Về Nhà” của LM Duy Linh ... và nhiều họa phẩm thật đẹp của: *Nguyễn thị Hợp, Vũ Hối, Văn Tấn Phước, Nguyễn Sơn, Thanh Trí, Khánh Trường, Vũ Thái Hòa, Trương Vũ, Đinh Cường, Vi Vi Võ Hùng Kiệt*, cũng như bài viết đặc biệt về ảnh nghệ thuật của nhiếp ảnh gia Vũ Công Hiến ...

Về sách mới xuất bản, mời quý vị đọc bài viết của Bác sĩ Trần Văn Tích (Germany) ở trang 221 về quyển sách Văn Học Việt Nam của Biên khảo gia Trần Bích San (Louisiana); trang 35: Tập truyện “Những Giọt Lệ Tình” của Hải Bằng HDB & Bạch Cúc Nguyễn (Maryland); trang 51: Tuyển tập thơ nhạc “Nỗi Nhớ Niềm Thương” của Cựu Chủ Nhiệm Cỏ Thơm, Nguyễn Thị Ngọc Dung (Virginia), được phát hành online đầu tiên, nằm trong tủ sách của website Cỏ Thơm.

Cũng mời quý vị nghe CD “Tình Cổ Hương” với 15 ca khúc của cổ Nhạc sĩ/ cựu Đại Tá QLVNCH Nguyễn Văn Đông (1932-2018) do Tâm Hảo trình bày (trong phần Nhạc bên ngoài PDF) - để kỷ niệm ngày giỗ đầu (26 tháng 2 tức 11 tháng 1 âm lịch) của ông.

**THÂN CHÚC QUÝ VỊ NĂM KỶ HỢI NHIỀU MAY MẮN,
ĐÔI ĐÀO SỨC KHỎE VÀ AN VUI.**



PHAN ANH DŨNG
Richmond, Virginia USA

33
Cung chúc Tân Xuân

Xuân hăm xuân tươi nở nụ cười
Xuân tươi xuân rộn rộn vang tiếng cười
Xuân yên xuân mãn theo năm tháng
Xuân mộng xuân mơ gặp cõi lòng
Xuân cảm xuân hoài thơm ngát hương
Xuân hoa xuân hợp ngát hương nồng
Xuân phúc xuân ý muốn cung điền
Xuân bền xuân chờ cả núi sông

Phan Khâm
thư họa
Vũ Hối 2013



Vũ Hối



Phan Khâm

Xuân Viễn Phương

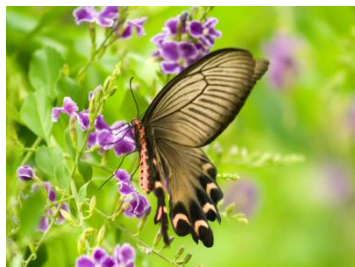
Vẳng đưa âm điệu khúc hoan ca
Cánh bướm vờn say bao sắc hoa
Chim hót líu lo mừng nắng mới
Ngày xuân êm ái mộng bay xa

Hạt sương lóng lánh vương cành lá
Buổi sáng choàng mình đón ánh dương
Tia nắng ban mai hồng thắm nụ
Đài hoa chớm nở nhẹ nhàng hương

Mẹ già tựa cửa ngắm hoàng hôn
Tưởng bóng con về nơi cuối thôn
Viễn xứ phương nào con có biết
Mẹ buồn hiu hắt cả tâm hồn

Khúc hát ân tình đượm ước mơ
Bên trời vương vấn mảnh tình thơ
Cung đàn ai dạo ngân trầm bổng
Lữ khách nghe chừng dạ ngẩn ngơ

ĐT Minh Giang



Mời nghe **Bạch Lan** hát “Xuân Viễn Phương”,
phổ nhạc: **Nguyễn Văn Thơ**
<https://www.youtube.com/watch?v=AKMAdVviXzI>

CHÚC TẾT

Tết đến ăn mừng anh lợn béo
Xuân về cầu chúc cháu con vui
Vấn thơ lai láng non sông thắm
Sách báo thơm tho hoa lá tươi.

NT Ngọc Dung (Virginia USA)

Mừng Xuân Kỷ Hợi, Xuân Vui,
Heo cười ủn ỉn ...Chúc Người AN KHANG
Cổ đeo nơ đỏ dịu dàng!
Cát Tường Xuân Mới Vinh An Muôn Nhà
Vườn sau nở trắng mai hoa,
Nghe trong ý gió... Tình Ca Xuân Hồng...

Tuệ Nga (Oregon USA)



Mừng Xuân Kỷ Hợi, Tết con heo
Phúc lộc tràn dâng, hạnh phúc nhiều
Đã có mạch ngầm đâu đấy chuyển
Vạn sự hanh thông, Sứ đổi chiều.

Nguyễn Thùy (France)



“Bé Hợi đón Tết” – Tranh: **Diễm Hoa**

XUÂN KHỞI ĐIỂM

** TRẦN QUỐC BẢO **

Mỗi năm khởi điểm bằng một mùa Xuân.

“Xuân khứ, Xuân lai, Xuân bất tận”, hàng muôn triệu Xuân qua, chìm vào dĩ vãng. Rồi hai ngàn năm cận đại cũng lặng lẽ trôi đi. Mới ngày nào, nhân loại còn e dè trước thềm Đệ tam Thiên niên kỷ; Thì vụt cái, nay “con tàu nhân loại” đã lướt mình qua 18 vòng “chu kỳ Thái dương hệ” rồi đó!

Và hôm nay, bước qua cái khoảnh khắc “thời gian tích tắc” mong manh nửa đêm Giao thừa, niên kỷ Mậu Tuất vĩnh viễn khép lại sau lưng. Chúng ta lại đang đứng ở khởi điểm của một mùa Xuân Mới – **Tân Xuân KỶ HỢI**.

Xuân đến, Xuân đi, Xuân lại đến ... cứ thế, thời gian vùn vụt qua mau ... Nhìn thời gian cuộn cuộn trôi đi tựa gió cuốn mây bay, chúng ta thường cảm nhận như khách nhân du, đứng trên cầu, nhìn xuống dòng sông nước chảy. Nhưng thật sự, cảm nhận bàng quan ấy không đúng, nó đánh lừa ta, bởi điểm đứng của con người không trên cầu cao; mà chính chúng ta ở trong con thuyền, đang cùng trôi đi với nước. – Trên sông thời gian, loài người đã dùng những con số, để ghi khắc dòng đời hữu hạn ngắn ngủi của mình, trong cái miên viễn vô cùng của Tạo Hóa.

“Tân Xuân KỶ HỢI” lại thêm một mùa Xuân Tha hương về, với nặng trĩu ưu tư trong lòng người vong quốc. - Nhưng dù ở hoàn cảnh nào, thì ngày Đầu Xuân, cũng vẫn là khởi điểm của Giai đoạn Mới; Một Hành trình Mới mà chúng ta sắp phải vượt qua.

Xin hãy hình dung “mỗi Năm” như một “cột-lô-mét” (kilomètre) có ghi niên kỷ mỗi năm, cạnh đường rầy xe lửa; Chúng ta, đoàn lữ hành trên xe, thường mang chung cảm tưởng, mình luôn luôn đứng yên tại chỗ; để mỗi lần chợt thấy “cột-lô-mét” vùn vụt chạy lùi lại sau, thì giật mình hiểu rằng chúng ta đang phóng tới trước với tốc độ nhanh không tưởng, và từ đó, niềm hoài vọng quá khứ, nổi bật khoả tượng lai tràn ngập tâm hồn. Xin mời nghe dòng Thơ: *Tâm tình cuối năm – của Thi sĩ Đinh Hùng*

*Từng cơn mưa lạnh đến dần
Đời chưa trang điểm, mà Xuân đã về
Hững hờ để nước trôi đi
Giấc chiêm bao hết, lấy gì mà say!
Quê ai đằm ấm đâu đây
Cho tôi về sống mấy ngày trẻ thơ
Ước gì trăng đón, gió đưa
Mặt chờ gặp mặt, tay chờ cầm tay*

*Cầm lòng nhận chút hương bay
Tình thương đất bạn, cỏ cây là người
Quê nhà ai sẵn nụ cười
Núi sông hiền hậu, mà trời bao dung
Cho tôi về hưởng Xuân cùng
Bao giờ hoa nở, thì lòng cũng vui.
(Tâm tình cuối năm – **Đình Hùng**)*

Lời thơ của “người xưa” , mà sao từng chữ, từng câu, nghe thiết tha, cay đắng ... như lời nói nội tâm của chính mình: ... “*Đời chưa trang điểm mà Xuân đã về! Hững hờ để nước trôi đi ...*” Hỡi ôi! cho tới ngày “mất nước”, lên đênh phiêu bạt quê người, ta mới nhìn ra và thấu triệt cái ý nghĩa bao hàm của thơ Đình Hùng – Thi nhân nay đã là “người thiên cổ” nhưng ý thơ, như lời tiên tri, thật quả vẫn chứa chan linh động.

“...*Cầm lòng nhận chút hương bay, Tình thương đất bạn, cỏ cây là người...*” Ở xứ người, ở đất bạn, trước bàn thờ Tổ Quốc. đỉnh trầm ngào ngạt hương bay, nỗi thương nhớ Quê nhà tràn ngập cõi lòng – nơi nào phần mộ Tổ Tiên, nơi nào con đường góc phố, quán làng thân yêu, nay tiêu điều hoang vắng. Niềm hoài hương dẫn ta vào kỷ niệm xa vời, với đình làng cũ, con đò xưa, với cô thôn nữ, mái tranh hiền và dàn thiên lý, đậu mừng tôi ...

Thi sĩ Hàn Mạc Tử đã phóng họa bức tranh Quê hương đó bằng Thơ như sau:

*Trong làn nắng ửng khói mờ tan
Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng
Sột soạt, gió treu tà áo biếc
Trên dàn thiên lý – bóng Xuân sang
Sóng cỏ xanh tươi, gợn tới trời
Bao cô thôn nữ hát trên đồi ...
Ngày mai trong đám xuân xanh ấy
Có kẻ theo chồng, bỏ cuộc chơi
Tiếng ca vắt vẻo lưng chừng núi
Hồn hể như lời của gió mây
Thắm thì với ai ngồi dưới trúc
Nghe ra ý nhị và thơ ngây
Khách xa gặp lúc mùa Xuân chín
Lòng trí băng khuâng chợt nhớ làng
Chị ấy năm nay còn gánh thóc
Dọc bờ sông vắng, nắng chang chang?
(Mùa Xuân chín – **Hàn Mạc Tử**)*

Từ trong tiềm thức mênh mông, hiển hiện hình ảnh nàng thôn nữ gánh thóc bên bờ sông vắng, hoặc cô gái quê tát nước dưới ánh trăng vàng

*Hồi cô tát nước bên đàng
Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi?
(Ca dao)*

Nỗi nhớ thương chồng chất, dào dạt như sóng trùng dương dội vào ghềnh đá, ta muốn vươn rộng hai tay ôm hết kỷ niệm vào lòng – như Hồ Dzếnh, Thi sĩ thời tiền chiến tha thiết nhắc lại như sau:

*Dài lúa cô trồng nay đã tươi,
Gió Xuân ý nhị vít bông cười
Ai hay lòng kẻ từng chăm lúa
Trong một làng con, đã héo rồi!*

*Cô gái Việt Nam ơi!
Ngọn gió thời gian đổi hướng rồi
Thế hệ huy hoàng không đủ xóa
Ngàn năm vắng vặc ánh trăng soi*

*Cô gái Việt Nam ơi!
Tứ thuở sơ sinh, lặn đạn rồi
Tôi biết, tình cô u uất lắm!
Xa nhau đành chỉ nhớ nhau thôi!*

*Tôi đến đây tìm lại bóng cô
Trở về đường cũ hái mơ xưa
Rau sam vẫn ,mọc chân rào trước
Sơn sắt, lòng cô vẫn đợi chờ*

*Cô chẳng bao giờ biết bướm hoa
Má hồng mơn tiết, mỗi phôi pha
Khi cô vui thú là cô đã
Bồng bé con thơ, đón tuổi già*

*Cô gái Việt Nam ơi!
Nếu chữ “hy sinh” có ở đời
Tôi muốn nạm vàng muôn khổ cực
Cho lòng cô gái Việt Nam tươi!
(Quê Ngoại – **Hồ Dzếnh**)*

Vâng, tôi muốn nạm vàng những hình ảnh nghèo nàn, khổ cực của cô gái Việt Nam, trên mảnh đất khô cằn sỏi đá, nơi Quê hương tôi. Tôi muốn tôn vinh hình bóng tiêu biểu của người thôn nữ, suốt đời im lặng cần cù, đã dệt nên lịch sử xa xưa của giống nòi tôi. Xin hãy nghe Nguyễn Bính, một Thi sĩ rất mực đa tình kể chuyện xưa:

*Nhà nàng ở cạnh nhà tôi
Cách nhau cái dậu mùng tơi xanh rờn
Hai người sống giữa cô đơn
Nàng như cũng có nỗi buồn giống tôi
Giá đừng có dậu mùng tơi
Thế nào tôi cũng sang chơi thăm nàng*

*Tôi chiêm bao rất nhẹ nhàng
Có con bướm trắng thường sang bên này
Bướm ơi!, bướm hãy vào đây
Cho tôi hỏi nhỏ câu này chút thôi ...
Chả bao giờ thấy nàng cười
Nàng hong tơ ướt ra ngoài mái hiên
Mắt nàng đăm đăm trông lên
Con bướm bướm trắng về bên ấy rồi!
Bỗng dưng, tôi thấy bồi hồi*

*Tôi buồn, tự hỏi ... Hay tôi yêu nàng?
-Không! ... từ ân ái lỡ làng
Tình tôi than lạnh, tro tàn làm sao!*

*Tơ hồng nàng chả cắt vào
Con bướm bướm trắng hôm nào cũng sang
Mấy hôm nay chẳng thấy nàng
Giá tôi cũng có tơ vàng mà hong
Cái gì như thế nhớ mong
Nhớ nàng? – Không! quyết là không nhớ nàng!
Vâng! Từ ân ái lỡ làng
Lòng tôi riêng nhớ bạn vàng ngày xưa
Tầm tầm, trời cứ đổ mưa
Hết hôm nay nữa, là vừa bốn hôm
Cô đơn, buồn lại thêm buồn
Tạnh mưa, bướm bướm hết còn sang chơi
Đêm qua ... Nàng đã ... chết rồi!
Nghẹn ngào, tôi khóc ... quả tôi yêu nàng!*

*Hồn trinh còn ở trần gian
Nhập vào bướm trắng mà sang bên này.
(Người hàng xóm – **Nguyễn Bính**)*

“Nàng” đã chết đêm qua? Ngẫu hứng của “người xưa” khơi lại, trùng hợp hình ảnh cận đại của “Người con gái Việt Nam da vàng”, tan vỡ trong bọt sóng trùng dương. Những xót xa, những ngậm ngùi, sao vương vấn mãi trên Quê hương đau khổ! – Nỗi buồn của người xưa, làm chạnh nhớ bài thơ Xuân, của cố thi sĩ Trần Quốc Thái (Colorado), có nhắc đến hai câu thơ Lý Bạch:

*“Cử đầu vọng minh nguyệt
Đê đầu tư cố hương”
Người xưa buồn thế ấy
Ta nay ôm hận trường!
(thơ **Trần Quốc Thái**)*

Mỗi sầu cố hương phải chăng là sầu vạn cổ. Huyền Kiêu, một thi sĩ thời tiền chiến, uống rượu tiêu sầu, nhìn trăng Xuân mà ngâm:

*Thức suốt đêm trường không nói năng
Ngậm ngùi chén rượu ánh vàng trăng
Người xưa lưu luyến ra sao nhi
Có giống như mình lưu luyến chẳng?
Sớm biệt ly nhau không nhớ nhau
Nửa đêm chợt tỉnh bỗng đứng sầu*

*Trăng mùa Xuân đó ai tâm sự?
Anh đã xa rồi, anh biết đâu !
(Tương dạ biệt – **Huyền Kiêu**)*

Chúng ta xa thật rồi! - Xa Dân tộc, xa Quê hương ... Nhưng không xa Tổ Quốc, vì Tổ Quốc linh thiêng, ở trong lòng chúng ta. Còn hơi thở, còn tiếng nói, thì ta còn ngưỡng vọng, tôn thờ Tổ Quốc Việt Nam của ta. Không ai có thể tách rời ta với Tổ Quốc, với Việt Nam yêu quý ngàn đời trong ta.

Thi sĩ Vũ Hoàng Chương đã hạ bút viết những lời đấng cay chua xót về Quê hương và thân phận mình như sau:

*Ta còn để lại gì không
Kìa non đá lở, này sông cát bồi
Lang thang từ thuở luân hồi
U minh nẻo trước xa xôi dặm về
Trong ta, bến hoặc bờ mê
Nghìn thu nửa chớp, bốn bề một phương
Ta van cát bụi bên đường
Dù nhớ, dù đọc ... đừng vương gót này
Để ta trọn một kiếp say
Cao xanh liêu một cánh tay níu trời
(Nguyễn cầu – **Vũ Hoàng Chương**)*

Trên con tàu thời gian, chúng ta - đoàn lữ hành Việt Nam di tản – nhìn về quá khứ, đã bao Xuân đi qua trong nhịp điệu lác lác êm đềm của con tàu. Nhìn ra chung quanh ... “Kìa non đá lở, này sông cát bồi” Tự hỏi mình: Chúng ta sẽ lang thang thế này cho tới bao giờ? và tới đâu? – chẳng lẽ điểm đến lại là “bến hoặc, bờ mê” ?

Không! Không thể như thế! – Chúng ta phải giành lấy tay lái, phải hướng con tàu về Tổ Quốc vinh quang. Phải tìm cho ra Con đường hoa mộng vào đời! nếu chẳng phải đời ta, thì đời con cháu chúng ta. Nghĩa là chúng ta phải trang điểm đẹp cho cuộc đời di tản. Xin đừng để bụi đường làm hoen ố gót chân và tâm hồn người Việt tha hương.



Một ngày nào đó, không xa: chúng ta, chẳng phải một cách tay, mà hàng trăm triệu cánh tay, đồng bào trong nước, ngoài nước, cùng giơ lên biểu lộ ý chí, quyết một lòng vùng dậy cứu lấy Quê hương - Ngày ấy sẽ đến và phải đến, đó mới chính thật “**Ngày Khởi điểm Mùa Xuân Dân Tộc Việt Nam**”.

Trần Quốc Bảo
Richmond, Virginia

XUÂN SANG - TÔI VỀ NHÀ

Duy Linh

Xuân sang như bao năm tôi lại về nhà thăm ông
Xuân sang tôi không quên ước mong một điều cho bao
bà, thăm cha mẹ, thăm thôn xóm dấu yêu của tôi.
người đang xa nhà được vui Tết giống như là tôi đây.
Tôi đi đã bao nơi biết bao con đường, biết bao phố
Tôi mơ, ước mơ sao chẳng ai lao tù, chẳng ai ven
phường, nhưng quê nhà có bao con đường góc ngách tôi không quên.
đường, đêm giao thừa có cha và mẹ cùng đón vui Tân Niên.
Mùa Xuân là Tết Tết Tết, trẻ con thì vui vui vui, thế nhưng mẹ
cha lắng lo nhiều thứ tốn bao nhiêu tiền. Mùa Xuân mình
chúc chúc chúc chúc cho một năm an vui, chúc bao gia
đình tràn tình yêu, phúc đức, phát tài.

Tốp Ca Đa Minh trình bày:
"XUÂN SANG-TÔI VỀ NHÀ"

Nhạc: **LM Duy Linh**

<https://www.youtube.com/watch?v=8coDnJ6cndI>



CHẤM ĐIỂM RƯỢU NHO

** Phạm Văn Tuấn **

1/ Vài nét lịch sử.

5,000 năm về trước, người Ai Cập và người Babylon đã biết tới rượu nho. Các hình vẽ đồ họa được tìm thấy tại Ai Cập đã mô tả người dân vào thời đại đồ đá hái nho và chứa rượu nho trong các bình bằng đất. Thánh Kinh cũng nói tới việc làm rượu nho tại vùng đất Canaan, nơi mà ngày nay là xứ Palestine. Các sắc dân Hy Lạp và La Mã dùng nhiều rượu nho và sự việc này được đề cập trong các bài văn và ghi trong các bức họa. Khi đi xâm chiếm, người La Mã đã trồng nho trên các miền đất mà ngày nay thuộc các quốc gia Áo, Pháp và Đức.

Đạo Thiên Chúa bành trướng tại châu Âu trong thời gian từ năm 500 sau Tây Lịch tới năm 1400, đã khuyến khích người dân thuộc nhiều địa phương làm ra rượu nho để dùng trong các buổi lễ tôn giáo rồi từ năm 1500, các nhà thám hiểm và người di cư châu Âu đã đưa các giống nho tới trồng tại các miền đất mới, là các xứ Argentina, Úc, Brazil, Chile, Mỹ Tây Cơ, Tân Tây Lan, phía nam châu Phi và Hoa Kỳ.

2/ Các loại rượu.

Rượu nho (wine) là đồ uống làm bằng nước nho nhưng cũng từ các thứ trái cây khác như táo, lê và từ loại thảo mộc gọi tên là "bồ công anh" (dandelion). Rượu nho được dùng trong bữa ăn, trong các nghi lễ tôn giáo, trong y khoa và trong khi nấu ăn.

Rượu nho được chia ra làm 4 loại:

- (a) loại dùng tại bàn ăn (table wines),
- (b) loại sủi bọt (sparkling wines),
- (c) loại có độ rượu cao (fortified wines) và
- (d) loại có hương vị (flavored wines).

Trong phần lớn các loại rượu nho, thể tích rượu từ 7 tới 14 phần trăm nhưng trong loại có độ rượu cao, tỉ lệ này từ 18 tới 24 phần trăm.

Rượu nho dùng tại bàn ăn là loại phổ thông nhất, lại được chia thành ba thứ: đỏ, trắng và hồng. Nước ngọt từ trái nho ép ra, có màu vàng hay lục nhạt, rồi có màu đỏ hay nâu do vỏ của trái nho. Thông thường, rượu nho trắng được làm từ loại nho màu trắng còn rượu nho đỏ và hồng từ loại trái nho đỏ hay tím, nhưng cũng có loại rượu nho trắng làm từ trái nho đỏ và được gọi là "blanc de noir".

Ngoài nồng độ rượu bên trong, rượu nho còn có độ ngọt. Loại rượu nho thiếu độ ngọt được gọi là "chát" (dry). Vài thứ rượu nho trắng rất ngọt. Các loại rượu nho trắng và hồng được xếp hạng từ ngọt đến chát

và phần lớn rượu nho đỏ không ngọt. Rượu nho còn có thứ chứa bọt khí carbon dioxide, thí dụ loại rượu Champagne. Đây là loại rượu được dùng vào các dịp yến tiệc. Loại rượu nho có độ rượu cao (fortified wines) thường được dùng sau bữa ăn và được chia thành hai thứ chính (port và sherry).

Ngoài màu sắc, rượu nho còn có hương vị (flavor) từ loại trái cây gốc. "Vermouth" là loại rượu nho trắng có hương vị được thảo (herb). Loại rượu nho "khai vị" (flavored wines) thường được dùng trước bữa ăn.

3/ Cách chế tạo rượu nho.

Ngày nay, phần lớn rượu nho được làm từ giống nho "vitis vinifera", có gốc từ miền Trung Đông. Giống nho này đã phát triển tại châu Âu và miền Tây Hoa Kỳ, được trồng tại các miền đất mát (cool) nhưng không lạnh. Tại miền đông Hoa Kỳ và xứ Canada, giống nho vinifera được lai tạo với giống vitis riparia và vitis labrusca để thành loại cây nho chịu đựng được thời tiết lạnh. Do từ các giống nho khác nhau, rượu nho được nói rõ về nguồn giống (varietals), chẳng hạn các loại rượu Chardonnay, Cabernet Sauvignon và Pinot Noir. Rượu nho làm tại châu Âu được phân loại theo danh từ địa phương, chẳng hạn như Burgundy hay Bordeaux thuộc nước Pháp.

Ngày nay, nhiều quốc gia đã sản xuất ra được các loại rượu nho danh tiếng như Pháp, Ý, Đức, Hoa Kỳ, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha. Rượu nho của nước Pháp có danh tiếng nhất vì điều kiện trồng trọt và vì phương pháp làm rượu. Các miền làm rượu danh tiếng của nước Pháp là Bordeaux ở tây nam, Burgundy ở miền đông và trung tâm, và Champagne thuộc phía đông của Thủ Đô Paris.



Tại vùng Bordeaux, người ta làm ra các loại rượu nho đỏ, không ngọt (dry), danh tiếng như Cabernet Sauvignon và Merlot, và cũng có loại rượu nho trắng Semillon và Sauvignon. Rượu nho đỏ của miền Burgundy được làm từ thứ trái nho Pinot Noir trong khi loại trắng từ nho Chardonnay. Hai thứ nho Chardonnay và Pinot Noir cũng là

căn bản của loại rượu nho nhiều bọt Champagne.

Nước Ý cũng trồng nhiều nho. Loại rượu nho đỏ từ giống nho Nebbiolo của miền Piedmont thuộc tây bắc nước Ý, có tên là Barolo và Barbaresco, còn loại rượu nho trắng với tên là Gavi từ giống nho Cortese. Chianti là loại rượu nho phổ thông nhất của nước Ý, được làm từ giống nho Sangiovese trồng tại miền trung tâm Tuscany và Umbria.

Nước Đức cũng có các loại rượu nho danh tiếng, chẳng hạn loại rượu nho trắng từ giống nho Riesling hay Sylvaner, trồng trên các miền dọc theo các giồng sông Rhine, Moselle và Nahe. Miền thung lũng Douro tại

phía bắc nước Bồ Đào Nha là nơi đầu tiên trồng loại nho để làm ra loại rượu nho cao nồng độ được gọi là "Port", có màu đỏ đậm hay màu trắng. "Sherry" là loại rượu nho trắng cao nồng độ, có màu vàng lợt tới nâu, độ ngọt nhiều và ít, đầu tiên được làm tại xứ Jerez thuộc miền tây nam nước Tây Ban Nha.

Tại Hoa Kỳ, 90 phần trăm rượu nho được sản xuất từ tiểu bang California. Các tiểu bang khác cũng làm rượu như New York, Virginia, Oregon và Washington. Tại tiểu bang California, người ta trồng cùng giống cây nho vinifera như của châu Âu và các miền trồng nho quan trọng là các thung lũng Napa và Sonoma ở phía bắc của Vịnh San Francisco, miền bờ biển giữa tiểu bang và thung lũng San Joaquin.

Rượu nho được chế tạo theo nhiều bước. Quyết định của các nhà làm rượu đã ảnh hưởng tới đặc tính cuối cùng của loại rượu. Nhà làm rượu phải quyết định giống nho và thời điểm hái nho. Trái nho thường được hái vào mùa thu và độ chín của trái nho được căn cứ từ lượng đường bên trong cũng như từ các yếu tố như độ axit, mùi (aroma) và vị (flavor). Vào mùa thu hoạch, người ta hái nho bằng tay hay bằng máy và thời tiết thuận lợi cũng khiến cho rượu nho có phẩm chất cao.

Trái nho được chuyển về nhà máy, được tách khỏi cuống và được ép thành nước ngọt gọi là "nước cốt" (must). Khoảng thời gian tiếp xúc giữa nước cốt và vỏ trái nho đã ảnh hưởng tới màu và vị của loại rượu nho. Nước cốt nho sau đó được đổ vào các thùng chứa để lên men và trong khi làm rượu nho đỏ, vỏ nho và hạt nho còn ở lại trong nước cốt khi lên men. Trong giai đoạn lên men, men rượu (yeast) đã biến đổi "đường glucose và fructose" thành "rượu ethanol và khí carbon dioxide". Đây chính là loại bọt sủi lên trong rượu. Vài loại men rượu có tự nhiên trên loại vỏ trái nho. Các nhà làm rượu nho thuộc châu Âu ưa dùng loại men tự nhiên này nhưng tại Hoa Kỳ và nhiều quốc gia khác, người ta đã cho thêm chất men lúc bắt đầu thời kỳ lên men. Men rượu cũng ảnh hưởng tới mùi và vị của từng loại rượu.

Khi rượu lên men, nhiệt độ cũng sinh ra. Người ta thường giữ nước nho trắng lên men ở nhiệt độ 15 độ C (59 độ F) từ 4 tới 6 ngày và nước nho đỏ ở 30 độ C (86 độ F) từ 12 tới 18 ngày. Nhiệt độ này đã ảnh hưởng tới thời gian lên men, độ thơm và các đặc tính hương vị. Rượu nho còn được lên men lần thứ hai gọi là sự lên men "malolactic" qua đó "malic acid" được đổi thành "lactic acid". Trong thời kỳ lên men, nước rượu trở nên đục.

Các nhà làm rượu đã dùng cách lọc, cách lắng và máy ly tâm (centrifuge) để làm cho nước rượu trong, nhờ việc loại ra men rượu và các chất không cần đến. Sau đó, nước rượu được chứa trong các thùng thép không rỉ sét hay thùng gỗ. Các thùng gỗ được dùng chứa rượu, đã khiến cho rượu có mùi vị đặc biệt. Độ lớn của thùng chứa, tuổi của loại gỗ, nhiệt độ chứa và độ ẩm, thời gian ngâm rượu... là vài yếu tố ảnh hưởng. Các nhà làm rượu còn giữ cho nhiệt độ gần độ đông lạnh để loại ra thứ muối potassium bitartrate, cách làm này tránh cho rượu khi đã

đóng chai không có các tinh thể muối (crystals). Rượu đã vô chai còn được lưu giữ một thời gian nhờ đó nước rượu trở thành dịu ngọt và hương vị tăng thêm.

Loại rượu nho có độ rượu cao như "port" và "sherry" được cho thêm rượu nặng (brandy) lúc lên men. Loại rượu nho sủi bọt có thời kỳ lên men lần thứ hai kéo dài từ 4 tới 8 tuần lễ và nhà làm rượu đã chêm thêm men rượu và đường vào nước rượu trước khi đóng chai.

4/ Cuộc chấm điểm rượu Champagne.

Trong hàng thế kỷ, rượu nho của nước Pháp vẫn được coi là đứng đầu trên Thế Giới. Tại Hoa Kỳ, một chai rượu nho của nước Pháp loại ngon dễ dàng bán trên \$100 trong khi loại rượu nho hạng nhất của miền California khó lòng vượt qua được trị giá \$50, lại còn bị xếp trên kệ gần với các túi khoai chiên, túi bắp rang...



Từ lâu, người Pháp vẫn cho rằng loại rượu nho sủi bọt chỉ có thể được chế tạo tại miền Champagne của nước Pháp do bởi đặc tính địa phương của nơi này. Đất trồng nho tại vùng Champagne thuộc loại đá vôi (chalky soil), đã giúp cho rễ cây nho khô và hút được nhiều chất khoáng đặc biệt, ảnh hưởng tới mùi vị của loại rượu nho sủi bọt. Thời tiết của miền trồng nho này cũng khác lạ, thường mát lạnh 50 độ F, và mùa nho chín chậm chạp đã khiến cho trái nho tương đối thấp độ đường và cao độ acít. Ông Jean-Louis Carbonnier của Văn Phòng Rượu

Nho Sủi Bọt (The Champagne Wines Information Bureau) đã tuyên bố rằng "loại rượu từ thứ nho này rất sắc sảo và nhiều mùi vị".

Tại Hoa Kỳ và trong tiểu bang California, nho để làm rượu được trồng trong thung lũng Napa (the Napa Valley) và loại rượu nho sủi bọt chế tạo tại miền này phải ghi rõ trên nhãn là "Napa Valley Champagne". Các tạp chí về rượu nho vẫn xếp hạng rượu nho của nước Pháp cách biệt với rượu nho của vùng California và người ta thường coi là một "lỗi lầm" (a sin) nếu trong một căn phòng ăn mà mở một chai rượu nho sủi bọt (champagne) của Pháp cùng với một chai rượu nho tương tự của miền California bởi vì hai thứ này được kể như "trái táo khác với trái cam!". Lỗi lầm mở hai thứ rượu kể trên tại cùng một nơi đôi khi đã xảy ra. Nhà nghiên cứu về rượu nho Karen McNeil thường đổ 6 ly rượu nho loại sủi bọt, gốc miền California và miền Champagne của Pháp rồi mời các nhà sành rượu lựa chọn, kết quả là loại ngon nhất không hẳn từ nước Pháp!

Vào dịp mỗi cuối năm, nhiều người đang lo mua rượu ngon để chào mừng Năm Mới. Trong năm 2000, số lượng rượu nho bán ra đã tăng lên 90 phần trăm nhưng loại sủi bọt chưa tới độ khan hiếm. Để xếp hạng 5 loại rượu nho sủi bọt (champagne), Tuần Báo Newsweek đã nhờ ông

Hersom tổ chức một cuộc chấm điểm vào cuối năm 2000 tại Nhà Hàng "Le Cirque 2000" trong thành phố New York với các vị giám khảo là Paul Altuna, người chọn rượu (sommelier) trong Nhà Hàng Le Cirque, Roberta Morell của cửa hàng rượu Morrelli & Co., Paul Grieco, quản lý đồ uống của Quán Rượu Gramercy, Tara Thomas, nhà biên tập thâm niên của Tạp Chí "Rượu Nho và Rượu Mạnh" (Wine & Spirits Magazine), Michael Lomonaco, đầu bếp chính của Nhà Hàng Windows on The World và Rozanne Gold, tư vấn các nhà hàng ăn.

Các vị giám khảo ngồi trước 5 ly rượu nho sủi bọt không có nhãn, đó là ba thứ rượu của Pháp Dom Pérignon năm 92, Veuve Clicquot Grande Dame năm 90 và Cristal năm 93, và hai thứ của miền California là J. Schram năm 92 và Roederer Estate L'Hermitage năm 92. Kết quả của cuộc chấm thi như sau:

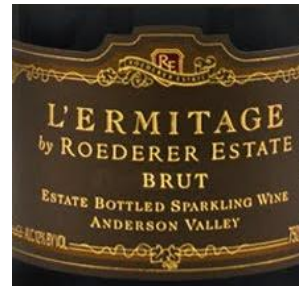
Hạng nhất: Roeder Estate L'Hermitage của miền California, giá \$29.95 một chai.

Hạng hai: Roeder Cristal của Pháp, giá \$170 một chai.

Hạng ba: Veuve Clicquot Grande Dame của Pháp, giá \$99.95 một chai.

Hạng tư: Schramsberg J. Schram của miền California, giá \$65 một chai.

Hạng năm: Dom Pérignon của Pháp, giá \$109 một chai.



Trong khi chấm điểm, vài vị giám khảo đã không nhận thấy sự khác biệt giữa hai loại rượu nho sủi bọt của nước Pháp và của miền California. Chắc chắn rằng Rượu Nho của Nước Pháp vẫn là "vô địch" nhưng nếu xem xét với tinh thần cởi mở, nếu cân nhắc về giá cả, loại rượu nho của miền California đang gây được uy tín./.



Phạm Văn Tuấn

MỪNG ĐÓN XUÂN SANG

Hãy vui đi quý bạn vàng,
Đón Xuân Kỷ Hợi rộn ràng ca vang.
Mai, Đào, Lan, Huệ cao sang
Ngàn hoa Hồng thắm đón nàng Xuân tươi.

Bạn ta sáu chục bẩy mươi,
Mừng Xuân hội ngộ nụ cười thắm môi.
Nghèo giàu vui khổ đủ rồi,
Mừng nhau sức khỏe: đứng, ngồi bình an.

Không nằm một chỗ mê man,
Bạn bè thăm hỏi, cầu an ích gì?
Trời cho còn khỏe vui đi.
Xin mời quý bạn nâng ly, cạn nào.

Tháng năm còn lại là bao?
Dù cho "trăm tuổi" sẽ ào qua đi.
Khi sanh, trần trụi có gì?
Đến khi già chết cũng thì tay không.

Đắt trời vũ trụ mệnh mông,
Đòi người giấc mộng, bạn trông đợi gì?
Bình an vui, khỏe, xuân thì.
Ta cùng trải hội mỗi khi Xuân về!



Thái Hưng PGH



“Người con gái Âu Cơ Việt Nam. Một đời biết ơn em”

Tranh sơn dầu trên bố 85cm x 100cm: **Nguyễn Sơn (Germany)**

NHỚ QUÊ HƯƠNG ...

(Trích trong tập truyện “Sống & Chết ở Sài Gòn”
của Hoàng Hải Thủy – 2002)

... Sáng nay mưa vẫn rơi trên Rừng Phong.

Người tha hương lúc nào cũng nhớ quê hương.

Tết đến. Tết là dịp đoàn tụ gia đình. Tết đến, người tha hương nhớ thương quê hương hơn. Những lời thơ Thanh Nam ray rứt trong tim tôi:

Ôi cố hương xa nửa đũa cầu

Ngàn trùng kỷ niệm vẫn theo nhau.

Đâu đây trong khói trầm thơm ngát

Hiện rõ trời xuân một thưở nào.

...

Tỉnh cơn mê sáng âm thầm

Ngó ra đất khách mưa xuân hững hờ

Tháng Tư, cơn sốt đầu mùa

Gọi trong tiềm thức những giờ oan khiên

Ghé thân lữ thứ trăm miền

Nỗi buồn nào cũng mang tên Sài Gòn-

...

Kể từ năm 1956, tôi viết tiểu thuyết đều đều cho các nhật báo, tuần báo. Mỗi năm cứ đến những ngày gần Tết, các thợ viết chuyên nghiệp như tôi lại bận rộn với việc viết những bài gọi là bài Xuân, bài Tết để đăng báo Xuân, báo Tết. Việc làm ấy của tôi đột ngột ngừng năm 1975. Hai mươi năm trời sống ở quê hương - trong số có tám năm mòn mỏi trong tù - tôi đã tưởng đời tôi không còn bao giờ được hưởng lại hạnh phúc cuối năm viết bài Xuân, hạnh phúc đọc những bài Xuân của mình đăng trên báo Xuân. Nhưng rồi một sáng cuối thu bánh xe lãng tử đưa vợ chồng tôi đến Rừng Phong, Thành Hoa, Xứ Kỳ Hoa, Tây Vực. Mỗi năm cứ đến những ngày gần Tết tôi lại được hưởng hạnh phúc viết bài Xuân.

Năm năm cứ đến ngày gần Tết

Lại viết bài Xuân đăng báo Xuân.

Chẳng thấy Xuân đâu, chưa thấy Tết

Đã rộn bài Xuân, loạn báo Xuân!

Tha hương cóc có ba ngày Tết

Mít vẫn hè nhau Tết với Xuân!

*Mấy chục mùa Xuân, mấy chục Tết
Đời chẳng còn Xuân vẫn phải Xuân.
Hoài niệm quê hương thời có Tết
Ngậm ngùi tưởng nhớ viết thương Xuân-*

...

Như đã nói, bốn năm sau ngày đến Mỹ tôi mới có ba tập Thơ Thanh Nam "Đất Khách", Thơ Mai Thảo "Ta Thấy Hình Ta Những Miếu Đền", Thơ Duyên Anh "Em Tôi Saigon Và Paris". Tôi tìm hình ảnh xuân, tình xuân trong những tập thơ ấy.



Thanh Nam, Mai Thảo, Duyên Anh

Trong ba người, Thanh Nam có nhiều thơ về Tết, về Xuân nhất, Thơ Thanh Nam làm tôi xúc động, cảm khái nhất, như những câu:

*Đất khách năm tàn vẫn gió mưa
Ngồi bên ly rượu đón giao thừa
Nhìn qua khung cửa mờ hơi nước
Chợt nhớ mưa phùn đất Bắc xưa-
-Ôi cố hương xa nửa địa cầu
Ngàn trùng kỷ niệm vẫn theo nhau
Đâu đây trong khói trầm thơm ngát
Hiện rõ trời xuân một thuở nào-*

Những năm 1980 ở Sài Gòn, tôi đã được nghe vài câu trong bài "Thơ Xuân Đất Khách" của Thanh Nam. Năm 1994 khi sang đến Hoa Kỳ, tôi mới được đọc toàn bài. Từ đó, tôi cho đây là bài thơ tả tâm trạng người Việt tha hương hay nhất:

*Tờ lịch đầu năm rớt hững hờ
Mới hay năm tháng đã thay mùa
Ra đi từ thuở làm ly khách
Sầu xứ hai xuân chẳng đợi chờ
Trôi dạt từ đông sang cõi bắc
Hành trình trơ một gánh ưu tư*

*Quê người nghĩ xót thân lưu lạc
Đất lạ đâu ngờ buổi viễn du
Thức ngủ một mình trong tủ nhục
Dặm dài, chân mỏi, bước bơ vơ
Giống như người lính vừa thua trận
Nằm giữa sa trường nát gió mưa
Khép mắt cố quên đời chiến sĩ
Làm thân cây cỏ gục ven bờ
Chợt nghe từ đáy hồn thương tích
Vẳng tiếng kèn truy điệu mộng xưa*

Không có nhiều ý thơ Xuân, thơ Tết trong tập "Ta Thấy Hình Ta Những Miếu Đền" của Mai Thảo. Ngoài bài thơ Trừ tịch, đây là mấy bài thơ khác của Mai Thảo:

Mừng tuổi

*Em vẫn trăm xuân mừng tuổi mới
Tuổi của thêm sương tuổi chúng mình
Cùng lẫn không tiếng về nơi ấy
Tăm cá không còn cả bóng chim*

Cuối năm

*Tận ngữ tim lung một tỉnh từ
Tuồng còn sót lọt ở phần thư
Đập tay điệu thuốc tàn không rụng
Đã lượng đời voi tới đáy ư?*

Tin xuân

*Những bầy chim én báo tin xuân
Không tới. Đài Xuân vẫn trắng ngần
Sao phải đợi chờ chim én báo
Một đóa vui người đủ tuyết tan.*

...



Hoàng Hải Thủy

MÙA XUÂN RU THƠ

Mùa Xuân, Gối Mộng Ru Thơ
Ru Em, Áo trắng bên bờ ly tao
Ru hời, tiếng Mẹ Ca Dao
Bốn mùa mưa nắng
dạt dào Tình Thương...

Ru đời qua khúc nhiều nhưng!
Ru Mùa Xuân cũ,
nắng vườn tuổi thơ
Ru non nước đẹp đôi bờ
Ru đồng lúa ngát
tiếng hò nhật khoan

Ru Tình Dân Tộc mệnh mang...
Ru Tâm Tĩnh Lặng
đạo vàng hướng tâm
Ý đời Vi Diệu Huyền Âm
Hoa Nhân Ái
nở đẹp vẫn Thơ ngoan

Nắng Xuân trải khắp nhân hoàn ...
Việt Nam Ngày Mới,
Việt Nam Thanh Bình
Mùa Xuân gối mộng ru tình
Hương Xuân lãng đãng cho mình,
Vào Thơ

Trầm Hương tỏa ngát dòng mơ
Hương Xuân trải thắm
đôi bờ đại dương
Mùa Xuân, Mùa Xuân Quê Hương,
Hồi Chuông Kính Tạ Bốn Phương
AN BÌNH

Mùa Xuân Hoa Nắng lung linh
Ru Thơ, Ru Mộng...
Ru Tình Nhân Gian ...
Qua Bao Dâu Bể Lầm Than!
Hồi Sinh Quê Mẹ,
Cờ Vàng Xuân Hoa...

Năm Châu về Hạp Một Nhà
Bài Thơ Nắng Mới,
Trường Ca Xuân Hồng...
Tiếng Thơ vang vọng tầng không
Việt Nam Thịnh Hội...
Muôn Lòng Reo Ca...

Ơi Việt Nam, Mùa Xuân Hoa...
Tương Phùng Vẫn Hẹn
Nắng Mùa Đoàn Viên ...

Tuệ Nga Diệu Minh
Thành Phố Hoa Hồng
Mùa Xuân Kỷ Hợi – Oregon 2019





QUỲNH NƯƠNG - TRANH: HỌA SĨ **THANH TRÍ** (SACRAMENTO)

quỳnh nương

Em là câu hát lời ca
Hay là bóng dáng loài hoa sớm tàn
Dưới trăng một đóa đài trang
Áo bay trắng xóa,
Tơ vàng thoảng hương

Em khoe hưng phấn vô thường
Xiêm y hé mở
Quỳnh nương rạng ngời
Môi em vừa điểm nụ cười
Mắt em vội khép cho đời tiếc thương

Thanh Trí
Sacramento , U.S.A.

Lễ Tết là một biểu hiện của văn hóa xã hội.

Hầu hết các sắc dân đều có lễ Tết, nhưng ngày cử hành khác nhau.

Tục lễ Tết của dân Lạc Việt nước ta không rõ có tự bao giờ. Nhưng qua các truyền thuyết, Tết đã xuất hiện từ đời các Vua Hùng tức khoảng 2500 năm trước Tây Lịch.

Ở Á Châu chỉ có người Việt, Trung Hoa, và Đại Hàn ăn Tết Nguyên Đán vào ngày Một tháng Giêng âm lịch.

Từ năm 1873 đời Minh Trị Thiên Hoàng Thứ VI, người Nhật đổi theo Tây Lịch nên họ ăn Tết vào ngày mùng Một Tháng Một dương lịch - một biểu hiện Nhật Hoàng muốn canh tân xứ sở.

Người Miên và Lào khai Tết vào khoảng tháng Ba hoặc Tư dương lịch.

TẾT NGUYÊN ĐÁN (Kỷ Hội 5/2/2019)

TẢN MẠN về TẾT CUNG ĐÌNH - LỊCH PHÁP
- Hải Bằng.HDB & Bạch Cúc

*



KỶ HỘI KHAI XUÂN (2019)

*

**CUNG CHÚC TÂN XUÂN
GIA GIA TÂN TIẾN
NHÂN NHÂN TÂN TÂM
KỶ HỘI TÂN TOÀN**

Những cái Tết cổ truyền đầy hương vị ngọt ngào, ấm cúng, và thanh lịch của dân tộc ta nay chỉ còn là “vang bóng một thời”.

Bây giờ Tết chỉ còn là cơ hội để tưởng nhớ, nghỉ ngơi, xum họp, hay đi chơi đây đó. Người ta cũng làm biếng không còn gửi thiệp mừng xuân nữa.

Tuy vậy, Cộng đồng nhiều nơi vẫn nỗ lực tổ chức những ngày vui đón xuân đặc biệt là các hội chợ rất nhộn nhịp. Nhưng tâm tư nhiều người vẫn còn trăn trở vì quê hương Việt vẫn còn là ngục tù tâm tối, ngục lặn trong loại văn hóa nghịch hướng.

*

Lễ Tết được cử hành vào đúng giao điểm của năm cũ và năm mới gọi là Giao Thừa.

Đó là lúc **Trời** (Dương) và **Đất** (Âm) giao hòa để tái tạo một nguồn sinh lực cho vạn vật muôn loài trong một *chu kỳ mới của sự sống*. Ngày đó được coi như là *Ngày Sinh*: mỗi người được thêm một tuổi, và mùa đó là *Mùa Xuân*: mùa vạn vật tiếp nhận tinh lực mới nơi Trời Đất để sự sống tiếp tục nảy nở.

Trong niềm tin đó, mọi người đều hân hoan chuẩn bị đón Tết, đón Xuân bằng cách sơn phết lại nhà cửa, may sắm quần áo mới, thanh toán các công nợ, dọn tâm và thân cho sạch sẽ, chuẩn bị lễ vật tinh khiết để cúng tế tạ ơn Trời Đất, Thần Linh, và Tổ Tiên trong Lễ Giao Thừa.

Tục lệ ngày Tết thường gồm có: **cúng Ông Táo vào ngày 23 tháng Chạp; dựng Nêu và hạ Nêu (Maypole), viết câu đối, khai bút, nấu bánh chưng, đốt pháo, múa lân, hái lộc, xông nhà, mừng tuổi và lì xì, trưng hoa, và trưng tranh Tết.**

Từ thành thị đến khắp thôn quê, các hội hè, đình đám được mở ra vui xuân trong ba ngày Tết, và có chia ra:

*Mồng Một thì ở nhà cha
Mồng Hai, nhà mẹ
Mồng Ba nhà thầy*

Tuy vậy có nơi vui xuân kéo dài tới cả tháng: “Tháng Giêng ăn Tết ở nhà; Tháng Hai trồng đậu; tháng Ba trồng cà...” Tuy nhiên, thời thế đổi thay qua nhiều lớp “phế hưng”, nhiều thú vui xuân ngày trước dường như chỉ còn là những hoài niệm nhất là đối với những người Việt ở hải ngoại.

*

Vài Nét về Tết Cung Đình Ngày Xưa

Trích: *Việt Nam Gấm Hoa* (Hương Giang Thái Văn Kiểm, nxb: 1997, Làng Văn of Canada, Inc.)

Tết của vua quan phải diễn tiến theo những nghi thức được ấn định trong **Hội Diên Sự Lễ** và sự sắp đặt của Bộ Lễ cùng sự chọn ngày tháng tốt của **Khâm Thiên Giám**.

Lễ phải đi đôi với Nhạc vì Lễ là trật tự bên ngoài, còn Nhạc là trật tự bên trong. Mọi tổ chức xã hội ngày xưa đều phải theo đúng Lễ Nhạc, tức là hoà hợp cả ngoài lẫn trong, cả vật chất lẫn tinh thần, nhằm thực hiện được sự điều hòa, cân phân và quân bình trong xã hội.

Ngoài ra, cơ quan Khâm Thiên Giám có nhiệm vụ quan sát vũ trụ, thấu đáo Kinh Dịch và Bói Toán để chọn ngày giờ thuận lợi nhất cho sự diễn hành các tiết lễ. Sự liên hệ chính yếu là **Tam Tài: Thiên-Địa-Nhân**. Mỗi tài mở vào một hội trong 12 chi:

Thiên khai ư Tí - Trời mở vào hội Tí
Địa tịch ư Sửu - Đất dựng vào hội Sửu
Nhân sinh ư Dần - Người sinh ư Dần

Đúng một tháng trước Tết, nghĩa là nhằm ngày mùng Một tháng Chạp, Bộ Lễ phải tổ chức **Lễ Ban Sóc** nơi sân Điện Thái Hòa để vua ban lịch mới cho văn võ bá quan, hạng đường quan tam phẩm trở lên, hay là tương đương với võ quan, và cho cả hoàng thân, quốc thích. [Lễ Ban Sóc lấy ý nghĩa trong chữ **sóc là ngày mùng Một** (Vọng là ngày Rằm)].

Lịch ấn hành có hai loại: một loại cỡ lớn có đóng đại ấn thì để ban cho đường quan; một loại cỡ nhỏ và mỏng có đóng ấn thường thì để ban cho thuộc quan. Việc ấn loát thì do Bộ Khâm Thiên Giám phụ trách; còn việc đóng ấn thì do Bộ Lễ phụ trách.

Cho tới ngày 30 tháng Chạp thì quan Hữu Ty thiết đại triều ở Điện Thái Hòa; thường triều ở Điện Cần Chánh.

Năm mới bắt đầu với hội trống lớn đầu Canh Năm, giờ Dần.

- Trống nghiêm hội thứ nhất: viên Quản Vệ giàn bày cờ quạt, nghi trượng theo đúng nghi thức.
 - Trống nghiêm hội thứ hai: các quan văn võ phẩm phục vào chực sẵn trong Điện Thái Hòa.
 - Gân rạng đông, trống nghiêm hội thứ ba: trên kỳ đài quốc kỳ kéo lên cao 80 thước ngang với đỉnh Ngự Bình cùng với các sắc kỳ khánh hỷ.
- Quan Khâm Thiên Giám báo giờ: Vua đội Mũ Cửu Long, mặc Hoàng Bào, cầm Hốt Trấn Huê ngự ra Điện Cần Chánh.

Quản Vệ quỳ tâu: “Xin Thánh Thượng ngự xa giá.” Vua lên kiệu. Ban tiểu nhạc cử nhạc. Quân túc vệ và ngự lâm quân cầm cờ quạt rước vua sang Điện Thái Hòa.

Trên Lầu Ngọ Môn nổi chuông trống. Vua ra cửa Đại Cung Môn tới hiên phía bắc Điện Thái Hòa thì xuống kiệu. Đại nhạc trở. Trên thành phía tây nam bắn chín tiếng súng thần công.

Vua tiến vào Điện Thái Hòa đến ngai vàng ngự tọa và truyền đọc chiếu chỉ.

Mồng Năm Tết, trong cung vua có bày tiệc Khai Hạ [Dân gian Khai Hạ vào ngày mồng Bảy]. Từ quan chí dân đều đi chùa, viếng đền đài, vườn hoa và thắng cảnh.



Tết Đại Nội Huế - Triều Đình Nhà Nguyễn năm 1923

Lịch Pháp và Nguồn Gốc của Lễ Tết

Có lễ **Tết** tất phải có **lich pháp**. Lịch pháp là kết quả của công trình theo dõi sự vận hành của mặt trăng (Đông) hay mặt trời (Tây) để khám phá ra sự tuần hoàn của thời tiết xảy ra trong chu kỳ 360 ngày (Đông) hay 365 ngày (Tây). Từ đó lại khám phá ra thêm chu kỳ của 4 mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông và đặt ra chu kỳ 29/30 ngày hay 30/31 ngày của một tháng. Rồi tạo thêm chu kỳ 7 ngày của một tuần.

Theo quan niệm cổ Trung Hoa, soạn lịch và ban hành lịch là trách nhiệm của Vua – Thiên Tử. Vua phải biết rõ thời điểm (ngày, tháng) thời tiết trong năm để ứng dụng vào những ngày tế lễ và làm mùa. Vua có nhiệm vụ thay Trời nhủ bảo cho dân bằng lịch pháp.

Sử sách Tàu ghi: Tết Nguyên Đán có từ đời Tam Hoàng, Ngũ Đế (Khoảng 2852 Trước Tây Lịch).

Đời Nhà Hạ (Tam Hoàng), Vua chuộng màu đen nên chọn tháng đầu năm, tức tháng Giêng, nhằm tháng Dần (Cọp). Do đó Tết Nguyên Đán vào đầu tháng Dần.

Nhà Thương thích màu trắng, lấy tháng Sửu (Trâu) tức tháng Chạp làm tháng đầu năm.

Nhà Chu ưa sắc đỏ, chọn tháng Tý (Chuột), tức tháng Mười Một, làm tháng đầu năm.

Đời Đông Chu (Khổng Tử) an định tháng Tết là tháng Dần.

Đời Tần Thủy Hoàng lại lấy tháng Hợi (Heo), tức tháng Mười, làm tháng Tết.

Đời Hán Vũ Đế (140 TCN) lại đặt tháng Tết là tháng Dần, tức tháng Giêng và từ đó tháng Tết không thay đổi nữa.

*

Về lịch pháp của nước ta, Giáo Sư Hoàng Xuân Hãn ghi nhận:

Lịch sử lịch pháp ở nước ta cho tới nay không thấy gì giúp ta biết cách xếp đặt ngày tháng của dân Lạc Việt xưa. Nhưng đoán rằng văn hóa Trống Đồng của nước Văn Lang chắc đã dùng năm 12 tháng, tháng lần lượt có 29; 30 ngày cũng không hẳn là vô lý.

Từ năm Triệu Đà bại Thục đến năm Đinh Bộ Lĩnh lập quốc (khoảng 1000 năm) ắt hẳn lịch chính thức là các lịch dùng ở Trung Ương Trung Quốc hoặc tại Nam Trung Quốc. ... Phải đợi đến các đời Đinh, Lê và nhất là Lý thì mới thấy có chép một số sự kiện có tháng ngày ... Tôi kết luận bằng giả thuyết sau: Từ đời Đinh đến hết đời Lý Thái Tông, các vua Việt dùng lịch hàng năm do vua Tống cung cấp cho.

Sau đó người Việt ta cũng có đặt ra các quan chức coi thiên văn để tự làm lịch (Khâm Thiên Giám).

GS Hoàng Xuân Hãn nhận định:

Tôi nghĩ rằng trước đó từ cuối đời Lý Thánh Tông (1054) đã có viên chức soạn lịch ở Triều Lý ...

Nguyễn Sĩ (quyển 209) có kể lại một chuyện khá thú vị về sứ thần nhà Trần do thám như sau: “Sứ An Nam Đặng Nhữ Lâm vẽ trộm bản đồ cung uyển, mua dẫu địa đồ, sách cấm sao chép văn thư và bàn bạc chuyện đánh Giao Chỉ. Lại ghi trộm tình hình quân sự ở Bắc biên và xây sơn lũng”. Tôi nghĩ rằng chính trong dịp này người nước ta học được phép lịch Thu Thời và có lẽ bắt đầu đặt Ty Thiên Văn hay Cục Thái Sử có viên chức cao phụ trách.. Ý chừng sau khi học được phép lịch của Quách Thủ Kính, ta cũng gọi lịch mình là Lịch Thu Thời. Năm 1339, viên quan Thái

Sử, *Cục Lịch Nghi Hậu Lang* là **Đặng Lộ** tâu rằng: “Lịch trước đều gọi là *Thụ Thời*. Xin đổi tên là **Hiệp Kỷ**”. Vua bằng lòng. Đây là lần đầu tiên trong sử ta chép đến một tên lịch ta, tên của một lịch gia, và cả tên một viện Thiên Văn nước ta”. ... Năm 1399, Hồ Quý Ly diệt họ Trần, đổi quốc hiệu Đại Việt ra Đại Ngu và theo đà ấy, đến tháng 2 năm Tân Tỵ (1401), Hán Thương đổi lịch Hiệp Kỷ của họ Trần mà ban hành lịch **Thuận Thiên**. ... Năm 1407, cha con họ Hồ bị bắt, tất nhiên lịch **Đại Thống** (lịch Nhà Minh) lại chính thức được dùng.

Qua đời Nhà Lê (Lê Lợi, 1428), quốc hiệu nước trở lại là Đại Việt và vẫn dùng lịch Đại Thống. Đời Nhà Mạc vẫn dùng lịch Đại Thống. Năm 1644, Nhà Thanh thay Nhà Minh bỏ lịch Đại Thống, dùng lịch Tây Phương. Dưới đời Gia Long, GS Hoàng Xuân Hãn ghi:

Đầu triều Gia Long có một vị khá đặc sắc, giỏi cả Nho học và Pháp học, ấy là Nguyễn Hữu Thận (1754- 1831) ... Năm 1808, Nguyễn Hữu Thận được đi sứ triều Thanh, tới Bắc Kinh, được đọc các sách lịch thư của giáo sĩ Tây Phương mà kết tinh là bộ sách Lịch Tượng Khảo Hành. Tháng 4, Canh Ngọ 1810 Hữu Thận về đến Kinh, dâng sách ấy lên vua, xin dùng sách ấy tính lịch. Gia Long đồng ý. Từ năm Quý Dậu 1813, lịch Việt Nam với tên Hiệp Kỷ, theo phép Thời Hiến, là phép trong Lịch Tượng Khảo Thành. Lịch Hiệp Kỷ vẫn được tiếp tục soạn và chính thức dùng ở nước ta đến năm 1945. (tr. 31, Văn Hóa Việt Nam, 1989-1995)

Tóm lại, sự kê khảo của GS Hoàng Xuân Hãn cho thấy các triều đại Việt vẫn luôn luôn cố gắng tự định ra lịch pháp cho dân sử dụng nhưng vì sự xâm lấn của Tàu nên các công trình đã không thể liên tục thực hiện mà đành phải theo lịch Tàu.

Tên của Năm: Thập Can & Thập Nhị Chi

Ở Đông Phương, người xưa quan niệm sự sống là kết hợp của hai nguyên tố: Dương (Trời) và Âm (Đất).

Người xưa cũng tin rằng cuộc đời của mỗi người liên quan mật thiết đến giờ, tháng, và năm sinh. Vì vậy, về lịch pháp, các hiền triết cũng lấy âm dương để đặt tên cho một năm.

Thiên Can là 10 Cột của Trời gọi là **Thập Can** gồm các tên: **Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý.**

Địa Chi là 12 Nhánh của Đất gọi là **Thập Nhị Chi** gồm các tên: **Tí (chuột), Sửu (trâu), Dần (hổ), Mão (mèo), Thìn (rồng), Tị (rắn), Ngọ (ngựa), Mùi (dê), Thân (khỉ), Dậu (gà), Tuất (chó), Hợi (Heo).**

Theo lịch Đông Phương, mỗi **thế kỷ Á Đông** có 60 năm gọi là **lục giáp**; **mỗi giáp là 10 năm**.

Năm khai nguyên của Lịch Đại Á Đông cổ truyền là năm **2637 Trước Công Nguyên và lấy tên Giáp Tí**. Tính đến năm 2013 được: $2637 + 2013 = 4650$ năm. Chia 4650 cho 60 được 77 lần và dư 30. Như vậy chúng ta đang ở vào **thế kỷ Á Đông thứ 78; thế kỷ Tây Phương thứ 21**, thí dụ năm 2013, là năm **Quý Tị** lấy **Rắn** làm biểu tượng.

*

Lịch Tây Phương (Dương Lịch) (Theo Tu Nac)

Về lịch sử của hầu hết những cuốn lịch đang được dùng trên thế giới: Lịch Gregory.

Những cuốn lịch rất quan trọng đối với tất cả mọi người trên thế giới. Lịch giúp chúng ta nhớ những sự kiện tôn giáo. Chúng giúp chúng ta định được thời gian mùa màng hay săn bắn. Chúng giúp chúng ta đánh dấu những sự kiện lịch sử. Chúng đánh dấu những sự kiện xảy ra trên bầu trời. Chúng đánh dấu những thời gian trôi qua từ thế kỷ này đến thế kỷ khác.

Một số chuyên gia tin rằng người La Mã và Ai Cập cổ đại dùng lịch đầu tiên. Họ làm ra những cuốn lịch cách đây khoảng 3.000 năm. Lịch của người La Mã dựa vào tuần trăng – đó là, khi nào trăng xuất hiện. Mặt trăng đi hết mỗi một chu kỳ là $29 \frac{1}{2}$ ngày. Nó bắt đầu tròn. Nó dần ngày càng khuyết lại. Rồi nó dần ngày càng lớn hơn cho đến khi trăng lại tròn. Đối với người La Mã, trăng tròn là bắt đầu cho một tháng mới.

Nhưng người Ai Cập lịch của họ lại dựa vào mặt trời. Mặt trời đi theo một đường cố định trong bầu trời khi trái đất lại xoay quanh nó. Không có những tháng rõ rệt. Thay vào đó, tính thời gian tùy thuộc vào những mùa, và nơi nào mà mặt trời được định vị trên bầu trời. Được coi như là một năm, phương pháp này gọi là năm hệ mặt trời – năm dương lịch.

Khi vương quốc La Mã mở rộng, lịch của người La Mã được phổ biến nhất. Nhưng đến khi vào khoảng năm 46 trước công nguyên, hoặc cách đây khoảng 2.000 năm, lịch chưa được tổ chức ổn định! **Thoạt tiên, lịch chỉ có mười tháng**. Một tháng được đặt tên theo một số. Một năm luôn được bắt đầu vào tháng Ba và kết thúc vào tháng Mười Hai. Thậm chí người La Mã không tính những tháng này mà bây giờ chúng ta gọi là tháng Một và tháng Hai. Họ không coi nó là một phần trong năm. Nhưng, thời gian sau, một trong những hoàng đế đã chia ra thời gian không được tính này. Ông đặt tên cho nó và bắt đầu tính trên lịch. Nên về sau, những tháng được đặt tên theo chữ số không còn phải sửa nữa!

Những chuyên viên về lịch luôn không theo những luật lệ về lịch một cách chu đáo. Các quan chức của chính quyền La Mã đôi khi thay đổi độ dài của ngày và tháng để duy trì địa vị của mình được lâu hơn! Sau một thời gian, lịch chính của La Mã gặp rắc rối. Thậm chí nó không theo đúng các mùa nữa.

Về sau, **Hoàng Đế La Mã Julius Caesar** điều chỉnh lại. Ông thiết kế một cuốn lịch được cải tiến. Ông đã thay đổi và thiết kế cuốn lịch bằng ba cách chính.

1. Thứ nhất, lịch của Caesar dựa theo năm tính theo hệ mặt trời của người Ai Cập. Đây là việc quan trọng vì nó được thiết lập năm La Mã đúng 365 ngày.
2. Thứ hai, Julius đổi ngày bắt đầu chính thức của một năm từ tháng Ba thành ngày 1 tháng Một.
3. Thứ ba, Julius đổi độ dài của những tháng theo cách mà ngày nay chúng ta biết.

Hầu hết các quốc gia vào thời đó bắt đầu sử dụng lịch mới này. Nó được gọi là lịch Julius.

Có một sự thay đổi rất quan trọng ở lịch Julius. Năm tính theo hệ mặt trời là $365 \frac{1}{4}$ ngày. Julius phải nghĩ cách để tính phần này, hoặc bỏ $\frac{1}{4}$ ngày.

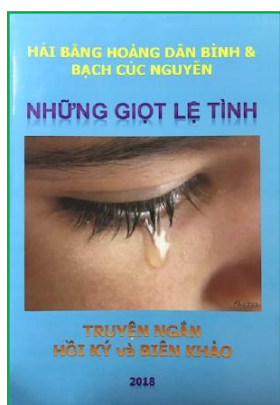
Julius đã bổ sung một ngày phụ trội vào niên lịch. Ông công bố ngày phụ trội này được bổ sung cứ bốn năm một lần. Đây là điều gì đó mà chúng ta vẫn giữ đến ngày hôm nay. Năm có ngày phụ trội được gọi là “năm nhuận”. Ngày nay, chúng ta bổ sung ngày phụ trội này vào cuối tháng Hai.

Lịch Julius là một cải tiến lớn sớm hơn cho những cuốn lịch. Nhưng những cuốn lịch này rất khó thiết kế. Và lịch Julius vẫn còn đôi chút khiếm khuyết. Độ dài của niên lịch Julius ngắn mất $11 \frac{1}{2}$ phút. Điều nay nghe chừng chỉ là một lỗi tính toán nhỏ. Nhưng sau nhiều năm, lỗi tính toán nhỏ này bắt đầu tăng lên!

Cứ 400 năm thì $11 \frac{1}{2}$ phút này tăng lên tới trên ba ngày. Khắp thế giới vào năm 1582 bắt đầu xảy ra vấn đề phức tạp.

Năm 1582 lịch chính không sắp đặt đúng với những mùa. Nó chậm khoảng 10 ngày. Những ngày lễ tôn giáo như lễ Phục Sinh đã không diễn ra đúng theo mùa. Một nhà lãnh đạo Công Giáo, Đức Giáo Hoàng Gregory XIII, đã quyết định thiết đặt lại khiếm khuyết của lịch Julius. Ngài giữ lại nhiều phần của lịch Julius nhưng đã thiết lập lịch mới với những quy luật phức tạp hơn đối với năm nhuận. Lịch mới của Ngài được gọi là lịch Gregory. Phải mất một thời gian dài người dân trên toàn thế giới mới

công nhận lịch Gregory. Nhưng giờ đây nó được phổ biến hầu hết ở mọi quốc gia. Một vài nền văn hóa và nhóm tôn giáo đã sử dụng những lịch khác cho nền văn hóa đặc biệt hay những ngày lễ nghỉ tôn giáo. Nhưng đối với những ghi chép chính thức, hầu hết các quốc gia sử dụng lịch Gregory thậm chí lịch này cũng chưa được hoàn chỉnh. Lịch Gregory thiếu mất 26 giây của một năm dương lịch. Điều này muốn nói rằng cứ 3.300 năm lịch chính sẽ khác với lịch tính theo hệ mặt trời là một ngày. Khi điều đó xảy ra, thế giới của chúng ta lại phải sắp xếp lịch một lần nữa!



Sách mới xuất bản năm 2019: **NHỮNG GIỌT LỆ TÌNH**

Tác giả: **Hải Bằng Hoàng Dân Bình
& Bạch Cúc Nguyễn**

In tại Focus Digital Printing, Virginia
Giá ấn phẩm: \$15
Email: **binhhoang684@yahoo.com**

Nội dung: Gồm 24 mẫu chuyện tình,
phần lớn là có thực.

**Có người tự hỏi: “*Tình yêu là gì nhỉ?*”
Có lẽ chẳng có câu trả lời nào là trọn vẹn cả.**

Nhà thơ Xuân Diệu tự trả lời rằng:
*Làm sao cắt nghĩa được tình yêu?
Có nghĩa gì đâu, một buổi chiều
Nó chiếm hồn ta bằng nắng nhạt
Bằng mây nhè nhẹ, gió hiu hiu ...*



CỬ VUI LÊN CHO HẾT CUỘC ĐỜI NÀY

Này người bạn hãy quên đi tất cả,
Đừng hận đời dù đời có buồn thêm
Có gì đâu mà ôm mãi ưu phiền
Bạn cũng biết con người tính hơn thiệt.

Muốn trời xanh phải chờ mây tan hết,
Sau cơn mưa trời lại sáng kia mà
Có hôm nay là tích lũy hôm qua
Đâu có phải tự nhiên mà ta có.

Bạn đã biết cuộc đời là bể khổ,
Vi tình thương chưa đủ sự công bằng
Đừng làm điều sai trái phải ăn năn
Đời hư ảo muôn đời là hư ảo.

Ta hãy sống và làm điều vương đạo,
Một đời người cũng chỉ mấy mươi năm
Danh lợi bon chen sân hận lỗi lầm
Khắp mọi chốn mọi nơi đều có cả.

Xin hãy nhớ những điều không xa lạ,
Khắp đó đây kêu gọi tiếng nhân từ
Tình cho đi là một chút suy tư
Nhưng chia sẻ vẫn còn nhiều dấu hỏi.

Có nhiều lúc cuộc đời đầy tăm tối,
Cũng đừng buồn quá độ -
gắng lên thôi
Kiếp nhân sinh phải chịu khổ đau rồi
Dù đời sống là niềm vui có thật.

Chữ nhân nghĩa nhắc ta lòng son sắt,
Làm quân vương cũng chẳng
phải muôn đời
Hay vàng son cũng chỉ tạm bợ thôi
Bạn đã biết tình thương là cao quý.

Rồi mai một ta trở về nguyên thủy,
Rồi thành mưa,
rồi thành gió thành mây
Cử vui lên cho hết cuộc đời này
Trong đời sống
đừng bao giờ nhu nhược.

Khi vấp ngã, đứng lên và tiến bước,
Hãy uống vào từng ngụm ánh mặt trời
Cổ cất lên từng tiếng hát lời vui
Trời nắng mãi cũng có ngày mưa hạ.

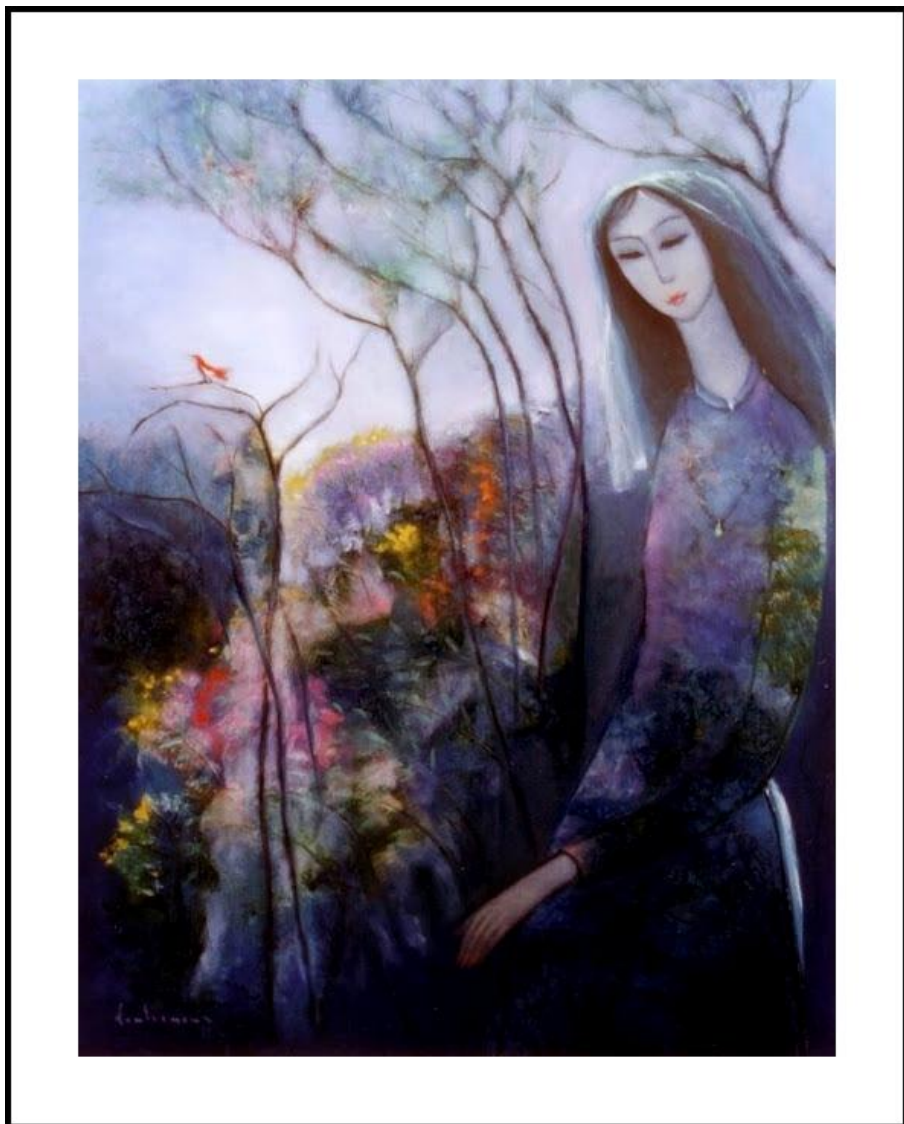
Bạn đừng sợ khi mình gặp tai hoạ,
Từ thế nhân đối xử chẳng thuận hoà
Dù người đời chưa hiểu thấu lòng ta
Đem nhân ái bao dung mà tha thứ.

Niềm vui ấy cứ coi như đã đủ,
Hãy nhìn nhau bằng ánh mắt nụ cười
Ta đối tình bằng hữu với nhau thôi
Tình yêu vẫn muôn đời là cao cả.

Là con người chứ phải đâu gỗ đá,
Có tình thương và biết quý yêu người
Vi Đời Người ngắn ngủi lắm bạn ơi
Chẳng mấy chốc hoá thân về cõi khác.



Hoa Văn



“Thiếu Nữ Mùa Xuân”

son dầu trên canvas 24 x 30 inches

TRANH: **ĐINH CƯỜNG**

NẮNG XUÂN

Nắng sớm thanh thanh, Nắng trải hồng
Một vòng luân chuyển bước Thời, Không
Đường lên Núi Tuyết, Mây phiêu lãng
Nẻo đến Thôn Hoa, Gió nhẹ bông
Đón Tết, Thơ dâng Lời Đại Nguyện
Thương Quê, Tình gửi Ước Non Sông
Thanh Bình Đất Tổ... Xuân Nhân Ái
Bát Ngát Trường Ca... Trống Lạc Hồng.

TUỆNGA

Thành Phố Hoa Hồng
Oregon, Tháng 1/2019

Bài họa

NẮNG HỒNG

*Đông tới nơi đây vẫn nắng hồng
Lung linh hy vọng tỏa thình không
Sưởi cây khô đứng gầy vườn cũ
Hồng lá úa bay nhẹ cánh bông
Mây gió đưa sấu lên đỉnh núi
Tuyết sương thả nhớ xuống giòng sông
Vài câu thơ chúc tình thi hữu
Năm Mới Xuân sang thiên phúc hồng.*

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

Reston, Virginia 1/2019

Bài họa

SÁNG MAI HỒNG

*Đứng bên nhau ngắm đóa sen hồng
Phía trước cổng chùa có nhớ không?
Từ đó cuồng quay vòng lửa đạn
Tới nay gầy gánh nợ tang bồng
Quê người đón Tết ôi non nước
Đất khách mừng Xuân hỡi núi sông
Nghe tiếng kinh cầu bao ước nguyện
Nơi nao hạnh ngộ sáng mai hồng.*

PHAN KHÂM

Maryland 1/2019

Bài họa:

XUÂN VIỄN XỨ

*Bình minh rực rỡ sắc tươi hồng
Tiếng đại hồng chung vọng cửa Không
Trong Điện nhang thơm bay phảng phất
Trên Trời mây thắm lượn phiêu bông
Xuân khơi thi hứng, vui nghiên bút
Tết gọi tình quê, nhớ bến sông,
Hơn bốn mươi năm dù viễn xứ
Chẳng quên cội Lạc với nguồn Hồng.*

TÂM MINH NGŨ TẮNG GIAO

(Virginia 1/2019)



Quê hương - Niềm đau

SAU LẦN JOLIE VỀ THĂM, JOLIE RẤT XÚC ĐỘNG VÀ ĐÃ LÀ NGUỒN CẢM HỨNG ĐỂ QUÊ HƯƠNG NIỀM ĐAU RA Đ
RỒI MỘT NĂM SAU ĐÓ, JOLIE BỊ MẮT TÍCH NGOÀI BIỂN KHƠI TRÊN ĐƯỜNG ĐI TÌM TỰ DO.

HỒ BẢNG

SLOW $\text{♩} = 70$

Anh nhẹ chớ nên thăm tôi - mưa chiều về quê hương ngập lối, anh nhẹ chớ nên thăm
tôi - hoe lệ mờ mắt em ngày thơ, Anh nhẹ chớ nên thăm tôi - con sông dài buồn theo dòng
vàng, dề chiều không sao điều, triều mển xa tuổi thơ;
Sương gió đã đem cho em tay mềm nên chai cứng, gót thấm chiều hoa
viên cũng đi vào lãng quên. Đầu nón bài thơ nghiêng nghiêng tan trường theo lối
về hè phố áo dài bay. Khát khao

Mời nghe **Khắc Dũng** hát: "QUÊ HƯƠNG - NIỀM ĐAU"

Nhạc & lời: **Hồ Bảng**

<https://www.youtube.com/watch?v=S7viSpYCGP8>

A E B7
 nhiều làm cho xót xa nhiều, lắng sâu rồi còn đâu mà mơ
 E G#7 C#m
 ước! Đường về đây mưa gió vẫn chưa qua. Hãy giữ trong
 F#m B7 C#m E A
 lòng những kỷ niệm ngày xưa - Để mắt trong tay lá hoa mùa xuân ngày
 B B7 Em B7 B7
 nào. Còn gì nữa đâu, quán đời đi vắng qua mau, lòng đơn lạnh
 Em Am6 Em B7 Em B7
 quá, nỗi niềm sâu kín riêng tư, giấc mơ mùa "XUÂN" cũng chỉ là giấc mơ
 Em E B7
 thôi. Mai nếu có ai qua đây xin gửi về vãn thơ triều
 E E7 A B7 E F#m
 mến hay gửi khúc ca ly hương ghi nhạc lòng những năm xa nhau. Anh nếu có nghe tâm
 B7 RALL E Fine
 tư thương người cam ở lại Xin đừng để phai tình xưa./

Cả khúc này được viết trước thời kỳ VN đổi mới, vào thời điểm đại đa số quần chúng nhân dân đời rách tả tơi.



Nhạc sĩ Hồ Bảng

XUÂN MUỘN

**** Vưu Văn Tâm (Germany) ****

***Chiều xuân có một người ngoại gác đi tìm
Một tình thương nơi phương trời cũ (*)***

Tiếng chuông điện thoại reo vang. Chú Út nhìn vào cái display (màn hình)

- Lầm nhầm đọc "0084 .." và nói khẽ "điện thoại của thằng Thành".

- A-lô, chú Út nghe nè!

- A-lô, Thành nè chú, con chào chú Út. Chú thím có mạnh giỏi không?

Năm nay chú thím ăn Tết ra sao? Hôm nay là 30 Tết rồi ...

- Chú thím cũng khỏe con à. Thím mày lu bu trong bếp với mấy đờn bánh tết. Cũng may, Tết năm nay vào ngày cuối tuần nên chú thím chuẩn bị cho ba ngày Tết được tươm tất một chút. Mấy ngày như vậy, chú thím hông có muốn đi đâu hết. Hơn nữa, mùa đông đi đứng bất tiện nên chú thím ở nhà ăn Tết cùng với hương khói ông bà.

- Mấy em có về ăn Tết với chú thím không?

- Không có đứa nào về hết, con à. Đứa lớn đi làm nơi xa nên hông kịp về.

Đứa nhỏ đang ôn bài để thi vào cuối tháng tới. Tết của mình chứ đâu phải Tết của người ta mà được nghỉ hả con!

- Chú ơi, bao nhiêu năm rồi chú thím có bao giờ về ăn Tết với tụi con đâu. Từ hồi bà nội qua đời đến giờ, chú cũng chưa về lần nào. Tết năm sau, chú thím về ăn tết với tụi con đi. Ông nội con chỉ có ba và chú. Ông nội đã khuất núi từ lâu, ba con cũng đi theo ông theo bà. Tụi con mong gặp lại chú để được dịp thấy lại ba mình. Công ăn việc làm của vợ chồng con ổn định, nhà con rộng rãi, có phòng dành riêng cho chú thím. Tụi con dư sức "nuôi" chú thím cả tháng mà!

- Ủa, chú cũng có nghĩ tới chuyện đó, nhưng chú chưa dám hứa. Chú cũng mong sớm được về lại quê hương đốt cho ông bà nội bày mấy nén nhang. Cũng ngót mười năm rồi, chú chưa có dịp về lại chốn ấy.

- Vậy thì chú thím cố gắng thu xếp nhen, tụi con mong chú thím lắm. Trước thêm năm mới, tụi con kính chúc chú thím và các em được dồi dào sức khỏe và vạn điều như ý.

- Ủa, chú thím cũng chúc tụi con bước qua năm mới luôn được mạnh giỏi và làm ăn phát tài nhen!

- Dạ, con chào chú!

Cuộc gọi của thằng cháu có nghĩa, có tình làm chú Út bùi ngùi nhớ lại một khoảng đời thơ ấu, nhớ lại một miền đất khổ nghèo, nắng sớm mưa trưa. Dù vậy, người ta vẫn sống với nhau ngập tràn tình làng nghĩa xóm.

Ngày ấy, anh hai thì biệt ngoại quân ngũ, còn chú vẫn ngày hai lượt cấp sách đến trường, và được sống trong vòng tay thương yêu và cưng chiều của gia đình. Thành phố Sài-Gòn của chú ngày đó yên bình lắm, mặc dù cuộc chiến đang đến hồi khốc liệt nơi vùng hoả tuyến.

Rồi cái mùa xuân nghịch gió thổi về Nam mặc dù không ai trong này ngóng trông mong đợi. Ba má chú sợ chú bị đăng lính, sợ chú phải chết lãng nhách trong lần tên mũi đạn của bọn vô nghĩa, nên đã cố gắng lo cho chú một con đường để thoát thân. Chú cũng như hàng triệu người Việt lênhênh trên những con thuyền ra biển để tìm tự do, hạnh phúc. Sau bao lần trật vuột, bao lần thất vọng, chú mới đến được bờ bến bình an. Chú được định cư ở một đệ tam quốc gia và bình tâm xây dựng lại cuộc đời trên xứ lạ. Từ lúc tóc còn xanh cho đến khi tóc phai màu, chú đã gồng mình thử sức qua bao đoạn đời. Chú đã cố gắng nhiều lắm, nhưng cuộc đời này hình như chưa hề mỉm cười với chú. Trong sách vở, chú cũng thường thấy người ta ghi nào là **hết bĩ cực tới hồi thối lai** rồi đến **không có thặng trầm thì đâu phải là cuộc sống**. Nhưng đó chỉ là lý thuyết, mà từ lý thuyết đến hiện thực, ôi thôi nó xa mút mắt ! Do vậy, chú vẫn cố gắng sống, cho dù với chú, **nốt trầm** thì nhiều mà **nốt thăng** thì hiếm thấy. Dẫu sao cũng mặc, **dẫu cho đường trần nhiều mưa bay gió cuốn (**)**, chú thím vẫn ân cần quan tâm, chăm sóc cho nhau và luôn nghĩ đến bao nhiêu người còn khổ sở trên mảnh đất hình chữ S xa xôi kia. Mấy chục năm rồi, họ đâu có được một ngày hạnh phúc trọn vẹn.

Thời tiết bên này đang giữa mùa đông, tuyết vẫn rơi rơi bên ngoài khung cửa sổ. Nghĩ đến cuộc điện đàm vừa rồi với thằng cháu, chú Út cảm thấy ấm áp cõi lòng trong ngày **cuối năm**. Nhớ đến những kỷ niệm đã xa xôi ngút ngàn, chú thấy sắt se lòng hơn bao giờ hết ! Thành ơi, năm sau chú thím sẽ về ăn Tết với tụi con và thăm lại mồ mả ông bà. Chú sẽ đi trên những con đường ngày xưa để tìm lại những mùa xuân trong quá khứ, cho dù xuân về có muộn màng, cho dù **ngày tháng** của chú không còn bao lâu nữa ...



Vu Văn Tâm (Germany)

Chú thích: (*) lời bài hát "Nhớ một chiều xuân" và ()** "Chiều mưa biên giới" của nhạc sĩ Nguyễn Văn Đông

Như mơ như thực... một thuở Xuân xưa

*Xứ người ở mãi chẳng hề quen
những đường cao tốc những ánh đèn
còn nhớ ngọn dầu đêm leo lút
còn thềm cà pháo chấm mắm nêm.*

*Từ độ xa quê về mấy bận
hàng tre trước ngõ ngã bao lần
bao lần lửa bốc lên mái rạ
bao đời dồn bước chữa chôn chân.*

*Quê hương đã khóc khô nước mắt
mấy mùa tao loạn chạy mười phương
chân trời góc bể người ly tán
lắm nỗi oan khiến khó ước lường.*

*Những hồn thiên cổ còn nằm lại
đó là tang chúng mốc thời gian
rủ, khe, cồn cát kể nhau mãi
nhớ chỉ thêm chùng lặng tâm can.*

*Ruộng lúa thuở nào cây trĩu hạt
rạ đồng ủ tiếng dế rân rân
âm ba cổ xứ từ phiêu bạt
hình ảnh xa xăm một xóm làng.*

*Hạt cát mùa Nam bạt về đâu
nghe như rạt mặt xát nỗi đau
gió Lào nóng cháy da khô khốc
đà quen bụi bặm kiếp giải dầu.*

*Mơ gì dần bước con đường cũ
nếp bóng tre già gió nhẹ rung
đêm trăng mát rượi yên bình ấy
chiều cánh diều bay bổng chấp chùng.*

*Nhìn nắng lên đôi Xuân lại đến...
đây Tết tha hương vẫn lạnh lùng!*

01-2010



Hả Thái Trần Quốc Phiệt

EM CÒN NHỚ

Truyện ngắn

**** Nguyễn Thị Ngọc Dung ****

(Kính tặng cố Thi Sĩ Đào Nguyên)

Em thương mến, anh định sáng nay sau khi đi lễ nhà thờ sẽ đến thăm em như những ngày Chủ Nhật khác. Nhưng đêm qua tuyết xuống thật nhiều, phủ trắng xóa cả vùng đồi cao rừng rậm xung quanh nhà. Cây cối nặng trĩu những cành bông tuyết. Mái chòi ngoài vườn lợp thêm mấy gang tuyết nữa trông như lớp kem trắng mịn trên cái bánh mùa Giáng Sinh. Đường xuống đồi ngập tuyết như dòng sông sữa ngừng trôi. Không gian ngưng đọng như không có cả hơi thở loài động vật. Chim muông còn ngái ngủ trong tổ ấm, chưa gọi nhau thức dậy. Những con sóc đuôi dài ngại ngừng chưa muốn đứng chân xuống tuyết công lạnh.

Anh đi giày tuyết định ra hộp thư dưới chân đồi lấy báo đọc thì bị ngã cái oạch ngay trên thềm nhà nên đành chịu thua băng giá. Tin thời tiết cho biết từ gần 100 năm nay hàn độ Virginia chưa bao giờ xuống thấp và tuyết nhiều như thế.

Vợ chồng con cái Tuyên đi trượt tuyết từ hai hôm nay. Ngày mốt chúng mới về. Nếu em nhìn thấy đôi má chín đỏ của thằng cu Tí lúc nó vào nhà sau mỗi lần nghịch tuyết trên đồi, em muốn cắn nghiến nó. Tuy một mình trong ngôi nhà vắng lặng, nhưng em đừng lo anh buồn chán và cô đơn, anh có nhiều thú tiêu khiển để giết thời giờ. Nếu em còn phải dưỡng sức ở đó, anh không có chút phàn nàn nào cả.

Hôm qua anh mới thêm thêm được hai bản nhạc *Nhớ Quê Hương* của Phạm Ngũ, bản *Dứt Đường Tơ* nhạc Văn Thủy lời Dzoãn Cảnh với tiếng đàn Tây Ban Cầm và Hạ-uy cầm của anh. Không có dụng cụ và phòng thâu thanh chuyên môn, anh chơi đàn và thâu băng ngay ở giữa nhà, nên không thể hay được như những đĩa nhạc Hạ-uy cầm ngoại quốc chúng mình sưu tập đâu. Em đừng cười anh nhé!

Trong khi chờ đợi xe dọn tuyết trên đường xuống đồi để đi thăm em, anh vừa mới gọi vào Viện An Dưỡng và nhắn họ vận giùm máy *cassette* cho em nghe băng nhạc anh đã chơi và cũng là nhạc đệm băng đọc chuyện chúng mình đây. Khi anh hoàn thành băng này, em sẽ lại được nghe để nhớ những kỷ niệm xa xưa của chúng mình. Những lúc anh không vào viện thăm em được, y tá có thể mở băng cho em nghe lời anh thủ thỉ, lời người chồng đầu gối tay ấp của em từ mấy chục năm qua, là người thương yêu em từ những ngày chúng ta còn học chung một trường, thuở em còn là thiếu nữ Hà Thành.

Giờ đây, em không được khỏe lắm, nhưng bác sĩ nói, trong tiềm thức em vẫn nghĩ tới những hình ảnh cũ, những chuyện xưa, những bài hát quen thuộc. Vì thế từ ngày em phải vào nghỉ trong trung tâm dưỡng sức này anh bắt đầu chơi đàn lại và thâu băng những bản nhạc tiền chiến

chúng mình thích, chúng mình đã đàn hát cùng nhau. Anh thu được gần 20 bài cho em rồi.

Em còn nhớ không? Thuở ấy em mới học đệ lục trường Nguyễn Huệ trên đường Trần Quang Khải, Hà Nội mà người ta quen gọi là Đường Bờ Sông, nghe có vẻ nên thơ hơn em nhỉ? Anh học đệ tứ cùng trường và cùng lớp với anh Tuấn của em. Từ lớp học trên lầu, anh có thể nhìn qua khung cửa sổ ra bến nước sông Hồng bát ngát, mênh mông. Đôi khi mộng viễn du hồ hải làm anh lãng trí trong lớp học.

Hồi đó em còn long tong, loắt choắt lắm, anh đâu thèm để ý. Mãi tới năm anh lấy được mảnh bằng Thành Chung sang học trường Nguyễn Khuyến phố hàng Bè, một hôm đến thăm Tuấn, được nghe tiếng đàn Hạc uy cầm của cô em từ phòng trong vọng ra, anh mới để ý tới cô bé mặc áo cánh trắng bông vai, thêu hoa đó. Còn đang tập tành mà tiếng đàn của em đã lưu loát uyển chuyển, anh cảm mến tài em và tìm cách làm thân. Anh nghĩ kế, âm thầm ráo riết học với ông anh họ ngón đàn em đang tập. Nhờ trời anh có khiếu nên học rất chóng và thuộc lòng rất mau những bài vừa tập. Anh trở tài chơi bản *Dư Âm* của Nguyễn Văn Tý cho em nghe. Em phục lắm cứ tưởng anh là bực thầy nên rối rít nhờ anh chỉ dạy, để em khỏi phải đạp xe đi tập đàn với ông thân sinh ra cô bạn ở phố Hàng Bún.

Khi Tuấn đưa em đi xi-nê anh cũng đòi đi theo. Tuấn vui mừng nói ngay:

“Nếu cậu bao tụi tớ thì đi cùng lúc nào cũng được.”

Sau xi-nê lại đi ăn kem Hồng Vân Hồ Hoàn Kiếm nữa. Dù Tuấn không để anh phải trả tiền hoài, nhưng chỉ một tháng đôi lần thôi anh cũng xiềng liềng. Anh xin tiền mẹ cho đi học tư thêm Anh, Pháp văn nhưng không ghi tên học mà lấy tiền đó để đi chơi với Tuấn và em, rồi còn học đàn nữa để dạy lại em chứ!

Em còn nhớ không? Hai đứa mình cùng hợp tấu bản *Suối Mơ* của Văn Cao, chẳng biết có hay không, ba em và Tuấn khen quá chùng. Tuấn và em mồ côi mẹ. Ba anh đi kháng chiến Việt Bắc biệt vô âm tín từ lâu. Anh được ba em và Tuấn thương, cho ra vào nhà em như người thân. Hơn nữa, anh học hành khá nên mới may mắn được Tuấn và ba em tin cậy. Tuy vậy, anh đâu dám tỏ ý thân mật với em bao giờ. Thấy bàn tay em nuột nà vuốt trên phím đàn, anh cũng chẳng dám chạm, chỉ sợ em e thẹn chạy mất, anh hết đường gặp gỡ.

Đến năm sau, em lên đệ tứ, anh đệ nhị, chúng mình chuyển sang giai đoạn thứ hai, cùng Tuấn và vài người bạn em rủ nhau đi hái ổi Nghi Tàm, Quảng Bá. Vì có mấy cô con gái, nên hai thằng con trai đâu dám lợi xuống Hồ Tây vào vườn hái trộm ổi. Anh phải trả mấy đồng bạc để cả bọn vào vườn ổi ăn thả cửa. Không được hái đem về, nhưng chém chết thế nào chúng mình mỗi đứa cũng thủ một hai trái trong túi. Anh và Tuấn thích ăn ổi vừa xanh vừa chua, khi nhai nghe thấy cả tiếng ổi dòn lóc cóc trong miệng. Còn em và các bạn chỉ thích ăn ổi mềm, ruột đỏ hay ruột

trắng. Cú tưởng tượng những miếng ôi thơm ngọt ấy nằm trong miệng xinh xắn với đôi hàm răng trắng như ngà, môi đỏ như son của em, anh cũng ngất ngây người.

Lần thứ nhất đi thuyền Petit Đồ Sơn, em sợ rúm người khi nghe Tuấn kể chuyện con trâu vàng Hồ Tây:

“Tục truyền rằng, ngày xưa ngày xưa có ông Khổng Lồ cho đúc quả chuông lớn trên núi Phao Sơn, Bắc Ninh. Khi ông đánh thử ba tiếng chuông, con trâu vàng bên Tàu nghe được, tưởng trâu mẹ gọi, bèn chạy tới chỗ Hồ Tây này vùng vẫy thành ra hồ sâu.”

Tuấn thêm rằng:

“Trâu vàng là trâu thần không bao giờ chết cũng như rùa thần Hồ Hoàn Kiếm. Trâu có thể quẩy lên, ngay dưới đáy thuyền tụi mình bất cứ lúc nào.”

Chẳng biết có tin thật hay không, em rùng mình làm tròn thành cả thuyền. Con gái đầu dễ nhất sợ thế! Em nhất định không cho hai anh chèo thuyền ra xa. Anh và Tuấn ngồi hai đầu thuyền, chỉ được xải mái chèo tới bên chùa Trấn Quốc cho em hái hoa sen, ăn hạt sen và hít hà mùi hương sen ngào ngạt. Em vui quá quên cả sợ hồ sâu, trâu vàng vùng vẫy, sóng thần nổi dậy có thể làm lật thuyền, chúng mình chìm hết. Ngắm nhìn em, anh thầm nghĩ em là bông sen duy nhất đời anh.

Vài lần sau dọn rồi, em đem theo đàn và đòi ra tận giữa hồ rộng mênh mông. Em ngồi giữa thuyền chơi đàn réo rất những bản nhạc *Bến Cũ* của Anh Việt, *Con Thuyền Xa Bến* của Lưu Bách Thụ, *Con Thuyền Không Bến* của Đặng Thế Phong. Tuấn cười khô hài:

“Tôi muốn con thuyền này có bến ‘đình huỳnh’ cơ, để lát nữa ghé vào đường Cổ Ngư chén mẻ bánh tôm, thạch lèng cổ chứ.”

Chúng mình cùng vui mừng tán thưởng, lại làm thuyền nghiêng chao. Em rú lên inh ỏi bám chặt hai bên mạn thuyền, cây đàn Hạ-uy-di xuýt rơi xuống hồ. Nhưng hai anh dùng mái chèo ghìm giữ thuyền thăng bằng ngay. Em được ngồi giữa hai ông anh, những cây boi lội thành thạo, nên sau một hồi ngồi ngay cứng, em mới hoàn hồn. Anh phải dỗ dành mãi em mới tiếp tục chơi đàn anh nghe. Thỉnh thoảng em nhìn anh cười thật vô tư, hồn nhiên như đợi những cái gật gù tán thưởng của anh. Có thể thôi, sao anh lòng lâng lâng, dạt dào như ráng trời chiều, như ánh nước Hồ Tây huyền diệu trong mắt em. Chỉ tội nghiệp Tuấn, thuở đó đang thất tình người đẹp cùng phổ học trường Tây vừa rời Hà Nội đi du học Pháp. Tiếng sáo bạc của Tuấn dặt dìu họa theo tiếng đàn của em làm anh cũng cảm thấy buồn. Anh nghĩ tới chuyện chúng mình. Nếu vì lý do nào đó anh phải xa em chắc anh sẽ buồn chết mất hay có thể điên lên được.

Thế rồi như hiểu được nỗi lòng anh, Tuấn luôn luôn kiếm có phải đi mua sách, ra thư viện, phải đi công việc cho ba em, để anh được ngồi nhà với em hay thông dong đi xe đạp bên em trên đường em đi học về. Nhà anh ở Hàng Đậu, nhà em ở Hàng Cót. Nhưng nếu có dịp, bao giờ anh cũng thích đạp xe đi bên cạnh em và đưa em về tới tận cửa hay vào

trong nhà uống ly nước mưa lọc hay nước chanh do em tự pha, rồi anh mới chịu ra về.

Có lần nước sông Hồng lên cao lắm, cả thành phố xôn xao lo ngại vỡ đê. Từ trường Nguyễn Khuyến anh phóng xe về sang trường Nguyễn Huệ đón em và rủ em đi xem nước sông. Đi qua ngã tư Cột Đồng Hồ, chúng mình xuống xe dựng hai cái vào nhau dưới chân cồn đất cao. Gió sông xoáy cuốn, xoáy cuồng. Tà áo màu hoa cà em bay tung như bắt với, quần quít người anh. Em vụng về giữ vạt áo trước, vạt áo sau thì làn tóc dài xòa xuống che đôi mắt khép. Anh ôm ngang lưng em dìu lên cồn đất. Dòng sông cuộn cuộn đục ngầu phía dưới chân đê, cuốn phẳng phẳng theo rác rến, lá cây, gỗ mục, cả trăm thứ không tên. Em rùng mình nhìn dòng sông đầy đe dọa và nắm tay anh chạy trở lại đường cái. Bây giờ, anh còn nhớ cái cảm giác xúc động, nóng ran thân thể lúc đó, cái cảm giác đầu đời nam nữ. Anh giữ đôi bàn tay em trong tay anh thật lâu và nhìn sâu vào đôi mắt em long lanh ngơ ngác:

“Em hết sợ chưa?”

Em gật đầu không nói. Anh cảm thấy đôi tay em run rẩy lạnh:

“Anh giữ tay em cho ấm lại mới để em lên xe đạp.”

Lần đầu tiên anh thấy đôi má em hồng lên của người thiếu nữ đã biết e thẹn. Em cúi mặt nói nhỏ:

“Thôi... mình đi về không... muộn!”

Anh vẫn nắm tay em, không chịu rời. Em ngược nhìn anh với trời cầu khẩn. Toàn thân em run rẩy không chỉ riêng đôi bàn tay. Anh yêu em quá, thương em quá! Anh hiểu rằng em không còn sợ dòng sông giận dữ mà em đã có rung động cho anh. Từ phút đó, anh biết rằng anh không thể xa em, anh không thể thiếu em trong đời.

Em còn nhớ không? Trên con đê Yên Phụ gió lồng lộng chiều ấy, anh nhìn những lúc vắng người qua lại hai bên đường để nắm tay em. Anh muốn vòng tay anh qua cái eo thon nhỏ mà không dám. Em trong trắng, tinh khiết quá, anh e ngại làm em xấu hổ.

Từ đấy, em tránh tất cả những cơ hội gặp gỡ chỉ có riêng hai đứa, ngoại trừ trên đường đi về học, khi em cần anh làm vệ sĩ. Nếu không có anh, biết bao thanh niên khác theo làm em lúng túng, khổ sở đến phát khóc vì những lời chọc ghẹo. Em không bao giờ chịu đi chơi một mình với anh mà không có Tuấn hay các bạn gái. Có khi anh cạn túi vì sự đi chơi đông đảo ấy. Nhưng may mắn anh giúp mẹ lo sổ sách buôn bán nên khi cần, anh có thể vay bà trước rồi làm việc trả sau. Thuở xưa con gái kín đáo, e dè ấy làm kỷ niệm chúng mình trở nên hiếm quý như những đồ vật cổ, giá trị muôn đời.

Lần đầu tiên chúng mình đi lễ Đền Ngọc Sơn tối giao thừa năm ấy, em mặc áo dài lụa màu hồng nhạt, áo “veste” màu trắng ngà, khăn quàng màu vàng nhạt. Em đi đôi giày da đỏ gót hơi cao và cầm cái ví tay nhỏ xíu cũng màu đỏ. Trông em lớn hẳn lên, bắt đầu ra dáng thiếu nữ

Hà Thành. Anh tinh nghịch mặc áo “veston” và đội mũ dạ của ba anh để lại. Em chế riếu anh sắp giống “ông bô” rồi đấy!

Pháo nổ lạch tạch bên bờ Hồ Gươm tấp nập người đi hái lộc, trai thanh gái lịch dạo bước ngắm nhau. Cầu Thê Húc tưởng chừng có thể gãy vì đông người. Hương khói thơm ngát, mịt mờ cảnh tượng trong chùa. Mỗi đứa hái một cành ngâu nhỏ, trao lộc Tết cho nhau. Chúng mình cùng thấp nhang cầu xin cho em đậu bằng Thành Chung, anh đậu Tú Tài I, đất nước Việt Nam hòa bình, chúng mình không bao giờ phải xa nhau.

Anh biết, yêu em quá sớm để tiến tới xây dựng gia đình. Bằng cấp là mức độ trưởng thành và hữu dụng nhất cho người trẻ lập cuộc đời. Từ sau Tết, anh quyết định “gạo” học, chỉ đưa em đến trường hay về nhà, không đi chơi đâu nữa. Cả hai phải để tâm vào việc học hành thi cử. Kết quả cuối niên học ấy em và anh cùng thi đậu. Hiệp Định Đình Chiến Genève chia đôi đất nước Việt Nam ký kết hơn tháng sau đó.

Em còn nhớ không? Mẹ anh nhất định ở lại chờ tin tức ba anh. Ba em quyết định di cư theo sở vào Sài Gòn. Ngày nào anh cũng đến thăm em để nhìn thấy em khóc. Anh không khóc được. Con trai ra cái điều can đảm, anh hùng mà, không thể tỏ ra yếu mềm dù sự chia ly có đau đớn thế nào. Nhưng trong lòng anh tan nát, rối bời. Đã nhiều lần anh cương quyết nói với mẹ, một là anh cưới em ngay để em ở lại với anh, hai là nếu ba em không bằng lòng như vậy, anh sẽ theo em vào Nam, đợi em trưởng thành sẽ xin cưới em.

Những ngày hoang mang, lo sợ cuối cùng đó được anh quyết định sau chuyến đi thăm dò vùng kháng chiến với Tuấn. Cả hai đứa đều thất vọng khi gặp các cán bộ Việt Minh, chứng kiến những cuộc đấu tố dã man, tàn bạo. Anh xin mẹ tha tội bất hiếu để mẹ ở lại với chị Thục chờ tin tức ba anh, rồi vài ngày sau khi gia đình em rời Hà Nội vào Sài Gòn, anh cũng lên đường.

Anh buồn xa mẹ, xa chị Thục, xa Hà Nội, nhưng gặp lại em là tất cả đèn bù. Tội nghiệp em, một tuần xa anh, em lo sợ anh đổi ý kiến ở lại Hà Nội và mất anh luôn phải không? Em khóc sưng cả mắt. Ba em giao hẹn cho anh một năm thi nốt Tú Tài II, năm nữa đi làm, em cũng có hai năm để học thêm rồi cưới gấp, sẵn sóc nhau, lo cho nhau, để ông nhà thân già và Tuấn cũng phải có vợ để thế con gái ông trong gia đình.

Trước thời hạn cấm giao thông giữa hai miền Nam-Bắc, mẹ anh và chị Thục đã kịp thời xuống Hải Phòng đi tàu vào Nam. Bà gặp ba anh trở về Hà Nội với cô cán bộ trẻ người thượng du, nên bà quyết định cùng con gái đi theo con trai.

Hai năm sau anh có việc làm tại một cơ sở ngoại quốc. Em học sư phạm, tốt nghiệp cô giáo, nhưng dạy trường tư ở Sài Gòn để gần anh. Anh cưới được em như mong ước.

Thế rồi thăng Tuyên, thăng Tiến, con Hạnh ra đời. Gia đình mình hạnh phúc chan hòa. Em là người vợ hiền ngoan, người mẹ đảm đang, cho

anh những đứa con xinh đẹp, khôi ngô, tuấn tú. Chúng mình có tất cả tình yêu và tình yêu ấy không bao giờ suy giảm.

Năm năm sau anh được đổi đi Mỹ làm việc tại Washington, D.C. Vợ chồng con cái mình hòa nhập với đời sống xứ người rất nhanh chóng. Em của anh rất thông minh. Sau một năm ở nhà lo xếp đặt việc định cư cho chồng con, em trở lại lớp học. Hai năm sau anh rất hạnh diện em lấy được chứng chỉ kế toán và xin được việc làm một cách dễ dàng. Chúng mình mua căn nhà xinh xắn ở Annandale em nhỉ?

Ở đó ba năm, gia đình mình đi Singapore. Rồi tiếp tới biến loạn 30 tháng tư 1975, một cơn khủng hoảng, kinh hoàng cho bao triệu người dân miền Nam. May mắn ba em và gia đình anh Tuấn thoát hiểm, đến định cư tại Los Angeles. Mẹ anh và gia đình chị Thục lập nghiệp ở Houston.

Sau bốn năm làm việc tại Singapore, anh được đổi về Virginia. Rồi các con vào đại học, đỗ đạt. Chúng mình có con dâu, cháu nội. Em là bà nội trẻ nhất thế gian này. Mùa xuân năm ngoái cô con gái thứ hai của chúng mình đã làm lễ thành hôn với Hùng, con trai anh chị Linh. Lúc đầu hai đứa chẳng thèm để ý tới nhau chỉ học thôi. Gần đây chúng gặp lại trong sinh hoạt cộng đồng và nên duyên đây. Hai đứa định sang năm mới có con. Tiến, cậu út ít còn bay bổng lắm, muốn đi làm việc bất cứ nơi nào có việc tốt. Việc làm đầu tiên ở Los Angeles, Tiến ở gần ông ngoại và gia đình anh Tuấn. Chúng mình yên tâm hơn. Đứa nào cũng nói “khi bố mẹ già về ở với chúng con.” Nhưng chúng mình còn ham đời sống độc lập, tuy chỉ cu ki hai vợ chồng, vẫn gặp được con cháu mỗi tuần là vui rồi.

Em thương yêu! Cho đến ngày những con số trong công việc làm đầu óc em rối ren, nhức nhối. Em cũng chẳng cần ý niệm thời gian. Em không nhớ và hay quên những chuyện phức tạp trong cuộc đời này. Em không phải đi đến sở làm nữa và anh cũng xin về hưu sớm để được gần gũi, săn sóc em từng giờ, từng phút.

Anh buồn là sau hai năm không còn đủ sức lực và phương tiện để lo cho em chu đáo. Anh đành phải gửi em đến trung tâm nuôi dưỡng người bệnh để em được săn sóc với những phương pháp tối tân nhất. Anh đã bán cái nhà ở Annandale và dọn về đây ở với vợ chồng Tuyên. Chúng xây cho anh một căn nhỏ giáp cạnh nhà, với đầy đủ tiện nghi. Anh có bếp riêng, phòng kiếng cho các chậu cây cảnh, bồn nhỏ nước chảy róc rách. Anh có máy TV, CD, cassette, computer. Các con trang bị tất cả máy móc cần thiết cho anh dùng. Anh có thể đàn hát, tự thâu băng, có thể liên lạc với ba, mẹ, gia đình anh Tuấn, chị Thục và các con bằng email. Anh đâu ngờ ba, mẹ còn sức khỏe hơn em. Hai người già quá rồi không thể đi thăm em được. Ông, bà vẫn hỏi thăm em hoài.

Khi đàn và thâu hết những bản nhạc tiền chiến xong, anh sẽ thu nhạc ngoại quốc đặc biệt Hạ-uy cầm em thích nhé!

Em còn nhớ bản nhạc Pháp nhưng có nhan đề chữ Anh *Forget Me Not* không? Thuở mới học Hạ-Uy cầm ai không biết. Chúng mình thuộc lâu và đàn hát cùng nhau em nhỉ! Để anh hát lên em sẽ nhớ lại ngay. Em nghe cũng đừng buồn, đừng khóc nhé!

*Rita, tu pars sans un regret,
Mais moi je ne peux t'oublier,
Toi tu voles vers d'autres fleurs,
Mais moi je reste avec les pleurs.
Si tu m'avais laissé un baiser
S'envoleront tous mes tracas.
Mais tu partis sans me parler
Au moins ne m'oublie pas...*

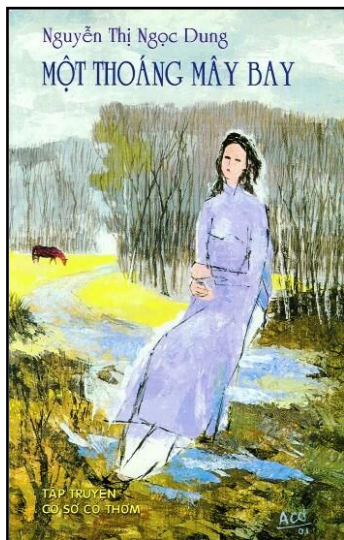
Đàn hát lại bài này, anh muốn nói không bao giờ quên em. Nhớ đến em là nguồn hạnh phúc của anh. Chúng mình đã có đầy đủ tất cả những mơ ước, bây giờ phải trả lại đời để về nước Thiên Đàng cũng là được ơn Chúa gọi đầy thôi.

Anh sẽ đàn, hát bài *Ne M'oublie Pas* và thâu băng cho em nghe lần sau đến thăm em. Anh vui mừng nhận thấy đôi mắt em sáng lên chút linh động khi nghe anh kể chuyện con cháu hay những bản nhạc lời ca, dư âm chúng mình ngày xưa!

Lúc này, anh không có em ám cúng bên cạnh, nhưng hình ảnh em tràn ngập mọi chỗ trong nhà. Anh có ảnh phóng lớn của em trong phòng khách, ảnh em đứng tựa gốc cây gạo anh chụp được trong lần chúng mình đi chợ phiên Bờ Hồ Hà Nội. Phóng ảnh hai đứa mình chụp trong ngày cưới, treo trong phòng ngủ. Ảnh bốn mẹ con em ngồi trên bãi biển Vũng Tàu, treo bên bàn ăn cùng với hình vợ chồng con cái mình trước Đài Kỷ Niệm Washington khi mới tới đất Mỹ. Còn nhiều ảnh gia đình mình chụp những dịp Giáng Sinh, lễ Tết với con cháu, anh bày la liệt khắp nơi trong gian sơn nhỏ bé của anh. Anh sống giữa những khuôn mặt thân yêu nhất đời và anh không cảm thấy cô đơn lắm đâu em!

Từ ngày em ngoảnh mặt làm ngơ với thế gian, anh cũng chẳng thiết tha gì nữa. Về đây, anh chỉ liên lạc với con cháu, gia đình thân thuộc và vài người bạn chí thiết khác bằng thư từ, điện thoại. Ngày nào em còn ở trung tâm đó, anh còn muốn sống thẳm lặng để chia sẻ thế giới bình an, cách biệt ấy với em.

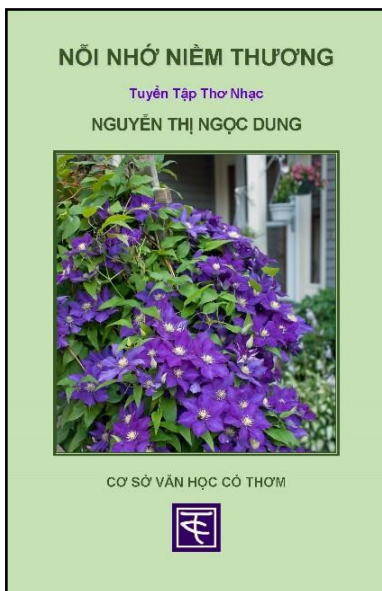
Em thương yêu, ngoài kia tuyết trắng xóa, không vết chân người. Không gian hoàn toàn vắng lặng, không cả tiếng xe chạy dưới thung lũng. Anh không cảm thấy buồn chán em ạ, vì anh vẫn còn tất cả kỷ niệm chúng ta. Đó là hạnh phúc nuôi dưỡng anh trong vùng mệnh mông thiếu vắng em. Những âm thanh, nhạc điệu, lời ca vương vấn đầy hình ảnh em làm ấm áp lòng anh.



A, có lẽ đã tới giờ thức giấc và ăn sáng của loài vật. Em có nghe không, tiếng chim non vừa gọi nhau chiêm chiếp? Em có nghe không, tiếng sóc truyền cành làm một nắm tuyết nhẹ như bông vừa rơi trên thảm tuyết trắng như tà áo băng trinh của em thuở nào?

Nắng đã chiếu qua rừng tuyết như hào quang phép lạ, như những tia hy vọng thần diệu không bỏ quên loài người dù kẻ kém may mắn nhất. Chiều nay anh sẽ đến thăm em với cuốn băng đọc chuyện chúng mình. Đừng bỏ đi khi không có anh bên cạnh. Em nhé, em thương yêu của anh! ■

(Trích trong tập truyện *Một Thoáng Mây Bay*, 2001)
Nguyễn Thị Ngọc Dung



Mời quý vị xem Tuyển Tập Thơ Nhạc online “NỖI NHỚ NIỀM THƯƠNG” mới nhất của Nguyễn Thị Ngọc Dung trong Tủ Sách của website Cổ Thơm ở link sau đây:

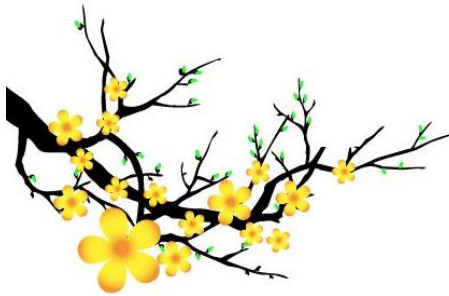
http://cothommagazine.com/index.php?option=com_content&task=view&id=1208&Itemid=55

Các tuyển tập văn thơ khác đang được chính tác giả biên soạn và phát hành online trong tương lai - cũng sẽ được đăng vào link “TÁC PHẨM CỦA NGUYỄN THỊ NGỌC

DUNG (VIRGINIA, USA)” ở trên.

CÙNG ĐÀN H

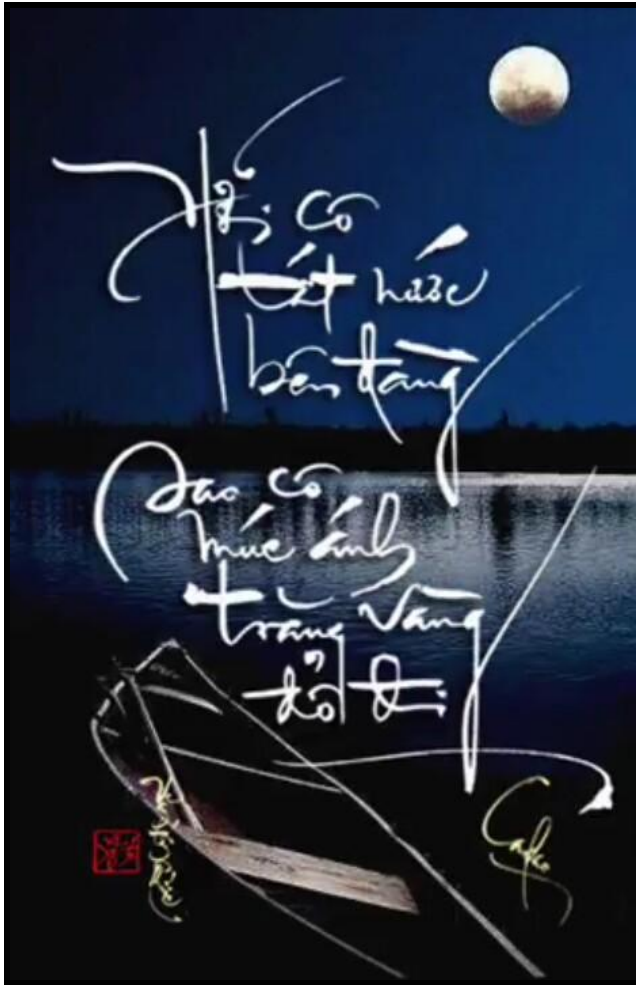
Hồn ván vương hoài đôi mắt xanh
Em ơi từ dạo biệt kinh thành
Anh luôn tìm lại hương tình cũ
Em có chờ trong giấc mộng lành?
Mấy độ sang mùa trên đất lạ
Một mình đối bóng giữa đêm thanh
Quê hương giờ vẫn xa ngàn dặm
Thôi thế thì thôi, nhớ cũng đành



KHAO KHÁT

Từ độ lên đường biệt mỹ nhân
Chao ơi, thương nhớ đến vô ngần
Quê người sương tuyết trùm muôn nẻo
Đất mẹ đào mai nở mấy lần
Em đã quạnh sầu bao tuổi hạ
Ta hằng khao khát một mùa xuân
Bao giờ tái ngộ say duyên nhỉ?
Để ý thơ xưa lại nói vẫn

Nguyễn Kinh Bắc



Hỡi cô tát nước bên đàng
Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi
(Ca dao)

Thư họa: **VĂN TẤN PHƯỚC** (France)

CHỜ TÔI ĐÊM BA MƯƠI

** TT-Thái An **

Năm 1969, chánh phủ Việt Nam Cộng Hòa ra thông cáo, vì vấn đề an ninh của miền Nam, tất cả công dân nam nữ từ 15 tuổi trở lên phải đi làm thẻ căn cước. Ai cũng phải đi làm căn cước trong tháng sinh nhật của mình. Đó là loại căn cước mới có chụp ảnh, lăn tay và ép plastic. Sau một thời hạn đã ấn định, mọi công dân bắt buộc phải có căn cước mới và căn cước cũ sẽ hết hiệu lực. Khi ra đường có thể bị cảnh sát gọi lại xét giấy tờ bất cứ lúc nào. Trước đó, 18 tuổi trở lên mới phải làm căn cước. Thế là vừa đúng năm tôi được 15 tuổi. Nhưng tôi phải chờ đến tháng sau cùng của năm mới đến lượt mình đi làm căn cước. Đối với tôi lúc đó, có căn cước xem như thành người lớn rồi. Làm người lớn thì không biết có gì vui, nhưng tôi cảm thấy có thể có rắc rối với mấy thầy cảnh sát khi ra đường.

Hôm đó tan học về, mẹ nhắc tôi đi làm căn cước vì đã đúng 15 tuổi. Tôi ăn trưa xong, thay quần tây và một cái áo kiểu cổ bẻ màu xanh dương. Tuy hình căn cước chỉ có trắng đen, nhưng tôi cũng muốn có hình cổ áo đằng hoàng.

Tôi đi bộ ra hội đồng xã Phú Nhuận, đã có cả dãy người dài thòng xếp hàng ở đó. Họ chuyện trò với nhau, có lẽ họ quen biết nhau hay đi chung với nhau. Còn tôi đi một mình nên yên lặng, hết nhìn vào đám đông lại nhìn vào phía những người đang được lăn tay hay chụp ảnh. Vì hội đồng xã không đủ rộng nên bày thêm bàn ra bên ngoài, phía sau tòa nhà để làm căn cước. Thình thoảng bắt gặp một đôi người đang nhìn tôi như quan sát, tôi ngại ngùng nhìn qua nơi khác. Ở cái tuổi 15, lớn chưa tới, nhỏ thì cũng chẳng còn, thật là dở dở ương ương nên hay bị mắc cỡ và lúng túng trước đám đông.

Chờ gần cả giờ đồng hồ mà cái đuôi người vẫn còn dài ngoằng. Trời nắng chói chang, nóng hừng hực mà tôi không đem theo dù hay đội nón gì cả. Nên chẳng bao lâu tôi bắt đầu cảm thấy nhức đầu. Tôi cố nán lại thêm chút nữa nhưng cơn nhức đầu càng lúc càng căng nên tôi ra về.

Về đến nhà mẹ hỏi ngay:

- Làm xong rồi à?

Tôi trả lời:

- Chưa xong, nhưng cơn nhức đầu quá nên không xếp hàng được nữa.

Nghe thế mẹ bảo:

- Thôi hôm khác lại đi, nhớ đem theo dù che đầu.

Thế là ngày nào mẹ cũng nhắc tôi đi làm căn cước. Tôi cứ ừ à cho qua, hẹn lần đến hôm khác. Vì tôi quá ngại khi phải đứng xếp hàng vài giờ dưới cơn nắng gay gắt, trước một đám đông mà tôi chẳng quen ai. Cho đến khi gần tết ta, mẹ lại hối nữa. Tôi không dứt khoát trả lời. Mẹ lại nhờ ông ngoại:

- Hay là ông dắt hộ cái An đi làm căn cước nhé?

Ông tôi gật đầu ngay. Tôi thở phào nhẹ nhõm. Có ông đi theo, tôi sẽ có người đứng xếp hàng chung, có người nói chuyện cho đỡ chán trong lúc chờ đợi. Nhất là tránh khỏi những cặp mắt nhìn tôi có vẻ tò mò.

Hôm đó tôi mặc chiếc áo dài màu san hô nhạt. Vì mẹ mua cho tôi hai xấp vải màu để may áo dài mặc Tết, dù trước đó mẹ đã cho tôi tiền may vài cái áo đầm, tôi tự đi lựa vải và đi may lấy. Có lẽ mẹ muốn tôi mặc áo dài màu ngày đầu năm nên tự ý chọn vải áo dài cho tôi. Tôi không muốn để dành đến tết mới đem ra mặc. Tôi muốn mặc ngay để chụp hình căn cước cho ra vẻ người lớn.

Hai ông cháu đi bộ ra hội đồng xã. Kỳ này ông cầm theo dù cho tôi, vì ông biết tôi không thích cầm giữ mấy thứ linh kinh. Phần ông thì lúc nào cũng cầm theo cái quạt nan che đầu. Đến nơi thì đã có dòng người xếp hàng dài thòng. Tôi và ông đứng xếp hàng cả một tiếng rưỡi mới đến lượt tôi.

Tôi đưa giấy khai sinh cho anh chàng có nhiệm vụ lăn tay. Anh ta la lên:

- Tại sao bây giờ mới đi làm? Quá hạn hơn một tháng rồi. Không được làm nữa.

Nói xong anh ta đưa trả tôi giấy khai sanh. Tôi ngạc nhiên hỏi lại:

- Không được làm căn cước là tôi sẽ không có căn cước hay sao?

Anh kia trả lời:

- Đúng rồi, vì đã quá hạn, không được làm nữa.

Tôi tái mặt, mím môi để khỏi bật lên tiếng khóc. Ông tôi vội nài nỉ với anh kia:

- Xin ông vui lòng giúp cháu tôi, dù trễ nhưng cũng phải làm căn cước chứ. Ông cứ lăn tay cho cháu đi.

Anh kia cứ lắc đầu xua tay bảo chúng tôi đi về. Ông tôi cố nài nỉ thêm vài câu nhưng vô ích. Anh kia hống hách xua tay đuổi chúng tôi. Nhất định không cho tôi làm căn cước. Rồi gọi người đứng sau tôi lên lăn tay.

Hai ông cháu ra về mà lòng tôi buồn rười rượi. Sợ về nhà lại bị mẹ mắng sao không nghe lời đi làm từ trước. Ông an ủi tôi: “Về hỏi mẹ cháu xem có cách nào không”.

Về đến nhà, mẹ hỏi: “Làm xong rồi à?”. Ông lắc đầu kể lại mọi sự. Mẹ trách nhẹ tôi một câu nhưng nói ngay:

- Hay là nhờ chị Thu xem, chị ấy quen biết nhiều, không chừng chị ấy dắt đi làm được.

Chị Thu là con ông bà Sùng, chị của Hạnh, bạn thân của tôi. Chị nổi tiếng tánh tốt kẻ nhưng việc gì khó đưa cho chị là xong hết. Tánh tình chị lại xuề xòa, dễ chịu.

Tôi chạy ngay qua nhà chị Thu. Trình bày với chị tình cảnh của tôi. Nghe xong chị cười bảo:

- Tưởng gì khó. Tao dắt mày lên bót cảnh sát ở Gia Định, tao quen với ông xếp ở đó, nhờ ông viết cho một tờ giấy giới thiệu là cái thằng tép riu hồi nãy phải sợ một phét.

Tôi thật thà hỏi lại:

- Thật không chị Thu?

- Thật chứ sao không!

Thế là chị Thu lấy xe Honda chở tôi lên bót cảnh sát Gia Định. Chị vào thẳng văn phòng ông xếp trưởng bót hay trưởng ty gì đó. Gặp nhau hai bên chào hỏi rôm rả có vẻ quen biết từ lâu và thân tình lắm.

Ông xếp hỏi chị Thu sao lâu quá mới ghé chơi. Chị Thu giới thiệu tôi và kể ngay sự tình, nhờ ông biên cho một tờ giấy giới thiệu cảm về để tôi được làm căn cước. Ông bảo cứ ngồi chơi chút đã, ông sẽ giúp cho.

Tôi lí nhí cúi đầu chào vì chẳng biết xưng hô ra sao. Trông ông xếp lớn tuổi như bố chị Thu, nghĩa là lớn hơn bố tôi. Thế mà chị Thu gọi ông ấy là anh xưng em tỉnh queo. Không lẽ tôi gọi ông ấy là bác? Mà gọi anh thì nhất định tôi không dám.

Tôi ngồi yên nghe hai người nói chuyện, chuyện ông này bà kia, toàn là những người tôi không biết. Chờ sót cả ruột tôi quay ra tìm báo đọc. Cả mấy tờ báo máng ở kệ để báo. Tôi đọc hết mấy tờ báo và đọc cả các trang cáo phó, phần ưu mà họ vẫn chưa nói hết chuyện. Tôi hỏi hộp quá, chỉ sợ hết giờ làm việc của hội đồng xã thì về không kịp. Thành thạo ông xếp quay sang hỏi thăm tôi đôi câu. Tôi lại lễ phép trả lời, nhưng chẳng dám “thưa anh” hay “thưa bác”.

Rất cuộc cũng xong, câu chuyện tán dóc của hai người tạm ngưng. Ông xếp lấy giấy viết thư của ông ra viết cho ông xếp bên hội đồng xã vài dòng gửi gắm tôi, nhờ ông xếp bên kia giúp cho việc làm căn cước của

tôi. Viết xong ông đóng mộc, ký tên. Rồi đưa cho tôi tờ thư này. Tôi cầm lấy đọc. Chỉ có vài dòng thôi mà uy quyền quá. Tôi nể ông lắm, lính quỳnh cảm ơn và theo chị Thu ra về.

Ra đến ngoài, tôi trách chị Thu sao nói chuyện lâu quá, lỡ trễ giờ về bên hội đồng xã còn phải xếp hàng nữa. Nghe thế chị Thu phá lên cười, rồi nói:

- Mà ngu quá nhỏ ơi! Mà có tờ thư của xếp lớn trong tay mà phải xếp hàng sao?

Tôi thật thà hỏi lại:

- Bộ có thư này thì không phải xếp hàng à?

Chị liếc tôi một cái thật dài rồi cao giọng:

- Tao phải ngồi tán dóc với xếp hơn cả tiếng đồng hồ để xếp viết cho mày mấy dòng này đó.

Tôi thấy mình vô ý quá chưa cảm ơn chị nên cười với chị, rồi nói: "Em cảm ơn Thu nhiều ạ!"

Về đến hội đồng xã Phú Nhuận, gửi xe xong, chị Thu nắm tay tôi đi thẳng đến bàn lãn tay. Chị đưa tờ thư của ông xếp cho anh chàng ban sáng đuổi hai ông cháu tôi về. Chị nói thật mạnh dạn với anh:

- Đây là thư của trưởng ty cảnh sát bên Gia Định gửi cho xếp của anh. Anh đọc đi rồi cho tôi biết có thể làm căn cước cho em tôi không?

Anh chàng vừa đọc xong nét mặt đổi sắc ngay. Anh cười thật tử tế với hai chị em tôi rồi nói:

- Dạ thưa cô, thư của ông xếp này gửi ông xếp của tôi, chắc chắn tôi phải làm chứ, làm ngay chứ. Làm sao dám cãi. Thôi ban sáng có gì không phải xin hai cô bỏ qua, đừng nói với xếp của tôi nghe. Cô mà nói thì tôi chết, nghe cô!

Thế là anh ta vội vàng mời tôi lãn tay ngay lập tức, vừa lãn mấy ngón tay của tôi, vừa nịnh vớ vẩn. Tôi chán nghe anh ta nịnh mà cũng phải cười trừ cho mau xong việc. Lãn tay xong, anh giao tôi cho anh phó nhòm để chụp ảnh. Tôi không cần phải xếp hàng gì cả.

Thế là nhờ chị Thu mà hôm đó tôi làm xong căn cước. Cầm căn cước trong tay, tôi nhìn tấm ảnh và tên tuổi của mình mãi mà không chán. Tôi lại cảm ơn chị Thu lần nữa.

Xong việc, chị Thu chở tôi về nhà chị. Xe vừa đậu trước nhà thì có hai người thanh niên đang ngồi trong một chiếc xe hơi màu trắng đậu bên kia đường gọi qua:

- Thu! Thu!

Người ngồi sau tay lái vẫy tay gọi chị Thu lại. Chị dặn tôi đứng chờ chị sẽ trở lại. Tôi chỉ muốn đi về vì đã có căn cước rồi, đứng chờ gì nữa đây? Nhưng chị đã băng qua bên kia đường. Tôi chờ cả mười phút chị vẫn chưa hết chuyện. Tôi thấy chị Thu mê nói chuyện quá, quên cả tôi đang chờ. Tôi đi qua đi lại vài lần trước nhà chị, cầu mong chị Thu biết tôi sốt ruột mà quay lại cho tôi chào chị một tiếng rồi về. Có lẽ cả hai mươi phút chị mới trở lại.

Trông thấy chị, tôi nói ngay:

- Cho em về nghe chị Thu, em đi lâu quá rồi.

Chị Thu nói ngay:

- Không được, mày phải đi với tao. Mấy anh này muốn mời mình ra Sài Gòn uống cà phê.

Nghe thấy phải đi uống cà phê với hai người đàn ông lạ, tôi cuống lên trả lời:

- Thôi chị đi một mình đi. Em không dám đi đâu. Với lại, bố em sắp về rồi. Không thấy em ở nhà thì đánh em chết.

Chị Thu nói ngay:

- Mày xấu nghề, tao đi với mày cả buổi lo cho mày xong cái căn cước. Mà mày không chịu đi với tao một lúc.

Nghe thế, tôi bí lối. Tôi không muốn bị làm người xấu. Chị lo cho tôi hết lòng nên tôi phải đáp lại. Dù bất đắc dĩ nhưng cũng phải chịu thôi. Tôi xìu xuống nói với chị:

- Nhưng bố em đi làm về mà không thấy em ở nhà thì em bị đòn chị Thu ơi! Em sợ bố em lắm.

Chị Thu trấn an tôi:

- Không sao đâu, để tao đưa mày về nhà xin phép bố mày cho. Đi mau đi, còn về sớm.

Thế là chị nắm tay tôi băng qua đường đến bên phía cửa sau. Nhưng cái anh ngồi phía trước cạnh anh lái xe bước xuống xe gọi chị Thu, bảo chị lên phía trước ngồi. Anh mở cửa cho tôi lên ghế sau rồi đi vòng qua cửa bên kia. Tôi không ngờ tình huống thay đổi thế này. Tôi tưởng tôi và chị Thu sẽ ngồi chung ở phía sau, tôi sẽ cảm thấy thoải mái hơn. Ai ngờ bây giờ chị ngồi phía trước, tôi ngồi phía sau với cái anh khá to con này. Tôi đoán có lẽ anh lái xe muốn chị Thu ngồi phía trước với anh ấy.

Tôi cố ngồi sát vào phía cửa xe để cái khoảng cách giữa tôi và anh kia càng xa càng tốt. Chị Thu giới thiệu tên từng người. Thì ra cái anh ngồi cạnh tôi tên Sỹ. Anh ở căn nhà đầu dãy bên kia đường đối diện dãy nhà của chị Thu. Nhà của anh lớn nhất đường này, như loại biệt thự có cổng

sắt và tường cao. Còn anh lái xe tên Sơn. Không biết chị Thu quen họ từ bao giờ mà nói chuyện lú lo.

Anh Sỹ hỏi thăm tôi nhiều câu:

- Em mấy tuổi rồi? Học lớp mấy? Nhà ở đâu?

Tôi phải trả lời từng câu:

- Em mười lăm tuổi.

Vừa nghe xong “mười lăm tuổi” là anh Sỹ kêu ngay:

- Vậy sao? Sao trông em giống như 17 hay 18 tuổi, em có khai sục tuổi không?

Tôi bẽn lẽn lác đầu:

- Nhà em không ai khai sục tuổi hết.

Chị Thu nói vào ngay:

- Vừa dắt nó đi làm căn cước đó. Sáng nay ông nó dắt nó đi mà người ta không cho làm vì nói là quá hạn hơn cả tháng rồi. Chắc là thằng cha đó muốn làm tiền.

Chị Thu luôn thể khoe chiến công của chị, nhờ quen với xếp lớn nên chị đã giúp tôi làm được căn cước. Anh Sỹ hỏi ngay:

- Vậy có căn cước chưa?

Tôi trả lời có rồi. Thế là anh Sỹ bảo:

- Đâu đưa cho anh coi coi!

Tôi thật thà lôi cái căn cước mới toanh ra cho anh xem vì tôi hãnh diện là mình đã có căn cước. Anh cầm xem một lúc mới trả lại tôi. Anh lại hỏi:

- Nhà em ở đâu?

Chị Thu nói ngay:

- Ngay đầu hẻm phía nhà em đó.

Anh Sỹ lại hỏi:

- Bộ em mới dọn về đây hả?

Tôi buồn cười quá nhưng ráng nhin cười, trả lời:

- E m ở đây từ khi chưa đi học mẫu giáo.

Anh Sỹ thẫn thờ nói:

- Vậy sao anh không khi nào thấy em vậy?

Anh Sơn ở phía trên đang lái xe cũng nói đùa một câu:

- Ngày xưa em còn bé tí teo nên anh không thấy chứ gì?

Chị Thu vội nói ngay:

- Thôi! Con người ta còn bé, mới mười lăm à nghe. Đừng chọc ghẹo nó à nghe!

Tôi hoảng hốt trước câu nói của chị Thu nên buột miệng kêu: “Chị Thu!”

Anh Sỹ vội đính chính:

- Anh không có ý gì đâu. Thu đừng nói vậy làm An sợ anh cái sao.

Quay sang tôi, anh Sỹ trấn an:

- Em đừng sợ! Chị Thu nói kỳ quá phải không? Anh không có ý gì đâu.

Tôi chỉ gạt đầu mà chẳng biết nói gì. Ngừng một lúc, anh Sỹ lại hỏi:

- Em ở đây lâu rồi, có bao giờ em có trông thấy anh không vậy?

Tôi gạt đầu nói có. Anh ngạc nhiên hỏi lại:

- Em thấy anh hồi nào?

Tôi trả lời:

- Thỉnh thoảng đi ngang qua nhà anh, em thấy anh đứng trong sân.

Không những thấy anh mà thôi, tôi còn thấy cả cha mẹ anh và hai em trai của anh nữa. Cha anh hay quần sà rông ca rô đồ trắng đen, trên mặc áo may ô trắng. Má anh luôn mặc cái quần satin đen và áo bà ba có hoa nhỏ li ti màu nhạt. Trong sân nhà anh luôn có chiếc xe hơi con cóc màu đen, thỉnh thoảng cha anh lái ra đường.

Nhiều năm sau này nghĩ lại, tôi đoán cha anh là người Việt gốc Miên. Mẹ anh là người Việt, miền Nam. Có lẽ vì thế anh có mái tóc dù cắt ngắn vẫn còn nét dờn dợn, hàng lông mi cong cong và đôi mắt to là nét của người Miên. Nước da trắng giống mẹ.

Anh Sỹ lại buông một câu:

- Vậy sao, sao anh không thấy em vậy cà!

Anh Sơn lại nói: “Đã nói ngày xưa em còn bé tí teo làm sao anh thấy được”. Nói xong anh Sơn và chị Thu cười phá lên. Nhưng tôi và anh Sỹ không cười nổi. Chị Thu hỏi hai anh kia:

- Anh Sỹ với anh Sơn hai mươi bảy rồi phải không?

Anh Sơn đính chính:

- Anh hai mươi sáu thôi. Anh Sỹ hai mươi bảy đó.

Chị Thu nói ngay:

- Vậy là anh Sỹ hơn cái An một con giáp.

Anh Sơn cho xe ghé vào khu Kỳ Đồng đón một cô gái khác cùng đi. Chị Thu ra băng sau ngồi, nhường ghế trên cho cô kia. Chị ép tôi vào giữa ghế khiến tôi gần sát với anh Sỹ hơn. Tôi ngồi mà nín thở, chỉ sợ mỗi khi xe rẽ phải, rẽ trái tôi bị ngã trúng anh.

Sau đó anh Sơn lái xe ra phòng trà Tự Do. Khoảng 5 giờ chiều nên còn vắng khách. Mọi người ngồi vào bàn. Ai nấy gọi cà phê, chỉ có tôi gọi sữa tươi vì chưa biết uống cà phê và cũng không thích nước ngọt.

Anh Sỹ lại ngồi gần tôi. Hai cô kia và anh Sơn thi nhau nói, ồn ào hẳn cả một góc tiệm. Thỉnh thoảng anh Sỹ góp chuyện với họ. Chỉ có tôi là ngồi chịu trận vì chẳng biết họ đang nói về ai. Tôi cầu mong sao họ kết thúc câu chuyện cho nhanh để tôi được ra về.

Thình thoảng tôi lại nhìn xuống đồng hồ tay của mình sốt ruột xem giờ. Anh Sỹ hiểu ý nên bảo tôi cố chờ thêm chút nữa.

Hôm đó về đến nhà may quá bố tôi chưa về nhà, có lẽ bố ghé chỗ nào nữa. Thấy tôi về, mẹ hỏi ngay có làm được căn cước chưa, sao về trễ thế. Tôi khoe ngay cái căn cước mới làm xong rồi phân trần lý do về trễ. Mẹ vui vì tôi đã có căn cước nên không quan tâm việc tôi theo chị Thu và mấy anh kia đi uống cà phê.

Chiều hôm sau khoảng ba giờ, bỗng dưng có tiếng gõ cửa. Tôi bước ra, không ngờ anh Sỹ và anh Sơn đang đứng bên ngoài. Tôi bủn rủn chân tay vì không biết phản ứng thế nào. Anh Sỹ nói ngay: - Mở cửa cho anh vào đi An.

Tôi làm theo như cái máy. Tôi muốn hỏi tại sao anh đến đây nhưng không mở miệng được. Tôi chỉ biết mở cửa mời hai anh vào nhà.

Ông tôi và mẹ tôi đều có nhà. Tôi lúng túng giới thiệu tên hai anh với ông và mẹ, nói thêm rằng hai anh là bạn chị Thu, mới gặp ngày hôm qua. Hai anh lễ phép chào ông tôi và chào mẹ tôi là "Bác". Tôi buồn cười khi nghĩ đến tuổi của các anh chỉ nhỏ hơn mẹ tôi 12 hay 13 tuổi, nghĩa là cái số tuổi tôi nhỏ hơn hai anh.

Ông và mẹ tôi lui vào nhà trong để hai anh kia nói chuyện với tôi. Tôi bối rối không biết nói gì. Anh Sỹ mời tôi ra Sai Gòn uống cà phê. Tôi ngại đi với hai anh quá. Nhưng vì anh Sỹ nài nỉ quá, thêm phần tôi sợ bố về trông thấy hai anh tôi chẳng biết giới thiệu thế nào. Nên tôi đánh liều đi với hai anh một giờ cho hai anh khỏi ngồi lâu trong nhà tôi. Tôi vào trong xin phép mẹ. Mẹ bảo hai anh này lớn hơn tôi nhiều quá, phải cẩn thận đấy. Tôi bảo mẹ yên trí vì ngoài đường phố, giữa quán cà phê có khối người chung quanh mà. Nói thế cho mẹ yên tâm chứ lòng tôi đang bất an vì phải đi với hai anh.

Tôi đi thay áo. Tôi mặc cái robe màu xanh da trời, tay sát nách, cao trên đầu gối một chút. Mang đôi giày màu da bò sáng, cao khoảng 6 phân.

Khi tôi trở ra, anh Sỹ xin phép mẹ cho anh đưa tôi ra Sài Gòn uống nước. Tôi theo hai anh bước ra cửa. Ngay lúc đó có mấy người hàng xóm đang ngồi trước cửa nhà trông thấy tôi. Tôi cúi đầu chào họ rồi đi ngay. Tôi có cảm tưởng như bị họ bắt quả tang tôi đi với đàn ông ra đường, nhất là đi với hai cái "ông già" này. Tuổi mới lớn hay sợ đủ thứ.

Ra đến ngoài đường. Hai anh đưa tôi về nhà anh Sỹ để lấy xe gắn máy ra. Anh Sỹ chở tôi, còn anh Sơn đi một xe khác. Tôi ngại ngừng leo lên yên sau. Anh Sỹ thuộc loại to con, anh ngồi gần sát phía yên sau khiến tôi bối rối khó xử. Ngồi lù ra xa thì xém rớt ra ngoài; ngồi xích vào trong

thì bị đụng vào người anh Sỹ. Tôi cố lấy tay bám vào phía sau giữ thăng bằng. Còn tay phải, không thể nào không vịn vào anh mà tôi ngồi an toàn được. Bất đắc dĩ tôi xỏ ngón cái vào cái dây lưng của anh mà nín thở. Tôi tự trách mình “biết thế tôi không đi!”

Hai anh đưa tôi đến cà phê La Pagode. Vừa bước vào trong, tôi có cảm tưởng như những người khách đang ngồi trong quán đều quay đầu ra nhìn tôi. Có lẽ vì tôi đang mặc cảm đi với mấy “ông già” mà tưởng tượng ra như thế chẳng?

Người hầu bàn ra đón khách. Tôi chỉ ngay cái bàn sát đường Tự Do, nơi tôi thường ngồi với bố mỗi chiều thứ Bảy. Vì hầu như thứ Bảy nào bố cũng dắt tôi đi xem xi nê ở rạp Rex. Sau khi mua vé vẫn còn dư cả tiếng đồng hồ; nếu tôi không đi mua sắm thì bố sẽ dẫn tôi đến đây. Tôi đã quen với cái bàn này và cái vỉa hè đường Tự Do bên cạnh cửa kính.

Tôi chọn cái ghế ngồi quay mặt ra đường, vì không muốn đối diện với những người khách khác. Anh Sỹ kéo ghế cho tôi ngồi xuống. Anh Sơn xin phép ra ngoài mua thứ gì đó. Chỉ còn tôi và anh Sỹ ở lại.

Sau khi gọi thức uống, người hầu bàn lui ra. Tôi cảm thấy như thời gian ngừng trôi vì cả anh Sỹ và tôi đều yên lặng. Tôi chỉ biết nhìn theo những người bộ hành bên ngoài và cầu mong sao anh Sơn chóng sớm trở lại. Vì ít ra có thêm anh Sơn, có người hoạt náo cho hết yên lặng.

Khi người hầu bàn trở lại đặt ly sữa tươi của tôi lên bàn. Anh Sỹ lấy đường bỏ vào ly cho tôi. Tôi không thích cho đường vào sữa nhưng chẳng dám cản anh sợ làm anh “quê”. Tay anh tự nhiên run lên bần bật, làm đổ cả nửa thìa đường ra ngoài. Anh phải lấy tay trái đỡ phía dưới cho đường rớt vào tay. Tôi không biết anh bị gì lạ thế nhưng chỉ ngồi yên nhìn mà trong lòng cũng đang run. Anh buột miệng phân bua:

- Sao tự nhiên anh run quá. Anh chưa bao giờ run như vậy, em đừng cười anh nghe!

Tôi chỉ biết nhòe miệng cười, không kiếm ra lời để nói nhưng trong lòng tôi run theo nhịp tay đang run của anh. Anh Sỹ ngập ngừng giây lát rồi nói:

- An ơi! Anh đưa em ra đây vì anh có chuyện muốn nói với em.

Ngừng một lúc để nhìn tôi. Tôi yên lặng chờ đợi. Anh nói tiếp:

- Anh muốn nói với An rằng anh muốn xin hỏi cưới em.

Tôi giật bắn người, ngồi chết cứng nhìn anh, muốn hỏi tại sao mà cũng không dám hỏi. Anh lại nói tiếp:

- Nếu em chịu, anh sẽ nói ba má anh đem trà cau qua hỏi em. Để đó chừng nào em được mười tám tuổi thì mình làm đám cưới. Được không An?

Tôi nghe lòng bùng hai bên tai. Thì ra là thế, anh dẫn tôi đi uống cà phê là để nói chuyện này. Tuy tôi còn nhỏ nhưng đã thấy anh khôn quá, anh muốn dùng đám hỏi để trói buộc tôi. Tôi sẽ mất tự do, sẽ không bao giờ còn cơ hội gặp người khác để yêu và để lấy.

Tôi lắc đầu nói ngay:

- Không được, em không muốn làm đám hỏi với anh.

Anh Sỹ khở sở hỏi lại:

- Tại sao vậy? Bộ em chê anh già hả?

Tôi suýt bật cười vì câu nói “tự nhận già” của anh. Chính tôi cũng thấy anh “già”, nhưng không muốn làm anh buồn nên trả lời:

- Không phải em chê anh già. Nhưng vì em không yêu anh làm sao lấy được?

Anh Sỹ năn nỉ:

- Thôi mà, anh năn nỉ mà! Em chịu lấy anh đi. Vì anh đóng xa nhà, mai mốt anh đi về đơn vị, anh sợ mất em quá!

Tôi nhìn anh Sỹ ái ngại. Câu nói hết sức chân thành của anh làm tôi mũi lòng cảm động. Tôi không muốn anh buồn. Nhưng tôi không ép lòng mình được.

Tôi lại lắc đầu, nói với anh:

- Em không lấy anh được vì em không yêu anh mà.

Anh Sỹ lại năn nỉ nhiều lần. Tôi chỉ còn ngồi yên nghe anh nói, chẳng biết nói thêm gì. Thình thoảng tôi ngẩng lên nhìn anh, trông thấy hàng lông mi cong cong của anh. Gương mặt anh có hàng râu quai nón dù đã cạo sạch. Kể ra trông anh cũng cao ráo, đẹp trai. Theo cái nhìn của tôi, anh hơi mập. Nhưng so với thời những năm 2000 này thì chỉ là to con thôi.

Anh đi lính bao giờ tôi không biết. Nhưng chẳng khi nào thấy anh mặc đồ quân nhân. Lúc nào cũng thấy anh mặc cái quần jean và cái áo sơ mi tay dài hàng cotton màu xanh nhạt.

Tôi lại cầu mong sao cho anh Sơn trở lại để không khí bớt căng thẳng. Tôi không hiểu sao anh Sơn theo anh Sỹ đi uống cà phê mà lại bỏ đi đâu lâu thế. Tôi hối hận vì đã theo anh Sỹ đi uống cà phê. Tôi nghĩ thầm phải chi tôi đừng đi thì đâu có chuyện này.

Gần hai giờ sau anh Sơn mới trở lại. Tôi bảo anh Sỹ đi về vì đã trễ rồi, tôi không ngồi lâu thêm được nữa.

Ra ngoài đường, anh Sỹ chưa muốn về. Anh bảo muốn đưa tôi đi sắm tết. Anh hỏi tôi có cần mua thêm quần áo mới thì anh đưa đi, sẵn gần thương xá Tax bên kia đường và phố xá đang đông người đi sắm tết. Tôi thấy anh Sỹ câu giờ quá. Tôi đang “ngộp thở” chỉ muốn về ngay, chẳng muốn đi thêm phút nào với anh. Tôi trả lời tôi có đủ rồi, không cần mua thêm gì cả.

Đang đi ngang hàng với tôi, anh lui lại phía sau để tôi đi một mình phía trước. Tôi biết anh cố ý nhìn dáng tôi đi nên ngượng quá. Nhưng tôi vẫn giữ nhịp đi bình thường, không muốn cố ý đi chậm lại vì “Sợ chàng chê hấp tấp”. Khi đến ngã tư đứng lại chờ đèn đỏ, anh đến đứng cạnh tôi, hỏi:

- Đôi giày em mua ở đâu vậy?

Tôi xuýt bật cười. Hóa ra anh ngấm tôi từ đầu đến chân và đôi giày. Tôi trả lời:

- Mẹ em và mẹ chị Thu đi Hồng Kông chơi mua về cho em.

Anh Sỹ nói ngay:

- Hèn gì trông thấy khác.

Khi đèn xanh bật lên, anh nắm tay tôi băng qua đường. Tôi rút tay lại vì thấy kỳ cục quá. Năn nỉ đi thêm một lúc nữa không được, anh phải đưa tôi về.

Hôm sau vào lớp. Cái Bình đã bá cáo:

- Hôm qua thấy ông Sỹ đến nhà mày, ai cũng nói mày là “Chuột sa hũ nếp”.

Tôi bực quá gất lên:

- Tao không phải là chuột. Đứa nào muốn làm chuột thì làm đi, tao không làm đâu.

Cái Hạnh, bạn thân nhất của tôi cũng đáo để nói thêm vào:

- Nó mà lấy ông Sỹ thì phải đặt làm cái giường to đặc biệt vì ông Sỹ mập quá!

Tôi không ngờ Hạnh lại nói nặng đến thế. Nó biết tôi không muốn lấy ông Sỹ mà sao lại chọc tôi như vậy? Anh Sỹ có to con thật nhưng đâu mập như nó tả.

Bạn bè tuổi choai choai hay chọc gheo nhau, nhưng có lẽ chúng có ác ý chứ không phải chỉ chọc gheo để cười cho đã.

Qua hôm sau là ba mươi Tết. Khoảng mười giờ tối đưa em trai út của tôi từ ngoài ngõ trở về nhà. Nó cười khoe với tôi rằng anh Sỹ đón nó ở đầu ngõ cho nó tiền lì xì. Anh nhắc nó về nói với tôi rằng anh chờ tôi ngoài đầu ngõ. Anh có chuyện muốn nói với tôi vì sáng sớm mai anh phải về đơn vị rồi.

Tôi không dám gặp lại anh Sỹ nên nói với nó ra bảo anh Sỹ rằng chị An không ra đâu, anh đừng chờ. Nó nghe theo chạy ra đầu ngõ cho anh hay như thế.

Nhưng một lúc sau nó lại chạy về năn nỉ giùm anh Sỹ:

-Chị An ra gặp anh Sỹ chút thôi mà, anh Sỹ có chuyện muốn nói với chị mà. Sáng sớm mai anh đi rồi. Tôi nghiệp anh Sỹ mà!
Tôi cảm thấy bất an bất ổn vì để anh Sỹ chờ. Nhưng rất sợ gặp lại anh để nghe anh lặp lại những lời cầu hôn mà tôi biết chắc tôi lại từ chối. Tôi không nỡ nói với anh như vậy nữa. Thôi để anh chờ rồi anh sẽ đi.
Gần giao thừa, tiếng pháo nổ lưa thưa từ xa vọng lại. Có lẽ giờ này anh đã về nhà. Sáng sớm mai anh sẽ về đơn vị, anh sẽ quên tôi như một nụ hoa hàm tiếu tình cờ gặp dọc đường.



Tiếng pháo nổ vang rân khắp nơi báo hiệu bước sang năm mới 1970. Nhưng lòng tôi không vui vì biết anh đang buồn. Tôi bước vào tuổi mười lăm với chút lòng trắc ẩn, áy náy lo âu cho một người yêu mình. Từ đó tôi và anh không còn gặp lại nhau.

Đã bao nhiêu mùa xuân đi qua, mỗi khi nghe lại bản “Đón Xuân Nay Nhớ Xuân Xưa” của Châu Kỳ, tôi vẫn bồi hồi nhớ đến anh. Anh đã hẹn tôi đêm giao thừa. Nhưng tôi không đến nơi hẹn. Vì tôi biết tôi không là “cái xương sườn” của anh.

Nhưng với tuổi đời lên cao, dần dà tôi mới nhận ra lời tỏ tình của anh “Mai mốt anh về đơn vị, anh sợ mất em quá” đầy chất quân tử. Vì khi anh dám nhìn nhận sự yếu đuối, bất lực không cầm giữ được người mình yêu mà không sợ bị chê, bị cười thì anh rõ là quân tử.

Anh mang bản chất thành thật và thẳng thắn là hai yếu tố cần thiết để xây dựng một mối liên hệ lâu dài.

Tôi tin chắc một người cao ráo đẹp trai, mang lon Thiếu Úy, con nhà giàu như anh thì có nhiều cô sẵn sàng nâng khăn sửa túi cho anh lắm. Thế nào anh cũng gặp được người anh ưng ý.

Nếu có bao giờ nhớ đến An, xin anh hiểu cho An luôn trân quý tình yêu của anh. Anh luôn là một vì sao lấp lánh trên khung trời kỷ niệm của An, của những ngày chớm lớn. Lúc đó còn bé quá, chưa hiểu gì, An chưa thông cảm được sự lo lắng và hấp tấp của anh. Sợ hãi và bối rối trước những lời tỏ tình và cầu hôn quá bất ngờ của anh, An chỉ biết đi trốn cho an toàn, cho khỏi sợ. Ai bảo anh thương “con nít” làm gì!

TT-Thái An

1/30/2019

NHỚ NGƯỜI CHIẾN SĨ VÔ DANH

Nhớ xưa, mỗi độ Xuân về
Lính lo gác giấc, giữ Quê thanh bình
Thường nghe Duy Khánh, Giao Linh
Hát đùa “Anh Lính đa tình” mà vui!

Tết này, thưa Mẹ dùm tôi
“Con không về được... Mẹ ôi, chớ buồn!”
Quà Xuân gửi ra tiền đồn
Bánh chưng, bánh tét, lại còn phong thư

Đôi dòng Chúc Tết đơn sơ
Hậu phương em gái, tâm tư nồng nàn
Giao thừa, tiếng súng nổ ran
Thay tràng pháo, đón Xuân sang địa đầu

Đôi xa, bừng sáng hỏa châu
Nắm tay nhau, lính trao câu chúc mừng
Lính xưa, ăn Tết trên rừng
Để Quê hương, được tung bừng vui Xuân

--oOo--

Ai ngờ... thế cuộc xoay vần
Quê nhà nay đã muôn phần đổi thay
Toàn dân ngậm đắng, nuốt cay
Mỗi năm, cuộc sống đọa đầy dài ra

Cộng nô, một lũ đại gia
Cướp nhà, cướp đất, đô-la ngập đầu
Tết về, kín cổng, nhà lầu
Ăn chơi xả láng, thiết đâu dân tình!

--oOo--

Đầu năm, nhớ Chị, nhớ Anh,
Những người Chiến Sĩ Vô Danh thuở nào.
Kính cẩn, tôi gơ tay chào
Nụ hôn thương mến gửi vào thiên thu !!!

Trần Quốc Bảo
Richmond, Virginia



BÙI THANH TIÊN và tập thơ "GIẤC MƠ ĐỜI"

Tập thơ "Giấc mơ đời" là tập thơ thứ hai của nhà thơ Bùi Thanh Tiên. Xuất bản năm 2002. Gần một trăm bài thơ. Hơn một trăm trang giấy. Bùi Thanh Tiên đã trải rộng tình cảm trong lòng mình ra với thiên nhiên, với quê hương đất nước, dâng hiến tình yêu cho đời và cho đạo v.v...

"Giấc mơ đời" được hoàn thành hầu như để góp thêm một bông hoa trong vườn hoa văn học nghệ thuật tại hải ngoại và đồng thời cũng là một món quà tinh thần mà nhà thơ muốn trao tặng cho người đang cùng chung một nhịp đập với trái tim của mình, đang cùng sánh vai trên con đường rực rỡ hoa Đời, thên thang hương Đạo.

Tình yêu nam nữ là một thứ tình yêu có từ vạn kiếp và luôn là một đề tài bất diệt trong vườn hoa văn học nghệ thuật của bất cứ quốc gia nào. Tình yêu nam nữ xuất hiện trong văn, trong thơ, trong nhạc và ngay cả trong các tác phẩm hội họa và điêu khắc cũng như vũ và kịch v.v...

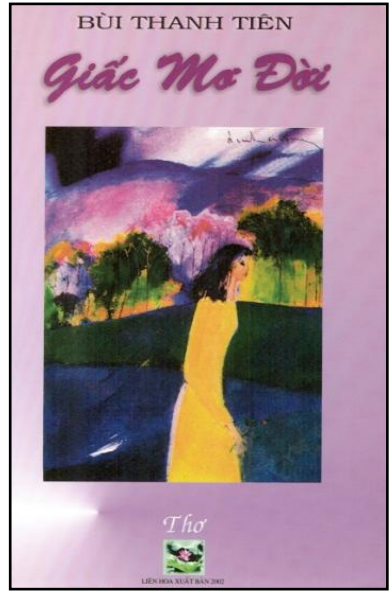
Riêng trong lãnh vực thi ca thì từ cổ chí kim, từ Đông sang Tây, tình yêu luôn gợi hứng cho các nhà thơ. Hình như tình yêu không có tuổi tác, chùng nào trái tim con người còn đập thì con người còn yêu. Có lẽ thật vậy. Chỉ nhìn lại trong lịch sử thi ca nước Việt chúng ta đã thấy rõ điều này. Có lẽ vì thế nên một nhà văn nào đó đã từng nói rằng: "Thơ trữ tình có thể coi như tổng hợp, như tuyệt đỉnh của thơ, mà chính thơ là tuyệt đỉnh của tiếng nói loài người!".



Nhà thơ Bùi Thanh Tiên cũng không ra ngoài cái thông lệ đó. Trẻ thì không còn trẻ lắm. Mà già thì chưa già hẳn. Mà trẻ hay già thì có nghĩa gì đâu khi trái tim nhà thơ vẫn còn dạt dào trào dâng những vần điệu lai láng trữ tình... Tình cho ngoại cảnh, tình cho nội tâm, tình cho người, nhất là người bạn đời...

*

Thoạt tiên là tình yêu thiên nhiên. Dưới mắt nhà thơ thì cỏ cây hoa lá, gió trăng sông núi v.v... luôn luôn là những đề tài gợi hứng. Vàng Trăng



đêm tỏ ra quyến rũ đến say đắm lòng người khiến nhà thơ phải đặt bút viết:

*"Đôi lần biệt dưới vũng trăng
Bao phen say giấc chốn cung hằng
Đêm sương mời đón hương dạ lý
Lầu vắng chỉ còn ta với trăng..."*
(Ta và trăng)

Rời đến tình yêu quê hương đất nước. Tình cố quận luôn trào dâng trong niềm thương nỗi nhớ của người xa xứ:

*"Xao xác vạc đêm nghe xót đau
Có vàng trăng lẻ... úa hôm nào
Xa xôi vẫn đượm tình quê cũ
Sống kiếp tha hương, lá héo mầu!"*
(Nhớ cố hương)

Rời xa ngoại cảnh để trở về với nội tâm, lòng nhà thơ dâng lên một thứ tình cảm gia đình tha thiết. Hình bóng từ mẫu luôn ghi khắc sâu trong tâm khảm người con, nhất là trong những trường hợp có sự chia cách âm dương đôi ngả. Nhà thơ ghi lại những dòng cảm hứng khi nhớ Mẹ, một người Mẹ "ngàn năm vẫn tuyệt vời". Lời thơ tuy mộc mạc nhưng rất chân thành:

*"Tết về nhớ Mẹ quá, Mẹ ơi!
Đã bảy xuân qua vắng Mẹ rồi"*
(Tết về nhớ Mẹ)

*"Mẹ cười thật hiền và nhân hậu
Làm sao đền đáp nghĩa thâm sâu
Ngày Vu lan tới, cài hoa trắng
Nhớ Mẹ mệnh mang - gọi ý sầu"*
(Ngàn năm Mẹ vẫn tuyệt vời)

Tình yêu nam nữ trong thơ Bùi Thanh Tiên khi thì nở đẹp, rực rỡ như hoa hướng dương đón ánh mặt trời:

*"Có lần em hẹn đến thăm tôi
Trắng sáng long lanh hai đũa ngòi
Nhìn anh, em hé răng ngà ngọc
Chát ngất say hồn môi gấn môi"*
(Ngà Ngọc)

Khi thì tan tác chia ly, như những giọt nắng vương theo bước chân tình nhân đi khuất xa, để lại trong lòng người những vết hằn đau đớn:

*"Hôm mình ướt trũng cơn mưa
Làn môi em ẩm, đong đưa gọi tình"*

*Giờ đây một bóng, một hình
Đường hoa em bước, riêng mình anh đau"
(Giọt nắng bước chân theo)*

Người ta quan niệm thời gian là một loại linh dược để dần dần hàn gắn các vết thương lòng. Vết thương quá khứ của nhà thơ cũng vì thế được xoa dịu và vơi đi với tháng ngày:

*"Trong tim còn lại ước nguyện
Tàn hoa sương đọng, ưu phiền ngổn ngang
Nỗi đau dù có dịu dàng
Tơ duyên không trọn, dần tàn hương xưa..."
(Nỗi đau dịu dàng)*

Bóng đêm dù dày đặc biết mấy rồi cũng phải qua đi. Vàng dương lại rực rỡ mọc ở phương Đông. Hoa tình yêu lại nở. Hương tình lại ngan ngát dâng cao khiến nhà thơ trở lại yêu đời và yêu... người:

*"Ừ thôi, duyên nợ ba sinh
Dù cho bão táp, thuyền tình vẫn qua
Dù cho dẫu đặc phong ba
Tình ta vẫn nở... nụ hoa yêu đời"
(Hoa yêu)*

Tuyết trắng mênh mang trên bầu trời Ba Lê, hay Tuyết trắng thênh thang trên vùng núi đồi Virginia Mỹ Quốc cũng vẫn chẳng bao giờ khiến nhà thơ lạnh lẽo, buốt giá khi mà trong lòng mình ngọn lửa tình đang bùng lên dữ dội:

*"Đã lâu rồi hồn anh êm trống vắng
Tuyết bỗng rơi từng đợt dâng theo nắng
Tuyết phủ đầy trên mặt trên tóc, môi
Đem muôn trùng ấm lại trái tim cô"
(Mai Tuyết)*

Sánh bước trên đường đời đi giữa vùng "Đất Của Tình Nhân", vùng "Virginia is For Lovers" đôi tâm hồn cảm thấy như có lời hứa hẹn tự nguyện trói buộc nhau mãi trong một vòng chung thủy mặn nồng:

*"Yêu đương một nỗi đi về
Mưa hồng cúi mặt
Lặng tê cõi lòng
Vòng tay ân ái mặn nồng
Trói nhau bằng nghĩa
Bằng vòng thủy chung..."
(Vòng thủy chung)*

*

Đã từ lâu lắm rồi có một nhà thơ nào đó từng nói đại ý rằng: "Thi ca sẽ là tôn giáo cuối cùng trên mặt địa cầu này khi mà tất cả nhân loại không
CỎ THƠM

còn giữ lại được cho họ một niềm tin nào ở nơi tôn giáo mà chúng ta đang có".

Bùi Thanh Tiên đến với thi ca có vẻ khác. Nhà thơ vừa gởi gắm trọn vẹn tình yêu của mình với thi ca lại vẫn triệt để đặt lòng tin vô bờ bến vào tôn giáo mà mình đang có, đang theo, đó là Phật Giáo. Tình Đạo nở ra như những bông sen ngát hương tinh khiết.

Trước hết nhà thơ cảm nhận được cái chân lý rằng cuộc sống là giả tạm, là vô thường và "cái ta" cũng không phải là cái tồn tại mãi mãi:

*"Giàu sang. Rồi cũng phai tàn
Công danh. Rồi cũng vỡ vàng qua mau"
(Bên Mái Hiên Chùa)*

Nhà thơ cảm nhận được rằng Đạo Phật rất gần gũi với thi ca vì cả hai hầu như cùng có một cái nhìn tương tự như nhau về cuộc đời. Cả hai đều nhìn đời như một sự kiện "như thị, như thị":

*"Thiên kinh tỏa sáng con đường
Kiếp người vô ngã, vô thường, mong manh
Nương theo đức huệ tu hành
Cành hoa nhân ái kết thành... từ tâm..."
(Cành hoa nhân ái)*

*"Từ mang kiếp sống vô thường
Bình minh sương tạnh, hừng dương chói lòa*

...
*Đường về cõi tịnh đầy hoa
Đạo vàng khai lối, nở ra sen hồng"
(Cõi tịnh không)*

Tất cả đều chỉ là "sắc, không", hợp rồi lại tan, có rồi lại không, như những bọt nước theo dòng chảy xuôi liên tục trên sông, như những con thuyền ghé chung một bến rồi lại chèo đi tan tác:

*"Hồng trần hai chữ: sắc, không
Tuồng như dòng nước trên sông hững hờ..."
(Hồng trần)*

*"Sinh ly, tan hợp vẫy chào
Bài thơ khúc nhạc, ngàn sau... vọng lời
Thuyền chưa ghé bến sông đời
Có không, không có: một thời hợp tan"
(Bến sông đời)*

Nhà thơ cảm nhận được lời dạy của Đức Phật: "Ta là chủ nhân của nghiệp... Phàm nghiệp nào ta sẽ làm, thiện hay ác, ta sẽ thừa tự nghiệp ấy". Con người tìm về quỳ trước Phật đài đốt lên một nén hương để mong xua tan đi những oan khiên trong kiếp này và nhất là những lầm lỡ u mê trong kiếp trước:

*"Lệ tình chưa dứt mối hương phai
Nặng gánh oan khiên chuỗi tháng ngày
Bến mê nghiệp chướng chưa tròn kiếp
Đốt nén tâm hương trước Phật đài"
(Cõi tạm)*

Mong có cơ hội "chuyển nghiệp", mang về một sự an tịnh cho tâm hồn bên sắc hoa ưu đàm rực nở:

*"Nghiệp đã không còn, thân hết mang
Hoa ưu đàm nở nhuộm sắc vàng
Từ cõi tỉnh không, tâm quán tịnh
Duyên lành vô lượng, ánh dương ban..."
(Nghiệp không còn)*

Mong thoát khỏi cái vòng luân hồi quanh quẩn tử sinh, sinh tử đầy những khổ đau, những trầm luân:

*"Người đi, xa kiếp luân hồi
Người còn ở lại, biết đời đắng cay
Hết đêm rong ruổi, đến ngày
Hết vòng sanh tử, lại bày trầm luân!..."
(Ai buồn hơn ai)*

Nhà thơ luôn muốn tìm về với nguồn Đạo. Tìm về dưới mái hiên Chùa. Mái Chùa cong vút với những đường nét kiến trúc độc đáo thanh thoát như một biểu tượng che chở cho con người, mang lại niềm an lạc, xoa dịu nỗi đau nhân thế sau những thăng trầm của cuộc sống:

*"Nguồn vui bên mái hiên chùa
Nắng lên. Mưa tạnh. Bướm đùa bên hoa
Đường đời dừng bước bên ba
Miền thông dong ấy, chiều tà sương trong"
(Bên mái hiên chùa)*

Trong màu áo lam, quỳ trước Phật đài, tiếng chuông Chùa như hòa lẫn với tiếng kinh cầu và mang lại niềm tin vững chắc trong lòng người. Tư tưởng Phật giáo đã thể hiện một cách hồn nhiên và dung dị trong khắp các mặt của nếp sống tâm linh:

*"Một buổi hoàng hôn chốn cửa thiền
Tiếng chuông chùa gọi giấc cô miên
Áo lam thanh thoát, quỳ chân Phật
Với tiếng cầu kinh, trọn ước nguyện!"
(Ước nguyện)*

Tìm về với Đạo để được giải thoát khỏi cái màn đêm tăm tối, cái si mê, cái "vô minh" trong lòng người:

"*Vô minh ơi, hãy dừng chân!
Từ bi hạnh ngộ, bỏ dần si mê
Sen hồng nở rộ bốn bề
Hành thiền khuya sớm, trở về Chân Như*"
(Bến nhân từ)

Nương theo ánh Đạo vàng con người tìm về với ánh dương rực rỡ của trí tuệ, của giác ngộ, tìm về con đường chân chính. Thấy lòng mình vui theo nụ cười bất diệt và giải thoát của Đức Phật:

"*Quay về chánh đạo sáng ngời
Cười vui cõi phúc, xa rời u minh
Từ nay Phật ở tâm mình
Hò sen im nắng, diệu linh đạo vàng...*"
(Nụ trầm hương)

Con đường tu "thân" thật quả chính là con đường tu "tâm":

"*Giữ thân an tịnh mọi miền
Tâm từ bi mở, cửa thiền lộ khai
Huệ tâm, huệ nhãn đổi thay
Bồ Đề chứng ngộ, rồi mai đắc thành...*"
(Thiện duyên)

*

Đạo Phật thường được coi như đã đến với cuộc đời bằng tình yêu. Bởi thế nên khi Bùi Thanh Tiên đang sống với tình yêu thì cũng chính là lúc nhà thơ gặp Đạo, trao hết tâm hồn mình vào Đạo. Tình Đời và tình Đạo như gắn bó với nhau thành một tổng thể. Cái tổng thể này hòa nhập với Thi Ca để dâng hiến cho người yêu thơ những vần điệu lai láng trữ tình và đầy hương sắc trong vườn thơ văn học và nghệ thuật hải ngoại.



Tâm Minh Ngô Tằng Giao
(Virginia, USA, tháng 7 năm 2002)

TÌNH KHÚC VALENTINE

** KIỀU OANH, VIRGINIA **

Mùa bắp vừa thu hoạch xong, trên cánh đồng chỉ còn trơ trụ lá. Những trái bắp no tròn đã được đóng vào những thùng cát-tông dày, chất lên các xe tải chở đi phân phối khắp nơi. Năm nay gia đình ông bà Tom White trúng mùa bắp rất lớn. 20 mẫu tây đất rộng thênh thang, trồng toàn bắp vàng, bắp trắng, rất to và đều hạt, nhiều vô số kể... Ông bà phải mướn thêm nhân công phụ việc. Ngay cả Anna, cô con gái cứng duy nhất của ông bà, ngoài giờ học về nhà cũng phải bắt tay vào phụ việc nhà.

Gia đình ông Tom White sinh sống bằng nghề trồng tía ở một miền quê thuộc thành phố Asheville, Tiểu Bang North Carolina. Hơn 20 mẫu đất rộng mênh mông hoa, trái theo từng mùa (bắp, dưa hấu, đậu phộng, vv). Còn gia đình bên vợ ông, bà Jean, thì chăn nuôi gia súc: heo, gà, bò ngựa, trên 1 trang trại rộng lớn 18 mẫu đất. Bà Jean là cô con gái út trong gia đình. Trên bà là hai người anh. Ngoài giờ học, ba anh em bà đều phụ cha mẹ chăm lo bầy gia súc. Rồi, các anh bà đều tốt nghiệp và trở thành Luật Sư, mở văn phòng riêng, lập nghiệp ở các Tiểu Bang kế cận. Bà tuy cũng đã tốt nghiệp Đại Học, nhưng vì chỉ có bà là con gái, ba mẹ Bà không muốn bà sống xa nhà, thấy ông bà cũng đã lớn tuổi nên bà chấp nhận ở lại hủ hỉ với cha mẹ.

Rồi hai gia đình kết thân. Ông Tom lập gia đình với Bà Jean và chỉ sanh được một mụn con gái, Anna. Khi các ông bà cụ thân sinh ra ông Tom và bà Jean qua đời, ông bà Tom lại tiếp tục nối tiếp công việc đồng áng và chăn nuôi trên những mảnh đất hương hỏa của cha mẹ để lại. Nhờ quen việc nên cuộc sống miền quê tuy vất vả nhưng hoa lợi thâu thập tương đối khá, đời sống rất đầy đủ. Ông bà làm chủ một trang trại mênh mông và cứ mỗi mùa thu hoạch là nhân công làm việc không ngừng...

Ben và Joe, hai cậu học sinh trong tỉnh đang theo năm Thứ Hai Đại Học. Mỗi mùa nghỉ Lễ hay nghỉ Hè họ thường đến phụ việc cho ông bà Tom để kiếm ít tiền tiêu xài. Hai cậu chăm chỉ và rất chịu khó, sức trai thật khỏe, họ cùng nhau phụ chăm nom, cắt cỏ cho đàn bò và ngựa và điều khiển nhân công gặt hái hoa màu, v.v. Ngoài ra, khi ông bà Tom cần những việc vặt trong nhà, hai cậu đều sốt sắng phụ giúp. Cả hai đều rất thân và mến Anna.

Việc đồng áng đã xong, mùa thu hoạch năm nay thành công hơn sự dự đoán của ông Tom, cả nhà đều vui mừng. Ông bà bèn tổ chức một buổi tiệc họp mặt tại sân nhà, đãi hơn một trăm nhân công cùng bạn bè thân thiết. Anna phụ Mẹ làm bánh. Ben, Joe và ông Tom đứng nướng thịt. Cứ mỗi người một món, bắp, khoai vườn nhà vừa hái vào đem nướng mùi thơm phưng phức. Những cái bánh làm từ lê, táo, mận, đào chín cây rất ngọt. Khăn bàn trắng tinh trải dài trên những cái bàn gỗ. Giữa bàn là 1 bình hoa hồng vừa cắt ở vườn còn tươi mát, tỏa mùi thơm ngát. Một buổi tiệc ngoài trời thật thân mật với sự mừng vui của mọi người, cùng thưởng thức những món ăn từ cây nhà, lá vườn, tươi, ngon. Quả là một buổi chiều êm ả!

Anna xách giỏ ra bờ suối sau nhà, nơi vườn hoa tulip đang nở rộ những búp hoa xanh, vàng, tím, đỏ. Cô định cắt vài cành hoa tulip đem về cắm trong phòng khách. Bất ngờ, cô thấy Ben đang thơ thẩn bên các luống hoa.

- Anna có cần anh giúp gì không?

- Thừa không, em chỉ hái một ít tulip cho phòng khách thôi. Sao anh không dự tiệc với mọi người mà ra đây?

- Anh đã ăn xong rồi, anh đi rửa tay và ngắm hoa tulip, loại hoa mà anh thích nhất. Anna biết không? Mỗi chiều, sau khi xong việc, anh thường ra đây nhìn ngắm những búp hoa rực rỡ này

- Anh cũng thích hoa tulip sao?

- Tulip đẹp chứ, màu sắc sang trọng nhưng hơi buồn vì mau tàn...

Anna đưa mắt nhìn Ben, thấy nụ cười buồn trên môi, đôi mắt anh thật xa xăm. Anna biết, đã từ lâu hai anh sinh viên phụ việc bán thời gian cho ông bà Tom đều cùng để ý đến cô. Riêng cô, cô mến Ben hơn. Với Joe, cô chỉ xem như một người anh. Nhưng với Ben, cô thấy tình thương mến rất lạ, hình như đó là tình yêu trai, gái.

Nhưng vì lo học hành, cô cũng rất ít có dịp gặp gỡ. Chỉ vào những mùa Lễ và Hè Ben mới đến làm việc cho gia đình cô thôi. Anna đang miên man suy nghĩ, tình linh Ben đến nắm lấy đôi bàn tay của cô và đặt lên cành hoa tulip đỏ, anh vội vã nói:

- Anna, em có biết là anh rất mến em không? Lần đầu tiên đến nhà em làm việc thì anh đã phải lòng ngay nụ cười của cô con gái ông bà chủ rồi Anna thẹn thùng

- Vậy sao? Em cũng mến anh lắm...

Và từ đó, tình yêu lớn dần giữa hai người, và đến một ngày, vì thương yêu nhau quá, và biết thế nào cũng bị cha Mẹ phản đối nên Ben và Anna

bạo gan tự ý dắt nhau đến “Cơ Quan đăng Ký hợp pháp” xin kết hôn mà không cho cha mẹ đôi bên biết...

Sau khi Luật Sư Đại Diện Hôn Phối đã hoàn thành thủ tục, hai người cùng ký vào giấy Hôn Thú, và họ đã chính thức kết hôn. Khi họ vừa ra đến cửa thì xe của ông Tom cũng vừa trở tới. Ông la to:

- Ngừng lại, Ba nghe nói hai đứa dắt nhau đến đây để ký giấy Kết Hôn phải không? Không được. Các con hãy còn quá trẻ, phải lấy xong mảnh bằng Đại Học rồi mới tính đến hôn nhân.

Quay sang Ben, ông ra lệnh:

- Ben, hãy trở lại trường học nốt hai năm còn lại, khi tốt nghiệp, có công ăn việc làm thì về đây, ta sẽ gả Anna cho con. Đây là tiền công của con làm mùa này thêm ít tiền thưởng. Còn Anna, con hãy về nhà. Các con chưa đủ trưởng thành để tự lập một gia đình được.

Anna vừa khóc, vừa nói:

- Con 18, Ben 20 tuổi rồi, tụi con có thể tự lo cho cuộc sống gia đình mà Ba.

- Nói thì dễ, nhưng khó thực hiện lắm, Ba muốn con và Ben phải học xong Đại Học, lớn thêm vài tuổi để biết suy nghĩ chín chắn hơn...

Ông kéo Anna ra xe, mặc cho cô vừa đi, vừa khóc sụt sùi. Ben làm lúi bước ra xe, rồ máy và mất hút sau đám bụi mờ từ đó.

15 năm sau

Anna 33 tuổi, đã lấy xong bằng CPA và MBA về Kinh Tế Tài Chính. Cô có một văn phòng Khai Thuế riêng và làm Broker cho Cha Mẹ. Từ khi ông Tom qua đời, cô phải về phụ Mẹ trông nom trang trại. Joe cũng đã xong bằng Kỹ Sư Canh Nông, anh về làm việc cho bà Tom. Anh và Anna đính hôn đã hơn hai năm, nhưng cô vẫn chưa chịu chọn ngày làm lễ cưới. Bà Jean sốt ruột lắm, giục con hằng ngày. Cuối cùng, cô và Joe đồng ý sẽ tổ chức lễ cưới vào ngày “Lễ Tình Nhân” năm nay. Chỉ còn vài tháng nữa thôi mà cô vẫn chưa tìm được cái áo cưới nào vừa ý.

Anna vừa bước vào nhà, Bà Jean đưa ra cho cô một phong thư, và nói
- Không biết chuyện gì mà có giấy ở Tòa Án trên New York gửi cho con đây. Bà nhìn cô lo lắng

Anna giật mình khi đọc được lá thư, họ yêu cầu cô phải lên tòa để ký giấy ly dị với Benjamin W. Johnson vì anh ta sắp sửa kết hôn. Dĩ vãng hiện về. Cô không ngờ chuyện tình yêu giữa cô và Ben năm xưa, tưởng

đã vào quên lãng, ngò đầu đồng tro tàn vừa được khơi lại, cô bụi ngùi, nuối tiếc. Cô đã cố quên đi mối tình đầu với Ben, nhưng khi cầm lá thư trên tay, cuốn phim ngày cũ bỗng chợt hiện về...

Khi Ben bỏ đi, cô theo cha trở về tiếp tục học hành, rồi bao nhiêu biến cố xảy ra, cha cô mất, cô tốt nghiệp Đại Học nhưng lại phải ở nhà phụ Mẹ trông nom trang trại, sống cuộc đời bình dị của một cô thiếu nữ miền quê. Thỉnh thoảng, cũng có lúc cô bắt chợt nghĩ về Ben. Cô không biết giờ này anh ở đâu? Anh có còn nghĩ đến cô không mà sao chẳng thấy anh trở về? Rồi vì thấy Joe đã tận tụy với Mẹ con cô nên cô đã nhận lời cầu hôn của anh, cô thật bối rối, không biết giữa cô và Joe có tình yêu thực sự hay không?

Nhìn lá thư đang cầm trên tay... như thế thì, theo hồ sơ lưu trữ, 15 năm trước Anna J. White đã là vợ chính thức của Benamine W. Johnson. Hôn thú đã được hai người ký tại Văn Phòng Kết Hôn ở Ashville rồi, dù chỉ một giờ sau thì hai người bị bắt buộc chia tay, nhưng trên thực tế thì hai người vẫn là vợ chồng. Nay nếu Ben hay cô muốn kết hôn thì đều phải hủy bỏ hôn thú của hai người từ 15 năm trước đây.

Cô bàn với Mẹ. Bà Jean khuyên:

- Con cần phải lên New York ký giấy ly dị. Con phải hợp thức hóa, vì con cũng sắp sửa kết hôn với Joe. Hai đứa phải giải quyết xong vấn đề này mới tính tới việc lập gia đình riêng được.

Anna lấy hẹn lên New York để ký giấy ly dị. Theo địa chỉ, cô đến thẳng văn phòng làm việc của Ben ở New York.

Cô thật ngỡ ngàng, choáng ngợp, khi cô đi dọc theo hành lang đến phòng làm việc của Ben ở tầng 18 trong một cao ốc 25 tầng, thật đồ sộ, đứng bên cửa kính của tầng lầu, nhìn rõ hết sự sầm uất của thành phố New York, từng góc cạnh. Phía xa tượng Nữ Thần Tự Do sừng sững giữa nền trời trong xanh và dòng sông Hudson an lành trong mát.

- Chào Anna, em có khỏe không?

Cô giật mình quay lại. Trước mặt cô, Ben thanh nhã trong bộ âu phục xanh đen may khéo rất vừa vặn. Trông anh thật lịch lãm, sang trọng. Cô bối rối nhớ lại chuyện năm xưa, tim cô chợt thắt đau. Ben bắt tay Anna, anh thân mật:

- Ô, em sang trọng quá, vẫn xinh đẹp như xưa. Xin lỗi, đã làm phiền em phải lên tận đây để ký giấy ly dị. Anh không thể làm gì khác hơn được.

- Vâng, anh cho em biết, em cần phải làm những gì? Em không có nhiều thì giờ, em mong thủ tục xong sớm, em còn nhiều việc chờ ở nhà lắm anh ạ.

- Được mà, mọi chuyện đã sắp xếp xong rồi. Để mừng ngày mình gặp lại nhau sau 15 năm xa cách và đồng thời anh sẽ giới thiệu em với vị hôn thê của anh. Em cho anh mời em bữa cơm tối nay nhé. 7:00 giờ anh sẽ cho xe đến đón em.

Rồi Ben chỉ sang người đàn ông đang đứng bên cạnh:

- Đây là bạn thân của anh, Luật Sư Robert, anh ấy sẽ lo hết thủ tục ly dị cho mình, và tối nay anh ấy cũng đi ăn với chúng mình sẵn bàn luôn công việc cho ngày mai khi ra tòa luôn nhé.

Vừa bước ra khỏi khách sạn, Anna đã thấy một chiếc xe bóng loáng. Tài xế là một ông lớn tuổi (ông Phil), gương mặt phúc hậu. Ông chở cô đến một nhà hàng sang trọng. Bước vào cô đã thấy Robert, Ben và Jane (hôn thê của anh) đã ngồi sẵn tại bàn ăn. Bốn người ăn uống vui vẻ, trò chuyện rất thân mật. Jane vừa đẹp vừa lịch thiệp, hai cô chuyện trò rất tâm đắc. Ben gọi thức ăn cho cô và sẵn sóc cô tận tình làm cô thấy ngỡ ngàng với Jane và Luật Sư Robert. Bữa ăn tối thật ấm cúng và vui vẻ, cô ăn rất ngon miệng...

Hôm sau, ba người đến Tòa Án. Thẩm Phán là một phụ nữ đẹp trang nhã--bà Carol. Sau khi nghe Luật Sư Robert tường trình về trường hợp của Ben và Anna, bà hỏi:

- Tại sao hai người vừa ký giấy kết hôn được vài tiếng liền xa nhau ngay?

- Dạ, vì chúng tôi còn trẻ chưa có sự nghiệp nên Ba tôi không cho phép. Anna trả lời

- Hai người bao nhiêu tuổi mà còn trẻ?

- Tôi 20, Anna 18... Ben đáp

- Như thế là đã đủ tuổi vị thành niên rồi. Và tại sao anh không trở lại tìm Anna lúc anh đã tốt nghiệp để cưới Anna như lời Ba cô ấy đã hứa?

- Thưa, lúc đó vì tôi giận ông Tom, ông ta khó tánh quá làm tôi bực, tôi bỏ đi xa và đã tự hứa là sẽ không bao giờ trở về thành phố đó nữa.

Anna chợt đứng bật dậy nói lớn.

- Anh mới là người vô lý, Ba em răn dạy như thế là có ý tốt cho chúng ta. Nhờ thế mà anh mới giàu có, nổi danh như ngày hôm nay. Vậy mà anh còn oán trách Ba em. Thôi, em không ký kết gì nữa. Em đi về, mặc kệ anh.

Nói xong cô vùng vằng bước một mạch ra cửa, đón xe về khách sạn. Bà Thẩm Phán không giải quyết được, đành hẹn lại Thứ Hai sẽ xử tiếp khi có mặt đông đủ...

Anna bực bội, nằm trần trọc mãi, chợt chuông điện thoại reo vang.

- Chào Anna, Ben đây, ngày mai em có muốn đi xem vài thắng cảnh ở New York không? Anh sẽ đưa em đi xem vài nơi trong thành phố, và lại anh cần có thì giờ để nói chuyện với em... Xin em cho anh cơ hội để anh bày tỏ mọi việc. Anh sẽ đến đón em?

Trong lòng tuy còn đang buồn bực, nhưng khi nghe lời mời của Ben thì Anna không thể nào từ chối được. Hình như trong tim cô vẫn còn vấn vương tình cảm với anh ...

Anna vừa bước ra cửa hotel, ông Phil vội chạy xuống mở cửa xe cho cô, Ben đã ngồi sẵn trong xe. Thấy Anna giản dị trong bộ đầm màu kem với mái tóc vén cao, Ben sững sốt nhìn cô không chớp mắt. Hình ảnh của Anna 15 năm trước chợt hiện ra, Anna quá đẹp, nét đẹp dịu dàng, đơn sơ nhưng không kém phần lịch lãm, sang trọng, tìm anh chợt chùng xuống. Anh tự trách:

- Tại sao chỉ vì một chút tự ái mà mình đánh mất đi một viên pha lê xinh đẹp như thế này nhỉ?

Anh ra hiệu cho ông Phil đưa anh và Anna đến một tiệm ăn gần Central Park để ăn trưa. Gọi món ăn cho hai người xong, Ben bèn mở đầu:

- Anna, cho anh xin lỗi những lời anh nói về Ba em ngày hôm qua. Thật ra anh cũng quá đáng. Mong em thông cảm. Có lẽ lúc đó vì tuổi trẻ, nên anh bông bột, kém suy nghĩ. Nếu anh dẹp tự ái, trở về sau khi tốt nghiệp để chính thức cưới em thì chắc bây giờ chúng mình đâu phải rắc rối như thế này em nhỉ? Anh rất tiếc.

Anna cảm động, rơm rớm nước mắt:

- Không đâu, đó cũng là lỗi tại em nóng tánh, bỏ về, chứ thật ra em cũng mong cho thủ tục ly dị xong sớm, vì em cũng sắp kết hôn với Joe rồi. Khi nào mình ra tòa tiếp vậy anh?

- Bà Carol hẹn mình trở lại Thứ Hai, anh cũng xin chúc mừng em và Joe.

- Ồ, thế là em phải ở lại chờ vài ngày nữa sao? Em còn nhiều việc ở nhà lắm...

Bữa ăn trưa trôi qua nhẹ nhàng, mọi gút mắc đều được giải bày, Ben đưa Anna đi thăm vài thắng cảnh ở New York, vào Central Park, đi thuyền đến viếng Nữ Thần Tự Do, và xem vài vườn hoa nổi tiếng, một ngày thật vui. Anna và Ben như sống lại những ngày tháng cũ của 15 năm về trước. Hai người tay trong tay, đi bên nhau như một cặp tình nhân. Trong khoảnh khắc, hai người bỗng quên tất cả, quên là cả hai đều đã có hôn thê và hôn phu, cả hai cùng đang sắp sửa lập gia đình... Mãi đến khi chia tay, Anna và Joe mới chợt bừng tỉnh khi nhớ đến Thứ Hai sẽ ra tòa ký giấy "Ly Dị".

Đang ngủ ngon, tiếng chuông điện thoại reo vang làm Anna thức giấc, nhìn đồng hồ đúng 1:00 giờ đêm, nhắc điện thoại, đầu giấy bên kia giọng Joe hốt hoảng:

- Anna, Em thu xếp về ngay được không? Một trận cuồng phong vừa thổi đến làm trơ gốc hết một mẫu bắp phía gần bờ hồ, anh và Mẹ không biết làm sao, Mẹ bảo anh phải gọi báo tin cho em biết đó.

- Nhờ anh an ủi Mẹ dùm em. Em sẽ đổi vé máy bay về ngay.

Cô thu dọn hành lý, gọi phone đổi chuyến bay. Sáng sớm hôm sau cô gọi cho Ben:

- Ben, em phải về gấp. Cơn lốc đã gây thiệt hại cho một số mùa màng nhà em. Em không thể ở lại được. Anh cứ ký giấy "Ly Hôn" rồi gửi thư Bảo Đảm đến cho em, em sẽ ký sau. Nhờ anh nói với Luật Sư Robert và bà Thẩm Phán Carol - "cho em xin lỗi"

- Anh rất tiếc khi nghe tin này, nhưng chuyện đã xảy ra rồi, em có về cũng chẳng làm được gì? Em tính như thế nào thì cứ phone về, Joe sẽ giúp Mẹ em lo được mà

- Không! Phải có mặt em mới được, em đã đổi vé máy bay rồi, em phải về ngay. Em xin lỗi anh, xin lỗi tất cả...

Từ hôm Anna trở về Asheville, lòng Ben thật bần thần, lười ăn, biếng ngủ, làm việc thì uể oải, anh thấy như thiếu vắng một thứ gì thật khó diễn tả. Anh quên cả những buổi hẹn hò với Jane, vị hôn thê của anh, rồi những lần phải đến ký hợp đồng với khách hàng mà anh cũng quên, cô thư ký phải nhắc đi, nhắc lại mãi.

Và hôm nay, Thứ Hai, là ngày trở lại tòa để ký giấy ly dị, anh cũng chẳng biết, mãi đến khi Luật Sư Robert gọi điện thoại nhắc, anh mới lật đật chạy đến Tòa thì trễ mất năm phút. Bà Thẩm Phán thấy anh đến một mình, không có Anna, Bà cũng hơi bực mình bèn đóng hồ sơ, bảo để xét lại vì không đủ hai người thì không thể ký giấy chính thức ly dị được.

Anna về đến nhà là vội đầu vào công việc ngay, cô cùng Joe điều động người làm, thu dọn mẫu đất trồng bắp vừa bị cơn lốc làm bật gốc. Cũng may, các gốc bắp vẫn còn bám vào đất chưa tróc gốc nên chỉ cần vun sỏi, đắp lại là xong. Tuy nhiên những việc này không thể dùng máy móc được, phải mượn thêm người. Ban ngày Anna bận liên miên, đầu óc tập trung vào công việc, nhưng khi rảnh rỗi, ngồi một mình thì cô rất sợ, lòng

cô bán khoăn, rối như tơ vò. Không hiểu vì sao, từ khi ở New York về, cô thấy lòng vương vấn mãi, cô thường nghĩ đến Ben. Cô tránh cả gặp mặt Joe và cũng không muốn bàn tính đến việc cưới xin sắp đến, dù rằng hôm ở New York cô đã cùng hôn thê của Ben đi chọn cho mỗi người một cái áo cưới rồi.

Hôm nay mọi việc đã tạm ổn. Buổi tối trời trong xanh, không khí mát lạnh, cô bước ra ngồi đong đưa trên chiếc ghế xích đu, lòng hồi tưởng lại những ngày thơ mộng của mười mấy năm trước: cô, Ben và Joe thường ra đây ngồi vui đùa, đàn hát... mà giờ đây mỗi người một cuộc sống.

Ben thành công trên bước đường công danh, một chủ nhân ông giàu, có hàng trăm nhân viên giúp việc, nhà cao, cửa rộng, lại sắp kết hôn với Jane một thiếu nữ tân thời rất đẹp. Họ thật hạnh phúc. Riêng cô và Joe, vẫn thui thủi ở tại miền quê hẻo lánh này, vui đầu vào vườn ngô, khoai, bắp. Cuộc sống tuy giản dị nhưng buồn tẻ, nhạt nhẽo vô cùng. Không hiểu sao, cứ nghĩ đến New York, thì cô nhớ Ben lắm. Nhớ lại những ngày cùng anh vui chơi ở New York. Ben rất tỉ mỉ, anh lo cho cô mọi thứ rất chu đáo, ngay cả những lúc đi ăn, đi chơi chung, dù có cả vị hôn thê của mình mà Ben vẫn dành sự chăm sóc đặc biệt cho cô. Anh còn để cho cô một căn phòng gần phòng làm việc của anh để cô có chỗ làm sổ sách cho trang trại... Càng gần gũi với Ben, cô càng nhớ lại thời yêu dấu xa xưa của hai người. Cô nhớ Ben quá. Cô không muốn kết hôn với Joe nữa. Ben là mối tình đầu của cô, thật sự khó quên.

Đang miên man hồi tưởng, chợt nghe tiếng bước chân trên lối sỏi, cô quay lại, Joe đang đến bên cô

- Em ngồi đây, hèn gì anh gọi điện thoại không nghe em trả lời

- Vâng, em ngồi ngắm trăng, hôm nay trăng rằm tròn quá. Sau mấy ngày mệt nhọc vì đám ruộng bắp, hôm nay mình mới thành thơi anh nhỉ?

- Phải rồi. Vì thế anh mới sang thăm em và tính chuyện ngày cưới của chúng mình.

Ngước mắt nhìn Joe, Anna vội đáp:

- Em xin lỗi anh, em cũng đang định nói với anh: Thôi mình đừng cưới nhau được không anh? Thật sự thì em chưa biết là chúng mình có yêu nhau không? Hay chỉ là tình bạn thân từ nhỏ mà thành. Như anh đã biết, ngày trước em và Ben rất yêu nhau và đã có lần chúng em trốn ba, mẹ để tự kết hôn rồi. Nhưng vì buồn Ba em mà Ben đi mất biệt. Hôm lên New York gặp lại Ben thì hình như tình cảm của mối tình xa xưa đã nhen nhúm trở lại. Dù biết là không đúng. Ben sắp cưới vợ, và em đang có

anh, chúng ta cũng sắp kết hôn, nhưng không hiểu sao lòng em không thể không nhớ về Ben. Nhất là sau khi từ New York trở về, em thấy tình cảm của chúng mình nó mập mờ lắm. Em không thể dối lòng em được anh ạ.

- Nhưng Ben sắp lập gia đình, và chúng mình cũng vậy
- Đúng đó anh, nhưng gặp lại Ben ở New York, em thấy rõ là tình yêu của em với Ben vẫn còn sâu đậm và chắc chắn là em không yêu anh. Hôn nhân phải kết hợp bằng tình yêu mới bền phải không anh? Em không thể kết hôn với anh mà tim em vẫn yêu Ben, mặc dù Ben sắp cưới vợ, nhưng em cũng sẽ không để Ben biết là em vẫn còn yêu anh ấy đâu. Em cần thời gian để suy nghĩ. Em chỉ biết là lòng em không thuộc về anh, nên em không thể kết hôn với anh được. Bất công cho anh lắm.
- Thời gian và công việc sẽ giúp em quên tất cả. Em mong anh hiểu và hãy xem em như một người em gái. Em xin gửi lại anh chiếc nhẫn đính hôn. Xin cầu chúc anh chóng tìm được người yêu anh thật lòng và đem hạnh phúc cho anh trọn đời ...

Joe sững sờ nhận lại chiếc nhẫn từ tay Anna, lòng tan nát, anh lặng lẽ lái xe về nhà. Thế là hết!

Công việc thu dọn mẩu đất đã hoàn chỉnh. Trại gà cũng đã được dọn sạch chờ cho lứa gà mới, nhân công thành thoi, vườn xuân phơi phới, những nụ hoa bắt đầu nhu nhú mầm non hé nở những đóa hoa màu sắc rực rỡ, xinh đẹp, và ngày “Lễ tình nhân” đã đến...

Theo thông lệ hàng năm, cứ vào ngày “Lễ Tình Nhân” mọi người trong khu phố đều dồn đến khoảng đất trống của bà Tom bày Lễ Hội, treo đèn, kết hoa, làm các món ăn cổ truyền, những cái bánh to tương, những hộp kẹo gói giấy đỏ, có hình trái tim lộng vào nhau trang trí rất đẹp, ban nhạc với đủ loại nhạc cụ, dập dìu làm tăng thêm phần hào hứng, mọi người vui đùa nhảy nhót, ca hát tung bừng, những cặp tình nhân lại có dịp tình tự, trao nhau những món quà nho nhỏ hình trái tim xinh xinh.

Anna đang phụ Mẹ phát kẹo cho mấy em nhỏ trong xóm cùng tặng quà cho những đôi lứa đang yêu. Chợt có tiếng xe ngừng ngay trước cửa. Ông Phil bước ra khỏi xe đi lại chào Anna cùng lúc Ben cũng xuống xe, trên tay anh là một bó hồng nhưng tuyệt đẹp, anh tiến về phía Anna. Cô đang đứng bên bà Jean, hai mẹ con đều ngạc nhiên:

- Ben! Anh làm gì ở đây?

CỎ THƠM

- Anh đi cưới vợ chứ làm gì? Ben cười thật tươi

Rồi anh móc trong túi áo một chiếc hộp nhỏ đựng chiếc nhẫn đính hôn, mở ra và quỳ xuống:

- Anna, em có chấp nhận làm vợ anh không?

Anna sững sốt mở to đôi mắt, mãi một lúc sau cô mới gạt đầu và bật khóc

- Vâng, em bằng lòng

Ben nhắc bổng Anna quay một vòng tròn

- Minh làm đám cưới ngay hôm nay em nhé.

Anna xinh đẹp khoác tay Mẹ trong chiếc áo cưới màu kem mà cô đã chọn hôm đi New York, mái tóc cũng được bới lên để lộ cằm cổ cao trắng ngần, tuyệt đẹp. Ben nhìn cô say đắm.

Đám cưới Ben và Anna tổ chức ngay tại sân nhà vào đúng ngày Valentine trước sự hiện diện của một số đồng quan khách đến dự Lễ Valentine, Ben đã báo trước cho gia đình biết, nên cùng lúc Ba Mẹ và hai em trai của anh ở thành phố gần bên cũng lái xe đến dự tiệc cưới. Anna vô cùng cảm động khi được Mẹ Ben tặng cho cô sợi giây chuyền bạch kim có cái mề đay gắn bức hình của Ben khi anh đến giúp việc cho gia đình cô vào mùa hè 15 năm trước... Hai họ mừng vui, ban nhạc rộn ràng với những bản nhạc trữ tình. Cô dâu thì thầm hỏi:

- Ben, anh nói sao với Jane vậy?

- Thì anh nói "Valentine của anh chỉ có một mình Anna thôi"

- Sao anh biết em sẽ nhận lời kết hôn với anh mà anh từ hôn với Jane? Rồi còn gọi gia đình anh đến nữa?

- Joe đã phone nói cho anh nghe hết rồi. Em quên anh và Joe đã từng là bạn thân sao?

Mọi người đang tung bừng vui vẻ, lại nghe tiếng còi xe kêu inh ỏi, luật sư Robert từ trên xe bước xuống reo lên:

- A, hóa ra là ông ở đây hả Ben? Hỏi mãi cô thư ký của ông mới cho tôi biết đấy. Đến báo tin cho Ben và Anna là bà Carol đã chấp nhận đơn "Ly Dị" của hai người rồi, hãy ký tên vào đây để chính thức nhé.

- Cám ơn Robert

Anna và Ben nhìn nhau mỉm cười, rồi cả hai cùng cầm tờ giấy ly dị xé đôi thả bay theo gió. Họ đã chính thức kết hôn từ 15 năm trước rồi cơ mà.

Joe cầm ly rượu đến vỗ vai Ben:

- Thì ra đây là anh bạn vàng năm xưa của tôi, người đã cướp trái tim bé Anna mười mấy năm nay! Chúc mừng Ben-Anna, chúc hai bạn trăm năm, hạnh phúc.

Đưa ly rượu lên môi, Joe tiếp:

- Nhớ chăm sóc cô em của mình đàng hoàng nhé...

Đến đây đã kết thúc câu chuyện về ngày “Lễ Tình Nhân” của hai ông bà hàng xóm nhà tôi. Năm nay ông 84, bà 82. Chúng tôi vừa đến dự tiệc “Lễ Vàng 50th Wedding Anniversary” của hai ông bà, và được nghe câu chuyện tình thơ mộng cùng những bức ảnh miền quê xa xưa của vùng Asheville, North Carolina rất đẹp.



Người Mỹ có ngày “Lễ Tình Nhân” thật lãng mạn và rất ý nghĩa, chắc chắn cũng đã có rất nhiều cuộc tình gắn bó keo sơn được kết hợp vào mùa “Lễ Tình Nhân” này.

Nhân mùa “Valentine” xin mượn câu chuyện của ông bà Ben-Anna Johnson gửi đến quý vị cùng đọc cho vui. Thân chúc tất cả mọi người một ngày “Lễ Tình Nhân” nồng nàn, hạnh phúc, và đón mùa Xuân mới trong niềm vui hân hoan, vạn sự may mắn...

Chúc Mừng “Ngày Lễ Tình Nhân” & Chào Mừng Mùa Xuân Kỷ Hợi.



Kiều Oanh - Virginia Mùa Valentine

XUÂN VÀ CUỘC ĐỔI ĐỜI

Tuổi xuân gọi gió mưa ngàn
Nghe từng cơn đối râm ran tháng ngày
Tang bồng trôi cũng cỏ cây
Hồn xuân sương khói non tây mịt mù
Người xưa lên núi mà tu
Người sau lên núi thân tù tả tơi
Pho kinh tụng cảnh đổi đời
Buốt đau tim óc rã rời thịt da
Vườn xuân thôi chẳng còn hoa
Ngắt ngày luống sản quanh nhà lung lay
Em buồn áo mới chẳng may
Mưa xuân se lạnh lưng gầy ruộng sâu
Hội xuân lạ lắm sắc màu
Đình xưa miếu cũ hồn đau vật vờ
Sông xuân đá cuội nằm trơ
Ngư ông quăng giõ làm thơ khóc mình



XUÂN QUÁN TRỢ

Chén rượu mừng xuân còn đợi đó
Tri âm gọi cửa... hay luồng gió?
Mai vàng năm ấy rụng đầy sân
Tuyết trắng bây giờ giăng kín ngõ
Hái lộc cành non lá đã khô
Xuất hành hương tốt đường chưa tỏ
Ai đem sơn phấn vẽ nàng xuân
Giữa cảnh trời đông nơi quán trọ?



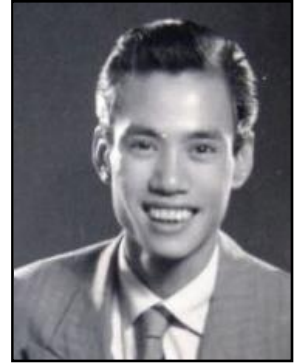
nguyễn vô cùng

NSCTOL-SỐ 14

NHẠC PHẨM “XUÂN THA HƯƠNG” CỦA PHẠM ĐÌNH CHƯƠNG

**** Quỳnh Giao ****

Năm mươi năm trước đây, Phạm Đình Chương đã viết cho chúng ta “Xuân Tha Hương”, với trái tim còn đầy ắp hình ảnh của miền Bắc thân yêu đã bị chia cắt từ Hiệp Định Genève 54.



Phạm Đình Chương

Theo lời tác giả, bài Xuân Tha Hương được dùng trong một phim loại “đen” là “The Quiet American” do đạo diễn Joseph Mankiewicz dựng từ truyện cùng tên của Graham Greene vào năm 1958. Truyện này được quay lại thành phim lần thứ hai vào năm 2002, nhưng Xuân Tha Hương không còn và miền Nam cũ nay cũng đã mất.

Cả một khung cảnh xa xưa nay được nhìn lại, với con mắt mới, nhãn quan và thính giác mới.

Trong các ca khúc về Xuân của Phạm Đình Chương, đây là bài có nhạc thuật cao nhất. Nói như nhạc sĩ Nghiêm Phú Phi, một bạn thân của ông, nhạc Phạm Đình Chương quả là “cao mà không xa”. Riêng với Xuân Tha Hương thì lại rất gần vì từ nửa thế kỷ nay, chúng ta đã có biết bao Mùa Xuân xa nhà rồi. Xa nhà vì chiến tranh và sau chiến tranh còn xa nhà hơn nữa.

Nếu Ly Rượu Mừng là ca khúc ai cũng nhớ, cũng yêu thích và hò hát rất vui trong ngày Tết vì dễ hát dễ nhớ, thì Xuân Tha Hương là khúc nhạc Xuân để hát một mình, trong nỗi ngậm ngùi.

Phạm Đình Chương viết bài này khi mới 27 tuổi.

Chúng ta hãy so sánh với các sáng tác của lớp tuổi 30 thời nay mới thấy một khoảng cách rất xa. Ông viết với kỹ thuật già dặn của một Dương Thiệu Tước hay Vũ Thành trong loại ca khúc nghệ thuật.

Sau bốn câu của đoạn đầu...

*Ngày xưa Xuân thăm quê tôi...
Sống bao Xuân lạnh lẽo âm thầm*

Phạm Đình Chương chuyển qua đoạn hai:

*Hoa xưa dần qua biết bao kỳ đơm bông...
Mắt huyền lệ rưng rưng sầu héo đến bao giờ*

trước khi trở lại giai điệu ban đầu:

*Chiều nay lê bước phiêu du...
Để sống vui quê mẹ lúc Xuân về.*

Rất nhiều ca khúc thật hay đã có kể kết thúc như vậy, tròn trịa tràn đầy, vương vức có thủy có chung, một ca khúc có “carrure”. Khác hẳn những bài mà người ta có thể ngừng đâu cũng được như loại truyện tình không đoạn kết, trong đó có Buồn Tàn Thu của Văn Cao.

Nhưng Phạm Đình Chương không dừng tại khuôn khổ ấy.

Ông viết một chuyển đoạn trên nhịp luân vũ còn dìu dặt hơn, như trong một giấc mơ, nhờ rất nhiều vần trắc:

*Xuân tới muôn cánh hoa nở bay khắp nơi
Hương khói lan dưới mưa nhẹ rơi phơi phơi
Chiều dâng, sầu lắng, trên đường về mịt mù
Mây Tần ơi cho nhắn bao niềm thương.*

Sau đoạn khúc có thể là điệp khúc ấy, người ta mới trở lại hai đoạn chính ở ban đầu.

Hai đoạn chính này là để tả tình, tả nỗi nhớ gia đình trong buổi Xuân về. Đoạn sau cùng mới là tả cảnh, mà là cảnh Xuân miền Bắc, mưa phùn rơi trên hoa đào phơi phơi.

Cảnh Xuân ấy mịt mù tan loãng trong áng “mây Tần”, một biểu tượng của nỗi nhớ nhà mà mọi người cùng thế hệ với tác giả đều biết. Cũng vậy, thời ấy, người ta hiểu ý tác giả ở câu “mắt huyền” là mắt của mẹ hiền. Sau này, ông dễ dãi chấp nhận “mắt hoen lệ rưng rưng sầu héo đến bao giờ” vì âm “trầm bình thanh” của chữ đó. Nhưng, thời nay, nhiều người vẫn nghe ra là “mắt huyền”. Hình ảnh mẹ già của Xuân xưa đã nhòa trong đôi mắt huyền mơ của tình yêu đôi lứa! Xưa và nay có khác xa.

Viết từ năm 1956, Xuân Tha Hương vì vậy đã báo hiệu cho những bản tình ca tuyệt vời mà Phạm Đình Chương sáng tác sau này từ ý thơ

Thanh Tâm Tuyền, Trần Dạ Từ, Du Tử Lê, Hoàng Anh Tuấn hay Nguyễn Sa, Đinh Hùng... Ông là người viết “*những bản tình ca không có hạnh phúc*” hay nhất, từ một thành phố đổ nát về chiến tranh mà vẫn nức nở về tình yêu.

Nhạc thuật cao và sang nhưng không xa không khó của Phạm Đình Chương khiến những bài thơ tình hay nhất đã trở thành phổ biến trong dân gian và còn mãi với chúng ta cùng hình ảnh của Sài Gòn nay đã mất tên. Đặc biệt hơn cả, Phạm Đình Chương viết các tình khúc ấy khi còn ở nhà, trước khi vượt biên ra ngoài. Ngay tại Sài Gòn, dù chưa đi ngoại quốc, chưa hề đặt chân lên nước Pháp, ông đã viết những tình khúc tân kỳ nhất. Lê Trọng Nguyễn yêu ông và quý trọng ông cũng vì lòng cảm phục ấy giữa những người đồng điệu.

Quả thật là đã một thời Sài Gòn có phong cách nghệ thuật rất mới chính là nhờ những bài như Dạ “Tâm” Khúc, Bài Ngợi Ca Tình Yêu hay Nửa Hồn Thương Đau của Phạm Đình Chương.

Khi viết Xuân Tha Hương, ông có thể nhớ về Hà Nội hay quê mẹ ở Sơn Tây. Ngày nay, khi hát Xuân Tha Hương, chúng ta lại nhớ đến Sài Gòn.

Và tìm nghe nhạc Xuân ở trong nước thời bây giờ (2006) thì lại thấy hương sắc của ngoại ô Hương Cảng!



Quỳnh Giao

January 24, 2006



XUÂN THA HƯƠNG

Bản nhạc này đã do tác giả và ban hợp-ca Thăng-Long trình bày trên các đài phát-thanh

Phạm đình Chương

VALE LENTE



Ngày xưa xuân thăm quê tôi Bao nhành hoa dòi đẹp



tươi Mẹ tôi sai uốn cây cảnh Vun tưới hoa mùa xuân



xinh Thời gian nay quá xa xăm, tôi đã xa nhà dăm



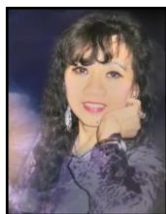
ăm. Sống bao xuân lạnh lẽo âm thầm... Hoa



xưa dần qua biết bao kỳ dăm bông Riêng ai buồn thương hát



liu còn trông mong... Và xuân thay áo mảy mùa dợi



Tâm Hảo trình bày "Xuân Tha Hương":

<https://www.youtube.com/watch?v=YrAKegDsTVU>

chờ... Mắt huyền lệ rung rung, sầu héo đến bao giờ...

Chiều nay lẻ bước phiêu du, thăm nhớ xuân về làng

cũ. Tình quê chan chứa trong lòng chưa sót thay sầu tư

hương Đường đi xa lắc lẽ thê, thêm khát khao ngày về

quê Đê sống vui quê mẹ lúc xuân về...

P.K. Xuân tới muôn cánh hoa nở bay khắp nơi. Hương khói

lan dưới mưa nhẹ rơi phôi phôi chiều dâng sầu lãng Trông

đường về mặt mừng mây Tần ơi cho nhân bao niềm thương... Ngày...



TÌNH QUÊ ĐẤT QUẢNG

Tôi xin kể vài dòng quê đất Quảng,
Xứ phần hoa đỏ hội của miền Trung,
Nơi những tài danh hào kiệt tương phùng,
Nơi bú mớm những ngày tôi còn bé.

Quê ngoại tôi vốn tại miền Tý, Sé,
Tận thượng nguồn dòng sông Cái Quảng Nam,
Trôi giạt tứ phương lạc đến Điện Bàn.
Ôi! lếch thếch một đời dân chạy giặc.

Quê ngoại tôi vốn giữa miền Nam – Bắc,
Nam sát Mỏ Cày, Bắc giáp Hải Vân.
Tấm phen tre bờ vách đất Cù Bản.
Nơi tôi lớn có nương dâu cồn cát.

Tôi đã lớn giữa ruộng đồng bát ngát,
Giữa phù sa, đầu bắp mượt mà xanh,
Những hàng tre, làng mạc vẽ nên tranh,
Giữa huyền ảo lung linh tầng núi Quế.

Nơi quê mẹ có tháp Chàm hoang phế,
Trải ngàn xưa vẫn mãi đứng trơ gan.
Dòng Thu Bồn vẫn mãi chảy lang thang.
Theo ngày tháng, có khi trong khi đục.

Dòng sông Hàn ngày đêm trôi uốn khúc,
Chảy ngoằn ngoèo ra biển cả Hoàng Sa.
Quê mẹ tôi có thắng cảnh Sơn Trà.
Có cửa Đại, có Bà Nà, núi Chúa.

Quê hương tôi tài nguyên giàu ruộng lúa,
Những cánh đồng thẳng tắp cánh cò bay,
Những cánh buồm nâu lộng gió lung lay,
Đưa dân đến đảo xa tìm tổ Yến.

Quê hương tôi, ngày xưa không chinh chiến
Đạn bom xa cho tình nghĩa được gần,
Rượu Hồng Đào chỉ nhấp chén một lần,
Mà đã thấy cuộc đời say như mộng.

Giữa Hòn Kẽm, Đá Dừng cao lồng lộng,
giữa Trà Mi, Tiên Lãnh gió vi vu,
Thời gian xưa không thấy những nhà tù,
Mà nơi đó nay đây thành địa ngục.

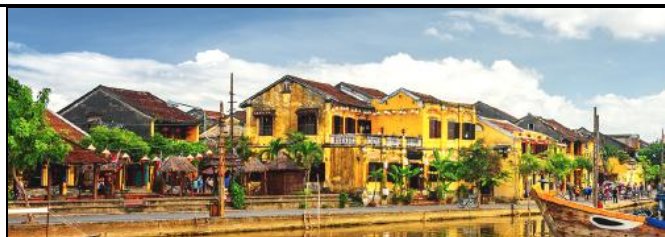
Bến Giao Thủy khách chờ xuôi đông đúc,
Ghé Hội An cho tôi ngắm lại đình xưa.
Cầu Cầu Lâu thương mấy nhịp cho vừa,
Đôi bờ rộng mà tình chưa cạn ý.

Đưa hẩu đồ tặng nhau lời thâm thúy,
Nặng nghĩa tình ngọt lịm trái bòn bon,
Đất Quảng Nam mãi gắn bó sắt son,
Đã sinh sản lắm danh nhân tuấn kiệt.

Những anh hùng giữa phong ba tuế nguyệt,
Vẫn bền gan nặng nợ với núi sông.
Ngũ Hành Sơn cao ngất mãi trong lòng,
Dân đất Quảng tô bồi trang sử Việt.

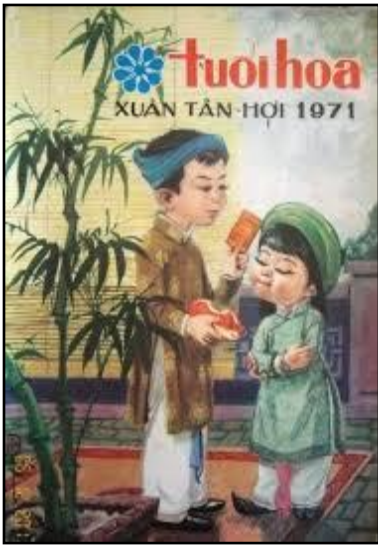
Chiều đất khách ngậm ngùi sao kể xiết.
Vọng cổ hương nghe tiếng Quốc gọi hồn.
Hồn nước non, hồn dân tộc vẫn còn,
Thì vẫn có còn đây tình đất Quảng./-

TiềnSha-LêLuyền
South Carolina, 1995



VIẾT BÁO XUÂN

**** đoàn xuân thu (melbourne) ****



Hồi thời Việt Nam Cộng Hòa mình, lúc tui mới vừa 14, 15 tuổi, tuổi đọc thông và viết thạo, khoảng chừng năm đệ ngũ là tui đã viết báo rồi đó nha bà con.

Bài viết cũng được đăng trong các trang thiếu nhi (dĩ nhiên vì tui còn là con nít), tờ Thần Chung của ông Nam Đình, tờ Đuốc Nhà Nam của ông Trần Tấn Quốc, tờ Chánh Đạo của Đại đức Thích Hộ Giác, tờ Xây Dựng của Linh mục Nguyễn Quang Lãm hay tờ Công Luận của Thượng nghị sĩ, gốc nhà binh, Tôn Thất Đính. (Thực ra ông tướng này chỉ ra tiền làm báo để có tiếng tăm về chánh trị; chớ mọi chuyện là do nhà văn Duyên Anh 'thầu' hết ráo).

Đăng đâu có các nào nhưng cũng khoái chí tử; vì hồi nhỏ đứa nào hồng ngừ như vậy chớ?

Thân phụ tui có thói quen đọc báo; nên xế trưa nào, khoảng 3 giờ chiều, một chú giao báo tháng chạy chiếc xe đạp, có cái bọc vải chứa báo cuộn tròn, vắt ngang cái đòn dông, xẹt ngang qua nhà, giao một tờ cho tui đang đứng chực chờ.

Tui đọc hết ráo từ tin xe cán chó đến Tiểu Ngạo Giang Hồ của Chú Ba Kim Dung bên Hong Kong, Lịnh xé xác (tiểu thuyết kiếm hiệp của Hàn Giang Nhạn), Song Ngoại của Quỳnh Dao do Liêu Quốc Nhĩ dịch hay những chuyện nhảm nhí như Con ma vú dài chẳng hạn.

Đọc hết, rồi đọc luôn tới Tim bạn bốn phương, Gởi giòng lá thắm, Gỡ rối tơ lòng...thòng!

Không bao giờ bỏ sót mục tử vi của Chiêm tinh gia Huỳnh Liên. (Dẫu thừa biết bói ra ma quét nhà ra rác). Sau cùng là đọc luôn mục tìm trẻ lạc, quảng cáo linh tinh.

(Nói tới quảng cáo là phải nói tới nhật báo Chính Luận của ông Đặng văn Sung. Nghe nói ông chủ báo này giàu thôi hết biết. Tuy nhiên cũng có người tự xuất vốn ra làm báo, cầm cự được chừng vài tháng thấy không êm, thì tưng bưng khai trương và âm thầm dẹp tiệm...)

Phải nói làm báo không phải là cái nghề để làm giàu mà cái nghiệp vì đam mê nên mang cái chuyện buồn hơn vui này vào cái cần cổ.

Bây giờ trên web cũng vậy thôi, người người làm báo, nhà nhà làm báo (như ở không lảm vậy). Đâu kiếm được các nào; mà cũng đâu có trả tiền

nhuận bút cho ai. Bài đi ‘chôm’ của thiên hạ không hề. Vậy mà lâu lâu, vì một bài viết, cũng mắng nhiếc nhau như bạn hàng tôm, hàng cá chợ Cầu Ông Lãnh vậy.

Việt Nam Cộng Hòa mình là một đất nước tự do, nên nền báo chí cũng phát triển khá rầm rộ. Chủ báo thường là người làm chánh trị, có thế, có lực, có tiền, xuất vốn ra, mượn thư ký tòa soạn điều hành hết ráo từ bài vở tới in ấn.

Quản lý trị sự thì trả tiền cho nhà in và các nhà văn, nhà báo, cộng tác viên. Nghe xôm tụ vậy chớ toàn thể ban biên tập chỉ loe ngoe vài mống.

Nhật báo ngày ấy cũng phân định đẳng cấp, đại ca hay tiểu đệ, báo 4 trang hay 8 trang, căn vào lượng độc giả mua báo (số bà con đọc báo mượn cũng nhiều không kém làm mấy ông chủ báo la trời như bộng).

Ngoài nhật báo còn có tuần san, bán nguyệt san rồi nguyệt san chuyên về lãnh vực giải trí. Trăm hoa đua nở như vậy thì theo nền kinh tế thị trường là phải đua, cạnh tranh nhau rất dữ dội. Tin thời sự phải nóng hổi, bình luận chánh trị phải sắc bén.

Còn những bài “nằm”, tức bài dài kỳ, tiểu thuyết tâm lý xã hội, dịch thuật từ tiểu thuyết kiếm hiệp ‘Long Hình Quái Khách’ tới cao trào hấp dẫn là thông thêm câu: “Xin quý độc giả theo dõi kỳ sau sẽ rõ”. Cái nghệ thuật làm báo này gọi là câu nhấp tới câu rê...

Làm báo mỗi ngày là vậy nhưng cuối năm, mỗi độ Xuân về, Tết đến là còn tranh đua quyết liệt hơn nhiều. Số Xuân còn gọi là báo Tết phải công phu chuẩn bị bị trước đôi ba tháng. Mới tháng Chín là mấy ông Chủ bút đã la làng chói lói đòi bài in hời rồi hè!

Báo Xuân hải ngoại phát hành hơi sớm, trước Tết Tây. Còn hồi xưa trong nước, báo Xuân phát hành từ 20 tháng Chạp âm lịch cho tới 23, ngày đưa ông Táo về trời, lúc bà con đi chợ Tết, nhưng vẫn còn nhiều báo phát hành vào ngày 25, 26, thậm chí tới 28 Tết.

Tờ báo Xuân khổ lớn, bìa in 4 màu, hình ảnh nghệ sĩ nổi tiếng, (mà toàn con gái không hề), trình bày rục rờ, tăng trang lên gấp nhiều lần, bài vở phong phú đặc sắc của những nhà văn tiếng tăm lừng lẫy, được treo trang trọng ở các quầy sách báo ven đường, các ngã ba, ngã tư luôn đập vào mắt mọi người.

Độc giả háo hức chờ đợi, chực sẵn ở các quầy sách báo ven đường để mua tờ báo xuân mình yêu thích, chọn thêm 2,3 tờ báo xuân mà mình thấy đẹp, thấy hay, có nhiều nhà văn, nhà thơ, nhà báo tên tuổi cộng tác để tặng bạn bè. Thiệt là một truyền thống đáng yêu hết sức.

Bà con mình ai cũng biết khi Tây tới, nước Việt Nam mình mới có nghề báo. Nhưng có lẽ chỉ duy nhất Việt Nam là quốc gia có báo Xuân ra đời đã gần một thế kỷ.

Chính tờ Nam Phong Phạm Quỳnh sáng lập cho ra số Tết đầu tiên năm Mậu Ngọ, 1918. Ngay trang đầu, nêu lý do làm số Tết, ông chủ bút Phạm Quỳnh kính báo: *“Cả năm có ngày Tết là vui. Vui ấy là vui chung của mọi người, vui suốt trong xã hội, vui khắp một quốc dân, trong thế giới để không đâu có một cuộc vui hoàn toàn như vậy. Dẫu người buồn đến Tết cũng phải vui...”*

“Bản báo muốn cho khúc đàn riêng của mình không đến nỗi sai nhịp với khúc cảm chung của xã hội trong buổi đầu Xuân mới, giờ ấm, khí hoà, cảnh vật tươi cười, lòng người hớn hở, lại muốn không trái chủ nghĩa bình thường, bèn định in ra tập ngày Tết này, ngoài những số báo thường, trước là để cùng quốc dân góp một phần vào cuộc vui chung, sau là để tặng các bạn đọc báo đã có bụng tin yêu gửi mua từ đầu đến nay một cái quà hợp với cảnh năm mới...”

Mà muốn độc giả đọc báo Xuân để vui mừng vui quá vui thì bản báo phải lựa đề tài vui. Mấy cái vụ ghen vắc sủng rượt chồng chạy có cờ hay chồng ghen quánh vợ vắng mắt cái đầu tóc mượn (kiếm hoài hồng có ra) thì dẹp qua một bên sợ có huông.

Thay vào đó là lời chúc Xuân của ông chủ nhiệm, kiêm chủ bút, kiêm luôn ông xã của cô thư ký tòa soạn.

Ông chúc thân chủ quảng cáo trước; rồi tới thân hào nhân sĩ, chức sắc, độc giả mua báo năm rồi cuối cùng mới tới quý văn hữu (đứng hạng bét) Sau đó là Sứ Táo quân. Bài điểm lại nhưng sự kiện quan trọng năm qua... như Donald Trump ‘quánh’ Tập Cận Bình vì ‘khoái’ dân Việt Nam mình chẳng hạn.

Đề tài chánh trị ít thôi; đọc cả năm nhức đầu quá, uống gần hết cả trăm viên aspirin rồi hè.

Sau đó là bài năm Hợi nói chuyện Heo theo truyền thống. Tại sao phim bậy bạ dành cho người lớn, con nít không được quyền xem, lại được gọi là phim con Heo?

Truyện ngắn như tình Lan Điệp phải có hậu, dẫu trái ngang nhưng Lan không có đi tu vì nhờ Điệp thuyết phục con vợ nhà, là con quan phủ, cho Lan về làm vợ bé chẳng hạn.

Hay những chuyện mua vé số bỏ quên trong túi, còn một ngày nữa quá hạn, tình cờ móc ra dò thấy trúng một triệu đô la Mỹ. (Dóc thấy ớn luôn!) Rồi các mục giải trí văn nghệ, kịch trường, phỏng vấn các ‘ngôi sao’ cải lương, ca nhạc, truyện ngắn, thơ tình, thơ châm biếm, hí họa, chuyện Đông Tây kim cổ loại độc, lạ.

Tiếp theo là mục “Gia chánh” dạy làm các món ngon ngày Tết: Mứt bí, mứt dứa, bánh tét, bánh chưng.

Chuyện vui tiêu lâm nhưng nhớ đừng mặn quá kéo bị rầy. Chuyện “Thầy thuốc bắt mạch”. Tết ăn nhiều thịt mỡ nhưng kèm theo dưa hành để mỡ máu đừng lên cao. Ngày xuân nhậu quá xá thì làm sao ‘giã’ rượu... Cuối cùng là đồ vui Tết! Ai trả lời ngay chóc được thưởng một hai trăm đô do Mít tờ ‘Hãng rết’, chủ hàng trăm tiệm làm răng trên toàn nước Úc tài trợ.

Làm báo Xuân sướng hay cực? Cực là cái chắc rồi. Nhưng phải làm vì đây là dịp may, năm chỉ có một lần vì các thương vụ đăng quảng cáo rần rần... Mà nhiều chừng nào là tiền vô nhiều chừng nấy. Có ông chủ báo nhậu nói với người viết rằng phải chi tháng nào cũng là Tết; phở cho cái túi tiền của bà xã mình lắm nhe.

Chủ báo cháo bào ngư thì bọn viết mượn tụi tui cháo trắng ăn với hột vịt muối. Bèn làm reo, đòi nhuận bút cao gấp mấy lần ngày thường. Ông chủ báo đành bấm bụng ứng trước một mớ, cũng hơi khăm, để nhà văn có chút rượu nhâm nhi, chút môi đưa cay, vài gói thuốc lá phì phèo mà sáng tác.

Vậy mà tới hạn chót với nhà in, lửa tấp vô đít, mà bài của thằng chả chưa thấy đâu? Bèn gọi điện thoại nhắc: “Làm ơn viết gấp gấp!” Thì thằng chả lại bắt chước Tần Đà phán rằng: “Viết văn đâu phải là bữa củi. Nghe mà ứa gan hè!”

(Sơn Nam là nhà văn chuyên nghiệp, sống bằng nghề viết báo nên làm ăn đàng hoàng cẩn trọng, đề tài độc lạ như Ăn Tết ở rừng U Minh, chuyện người Hoa ở Chợ Lớn ăn Tết ra sao?)

Nên nhà văn Sơn Nam thường được các chủ báo giành độc quyền cầm, ứng trước tiền nhuận bút cao gấp mấy lần các tác giả khác. Báo tỉnh lẻ hứa: báo Sài Gòn trả bao nhiêu là tui xin kính ông bấy nhiêu. Ông cười, dơ ngón tay lên, khen: “Ngon a!”

Phát hành báo Xuân xong, ra giêng, còn nghĩ, tui thấy ông mặt mày tươi rói, tay mang, tay xách bánh mứt, thèo lèo cứt chuột và một chồng báo Xuân, đi xe đồ về Mỹ Tho thăm vợ, thăm con.)

Xuân về, Tết đến, người Việt ở hải ngoại mình cũng hay đến các shop Tàu, mua cho mình tờ báo Xuân ‘ruột’, mang về nhà đọc dần những ngày Tết. Còn mua thêm chừng hai, ba chục tờ ‘sơ cua’, gởi tặng bàn bê; ngầm ý khoe có bài Tết của tui, được đăng trang trọng trong ‘Mục Bạn đọc viết’ đó nhe!

Trước thêm năm mới, năm Kỳ Hợi, người viết xin kính chúc bà con mình: “Tân Xuân Vạn Hạnh”.

Xin giữ gìn truyền thông tốt đẹp, mua báo Xuân của ông bà mình để cho anh em báo (đời) chúng tôi, năm chỉ một lần được ăn cháo bào ngư!

đoàn xuân thu (melbourne)

NHỚ MẸ

(Kính dâng hương-hồn Mẹ, cụ-bà Lê Văn Tập, Đà-Nẵng)

Mẹ ơi! Lại một năm gần hết!
Lại một Tết gần tới nữa rồi!
Không thể lời trao, không chữ viết,
Con nhờ mây gió nhắn lời thôi!

Lâu nay Mẹ có được bình-an?
Con+cháu về thăm? thư hỏi-han?
Lợi-tức có còn cho Mẹ sống?
Tuổi cao, Mẹ sống có thư-nhàn?

Phần con: vẫn tội không toà xử!
Vẫn khổ-sai tù chẳng án tuyên!
Nhưng vẫn nhẫn-nhường
qua hạn dữ
Đúng như lời Mẹ vẫn từng khuyên.

Nhớ khi chưa có chuyện chua cay:
Con đến hầu thăm Mẹ mỗi ngày,
An-ủi phần nào niềm quạnh-quẽ,
Thân đơn, nhà rộng, gió sương dày

Con đưa Chị Cả thường-xuyên lại
Cùng Mẹ chơi bài để giải-khuây .
Con giúp nhang đèn, dâng lễ bái;
Con lo khách-khứa, đãi ăn đầy ...

Mẹ ra nghỉ-địa viếng mộ Ba:
Con lái xe-hơi chở Mẹ ra .
Mẹ muốn lên chùa hay xuống chợ,
Qua nhà bè-bạn: con đưa qua ...

Con vui có Mẹ mà hầu phục
Vì mẫu-thân con đã mãn-phần.
Mẹ cũng thương con như cốt-nhục
Vì con trai Mẹ đã từ-thân!

Mẹ coi con tựa đứa con thơ:
Có bữa cơm trưa Mẹ vẫn chờ.
Mẹ cất cam nho trong tủ lạnh,
Chờ con tới mới lấy ra đưa ...

Thế rồi tất cả không còn nữa!
Con bị lưu đày ở trại xa;
Mẹ lại mai chiều ngồi tựa cửa:
Lầu cao, thêm rộng, một thân già .

Năm xưa, Mẹ đã chín mươi tròn,
Lọm-khộm đi tìm thăm viếng con;
Mẹ đã khóc oà khi gặp mặt
Làm con đau đặng cả tim non.

Tám tình quý-hiếm cao sâu ấy:
Lòng Mẹ vô-biên như biển trời!
Con biết làm sao đền đáp lầy
Dù trong muôn một, Mẹ hiền ơi!

Đền ơn, con chỉ biết mong cầu
Cho Mẹ bình-an, Mẹ sống lâu;
Mẹ sống chờ ngày con trở lại:
Con săn-sóc Mẹ, Mẹ vui sâu ...

Mẹ ơi! đã mấy năm biền-biệt,
Chúng cấm thư-từ,
cấm viếng thăm.
Mẹ có bề nào: con chẳng biết!
Con càng nhớ Mẹ, con càng cảm!

Bây giờ Chị Cả đã qua đời,
Con+cháu thì là người mỗi nơi!
Chú ấy làm to mà cuộc bộ,
Về thăm - lý-thuyết chỉ hoài hơi!

Phố lâu: căn cúng, căn người quy!
Két cạn: nhà băng hết gửi tiền!
Hết hẳn lên chùa! Thôi thết tiệc!
(Qua-loa vài món giỗ gia-tiên!)

Mẹ đi nghỉ-địa: ai đưa đi ?
Mà mộ Ba còn, hay đã "quy"?*
Ai tới chơi bài mà giải-trí?
Trưa: còn tủ lạnh? tối: ti-vi?

Lạy Trời! Nếu Mẹ quy-tiên trước:
Con hết hôn tay, vuốt mắt Người!
Con hết tiễn đưa giây phút chót
Về nơi Mẹ nghỉ giấc muôn đời!

Nhưng, con còn sống, con còn lo
Cho các con con được Tự Do,
Cho các cháu con, như Mẹ muốn,
Có hoà tử lạnh với cam nho ...

Con còn báo-phục cho đời Mẹ:
Tuổi trẻ cần-lao, tuổi xế nhàn;
Có nghĩa, có tình trong tộc-hệ;
Có Trời, có Phật độ giang-san...

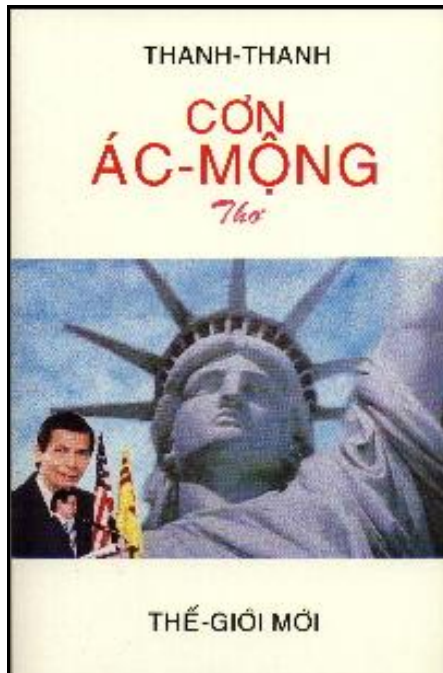
Con còn nghĩa-vụ với xung quanh:
Phải diệt cuồng-xâm,
thắng bạo-hành,
Để sống đời đời trong hạnh-phúc:
Mỗi ngày: Tết nhất,
tháng: xuân xanh...

Hôm nay sắp-sửa vào Xuân mới:
Con: tuổi tù tã, Mẹ: tuổi đời ...
Mượn gió nhờ mây, con gửi tới
Lòng con thương nhớ – Mẹ hiền ơi!

THANH-THANH

Nhà Trắng (Thôn 5) Tiên-Lãnh 1980

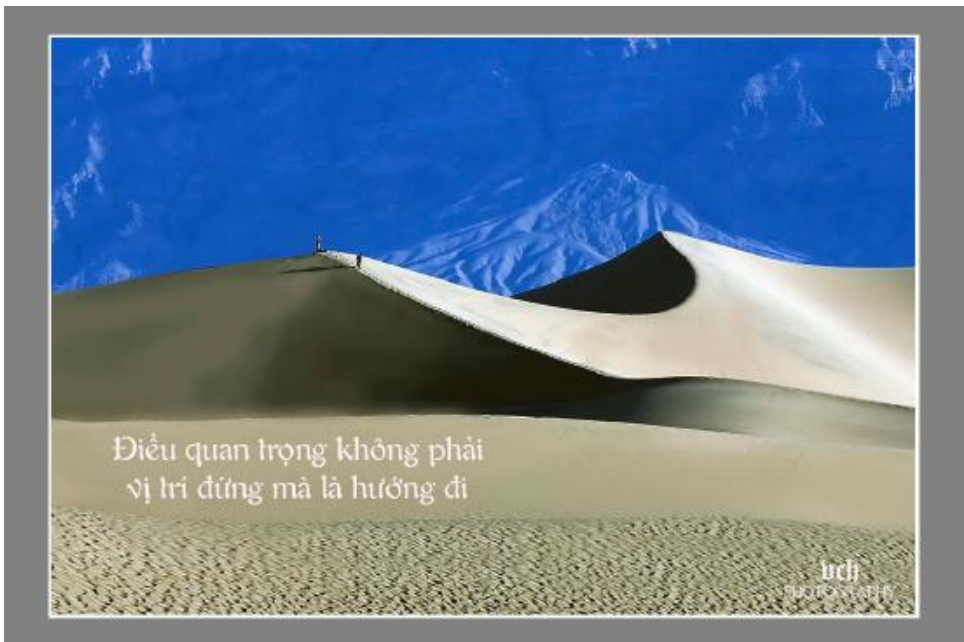
* VC dẹp hết nghĩa-trang của dân Miền Nam, bắt dòn (quy) mã
tới những địa-điểm mới, xa, và tồi-tệ hơn.



NGHỆ THUẬT NHIẾP ẢNH CỦA VŨ CÔNG HIỂN

1. Death Valley có gì đáng sợ? Không kể đường xa hơn 8 tiếng đồng hồ lái xe từ San Jose, không kể thời tiết đêm lạnh, ngày nóng tới 58°C vào mùa hè, không kể phải đeo ba-lô máy ảnh với đồ nghề 15 lbs leo băng qua các đồi cát... Điều đáng sợ nhất là ĐI LẠC. Muốn chụp đồi cát đẹp thì phải đi bộ vào sâu khoảng 2, 3 cây số để không có vết chân người trên cát. Đi vào càng sâu thì cảnh càng đẹp, càng ngất ngây, không còn biết trời trăng gì nữa.

Khi mặt trời xuống thấp thì chụp vội cảnh hoàng hôn khi ánh sáng và mây trời đẹp nhất. Xong việc thì không còn biết phương hướng nào để ra về giữa sa mạc cát mênh mông. Trời thì tối rất nhanh. Nếu có may mắn đi ra được mặt đường thì cũng không thể biết xe mình đậu phía trái hay phải? Nếu rẽ đại một bên mà nửa tiếng sau không thấy xe thì biết là sai hướng rồi. Quay ngược lại mất thêm 1 tiếng nữa khi trời đã tối hẳn. Đôi chân rã rời khi về tới xe. Còn nếu lạc thì sao nhỉ? Không muốn nghĩ tới khi nơi này không có sóng cho điện thoại di động. Đáng sợ lắm! Vậy mà đã đi 6 lần rồi.



2. Nếu có ai hỏi tôi thích loại người nào nhất khi chụp ảnh chân dung? Xin thú thực đó là những người già. Đặc biệt là những cụ già răng đen ở miền Bắc. Tôi biết rằng sẽ không còn nhiều cơ hội để chụp ảnh các cụ. Chỉ dăm mười năm nữa thôi. Các cụ có nụ cười thật đôn hậu, giọng nói chậm rãi, ân tình, khác hẳn giọng mấy cô gái trẻ thường gặp trên đường phố Hà Nội, vừa nhanh vừa cao đến nỗi mấy anh bạn người Cần Thơ bắt tôi thông dịch lại sang... tiếng Bắc 54!

Có lần tôi đang trên đường đi bộ đến một xưởng dệt tơ tằm ở Hà Tây để chụp vài tấm ảnh quay tơ, một bà cụ răng đen đứng hóng mát ngoài cửa nhà vui vẻ mời: “Bác đi đâu thế? Vào uống tách chè đã nào”. Tôi chỉ là người lạ qua đường mà sao giọng cụ đơn đả, thân tình thế. Lại được gọi trịnh trọng là “bác” nữa. Tôi đã quen nghe các bà cụ ở trong Nam gọi thân mật là con, cậu hai, chú hai... Tôi cười hỏi thăm cụ vài câu rồi xin phép đi. Một lần khác tại đầu ngõ một ngôi làng ở Bắc Giang, tôi gặp hai cụ già răng đen đang hỏi han nhau. Một cụ lưng đã gù gặp hẳn xuống. Hai cụ nói chuyện bằng giọng chân chất mà tôi nhớ đã loáng thoáng nghe từ hồi còn nhỏ lắm... Ôi những người bạn già chỉ còn ít năm tháng cuối đời để hỏi thăm nhau sức khỏe. Quý biết bao!



Có ba thứ cũ đáng quý: sách xưa, rượu cũ, bạn già.

3. Mặc dù các bạn sinh ra và lớn lên ở Việt Nam nhưng mấy ai biết được những ngư dân trong hình này đang làm gì và ở địa phương nào? Họ đang chuẩn bị xiệp để bắt tôm cá đáy. Họ gọi là đẩy xiệp. Tôi từng sống dưới An Giang bốn năm mà chưa nghe nói tới cái tên này bao giờ. Có lẽ vì ngư cụ này chỉ thấy ở vùng biển khơi. Bãi biển này có tên là Ba Động, cách thị xã Trà Vinh khoảng 55km. Vùng này còn hoang sơ, không thấy du khách mặc dù bờ biển cát sạch dài 1.5km với hàng phi lao khá đẹp.

Thuê xe từ Sài Gòn xuống từ hôm trước, ngủ lại tại mấy phòng trọ cực kỳ sơ sài gần bãi biển để 5 giờ sáng hôm sau chỉ cần đi bộ ít phút là có thể gặp mấy ngư dân vác xiệp ra bãi. Trời còn tối đen, mấy anh chàng ngư dân này ngồi chờ mặt trời mọc với điều thuốc phi phèo. Chỉ thấy mấy chấm đỏ thỉnh thoảng lóe lên trong bóng đêm. Chưa chụp được. Rồi chân trời ửng dần ánh đỏ để thấy bóng

các ngư phủ in trên nền trời còn xanh đen. Bắt đầu từ đây là lúc ánh sáng và màu sắc đẹp nhất, nhưng thay đổi từng phút. Từ xanh sang vàng, cam, đỏ... Khi mặt trời lên cao hẳn thì tụi tôi thu dọn ba-lô rút lui. Cũng bấm được cả trăm tấm ảnh với đủ các sinh hoạt khác nhau.

Về xem lại thì không ưng ý lắm vì thủy triều hôm nay lên cao nên không thấy bãi biển với vân cát đâu. Thế là hai tuần sau tụi tôi lại thuê xe xuống lần thứ hai với hy vọng thủy triều xuống thấp để thấy bãi biển lộ ra với vân cát ngược sáng. Chỉ vậy thôi. May mà trời thương. Thuê xe hai lần xuống tận Trà Vinh, mỗi lần mất hai ngày một đêm chỉ để chụp cho được mấy vân cát biển trong ánh bình minh. Nếu có ai nói chúng tôi là mấy lão khùng thì cũng đành cười trừ thôi, chả cãi được.



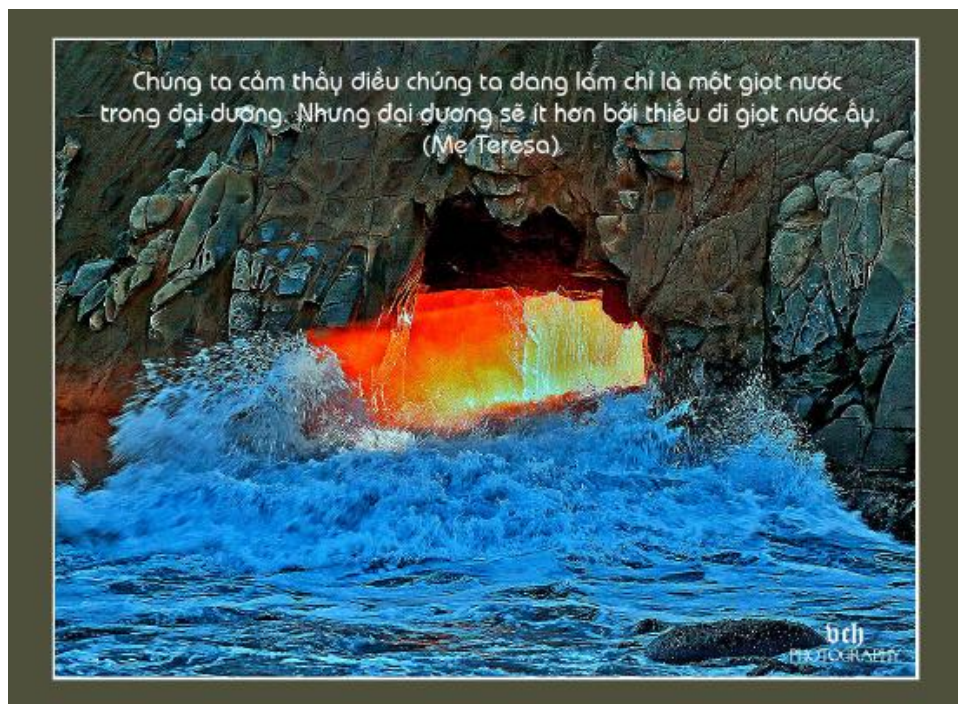
4. Cứ vào cuối năm khi mùa đông đến và mặt trời di chuyển về phía nam thì ánh sáng buổi chiều rọi xuyên qua lỗ hổng của một tảng đá lớn nằm sát bờ biển Pfeiffer Beach của vùng Big Sur, California. Đây là cơ hội tuyệt vời lôi cuốn hàng ngàn dân nhiếp ảnh khắp nơi tới chụp cảnh trí hiếm thấy này.

Tảng đá này có thể nằm trong sương mù hay dưới nắng đẹp, ánh sáng sớm mai hay chiều tà nhưng dù trong điều kiện nào thì trông cũng rất sống động. Nhưng tuyệt vời nhất là cảnh hoàng hôn khi mặt trời hiện qua hốc đá. Cần phải tới đây vài ba giờ trước hoàng hôn để cộn chỗ đậu xe khá giới hạn. Việc đầu tiên khi tới bãi biển này là tìm một chỗ tốt để dựng chân máy ảnh (tripod). Công dụng của chân máy là để giữ chỗ và đỡ mọi tay trong khi chờ mặt trời lặn. Mặc dù đã dựng chân máy sát mé nước để đừng ai đứng chặn ngay trước ống kính của mình khi

họ tới sau, nhưng bạn đừng ngạc nhiên sẽ có dăm ba người tình bơ làm việc đó. Và tôi dám đoán chắc đó là những người gốc Á châu. Chưa bao giờ thấy người Mỹ làm cái việc kém lịch sự và thiếu tế nhị như vậy.

Thế rồi thời điểm “vàng” cũng tới. Mọi người thi nhau bấm cảnh sóng đánh tung tóe qua hốc đá với ánh sáng trời chiều rọi xuyên bụi nước đỏ rực lên như lửa... Tuy nhiên tôi cũng không bỏ qua cảnh sóng đánh vào tảng đá lớn khác gần đó, tạo thành một bức tranh kỳ diệu với màu sắc hoàng hôn chiếu xuyên qua bụi sóng mà không thể gặp lần thứ hai. Cảnh này thì “một mình một chợ”, không phải giành giật. Đi chụp hình đôi khi cũng cần phải rời bỏ đám đông để tìm sự sáng tạo và cá biệt.

Năm 1965 phim Sandpiper đã được quay tại đây với cặp tài tử danh tiếng lẫy lừng, Elizabeth Taylor và Richard Burton. Vậy thì ra nơi này đã nổi tiếng từ hơn nửa thế kỷ trước. Năm đó, 1965, bạn đang ở đâu?



5. Inle là một trong hai hồ nước ngọt lớn nhất Myanmar (Miến Điện). Tuy chỉ có vẻ đẹp bình dị nhưng Hồ Inle lại là một nơi thu hút du khách ngoại quốc rất đông. Người dân Miến thường nói là nếu tới Myanmar mà chưa ghé Hồ Inle thì kể như là chưa biết Myanmar. Do đó mỗi lần sang Myanmar thì tôi đều đến Hồ Inle, không phải để ngắm cái nét hoang sơ của hồ mà vì muốn chụp ảnh những ngư dân. Cái kiểu đánh cá bằng cách đứng một chân đã trở thành một nét văn hóa đặc trưng của hồ này. Tôi đã từng chụp vô số ảnh quang chài, kéo vó, đẩy xiệp, thắm dớ... từ miền Nam ra miền Trung của Việt Nam nhưng không khỏi thích thú với cảnh đánh cá trên Hồ Inle. Các ngư dân như các diễn viên của đoàn xiếc, biểu diễn với đủ động tác đẹp mắt.

Từ thủ đô Yangon muốn tới Hồ Inle phải ngồi xe đi xuyên qua đêm 600km để kịp chụp cảnh đánh cá dưới ánh bình minh. Ngủ giường nệm rộng rãi ở nhà còn trần trọc, nói chi ngồi vật vờ trên xe van chật chội. Một ghê gớm lắm! Cục hình lớn nhất trong 6 ngày săn ảnh. Vậy mà khi xuống thuyền chạy mười phút trên hồ thì gió mát làm tỉnh hẳn người, cái mệt biến mất hồi nào không hay. Thấp thoáng là những ngư dân đang đánh cá một chân dưới nền trời đầy sắc màu của bình minh. Máy ảnh được lấy ra khỏi ba-lô chuẩn bị bấm đủ góc độ, đủ kiểu dáng. Thuyền nhỏ, tròn trĩnh, không được đứng dậy hoặc di chuyển nên chụp được tấm ảnh để hài lòng về dáng điệu, ánh sáng, bố cục cũng là một thử thách thú vị. Mỗi lần tới Myanmar tôi đều chụp khoảng trên 2000 tấm ảnh, và dự tính sẽ đi Myanmar lần thứ ba trong vài tháng tới theo một lộ trình khác để khám phá cái xứ dân thì thật hiền và chó thì không biết sửa này.



6. Có lần tôi đã nói với các bạn là nếu có ai hỏi tôi thích chụp loại người nào nhất trong loại ảnh chân dung thì tôi xin trả lời là người già với rất nhiều lý do. Điều này lại càng đúng khi đi săn ảnh ở Hà Nội dịp Tết. Ra Văn Miếu ngày Tết, giữa ông đồ ngồi viết câu đối và phụ nữ không mặc áo dài thì chọn ai bây giờ? Tìm ông đồ đẹp lão với mực Tàu câu đối đỏ còn tương đối dễ. (Không dễ lắm vì một phần bị các cậu đồ, cô đồ cạnh tranh, một phần trời Tết lạnh nên các ông đồ thường mặc thêm cái áo khoác kiểu mới trông không hợp với cái khăn đóng chút nào). Nhưng tìm được một bà cụ áo the khăn vấn đang thấp hương thì thật là thiên nan vạn nan. Vào ngày Tết năm 2016 tôi mất cả buổi đi tìm các cụ ở khắp đền Ngọc Sơn, Chùa Trấn Quốc... mà không thấy một cụ nào. Người đông như trẩy hội, người đi lễ rất nhiều nhưng chỉ thấy giới trung niên. Đàn ông mặc com-

lê, cà-vạt nhiều lắm. Tôi đoán có lẽ sắp có sự thay đổi nhân sự trong cơ quan chẳng? Ở trong Nam tôi không thấy đàn ông mặc đồ lớn thấp nhang bao giờ nên hơi thấy lạ.

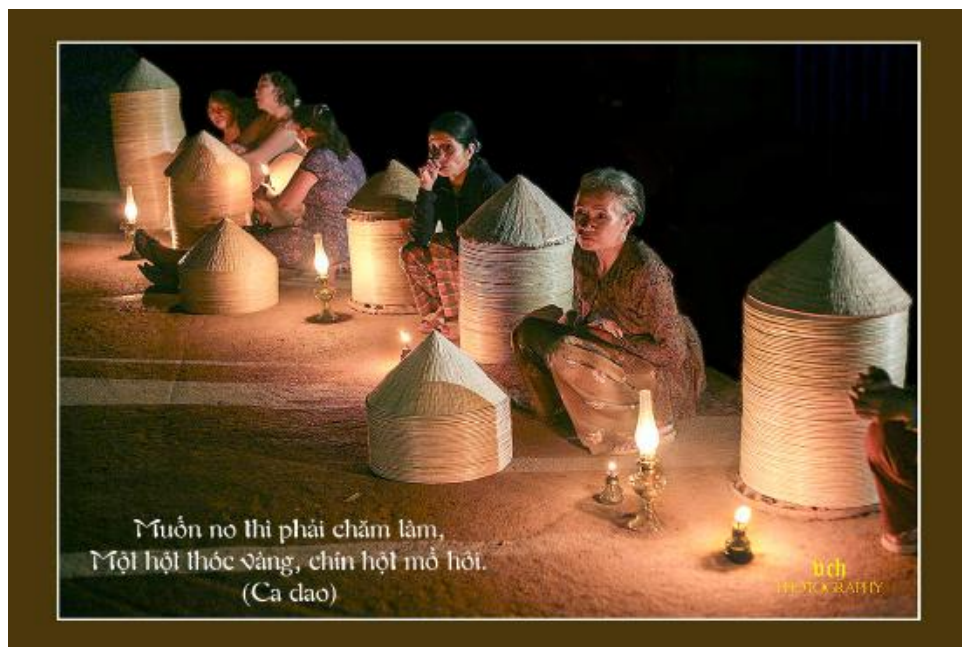
Miền Bắc có nhiều thay đổi đáng ngạc nhiên. Có lần tôi ra Hồ Tây tìm lại món bánh tôm Cổ Ngư mà hồi nhỏ được ăn vài lần. Nhưng sao hôm nay người tới lễ phủ Tây Hồ chen chúc đông quá. Cái mâm cúng không chỉ là hoa quả và bó hương, mà là một mâm lớn với đầy ngập đồ ăn, nguyên con gà luộc nằm giữa giữa mâm. Thấy lạ tôi hỏi một thanh niên, hôm nay lễ gì mà đông thế cháu? Cậu ta trả lời, bác là Việt kiều hả? (Có lẽ vì thấy câu hỏi ngờ ngẩn). Hôm nay là ngày rằm. Ngày rằm và mồng một nào cũng đông như vậy cả. Thì ra “tam vô” chỉ còn trong sách vở cũ.

Không tìm thấy bà cụ vấn khăn nào vào Tết 2016 nhưng tôi vẫn còn giữ được một tấm ảnh chụp bà cụ đang lim rim khăn vái ở đền Ngọc Sơn để gửi các bạn xem cho đỡ nhớ nhà.



7. Cách nay khoảng chục năm, trong một chuyến đi chụp ảnh dọc duyên hải miền Trung tôi có quen một nhiếp ảnh gia trẻ, gốc Huế phiêu bạt xuống Bình Định. Anh ta hỏi tôi có muốn đi chụp chợ nón lúc 3 giờ sáng không. Tôi chưa bao giờ phải thức dậy sớm như vậy để chụp hình cả. Phải thức dậy lúc 2 giờ sáng để chuẩn bị rồi chạy xe gắn máy chừng 10 cây số về phía bắc. Tới nơi, trời vẫn tối đen, chỉ thấy một người đàn bà ngồi xỏ mớ với một ngọn đèn dầu tại đầu một ngõ hẻm. Không thấy mũ nón gì cả. Rồi dăm bảy bà nữa lần lượt tới với thêm đèn dầu. Họ là những người buôn nón ngồi chờ những người làm nón đi xe hai bánh mang nón lại bán. Họ cầm cây đèn dầu soi kỹ từng chiếc nón trước khi mua. Khi mà chồng nón cao chừng 1 mét thì trời cũng ửng sáng, chợ giải tán. Những bà buôn nón này sẽ mang nón ra chợ bán.

Chụp cảnh này hơi khó khăn về kỹ thuật vì ánh sáng đèn dầu quá yếu. Cũng không thể để tốc độ quá chậm được vì chỉ một bà nhúc nhích đủ làm hỏng tấm hình. Máy ảnh thời đó cũng không có độ nhạy sáng (ISO) cao như bây giờ. Sau cùng tôi đã phải đổi sang dùng ống kính cố định 50mm với khẩu độ rộng hơn, nhưng tốc độ vẫn phải để khá chậm, 1/10 giây. May mà không có bà nào nhúc nhích.



8. Có lần một nhóm bạn trẻ rủ tôi xuống miền tây chụp cảnh mùa nước nổi. Hẹn nhau 8 giờ tối tại khu tây ba-lô đường Phạm Ngũ Lão (Sài gòn) rồi trực chỉ xuống Mỹ Thuận. Tới Sa Đéc cũng gần nửa đêm, ghé chợ ăn tô cháo với dưa mắm hột vịt muối và tài xế rửa mặt cho tỉnh táo. Sau đó thẳng đường xuống Châu Đốc. Tới nơi mới chừng 4 giờ sáng, trời còn tối đen. Muối bay vo ve. Mọi người lục tục xách máy ảnh và đồ nghề xuống. Tôi hỏi chụp gì vậy? Họ trả lời chụp hàng cây thốt nốt. Nghe không mấy hấp dẫn khi mất cay xè và không hình

dung cảnh đó ra sao nên tôi ngồi lại xe cố chớp mắt. Được một lúc thì có tiếng gõ lên cửa sổ xe đánh thức tôi dậy. Một anh bạn xin lên xe. Tôi hỏi sao không chụp? Anh ta nói chụp không được vì tối quá, tầm nào cũng đen thui. Tôi hỏi chụp máy gì? Anh nói Canon 5D. Tôi nói dẫn tôi ra đó tôi set máy cho.

Men theo bờ ruộng trong bóng đêm một lúc thì tới nơi. Cả chục người trong nhóm đang đứng dưới ruộng, nước ngập gần đầu gối. Họ chuẩn bị từ trước nên mặc quần ngắn và mang dép nhựa. Hỏi họ tại sao phải đứng dưới ruộng, họ cho biết để những nhóm tới sau không thể đứng chắn trước mặt và góc chụp đẹp hơn. Cả hai lý do không đủ để tôi phải hy sinh ướt giày vớ và quần nên tôi dựng chân máy (tripod) trên bờ ruộng sau khi giúp set máy ảnh cho anh bạn xong. Bấm dăm cái thì mặt trời ló dạng dần. Ánh sáng và mây cũng thay đổi từng phút. Thật đẹp. Tôi thay đổi góc chụp cho đến lúc mặt trời lên cao hẳn, màu sắc cũng bớt rực rỡ.

Tôi chỉ thực sự thấy đẹp khi về nhà thấy hình ảnh hàng cây thốt nốt trên laptop. May quá, nếu không có anh bạn gõ cửa sổ xe thì tôi đã ngủ đến sáng và mất toi tấm ảnh này. Bây giờ nếu tôi muốn chụp lại cũng cần mấy điều kiện: tên làng giềng phương bắc có xả nước đập ra không? Có năm hẳn xả, có năm không. Không có nước thì nông dân chết dở nhưng dân nhiếp ảnh cũng ...buồn năm phút. Hàng cây thốt nốt mà không có nước để soi bóng thì chả ai muốn chụp nữa. Rồi trời có mây đẹp không? v.v. Chụp được tám ảnh ưng ý nhiều khi cũng cần may mắn ngoài các yếu tố khác.

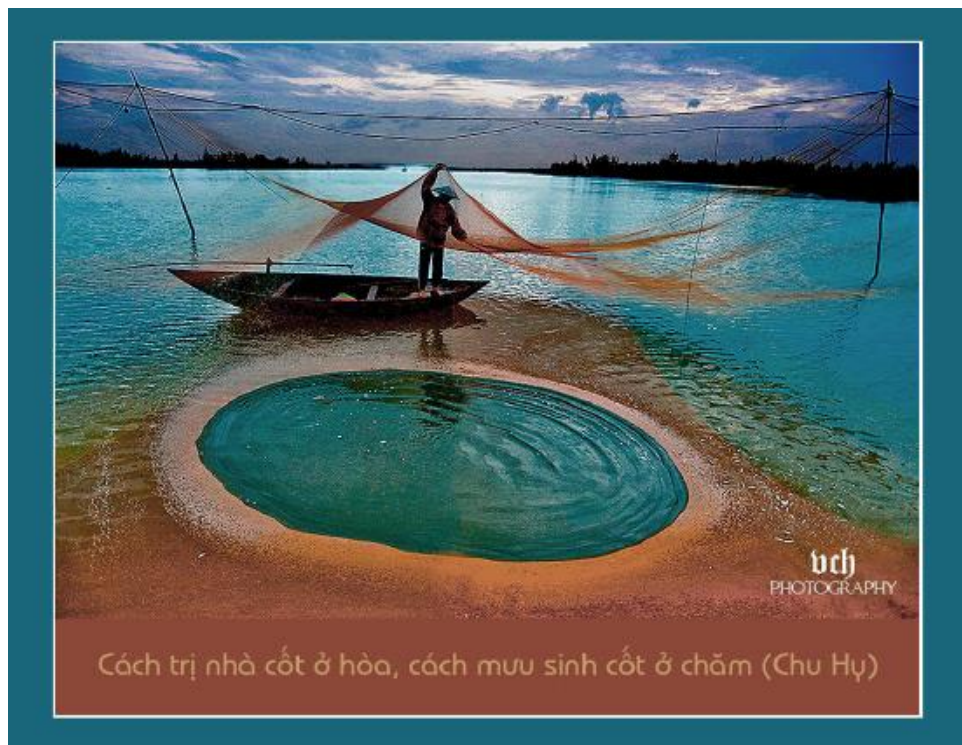


9. Tuần trước tôi có hai chuyến đi săn ảnh, chuyến đầu đi vùng Hà Giang và Cao Bằng, vào cả hang Pắc Bó xem mặt mũi nó ra sao. Chuyến sau đi xuống Pù Luông (Thanh Hóa), rồi lái ngược lên Bắc Sơn (Lạng Sơn). Giữa hai chuyến là mấy ngày trống chưa biết làm gì thì có bạn rủ đi Hưng Yên gặp một nhân vật có cái tên rất giang hồ là Lương Sơn Bạc. Tôi nhận lời ngay. Ông ta chỉ là một ông già 80 tuổi làm nghề đan đố (một dụng cụ bắt cá), vậy mà dân nhiếp ảnh suốt từ bắc tới nam ai cũng biết tới. Một ông già với cái xe đạp thồ cũ kỹ chở đủ loại đố lớn nhỏ cao gấp rưỡi đầu người. Ở tuổi 80 giữ cho xe đạp với ngàn ấy cái đố không đổ đã là gay go, vậy mà ông đạp hơn 60 cây số lên tận Hà Nội. Ông ta nói chuyện có vẻ là người đã từng trải, lăn lóc nhiều, rất xứng với cái tên. Ông cho biết người bạn thân nhất bây giờ là con gà trống Đông Tảo, một loại gà hiếm quý để tiến vua ngày xưa mà có người muốn mua với giá 5 triệu đồng (hơn 200 đô-la) nhưng ông không bán. Ông loay hoay làm việc liên tay, chỉ thỉnh thoảng mới ngừng để rít một hơi điếu cây, ngửa mặt nhà khói, mắt lim rim... Ông đang nghĩ tới người vợ vừa mới qua đời chẳng?



10. Hè năm ngoái khi đi chụp ảnh ở Hội An, một nhiếp ảnh gia địa phương hỏi tôi có thức dậy nổi 4 giờ sáng để đi chụp cảnh thắm đớ ở Cửa Đại không. Tôi có tật thức khuya, thường chỉ ngủ từ 3 giờ sáng nên hơi lưỡng lự rồi cũng nhận lời. Vừa đi bộ ra bến sông, mắt vừa dụi lại và cay xè. Rồi tiếng máy thuyền và gió sông làm tôi tỉnh dần. Bầu trời vẫn đen kịt. Khoảng nửa tiếng thì thuyền ra đến cửa sông. Bóng một người đàn ông đội nón lá trên một ghe nhỏ đang thắm đớ (một loại vó của miền Trung) hiện dần trên bầu trời đang ửng sáng. Mặc dù chụp CỎ THƠM

đủ mọi đề tài nhưng tôi rất thích chụp cảnh ngư dân kéo vó, quăng chài, vượt sóng... Họ cần cù, siêng năng, táo bạo quá. Để chụp cảnh này cho thật rõ thì không thể chụp xuyên qua lưới được. Thế là chúng tôi tìm một lỗ lưới rách bằng nắm tay đủ để ống kính chui qua đó. Rồi tay trái nắm lấy lưới cho khỏi ngã khi đứng trên mũi thuyền nhấp nhô liên tục, tay phải vừa cầm máy vừa bấm. Nếu sợ ngã mà ngồi xuống chụp thì tấm ảnh sẽ kém đi về độ sắc nét, về bố cục... Mỗi khi đi chụp, nếu cần thì cũng phải hơi liều một chút mới có được tấm ảnh ưng ý. Nhìn bác ngư dân cặm cụi trong đêm tối, tôi tự nhủ mình từ nay về sau nếu có phải thức dậy 2, 3 giờ sáng để chụp ảnh người dân lao động đang vật lộn với miếng ăn thì sẽ không than phiền một tiếng nào nữa.



VŨ CÔNG HIẾN

GIỌT LỆ XUÂN

chẳng đợi cũng chẳng mong
giữa tháng ngày lưu vong
Xuân đi rồi Xuân lại
cho nỗi buồn mênh mong

mai vàng không một nụ
chưa xót nào ai hay
đầu Xuân không nắng ấm
chì lệ đắng trên môi

ngoài hiên gió, tuyết bay
trong hồn sầu ngầy ngầy
quê hương xa ngàn dặm
nước mắt đầy trên tay

lòng nhủ lòng không khóc
mà sao tim tủi hờn
trăm năm như tuyết rụng
ai mất hay ai còn?

mình ta trong nhung nhớ
Xuân đến mà ngậm ngùi
hoa cúc vàng không nở
chỉ có lòng tuyết rơi

thì thôi đành nuốt lệ
âm thầm khóc trong ta
Xuân về đơn lẻ quá
tóc bạc kiếp xa nhà!

Khê Kinh Kha

(Virginia, Feb 5,18)



Tranh “**Xuân về trên Quê Hương**” của Họa sĩ **Vũ Thái Hòa**

SÔNG GIANH CÒN ĐÓ

**** Nguyễn Phú Long sưu tầm ****

Xin tóm tắt một giai đoạn lịch sử. Như ai nấy đều biết từ năm 1533 nước Nam ta trên thực tế lại có nhà Lê, Lê Trang Tông, do ông Nguyễn Kim tôn ngài lên làm vua tại Cẩm Châu bên Lào rồi mới rước về Thanh Hóa lập hành-điện ở Vạn Lại để chống nhau với nhà Mạc.

Sau Nguyễn Kim bị một hàng tướng nhà Mạc đầu độc chết. Từ đó binh quyền đã giao hết cho con rể là Trịnh Kiểm để tiếp tục cuộc chiến diệt Mạc phò Lê. Đó là thời gian Nam triều và Bắc triều, hai bên đánh nhau trong năm sáu mươi năm trời.

Nguyễn Kim có hai người con trai tên Nguyễn Uông và Nguyễn Hoàng đều là tướng tài, lập nhiều chiến công. Trịnh Kiểm sợ con Nguyễn Kim tranh mất quyền hành nên kiếm chuyện rồi sau giết Nguyễn Uông đi.

Nguyễn Hoàng thấy thế, cũng ngại sẽ tới lượt mình, bèn ngầm cho người ra Hải Dương vấn kế Nguyễn Bình Khiêm việc này, thì được vẽ rằng: “Hoành Sơn nhất đái vạn đại dung thân.” Nên sau đó bèn xin với chị là Ngọc Bảo vợ Trịnh Kiểm vào trấn đất Thuận Hóa..

*Mãng giang nấu cá ngạch nguồn
Tới đây ta phải bán buồn mua vui.*

Mới đầu thì họ Nguyễn phượng Nam vẫn thần phục chúa Trịnh. Mỗi năm phải nộp thuế 400 cân bạc, 500 tấm lụa. Nhưng sau một phần, ý có Luỹ Thầy xây đắp, kiên cố, ngăn giữ, lại thấy phía Bắc binh tình suy yếu mới chính thức công khai tuyên bố, là không chịu khuất phục nữa qua hành động xếp đặt như sau:

Tháng 11 năm Mậu Dần (1626) thấy nhân dân vùng Hải Dương nổi loạn, quân sư Đào Duy Từ bèn cùng chúa Nguyễn làm cái mâm hai đáy để lễ vật lên trên, bên dưới giấu một bài thơ sai sứ đem ra dâng chúa Trịnh. Chúa Trịnh nhờ Phùng Khắc Khoan cất nghĩa mới hay là phượng Nam bày tỏ từ đây sẽ không nhận sắc phong, không thần phục họ Trịnh nữa. Bài thơ ấy như vầy:

Mâu nhi như dịch	nghĩa là	Dư
Mịch phi kiến tích	nghĩa là	Bất
Ái lạc tâm tràng	nghĩa là	Thụ
Lực lai tương dịch	nghĩa là	Sắc.



Một trạm ở Lũy Thầy, Quảng Bình

Và từ đó về sau Nam Bắc Trịnh Nguyễn đánh nhau khoảng 45 năm tổng cộng 6 lần bắt phân thắng bại, chỉ gây ra bao cảnh ly tan đổ nát chết chóc hoang tàn hai bên thiệt hại không biết bao nhiêu mà kể.

Đến năm 1672 cả Nam Bắc đang trong đàng ngoài tự biết sức mình chẳng thể đánh thắng đối phương được, bèn bãi binh, lấy sông Linh Giang (sông Gianh) làm ranh giới.

*Bao giờ cạn lạch Lũy Thầy,
Sông Gianh hết chảy dạ này hết thương.*

Tình trạng bấy giờ, Trịnh Nguyễn mỗi bên hùng cứ một phương chia nước ra làm hai mảnh, mỗi họ giữ một xứ để làm cơ nghiệp riêng của mình, họ không xưng vương, tự nhận là chúa và chẳng nói ai cũng rõ vua Lê chỉ là bình phong hư vị.

Tuy bãi binh, không đội trời chung, mạnh ai nấy sống, nhưng có khi đôi bên vẫn liên lạc với nhau bằng văn kiện hoà nhã văn vẻ, vẫn giữ tôn ty thứ bậc gia tộc và đặc biệt chẳng bên nào cậy nhờ ngoại bang để bị lợi dụng gây ra tai hại về sau. Xin dẫn chứng hai bức thư qua lại như vậy:

Bức thư của Trịnh Tráng gửi Nguyễn Phúc Nguyên:

Chu Tuyên Vương (1) chấn tu cương kỷ (2) Bình ngoại khẩu (3), lại dài tộ (4) Chu, Hán Quang Vũ (5) diên lẫm (6) anh hùng, di nội nạn (7) đặng (8) nên nghiệp Hán.

Sự xưa khá ví, (9) gương sáng nên soi. (10)

Nhà nước ta nay! Dùng võ dẹp loạn, lấy văn giồi (11) trị. Vua Thái Tổ (12) dấy binh nhân nghĩa, dùng xích kiếm (13) dẹp tướng Thiên Triều (14) vua Thái Tông võ văn doanh thành (15) vào địa giới vén thu Nam quốc. (16) Tổ công tông đức, thánh kế thần truyền. (17)

Vua trang Tông (18) rũ áo cấp tay (19); chúa Thái Vương (20) ra công mở nước. Dẹp Đông dẹp Bắc, uy chấn bụi bờ (21), cát gió bay, đánh nội, đánh thành, tiếng dậy sấm ran chớp giạt.

Vua Thế Tông (22) cao ngựa đèn rồng, Chúa Bình Vương (23) ra tay dẹp loạn. Đông Đoài Nam Bắc (24) đầu đầu ngóng cổ làm tôi. Hàng hải thê sơn (25) chồn chồn bó tay cùng phục.

Công nghiệp nước nên công nghiệp lớn; Phúc đức nhà thực phúc đức dày.

Bằng cháu (26) nay, gìn giữ nghiệp nhà, sửa sang việc nước. Thịnh tuy chẳng thịnh hiền uy hội về (27) khôn ỷ chẳng khôn long thái thượng ti (28) cũng phục.

Còn chú nay, chuyên có hai châu (29), hẹp bằng một dải. Hầu mong cát binh hùng hổ, nhớ lời bà trước đã dặn dò, lai toan sai đội thủy long, kính nghĩa ông xưa đã răn dạy (30)

Còn đương việc nước há dám riêng nhà. (31)

Rày nhân công luận triều đường, vậy mới khâm sai nghênh tiếp, trước vua quan vãng quan (32) tuần thú xét dân tình tật khổ (33) thông hay (34); Sau mệnh tướng thống lĩnh binh nhưng rước khám vị miếu về phụng tự. (35).

Mặc chưng liệu đấy, chớ khá cậy mình. Chớ cậy rằng ai hiểm, non cao, khi thẳng trở đất bằng, trời tạnh, chớ khá cậy rằng nước giàu, binh khỏe, khi ruổi giông mây sạch dưng không.

Anh hùng đâu chẳng anh hùng; Trí dững nào hơn trí dững.

Ở chưng trong trường lạc (36) voi ngựa tuy nhiều, súng ống tuy nhiều; Sao bằng về chốn triều đình, quan tước thật trọng, binh quyền thật trọng, vua tôi một áng (37) hội rồng mây khá sáng Đường Ngu chú cháu một nhà, duyên cá nước xem bằng Tắc Tiết (38)

Thư điều cận kề, mặc chú toan đương.

Đặc dụ.

(1) Chu Tuyên Vương (827-782): Vị vua đã tạo sự cường thịnh cho nhà Chu sau một thời gian suy vi do vua cha là Lệ Vương gây ra.

(2) Chấn tu cương kỷ: Gây dựng, sửa sang giềng mối quốc gia.

- (3) Bình ngoại khẩu : Dẹp giặc ngoài.
- (4) tộ : Phước, vận may của quốc gia.
- (5) Hán quang Vũ (25-57) Vị vua đã dựng nên nhà Đông Hán.
- (6) Diên lãm: Mời, lãm: nắm hết.
- (7) Di nội nạn: San bằng những loạn lạc bên trong.
- (8) Đặng :Làm; (9) ví: so sánh ; (10) soi: coi, xem lại.
- (11) Giồi: tô lại nhiều lần, ở đây có nghĩa dùng văn trị nước.
- (12) Vua Lê Thái Tổ, Lê Lợi (1428-1433)
- (13) Dùng xích kiếm dẹp tướng Thiên Triều: Dùng một thước gương dẹp tướng trung Quốc
- (14) Thái tông: Lê Thái Tông (1433-1442)
- (15) Doanh thành đầy và trở nên, thành tựu và sung mãn.
- (16) Vào địa giới vén thu Nam Quốc: Mở rộng lãnh thổ bằng cách sáp nhập đất đai của nước khác vào nước Nam.
- (17) Thánh Kê thần truyền: những vị kế tiếp trị vì đều tài đức.
- (18) Trang Tông: Lê Trang Tông (1533-1548)
- (19) Rũ áo cấp tay: Chu dịch, Thiên Hệ Tử có câu: Hoàng đế Nghiêu Thuấn thùy y thường nhi thiên hạ trị. Thiên hạ yên ổn thái bình.
- (20) Thái vương chỉ Trịnh Kiểm
- (21) Uy chấn bụi bờ: Quyền uy rung động khắp nơi.
- (22) Thế Tông: Lê thế Tông (1573-1599)
- (23) Bình Vương :chỉ Trịnh Tùng, Tùng được tấn phong làm Đô Nguyên Súy, Tổng Quốc Chính, thượng Phụ bình An Vương.
- (24) Đông Đoài nam Bắc: Bốn Phương.
- (25) Hàng Hải thê sơn: Vượt biển leo núi (Đào DuyTùng)
- (26) Lời Trịnh Tráng xưng với Nguyễn Phúc Nguyên. Trịnh Tráng là cháu nội Ngọc Bảo; Phúc Nguyên gọi Ngọc bảo là cô.
- (27) Hiền Uy hội về: Người tài đức đều phục vụ dưới trướng.
- (28) Long Thái thượng ty?
- (29) hai Châu: Thuận Hóa và Quảng Nam.
- (30) Cả câu: Muốn đánh nhưng nhớ lời ông bà nên chưa đánh.
- (31) Cả câu: Vì trọng trách quốc gia nên chẳng dám vì tình.
- (32) Vãng quan: Đến xem
- (33) Tật khổ: đau đớn khổ sở.
- (34) Hay biết rõ ràng tất cả.
- (35) Cả câu: Muốn đem cái khám đựng bài vị của Nguyễn Hoàng về bắc để thờ.
- (36) Ở chung trong trường lạc: Ở trong Nam thường vui sướng.
- (37) Vua tôi một áng: Mọi cụm; một đám, gần nhau.
- (38) Tắc, Tiết: Hai vị quan đời Nghiêu Thuấn

Bức thư Nguyễn Phúc Nguyên trả lời Trịnh Tráng:

Tài tuy có bên văn bên võ; Đạo chẳng qua chữ hiếu chữ trung.

Trời sinh nước An Nam chịu khí nước An Nam, làm trai nước An Nam
tướng quân mặt ấy min (1) mặt ấy.

Làm tôi vua Thái Tổ ở thờ vua Thái Tổ, tận trung vua Thái Tổ Tướng
quân lòng nào min lòng nào?

Hoãn cấp (2) đã từng, hiểm nghèo cũng trải.

Trước nghịch bạo (3) làm loạn Chu Thử (4) Muôn dân đều chịu làm than,
sau Ngạn, Nga (5) dấy loạn vương Đôn (6) đôi chốn xui nên ngờ vực.

Lấy tay mặt đánh tay chiêu (7) đau cùng đau cả. Xui quân nhà đui quân
ruộng, thiệt cùng thiệt tày. Cho nên phần bờ nọ cõi kia tượng cũng bờ, ăn
cùng nói khác.

Sương nghiêm doanh liễu (8) tai từng nghe hiệu lệnh tướng quân Mây
thắm đường phong (9) mặt nào thấy chiếu thư thiên tử.(10).

Nuôi sĩ bốn phương, đãi sĩ bốn phương, vì cơn có ấy, lấy quân ba phủ
đánh quân ba phủ tính chước (11) tài nào.

Trị Xuân thu, tội Xuân thu (12), nghĩa vâng thánh trước; Đãi quốc sĩ báo
quốc sĩ (13) tiết học hiền xưa (14).

Chẳng bằng tới hội Cổ lãng (15) xá tua hợp binh Xích Bích (16); lên
thuyền ôn kiệu (17) đánh lái Tỏ Công (18) diệt loài đảng ác. Rạch thịt
Hoàn huyền (19), bêu đầu vương mãng (20), đem lại thần kinh, tôn miếu
y quan, triều đình lại triều đình cũ, vương hầu tướng tướng, công nghiệp
hơn công nghiệp xưa.

Tư phụng thư đáp.

(1) min: tiếng người trên xưng với kẻ dưới.

(2) Hoãn cấp: lúc thông thả và khi gấp rút.

(3) Bạo: Tướng nhà Mạc, đi đường biển vào Quảng Bình đánh
chú Nguyễn Hoàng năm 1572 về sau Nguyễn Hoàng lập mưu giết đi.

(4) Chu Thử: đời Đường Đức Tông (780-804) Chu Thử làm loạn đem
quân vây Đức Tông ở Phụng Thiên, nhưng bị thua và bị giết.

(5) Ngạn Nga: Các tướng Phan Ngạn và Ngô Đình Nga của nhà Lê nổi
lên đánh Trịnh ở cửa bể Đại An.

(6) Vương Đôn: Người đời Tấn muốn soán ngôi vua nhưng thất bại.

(7) Chiêu: Bên trái.

(8) Dương nghiêm Doanh Liễu: điển Chu Á Phu đóng quân ở Tế Liễu
Quân lính có kỷ luật, tướng nghiêm.

(9) đèn phong: Đèn Vua, Ngày xưa trước đèn vui trồng cây phong.

(10) Chỉ thấy Trịnh Tráng ra lệnh, không thấy chiếu của vua.

(11) chước: mưu kế.

(12) Xuân Thu là bộ sử do Khổng Tử soạn. Xuân Thu ghi lại những tội, lỗi lầm của nhân vật đời Xuân Thu để dạy đời.

(13) Đãi quốc sĩ báo quốc sĩ: lời Dụ Nhưộng nói với Triệu Tương Tử “Phạm trung hành đối xử tôi như kẻ tầm thường, tôi lấy tư cách tầm thường đáp lại. Trí bá đãi tôi vào hàng quốc sĩ tôi lấy khí tiết của kẻ quốc sĩ mà báo đáp.”

(14) Tiết học hiền xưa, nghĩ vâng thánh trước: học khí tiết của người xưa, theo điều nghĩ của vị thánh đời trước.

(15) Cổ lăng: Nơi Hạng Võ bị Hán Cao Tổ đuổi đến.

(16) Xích Bích: Nơi Chu Du đại thắng quan Tào Tháo

(17) Ôn Kiệu: Người đời Tấn Minh Đế (323-325) khi đi thuyền qua Ngưu Chử Cơ có đốt sừng tê giác để xem những quái vật dưới nước

(18) Tổ Công: Tức Tổ Địch, người đời Tấn Nguyên Đế (317-322) khi đem quân dẹp giặc đã vỗ mái chèo thè: “Nếu không dẹp yên được giặc thè không trở lại sông này”

(19) Hoàn Huyền: Loạn thần đời Tấn An Đế (397-418)

(20) Vương Mãng: Loạn thần đời Tây Hán, tiếm vị được 14 năm.

oOo

Hai bức thư có tính cách lịch sử trên đây do giáo sư Bửu Cầm trích trong Thuận Hoá Quảng Nam Thực Lục và Lê Triều Dã Sử tài liệu của viện khảo cổ. Số VS38 tờ 4a, 5a.

Trên đây tôi đã xin phép nhắc lại một giai đoạn lịch sử. Lịch sử hàm ý đã cũ. Lịch sử không có gì mới cả, song chúng ta vẫn nên coi trọng, nghiên cứu, học hỏi nhất là đối với hoàn cảnh những người xa quê hương dân tộc hiện thời.

Như ai cũng biết sau đó mới đây nước Việt Nam lại rơi vào tình trạng phân ly lần thứ hai. Lần này còn mới mẻ quá và may mắn thời gian ngắn hơn, song đáng tiếc là sự tàn phá thiệt hại khốc liệt hơn chẳng biết có văn thư trao đổi không, có thể thời gian giải mật chưa đến, chưa biết, nhưng một số người phần lớn là quân nhân trấn thủ dọc theo đôi bờ sông Bến Hải đã nhìn và nghe cảnh “Tâm lý chiến” (trong ngoặc kép, sự thực là chửi nhau) hai bên qua máy phóng thanh, hệ thống truyền tin từ năm 1954 tới 1975 với lời lẽ không mang nội dung thuyết phục, chẳng xứng đáng ghi chép lại.

Sách Tham Khảo:

- 1.- Theo Đại Nam Liệt Truyện Tiền Biên và Việt Cầm Sử Thoại trích dẫn từ “Việt Nam Ca Trù Biên Khảo” của Đỗ Bằng Đoàn và Đỗ Trọng Huề.
- 2.- Việt Nam Sử Lược của Trần Trọng Kim.
- 3.- Hoàng Lê nhất thống chí - Ngô Thời Chí.
- 4.- Văn Học Nam Hà - Nguyễn Văn Sâm.



DẤU THỜI GIAN

*Em lo đèn sách bên trong,
Bước hoa rục rở ngoài song rộng ràng.
Chiếc xe đạp cũ, nhẹ nhàng
Thăm nhau, hỏi đó, nhớ! Càng nhớ nhưng...*

*Thế rồi... Ôi! Đẹp vô cùng!
Đã gần sáu chục năm chung miệt mài.
Giàu sang thấy kệ những ai
Vần thơ tô điểm thêm vài nét son.*

*Đời trai chinh chiến vương tròn,
Dù quê hương vẫn nước non xa vời
Nay mừng còn vốn thêm lời
Bạn bè con cháu thành thơ gần kề.*

*Sớm hôm mưa nắng đi về,
Áng mây lững thững tình quê bồi hồi.
“Dấu Thời Gian” đó! Vậy thôi,
Thời gian ghi dấu và tôi yên lòng.*



Nguyễn Phú Long

PARIS CHIỀU HUẾ NHỚ

chiều Paris ước mơ
nhìn em trên áo thơ
khoác lên làn mộng nhớ
có anh thương đợi chờ

chiều Paris nắng hồng
từng giọt rơi mênh mộng
dòng Seine buồn soi bóng
mến thương em vào lòng

chiều Paris xôn xao
ước gì mình bên nhau
cùng anh dìu bước dạo
Lý Mươi Thương dạt dào

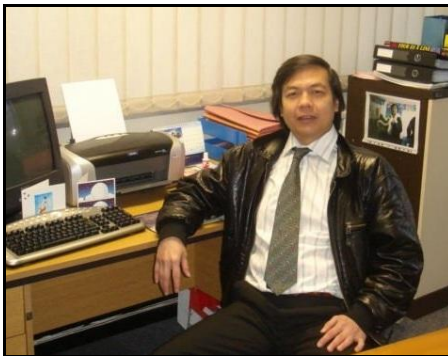
chiều Paris mờ sương
khung trời nhớ quê hương

theo đàn chim én lượn
bay tìm em yêu thương

chiều Paris về qua
em cười xinh như hoa
nhạc lòng ngơ ngẩn lạ
yêu về em tiếng ca

chiều Paris tím màu
nón bài thơ gửi trao
che nghiêng bờ vai áo
thoảng hương Huế hôm nào

chiều Paris tình yêu
anh nhớ em thật nhiều
câu hò đan tay náu
ngàn mến thương dặt diu



Trương Đình

UK, sương mù già 2019



“Ngày Xuân Nhớ Huế”
Tranh: **Thanh Trí Sacramento**

MARIE ANTOINETTE VÀ CÁCH MẠNG PHÁP 1789

** Soạn giả: TP. NGUYỄN VĂN THÀNH 23 **

NGÀY CÀNG TIẾN GẦN ĐẾN MÁY CHÉM GUILLOTINE

Truyện thần tiên của Marie Antoinette trở thành thảm kịch được thể hiện qua sự xuất hiện, với số lượng khá lớn, những tiểu sử, tiểu thuyết hư cấu, nhạc kịch, vở kịch, vũ khúc ballet và bút ký. Ngay cả dự án phá hủy để xây dựng lại Cung Điện Versailles chỉ vì phòng của Hoàng Hậu quá nhỏ lại bất tiện. Và, cũng như chương trình cải cách trang phục và trang sức cho ông hoàng bà chúa làm mất đi tính cách tinh tế đã gây biết bao mệnh phụ phu nhân phá sản.

Nằm trong sáng kiến nghệ thuật trang hoàng cho đời sống vương giả, mỗi năm Hoàng Hậu đặt mua 300 vương miện cũng là đề tài hấp dẫn như các câu chuyện đề cập ở trên rất thích hợp cho kỹ nghệ điện ảnh Hồ Ly Vọng (Hollywood) khai thác sản xuất ra nhiều phim ảnh khá đặc biệt được trình chiếu khắp nơi trên thế giới.

Cuốn phim Marie Antoinette do đạo diễn Sofia Coppola thực hiện năm 1938 với ngôi sao Norma Shearer đóng vai Hoàng Hậu và Robert Morley trong vai Vua Louis 16, được coi như một phim cổ điển tiêu biểu của bi lặc kịch lịch sử được các nhà phê bình ngành điện ảnh rất tán thành và ngợi khen.

Tiếp theo, dựa vào một phần lớn tài liệu trong tác phẩm của nữ sử gia Anh Antonia Fraser viết năm 2001, “Marie Antoinette: The Journey” (Marie Antoinette: Cuộc Hành Trình), đạo diễn tên tuổi Sofia Coppola lại dựng cuốn phim mới cũng lấy tựa đề Marie Antoinette xoay quanh chủ đề sau gây kinh ngạc mọi người “Sự kiện lịch sử cho thấy Louis và Marie Antoinette đều là thanh thiếu niên - Louis đang quang năm 19 tuổi, Antoinette năm 18 tuổi - cầm vận mệnh nước Pháp, một trong mấy nước mạnh nhất Âu Châu vào thời đó, phải cam go đối đầu với những biến đổi chính trị làm thay đổi bộ mặt nước Pháp và cả Âu Châu.

THÂM HỌA CHÍNH TRỊ KHÔNG AI HIỂU CON HƠN NGƯỜI MẸ

Trước khi hành trình qua Pháp kết hôn với Louis vào năm 14 tuổi, Antoinette được đặc biệt ngủ chung phòng với Mẫu Hậu Theresa trong một tháng để nhận những lời giáo huấn. Một trong những điều quan

trọng nhất được nhắc đi nhắc lại là “không được xen vào chính trị trong Triều Đình... Con phải đứng ra ngoài chính trị”.

Bất hạnh thay, khi Mẫu Hậu Maria Theresa trút hơi thở cuối cùng ngày 29 tháng 11 năm 1780 về bệnh tim trong vòng tay của người con trai trưởng tức Hoàng Đế Joseph II, có đối dăng về Louis và Antoinette nhưng vẫn khổ quốc gia Áo cầm trích dịch và phổ biến.

Tuy nhiên, phần đông các sử gia Áo nhận định Hoàng Hậu Theresa coi 10 người con gái như con tốt trên bàn cờ Âu Châu, tất cả đều được cưới gả nhằm mục đích duy nhất thắt chặt tình hữu nghị với các quốc gia đồng minh. Vì thế, bà đã đặt tham vọng của bà lên trên gia đình và hạnh phúc của các con cái. Ví dụ như trường hợp của Louis và Antoinette, Hoàng Hậu Theresa và Vua Louis 15 chấp thuận cuộc hôn nhân vương giả đó vì lợi ích chung của triều đại Bourbon và Habsburg chứ không phải vì hạnh phúc của đôi uyên ương. Và ta cũng không lấy làm lạ Antoinette bị hy sinh cho Liên Minh Pháp-Áo coi như con cờ xui xẻo đó vậy.

Từ ngày Mẫu Hậu Theresa qua đời, Antoinette mất phương hướng nên đều làm theo chỉ thị của Đại Sứ Áo Mercy tại Pháp. Ông Đại Sứ này, vừa là nhân viên tình báo vừa là người tâm phúc của Mẫu Hậu Theresa, hơn Antoinette 30 tuổi được coi như người cha đỡ đầu nhưng quan niệm diu dặt Antoinette khác hẳn Maria Theresa. Ông khuyên Antoinette phải nhập cuộc vào công việc triều chính vì nhà Vua quá nhu nhược, không thể sống đóng khung như trong nhà tu kín được nữa, mà phải lao vào tích cực giúp Louis lèo lái đất nước để đối đầu với những biến động chính trị và xã hội đang làm lung lay Triều Đình.

Hoàng Hậu Antoinette đã hình thành một phe thân Hoàng Hậu rất có thế lực trong triều ủng hộ nhiều quyết định quan trọng liên quan tới chính trị, ngoại giao và thương mại. Ví dụ như ký kết Hiệp Ước Versailles viện trợ cho Chúa Nguyễn Phúc Ánh chẳng hạn.

Theo Biên khảo gia Trần Đông Phong, Hội Truyền Giáo Hải Ngoại còn lưu trữ tài liệu cho thấy, trong thời gian Bá Đa Lộc vận động với Vua Louis 16 xin giúp cho Nguyễn Ánh, đã có rất nhiều quan đại thần trong triều không ủng hộ vì họ cho rằng việc này quá tốn kém, nước Pháp vừa bị thất bại ở Hòa Lan, do đó tài chánh thiếu hụt không lo nổi. Về phương diện quân sự nếu giúp cho Nguyễn Ánh thì Pháp phải mang quân đi hành quân cách xa căn cứ quân sự từ đảo Ile de France (sau này là đảo Maurice thuộc Anh) nếu khi có chiến tranh mà người Anh phong tỏa eo biển Malacca, người Hòa Lan đóng cửa eo biển La Sonde thì Pháp sẽ bị hoàn toàn cô lập ở Cochinchina. Tuy nhiên cũng có một số người khác có thể lực ở trong triều và thân với Hoàng Hậu Antoinette như Đức Hồng

Y Loménie de Brienne, nhân vật mà chẳng bao lâu sau đó được cử làm Thủ Tướng, Tổng Giám Mục Narbonne và nhất là Linh Mục Vermond, thầy dạy học của Hoàng Hậu lại ủng hộ việc này và cho rằng nếu giúp cho Nguyễn Ánh thì nước Pháp sẽ có lợi rất nhiều về chính trị và thương mại.

Tài liệu này cho biết sau cùng thì phe thân Hoàng Hậu thắng thế một phần cũng nhờ “cậu bé Hoàng Tử Cảnh mới lên tám mà tình cảnh đáng thương, diện mạo lại khả ái khiến cho Hoàng Hậu Marie Antoinette rất cảm mến và do đó đã hết lòng giúp đỡ”.

Thời kỳ hạnh phúc kéo dài không được bao lâu, nếu bỏ qua những tai tiếng xảy ra vào đầu thập niên 1780, chỉ còn khoảng 7 năm mà đỉnh cao chói vót thể hiện uy quyền thực sự của Vua Louis 16 và Hoàng Hậu Antoinette diễn ra vào các năm 1786 và 1787, năm Pháp Hoàng tiếp phái đoàn Bá Đa Lộc và Hoàng Tử Cảnh sang cầu viện. Tiếc thay quyền lực và uy tín của nhà Vua dần dần suy giảm do ngân sách quốc gia bị kiệt quệ không sao vực dậy được và cũng vì nhiệt liệt ủng hộ cuộc Chiến Tranh Cách Mạng Hoa Kỳ lại càng gây thêm khó khăn không có phương cách nào giải quyết được cuộc khủng hoảng tài chính cả. Nếu xảy ra cuộc chiến toàn diện với Anh Quốc thì thật là một thảm họa khó lường.

NỮ HOÀNG THÂM THỦNG CÔNG QUỶ

Theo Tổng Trưởng Tài Chánh Calonne, nợ nần quốc gia ngày một chồng chất, riêng trong năm năm nhậm chức, Triều đình đã nuốt một phần lớn món nợ chín trăm triệu bảng Anh. Vào năm 1786, nợ quốc gia lên tới 5 tỷ bảng Anh chưa kể tổng cộng chiến phí 1 tỷ bảng Anh viện trợ cho cuộc Chiến Tranh Độc Lập Hoa Kỳ, nếu kể cả tiền mặt và cho vay cùng viện trợ quân trang vũ khí, sau chiến tranh, cho đạo quân tinh nhuệ 32.000 người của quốc gia non trẻ Hoa Kỳ thì số viện trợ rất cao.

Sử gia Rupert Furneaux và Saul P. Padover viết: Nước Pháp can dự vào cuộc Chiến Tranh Cách Mạng Hoa Kỳ không hề được hưởng tí lợi lộc gì ngoại trừ nền độc lập của xứ sở này.

Vào đầu năm 1789, tình hình chính trị và xã hội trở nên bất ổn chưa từng thấy. Dân chúng khắp nơi phẫn nộ về sự thiếu hụt thực phẩm trầm trọng, gánh nặng đóng thuế ngày càng tăng, trong khi đó, Vua Louis và Hoàng Hậu Antoinette tổ chức hội hè yến tiệc linh đình liên tục càng gây thêm bất mãn của người dân. Các sách nhỏ pamphlets và báo chí bôi nhọ lại khơi dậy cuộc sống xa hoa phung phí kỳ cục của Hoàng Hậu Antoinette trong bao nhiêu năm, là nguyên nhân chính của sự thâm thủng ngân sách quốc gia đưa tới sự xáo trộn hiện nay.

Thực ra, không phải chỉ có một mình Hoàng Hậu tiêu xài hoang phí mà cả Triều Đình, đặc biệt giới quý tộc đều được hưởng đặc ân cũng có cuộc sống cực kỳ xa hoa nhờ vào công quỹ ban phát như Hoàng Hậu Antoinette vậy. Thực tế cho thấy Hoàng Hậu đã cắt giảm mọi sự chi tiêu ví dụ như giảm đàn ngựa trên 300 con chỉ còn một nửa và cho hơn một trăm nhân viên văn phòng nghỉ việc. Ngoài ra, Hoàng Hậu còn bỏ ra 250.000 bảng Anh, tiền để dành, cứu trợ dân chúng bị thiên tai. Các sách pamphlets và các báo phi báng coi đó là một màn trình diễn để mua chuộc người dân Pháp phản bội đất nước và Vua Louis đã làm mọi việc đều theo sự xúi giục của Hoàng Hậu nhằm làm lợi cho nước Áo mà thôi. Phe đối lập đã thành công cô lập nhà Vua và Hoàng Hậu tách ra khỏi nhân dân Pháp. Trăm tội đều chĩa mũi dùi vào Hoàng Hậu Antoinette gánh chịu một mình tất cả mọi sự sai trái và Hoàng Hậu Antoinette đã trở nên dè dặt thần lý tưởng của chế độ cũ vậy. Và cũng bắt đầu từ đó, Antoinette được danh xưng “Nữ Hoàng Thâm Thủng Ngân Sách” bị phe chống đối đưa ra bêu xấu.

Cái họa không bao giờ đến một lần. Vào mấy tháng đầu năm 1789, nhà Vua và Hoàng Hậu rất lo lắng và phiền muộn về sức khỏe của Hoàng Thái Tử Louis Joseph Xavier François ngày một suy giảm trầm hại về bệnh lao xương sống không có thuốc chữa trị. Lúc bấy giờ Hoàng Hậu Antoinette 33 tuổi, héo hon nhìn Hoàng Thái Tử Xavier François qua đời tháng 6 năm 1789 được 7 tuổi rưỡi về bệnh nan y. Như vậy Thái Tử Louis Charles 4 tuổi, sẽ nối ngôi người anh trở nên Louis thứ 17 trong tương lai.

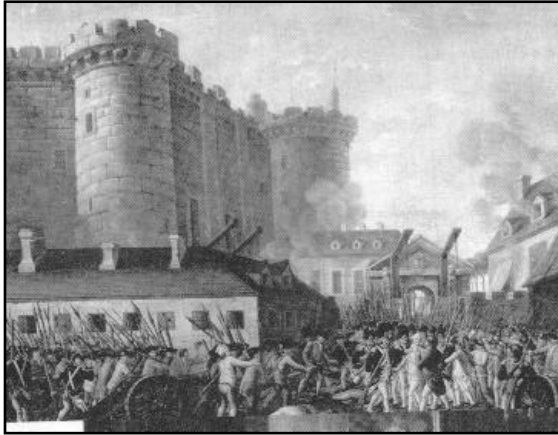
Cũng vào tháng 6 năm đó, một biến cố bất thường xảy ra tại Paris báo hiệu cơn bão táp chính trị sắp kéo tới làm đảo lộn trật tự và an ninh xã hội đe dọa xóa bỏ chính thể quân chủ chuyên chế hiện tại bị giai cấp thứ ba coi như chế độ độc tài cần phải chấm dứt.

Đó là ngày 17 tháng 6 năm 1789, giai cấp thứ ba tự nhận mình là Quốc Hội (the National Assembly), và sau bản “Lời thề tại Sân Đá Banh”, các đại biểu của giai cấp thứ ba thề rằng sẽ không giải tán cho đến khi nào viết xong một bản Hiến Pháp. Đây cũng là một hành động “cách mạng” đòi hỏi chủ quyền quốc gia vào tay một nhóm người từ trước kia không có thẩm quyền pháp lý.

CUỘC CÁCH MẠNG PHÁP 1789

Các sử gia miêu tả diễn tiến cuộc Cách Mạng Pháp được tóm lược như sau: Vào mùa hạ ngày 14 tháng 7 năm 1789, có khoảng 900 người dân Paris thuộc giới lao động, tiểu thương và nông dân lo sợ nhà Vua, do

sự thôi thúc của Hoàng Hậu, cho điều động một số lớn lực lượng quân sự kéo về Versailles và Paris, giải tán đại diện Quốc Hội của giai cấp thứ ba. Đám đông trên tấn công phá ngục Bastille để vào lấy vũ khí và đạn dược.



(Phá Ngục Bastille)

Marie Antoinette cố gắng thuyết phục nhà Vua phải dập tắt ngay cuộc nổi dậy, nhưng né tránh gây ra sự kích động khởi loạn tại các nơi khác. Nếu ta không dẹp những người nổi loạn thì họ sẽ lật đổ chính thể quân chủ của chúng ta. Nhà Vua từ chối vì sợ dân chúng chết. Như vậy, thực tế cho thấy nhà Vua đã nhượng lại Paris cho những người cách mạng rồi. Bá Tước Honoré de Mirabeau, lãnh đạo phe chống chính thể quân chủ chuyên chế, nhận xét Hoàng Hậu Antoinette đã trở nên “một nhân vật chính” trong triều đình.

Quốc Hội đầu tiên của nước Pháp đã tuyên bố vào đêm hôm mùng 4 tháng 8 rõ ràng rằng “chế độ phong kiến bị bãi bỏ” đồng thời đặt ra các nguyên tắc áp dụng cho nền trật tự mới. Tiếp đến ngày 26 tháng 8, Quốc Hội đó lại ra “Tuyên Ngôn Nhân Quyền và Dân Quyền” (the Declaration of the Rights of Man and Citizen) với các điểm chính như sau:

- Mọi người đều được sinh ra bình đẳng cùng với các quyền lợi bằng nhau.
- Mọi công dân có quyền bầu các đại biểu để làm ra luật pháp.
- Mọi người được tự do nói, viết, hay in ra các ý kiến miễn là người đó không lạm dụng đặc quyền này.
- Số tiền thuế mà một người phải đóng sẽ được căn cứ vào số lượng tài sản mà người đó có.

Thiết tưởng cũng cần đề cập thêm, cách đây 60 năm, năm 1948 tại Paris, Liên Hiệp Quốc đã công bố Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền (Universal Declaration of Human Rights - 10 December 1948). Sở dĩ Liên Hiệp Quốc chọn Paris là vì, cũng tại nơi này năm 1789, Tuyên Ngôn Nhân Quyền và Dân Quyền Pháp đã được phổ biến. Đây là bản tuyên dương những quyền con người xuất phát từ giá trị nội tại của con người và những quyền công dân được thừa nhận do tư cách công dân.

Có thể nói Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền là văn kiện quan trọng nhất của loài người đã làm thay đổi hẳn bộ mặt thế giới. Liên Hiệp Quốc công bố Bản Tuyên Ngôn trên tại Paris, với tất cả quốc gia hội viên tham dự, thừa nhận phẩm giá bẩm sinh và những quyền bình đẳng và bất khả chuyển nhượng của tất cả các phần tử trong đại gia đình nhân loại là nền móng của tự do, công lý và hòa bình thế giới.

Vào buổi trưa ngày 5 tháng 10, một đám đông hơn 2.000 phụ nữ võ trang bằng cây thương và lưỡi liềm khởi hành từ Tòa Đô Chính Paris tiến tới Cung Điện Versailles cách Paris 14 cây số về hướng tây nam, phản đối thiếu việc làm và giá bánh mì quá cao. Đến chiều tối, thêm mấy ngàn người, một số mang vũ khí, kéo tới tham gia với đám đông biểu tình tụ tập trước Điện Versailles.

Khoảng 5 giờ sáng ngày mùng 6, những người làm loạn tràn vào Điện Versailles hướng tới phòng ngủ của Hoàng Hậu, giết chết một số cận vệ. Hoàng Hậu khiếp đảm nhảy ra khỏi giường chạy tới phòng của nhà Vua kêu cứu, trong khi Louis dắt đưa con trai lao tới phòng ngủ nhưng Hoàng Hậu đã đi rồi. Vợ chạy tới phòng ăn, Louis cùng con trai gặp Hoàng Hậu và con gái. Cả hoàng gia tạm ẩn ở đây. May mắn vào đúng lúc đó, Hầu Tước De Lafayette, Tư Lệnh Lực Lượng Cảnh Vệ Cách Mạng cũng vừa tới với quân lính, tạm thời tái lập trật tự sau vụ bạo loạn.



(Vua Louis và gia đình bị vây trong Điện Versailles)

Nhưng đám đông khoảng 10.000 người, bắt đầu đòi hỏi Vua Louis 16 phải mang gia đình về Điện Tuileries ở Paris để họ canh chừng. Hoàng gia coi như bị bắt cầm tù được đám biểu tình hộ tống đưa về lâu đài cổ Tuileries, về sau này, Cách Mạng đặt cơ quan hành pháp tại đây.

Louis và Hoàng Hậu không bị nhốt tại Điện Tuileries, nên về lý thuyết vẫn có thể rời Tuileries, nếu muốn, vì nhà Vua vẫn là nhân vật đại diện hành pháp chưa bị truất quyền. Louis không muốn thực hiện chức năng của mình tự rút lui sống ẩn dật tại đây.

Sử gia Stefan Zweig viết: “Marie Antoinette thay mặt nhà Vua tại lâu đài, họp Hội Đồng Chính Phủ, tiếp các Đại sứ, theo dõi trọng trách của họ và duyệt xét mọi công việc khẩn cấp”. Còn nhà viết tiểu sử Antonia Fraser trả lời trong cuộc phỏng vấn Hãng PBS về Marie Antoinette “Hoàng Hậu quyết định dứt khoát khi Louis do dự” và “Hoàng Hậu thật can đảm khi Louis chao đảo”.

VARENNES: ĐỊNH MỆNH ĐÃ AN BÀI

Vào tháng 7 năm 1790, Antoinette bí mật gặp nhà lãnh đạo phe chống chính thể quân chủ hiện hành, Bá Tước Mirabeau, điều đình để xin duy trì chế độ quân chủ chuyên chế cho tới khi nào soạn thảo xong Hiến Pháp Quân Chủ Lập Hiến. Tuy nhiên, vào khoảng tháng 12 năm đó, Hoàng Hậu Antoinette chấp thuận kế hoạch chạy trốn từ Paris tới Montmédy, gần biên giới Hòa Lan do đế quốc Áo kiểm soát, được nhóm trung thành với phe bảo hoàng đề nghị, trong đó có Tướng François-Claude Bouillé. Tại nơi đó, Louis và Antoinette dự tính một kế hoạch phản cách mạng với quân đội dưới quyền chỉ huy của Tướng Bouillé. Khi Mirabeau từ trần đột ngột tháng 4 năm 1791, quên ghi lời hứa giữ Vua Louis trong nền quân chủ lập hiến.

Do đó, Louis và Hoàng Hậu bắt đầu thực hiện kế hoạch chạy trốn. Đáng lẽ theo lời khuyên của Tướng Bouillé nên đi hai xe nhẹ, giả dạng người đi du lịch thì Hoàng Hậu lại khăng khăng đòi đi một xe lớn do ngựa kéo gọi là xe berlin (xe ngựa hòm). Cả gia đình đi chung một xe với đồ đạc ngổn ngang như bộ dao nĩa ăn, tử rượu nhỏ... (Bá Tước Fersen thu xếp tất cả mọi chuyện như trả tiền thuê xe và bảo đảm trả mọi chi phí trong cuộc hành trình tới Montmédy).

Vào khuya tối ngày 20 tháng 6 năm 1791, gia đình hoàng gia ăn mặc giả người dân đi làm, lặng lẽ lướt vào đêm tối, rời kinh đô Paris. Fersen đi theo tiễn gia đình hoàng gia tại Bondy cách hướng đông Paris 16 dặm. Trong khi thay ngựa, Fersen nài xin Vua Louis cho phép tiếp tục cuộc hành trình với gia đình thay vì phải đợi 2 ngày sau như đã dự định mới

tới được Montmédy. Louis từ chối. Nhà viết tiểu sử Evelyne Lever cho rằng nhà Vua cảm thấy mất thể diện để cho người tình của vợ mình che chở để bỏ trốn. Cũng như sử gia Fraser trả lời trong cuộc phỏng vấn của hãng phim PBS, Louis không muốn để cho mọi người nghĩ rằng một người ngoại quốc đã giúp cho nhà Vua thoát đi khỏi Paris.

Bá Tước Thụy Điển Axel Fersen, trong 4 năm theo học tại các quân trường nổi tiếng tại Anh, đã được huấn luyện chu đáo về cách giải cứu con tin và kỹ thuật xâm nhập cũng như thoát ra khỏi vòng vây của địch nên thừa sức giúp hoàng gia đối phó trong mọi tình huống để tới Montmédy như trù tính. Fersen đã ở lại. Đó là một điều ân hận khôn nguôi và Fersen tự trách mình không có mặt tại Varennes hướng dẫn hoàng gia tới vùng an toàn, dù có phải ở lại với tốp dân làng võ trang cũng không sợ gì miễn sao Antoinette sống sum họp với gia đình tại Montmédy.

Xe ngựa berlin chạy dọc đường hướng về Varennes gần biên thùy vùng Lorraine, cách Paris 130 dặm về hướng đông, thì bị một đại biểu trong Hội Nghị Quốc Ước J.B. Drouet nhận diện Vua Louis trong chiếc xe công kền đó, liền báo cho đồn biên thùy Varennes bắt giữ nhà vua và gia đình. Một đám dân làng võ trang tiến gần nhà vua và buộc Louis và gia đình phải tới trụ sở thị trấn và tạm giữ để chờ lệnh của Biện lý sở tại.

Khi một toán quân bảo hoàng tới giải thoát Louis và gia đình nhưng nhà vua từ chối vì sợ có sự đối đầu giữa quân đội và dân làng võ trang. Louis chờ tướng Bouillé tới. Nếu Fersen có mặt tại đó và với kinh nghiệm thụ huấn 4 năm tại Anh, chắc chắn sẽ hành động dứt khoát và quyết liệt rất hữu hiệu để hướng dẫn nhà vua rời khỏi Varennes đến khu an toàn không bao xa. Nhưng De Lafayette Tư Lệnh Lực Lượng Cảnh Vệ đã tới cùng quân lính trước tướng Bouillé, đọc lệnh của Quốc Hội bắt Vua Louis và gia đình phải trở về Điện Tuileries ở Paris.

Cuộc chạy trốn bất thành. Vua Louis mất tín nhiệm và cách mạng không còn tin tưởng nhà vua nữa. Tuy nhiên, Quốc Hội Lập Hiến vẫn tiếp tục vừa cai trị xứ sở, vừa soạn thảo Hiến Pháp vẫn giữ Louis đứng đầu hành pháp cho tới khi soạn thảo xong Hiến Pháp. Vào tháng 2 năm 1792, Fersen trở về Stockholm thuyết phục vua Thụy Điển Gustavus III cũng là nhà lãnh đạo cuộc thánh chiến chống lại phong trào cách mạng, hỗ trợ kế hoạch mới thực hiện cứu Louis và Antoinette trốn qua ngả Normandie. Vua Thụy Điển chấp thuận kế hoạch sẽ cho điều động tàu thuyền đợi ngoài khơi Normandie.

Bá Tước Fersen dũng cảm và mưu trí quay trở lại Pháp - bấy giờ bị coi như kẻ sống ngoài vòng pháp luật trong vai trò giúp Louis và gia đình bỏ trốn - lọt qua toán cảnh vệ canh gác cẩn mật Điện Tuileries và trải qua 30 tiếng đồng hồ với Antoinette. Cuối cùng Vua Louis xuất hiện bác bỏ âm mưu chạy trốn của Fersen qua ngả Normandie. Khoảng nửa đêm hôm sau, Marie Antoinette chào vĩnh biệt Fersen vào lần chót cuộc gặp gỡ này.

Fersen trở về Kinh đô Stockholm được Vua Gustavus III phong cho cấp Thống Chế và đảm trách chức cố vấn tối cao trong triều đình. Dù rằng sống trong cảnh quyền cao chức trọng, Fersen vẫn day dứt khôn cùng đã không cứu được Antoinette mà đáng lẽ cứu được vào ngày 20 tháng 6 năm 1791 lúc tiễn Antoinette rời Bondy đi Varennes vì việc đó nằm trong tầm tay của mình. “Tại sao và tại sao ta không chết thay cho Antoinette?” Fersen nhắc đi nhắc lại câu đó trong cuốn nhật ký viết về Antoinette. Và, cách 19 năm sau cũng vào ngày 20 tháng 6 năm 1810, Fersen cưỡi ngựa tiêu sấu tại vùng thôn dã khá xa Stockholm, bị một đám dân quê ném đá và dùng gậy gộc đánh Fersen té ngựa vỡ sọ chết đúng vào ngày định mệnh đề cập trên. Sau đó, dân làng phát giác ra đã giết lầm vì kẻ đầu độc người kế vị Vua Thụy Điển không phải là Fersen.

Lìa trần thế năm 55 tuổi, Fersen đã giữ trọn lời thề năm xưa khi viết thư cho cô em út mà Fersen vô cùng thương mến, tâm sự thề sẽ không bao giờ lập gia đình nữa bởi lẽ “anh đã không lấy được người thật lòng yêu anh thì anh không còn thiết gì chung sống với ai khác nữa”.

Các sử gia cố gắng tìm hiểu sự thật về mối tình nóng bỏng giữa Fersen và Antoinette nhưng đều thất vọng vì cuốn nhật ký của Fersen xóa bỏ và thêm bớt phần chủ yếu nên khó phân biệt được thực hư của câu chuyện tình.

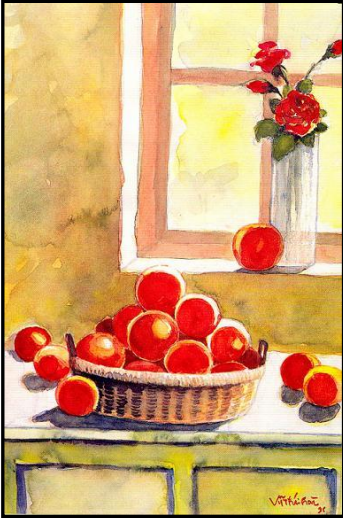
Tuy nhiên, sử gia Vincent Cronin khẳng định toàn là những tường thuật sai lầm và không hề có chuyện ngoại tình. Còn Antonia Fraser nhận xét cho rằng chỉ là sự ve vãn, ve vãn vô tội mà thôi, nhưng thực tình Marie Antoinette yêu tha thiết Fersen. Sử liệu Pháp ghi một câu ngắn gọn “Fersen rất quyến luyến Marie Antoinette” (très attaché à Marie-Antoinette), và trang sử đã lật qua.

Tham khảo và trích các tài liệu sau:

- Marie Antoinette by Richard Covington
- The Unfortunate reality of the deficit
- The Life and Death of Louis XVI by Saul K. Padover
- Maximilien Robespierre và Cuộc Cách Mạng 1789
- Danh Nhân và Sự Nghiệp tập III của nhà văn Phạm Văn Tuấn
- Cẩm Nang Nhân Quyền của Luật sư Nguyễn Hữu Thống

Soạn giả: TP. NGUYỄN VĂN THÀNH 23

ĐÊM XUÂN CHO NGƯỜI YÊU



Em có nghe không - đêm xuân này
Gót giầy anh gọi tên em trên từng phiến đá
Rong ruổi nỗi buồn

- Xin em môi cười
Như bông hồng anh gặp sáng nay
- Xin em những sợi tóc rối
Cuốn lấy cổ anh để đời đời em hát những
tình khúc anh viết cho em

Bờ môi trống vắng
Nụ hôn dấu yêu
Vòng tay bơ vơ
- anh vẫn chờ

Em có nghe không - đêm xuân này
Trên bãi cát chúng mình ngồi với nhau

Chỉ còn lại hai trái tim bằng cát bụi nhạt nhòa

- Hẳn em còn nhớ

Hai trái tim đó em đắp lúc em nói về thân phận

Lúc nước mắt em thấm ướt áo anh

Lúc mắt em trĩu nặng tình sầu

- Vùng biển trước mặt anh thì tắm tối

Anh nghe những cánh hoa bên bờ cao xa reo mừng

Những giọt sương cứ bám chặt những cánh hoa dại

Để ngày mai - Ngày Xuân

Hoa long lanh tựa nước mắt buồn

Em có nghe không - đêm xuân này

Tay níu hư không

Em không về đêm xuân này

Để cùng anh hát tình khúc mới nhất anh viết yêu em

Để nghe anh thì thầm trong tiếng nhạc

- Xin mãi mãi bên nhau

Dù đêm xuân này em không đến

- Xin mãi mãi yêu nhau

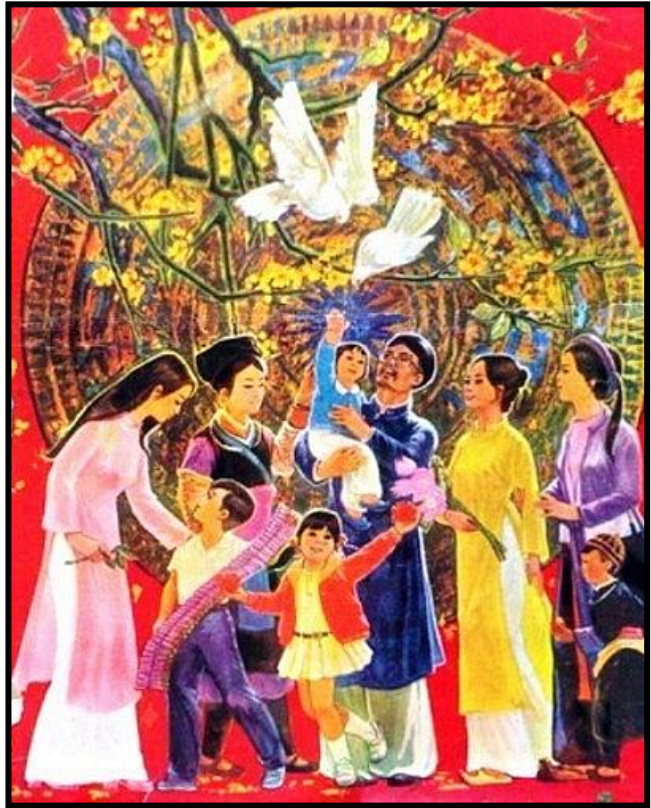
Cho lòng mình mãi mãi còn xuân.



VŨ THÁI HÒA



Họa sĩ VI VI
Võ Hùng Kiệt



NĂM HỢI NÓI CHUYỆN HEO

**** NGUYỄN CHÂU (SAN JOSE, CALIFORNIA) ****

HỢI là CHI cuối cùng trong 12 chi, (thường gọi là “mười hai con Giáp” gồm Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, HỢI). **tượng hình của năm HỢI là CON HEO (LỢN)**.

Chữ “HỢI” trong tử vi Đông phương không có nghĩa là Heo.

Tiếng Hoa, TRƯ (bộ thi) có nghĩa là heo.

Năm KỶ HỢI (2019) thuộc hành MỘC. BÌNH ĐỊA MỘC, hình tượng nạp âm của Mậu Tuất và Kỷ Hợi là “cây non mới đâm cành trở lá, cần THỦY (mưa móc) rất sợ tuyết sương, cũng cần HỎA của thái dương ấm áp. Nếu đa hỏa mộc bình địa sẽ chết non.

Người Tuổi Kỷ Hợi, mạng Bình Địa Mộc rất kỵ Kiếm Phong Kim, nhưng hợp với Kim Bá kim vì loại Kim này làm cho Mộc xanh tươi nõn nà.

ĐẶC ĐIỂM CỦA NĂM HỢI

1/ **Về tử vi**, HỢI đứng thứ 12 trong vòng Hoàng Đạo, ký hiệu của chân thật. Giờ Hợi tương đương với giờ Tây phương là từ 9 giờ tối đến 10:59 đêm; tháng Hợi tương đương với tháng 11 Dương Lịch, tuổi Scorpio (Bọ Cạp).

2/ **Về Nhân Cách Người Sinh Năm Hợi:**

Người tuổi Hợi nói chung, thường chân chất, hiền lành và chu đáo. Với dáng bộ dễ dãi, vui tính, tuổi Hợi làm cho những người mà họ gặp gỡ tươi cười và phấn khởi. Bản chất chân thành, lương thiện, tuổi Hợi luôn mong muốn người khác cũng thành thật như mình. Điều này góp phần tạo nên một sức lôi cuốn đặc biệt nơi tuổi Hợi, tuy nhiên nó cũng khiến cho tuổi Hợi trở thành ngây ngô trong những lúc phải đối phó với người khác.

Tuổi Hợi luôn luôn sẵn sàng hy sinh thời giờ, tiền của để giúp đỡ người gặp khó khăn bởi vì sự độ lượng. Đôi khi bị người khác lợi dụng lòng tốt của mình, nhưng tuổi Hợi hiếm khi nhìn bằng con mắt xấu, thường cho người ta cơ hội thứ hai để tự mình điều chỉnh.

Người tuổi Hợi thường có thể nhờ cậy được và rất đáng tin tưởng. Tự bản chất, tuổi Hợi thường thích “cho” hơn “nhận” và luôn luôn cảm thấy hạnh phúc khi chia sẻ - mặc dù cho và nhận thường hoạt động hai chiều qua lại, nhưng tuổi Hợi không nhận thấy rằng có người khác sở hữu nhiều hơn mình và không mong cầu sự đền đáp sự chia sẻ trở lại.

Người tuổi Hợi từ thâm tâm thích an nhàn và lạc thú, quý trọng những điều tốt đẹp trong cuộc đời và ưa chuộng một lối sống dễ dãi, đầy tiện nghi vật chất...

Tóm lại, có thể nói tuổi Hợi có sáu đặc điểm sau đây: *Ngây thơ *Duy vật*
*Nông cạn *Bướng bỉnh (Pigheadedness) *Cả tin (gullibility) và Lười biếng.

3/ Về Vận Khí:

Những năm KỶ thường có vận khí “Thổ bất cập, Mộc khí thừa thế vươn lên. Mộc thịnh lại hóa Hỏa. Về bệnh lý: phong chứng phát sinh. Thời khí này làm cho con người cảm thấy mình nặng, bụng đầy, da thịt máy giật, tính hay cáu giận (bởi vì Thổ hư nên Thủy làm càn). Cách chữa theo Đông Y: Bổ Tỳ Bình Mộc.

Thời tiết: Thổ bất cập, Mộc khí thừa thế lấn vào, sinh ra gió to; Mộc khí thịnh cây cỏ tốt tươi, nhưng vì Thổ khí bất cập nên tuy cây xanh tốt mà quả lại ít. Trên thì khí quyết âm gia lâm, dưới thì khắc tướng Hỏa, nước không thành băng, sâu bọ thấy Hỏa thì ẩn sâu xuống đất cho nên Thủy không có tác dụng và Kim không đáp lại được, gió lớn, mưa ít.

NĂM HỢI VÀ CHUYỆN HEO

Trước khi đi vào chuyện Heo, tưởng cũng nên tìm hiểu xem tương quan giữa từ ngữ Heo và Lợn. Người miền Bắc Việt Nam dùng từ LỢN và người miền Trung và Nam Việt Nam thì dùng từ Heo để chỉ con vật bốn chân, loài có vú, da màu đen hoặc trắng nuôi trong nhà để ăn thịt, lấy phân chuồng để trồng trọt vân vân. Trong thơ văn, từ Heo thông dụng hơn từ Lợn. Chẳng hạn sách Lục Súc Tranh Công (thế kỷ XVIII) dùng từ Heo, chứ không dùng từ Lợn có lẽ vì tác giả (khuyết danh) là người miền Trung. Các truyện ngụ ngôn truyền miệng thì dùng từ Lợn, như Trạng Lợn, Con Gà, Con Lợn và Con Chó...

Trong tục ngữ và ca dao, từ Heo cũng thông dụng hơn. Một tác giả trên internet đã có một bài rất dí dỏm về hai từ ngữ Heo và Lợn trong dân gian Việt Nam, xin trích dẫn sau đây:

“Con lợn sinh ra ở miền Bắc

Con heo sinh ra ở miền Nam.

Miền Bắc không heo nhưng thích “nói toạc móng heo”

Miền Nam không lợn nhưng lại thích ăn “bánh da lợn”

Miền Bắc có: lợn sề, lợn nái, lợn giống, lợn cấn, lợn sữa, lợn choai, lợn thối, lợn ý

Miền Nam có: heo nhà, heo ruộng, heo bong, heo lang, heo cỏ, heo bò, heo đen, heo nọc. heo hạch, heo nái, heo nura, heo lúra, heo mọi.

Con lợn ăn ngô,
Con heo ăn bắp.

.....
Con lợn đóng phim thiếu nhi “hiệp sĩ lợn”

Con heo đóng phim người lớn “phim con heo”.

Phim con lợn chỉ cách chăn nuôi, sinh sản cho nhi đồng,

Phim con heo cũng chỉ cách sinh sản nhưng lại cấm nhi đồng.

Miền Bắc chê cô kia “béo như lợn”

Miền Nam quở chị nọ “mập như heo”.

Không tìm được nguyên ngữ (Etymology) của chữ Lợn. Trong các ngôn ngữ như Latin, Anh, Pháp không có chữ nào có phụ âm “L” gần với chữ Lợn, nhưng có phụ âm “H” gần với chữ Heo như trong tiếng Anh, có chữ “hog” chỉ con heo, nghĩa bóng chỉ “người tham ăn, thô tục”(Swine=heo, Pig=Heo, thịt heo) Lưu ý chữ Pig còn có nghĩa là đầu xe lửa, thoi kim loại.

Do đó, có thể nói Heo và Lợn đều chỉ “một động vật thuộc loài có vú, có móng, nuôi trong nhà có tên sinh học là *Sus Scrofa domesticus* thuộc họ Suidae, tiếng Latin là *Porcus*, tiếng Pháp là **Porc** và **Cochon** (heo đực), heo cái là **la Truie** hay Coche. Nhưng người miền Bắc Việt Nam gọi là “lợn” và người Trung và Nam gọi là “heo” không khác nhau về đặc điểm.

HEO (LỢN) TRONG ĐỜI SỐNG VÀ VĂN HÓA

Từ Á sang Âu, nhiều dân tộc nuôi heo trong nhà để ăn thịt hoặc để làm bạn, làm cảnh (Mỹ). Trong đời sống con người, heo là nguồn cung cấp thịt gần như chủ yếu, bởi vì trong nấu ăn thường cần chất mỡ. Ngoài ra hầu hết các bộ phận của heo thịt đều có thể sử dụng để chế biến rất nhiều món ăn ngon, bổ dưỡng từ đầu, cổ (nọng) chân (giò) đến lòng(tim, gan, cật, pèo phôi, ruột, óc, huyết) và da... [Báo chí Cộng sản Việt Nam thay chữ “lòng heo” bằng chữ “nội tạng” của y khoa, “cháo lòng heo” thành “cháo nội tạng heo” nghe rùng mình, tởm lợn!]

HEO HIẾN TẾ

Tại Việt Nam:

Heo có một vai trò khá quan trọng trong một số nghi lễ dân gian và nghi thức cúng bái thần linh.Heo là vật dâng cúng, hiến tế phổ biến cho cả thần linh và tổ tiên. Tại một số địa phương tập tục hiến tế heo (lợn) lên thần linh

rất long trọng. Heo hay lợn hiến tế được tôn vinh là “Ông” (tại Võ Giàng – Bắc Ninh); gọi là “Ông Ỉ” (tại La Phù, Hoài Đức, Hà Tây); gọi là “Ông Đô” (tại Vĩnh Tường, Vĩnh Yên). Heo tế được chăm sóc đặc biệt, được đưa đến nơi hiến tế bằng một đám rước với những vệ trang trọng.



Rước Lợn tại làng La Phù, nay là xã La Phù, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây được TỪ ĐIỂN HỘI LỄ VIỆT NAM (cửa Bùi Thiết) mô tả như sau: “mở đám hội lễ tại đình để tế thần Thành Hoàng là Tinh Quốc Tam Giang, Ngoài các nghi lễ truyền thống thì Rước Lợn là nét đặc sắc nhất của Hội làng La Phù. Để chuẩn

bị cho hội lễ, theo truyền thống 6 giáp chọn 6 gia đình có đủ mọi tiêu chuẩn nuôi lợn, làm sao đến kỳ hội lợn đạt tiêu chuẩn của làng. Vào ngày lễ hội, các gia đình nuôi lợn làm lợn tế chu đáo như dựng chông khiêng lễ, dọn bàn rước hương hoa, mâm bày bánh trái, che oản...”(sđd, trg 273).

Lễ Rước Lợn bắt đầu từ khoảng 6 giờ chiều, khi những chiếc đèn lồng nhiều màu sắc được thắp sáng khắp đường làng, ngõ xóm thì kiệu lợn được rước ra đình. Theo lệ làng, xóm gần đi trước, xóm xa đi sau. Đội rước được sắp xếp theo trình tự: Đi đầu là hai lá cờ ngũ hành lớn, tiếp theo là ban nhạc kèn trống và múa lân, rồi đến bàn thờ với đủ các thứ đồ thờ như cặp đèn, lư trầm, bát nhang, ống hoa, mâm ngũ quả, chè, xôi (oản) cuối cùng là kiệu Ông Lợn được khiêng bởi các thanh niên tráng kiện, đức độ được tuyển chọn trong làng.

Các dân tộc miền núi Trường Sơn và Cao Nguyên Trung Phần Việt Nam, có tục “cúng sống” gọi là **“Buôi hát”**. Con lợn tế được cắt tai để lấy máu trộn vào lúa giống, bôi vào các nông cụ, hoặc nhỏ máu lợn xuống đất ngay tại rẫy, đồng thời đập vào mình heo cho chúng kêu to để mời thân linh về dự lễ hiến tế. Cúng Heo sống là tục của người Katu.

Người Mnông cúng rừng thường có con heo nặn bằng đất rừng đặt bên cạnh con heo sống. Khi cuộc lễ bắt đầu, chủ làng dùng ống tre lô ô vót nhọn đâm vào tin heo tế để lấy máu tươi vào miệng heo đất và đọc lời khấn nguyện Thần Đất, Thần Rừng, Thần Sông, Thần Suối của bản làng mời “đồng lai cộng hưởng”.

Trong văn hóa Việt Nam, heo có một vai trò khá quan trọng trong một số tập tục như **Tế Nam Giao, đám ma, đám cưới, ăn mừng thi đỗ, hòa giải**

xích mích trong gia đình làng xóm. Heo cũng dùng trong các tế lễ nông nghiệp cầu được mùa, cầu phúc và cúng tiêu họa trừ tai ương. Sách Lục Súc Tranh Công đã ghi rõ những lễ lạc và những vụ việc xã hội cần sự “có mặt” của Heo.

*Vua ngự **lễ Nam Giao** đại đột
Phải có heo mới gọi tam sanh, (*)
Đừng đừng quen lời nói lạnh chanh,
Bớt bớt thói chê ai ăn ngủ,
Kìa những việc **hôn nhân giá thú**.
Không heo ra, tính đặng việc chi?
Dầu cho mời năm bảy chuyến đi,
Cũng không thấy một người thấp thoáng.
Việc hòa giải, heo đầu công trạng,
Thấy mặt heo nguôi dạ oán thù.
Nhấn đến khi **ngu phụ, ngu phụ,**
Giận nhau đánh giập đầu, chảy máu.
Làng xã tới lao đao, lấu đầu,
Nào thấy ai gỡ rối cho xong,
Khiêng heo ra để lại giữa dòng,
Mọi việc rồi liền xong tron trái
Phải chằng, chằng phải,
Nghĩ lại mà coi
Việc **quan, hôn, tang, tế**, vô hời
Thấy thấy cũng lấy heo làm trước.
Bởi gà nhỏ nói lời lẩn lướt,
Nên phải phân ít chuyện mà nghe.
Để heo nào có dạ dám khoe ?
Khẩn khẩn cũng lo làm việc phải.
Heo cũng biết **đền ơn báo nghĩa**,
Heo cũng hay **tiêu họa, trừ tai**,
Toái thân phần cốt chi nài ?
Nát thịt tan xương bao quản ?
Lòng thờ chủ ngay đà tỏ rạng.
Thân mình này ví bằng như không.”*
(Lục Súc Tranh Công)

Theo Điển lệ chính thống của triều đình, trong các lễ Tế quan trọng, có ba con vật hiến tế gọi là bộ “**Tam Sinh**”(hay Tam Sanh) gồm Heo, Bò và Dê hoặc Heo, Trâu, Dê. Bộ Tam Sinh này từ nguồn gốc xưa gọi là “hy sinh”.

“Hi” 犧 là loài thú có lông toàn sắc đen hoặc trắng, hoặc nâu, không lai tạp, dùng để tế thần.

Theo điển lệ, bộ ba con vật hiến tế trong các lễ trọng Thái Lao, là bộ “Tam sinh”: heo, bò/ trâu, dê. Trong dân gian biến tướng của bộ ba lễ vật này gọi là “Tam sinh”, gồm một miếng thịt, quả trứng và con tôm... cũng được gọi là đủ lễ. Còn theo điển lệ, bộ Tam sinh, gốc xưa gọi là “hy sinh/sanh” là loài thú tuyền (toàn) sắc, không lai tạp dùng để cúng tế thần. Ngày nay từ “hy sinh” có nghĩa khác. Trong văn tế chữ Hán tên các con vật dùng để hiến tế được gọi bằng đặc ngữ: trâu gọi “**Nhất nguyên đại vũ**”, bò: “**Hoàng mao**”, heo: “**Cang lạc**”, heo con: “**Đột phì**” và Dê “**Nhu mao**”...

Về nguyên tắc các nơi thờ tự các bậc thần đế vương hay công thần phải tế “Tam sanh”. Ở đình làng, lễ tế chính (hàng năm hoặc ba năm đáo lệ) cũng tế theo điển lệ chính thống, nhưng ít nơi dâng cúng đủ bộ “Tam sanh” mà thường là dùng heo (Cang lạc) làm lễ phẩm, trừ một số nơi có lệ phải dùng trâu/ bò.

Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Đăng Duy, Cổ Tam Sinh gồm Bò (hoặc Trâu), Heo và Dê trong lễ tế Thần cũng “thể hiện triết lý, triết học phương đông, đó là âm dương ngũ hành, những yếu tố tạo nên muôn vật.”(sách Văn Hóa Tâm Linh, NXB Hà Nội -1996, trg 99).

Theo Nguyễn Đăng Duy, trâu (bò), lợn thuộc Âm, số 2; thịt Dê thuộc Dương, số 1. Xôi-Gà – Xôi thuộc thổ, âm, Gà dương...

Ở các vùng duyên hải, lễ vật biểu tượng Âm, Dương trong “tam sinh” đổi thành **thịt heo, trứng, tôm cua, ốc**. Thịt (dương), Ốc (âm), Trứng (vừa âm vừa dương); Cua (âm), Tôm (dương). (sđd, trg 99).

Về cỗ thịt lợn (heo) nhiều nơi vì điều kiện kinh tế, không thể cúng cả con heo, thì có thể cúng cái đầu heo và đuôi heo (thủ - vĩ) tượng trưng rồi thêm con gà, mâm xôi.

Về phẩm vật “Tam Sanh”, dân gian miền Nam Việt Nam gọi là “Tam Sên”.

“Bộ Tam Sên” thường được dùng trong các lễ cúng quan trọng như Thổ Thần, Tài Thần, Khai Trương, Động Thổ. Nhưng về phẩm vật thì đã thay đổi, không còn là “heo, bò, dê” nữa mà được thay vào một miếng thịt heo (thịt ba rọi), ba hoặc năm con tôm (hoặc cua) và một cái trứng vịt.

Có người cho rằng Tam Sên ở đây đại diện cho ba loài vật sống trên đất, dưới nước và trên trời đó là heo (thổ), tôm cua (Thủy), Vịt (thiên). Ngày nay, có nơi cúng cá và cua thay cho tôm cua.

PGS.TS. Phan Thị Yến Tuyết giải thích rằng: “*Tam sên: là 3 loài vật tượng trưng cho Thổ – miếng thịt heo (sống trên cạn), Thủy – con tôm hoặc cua (sống dưới nước), Thiên – trứng gà hoặc trứng vịt (đại diện loài có lông vũ*

bay trên trời, và lí do người ta dùng trứng là để biểu trưng cho tính phần thực)”.

Cách giải thích này xem ra không ổn, bởi vì Heo không thể tượng trưng cho Thổ, Tôm, Cua không đủ tư cách đại diện cho Thủy tộc (vì sống chỗ nước cạn, có bùn đất) còn Vịt (cái trứng vịt) không thể đại diện cho loài bay trên trời (Vịt nhà bay rất thấp và không thể bay xa như vịt trời). Ngoài ra: trứng vịt không thể biểu trưng cho phần thực. Bởi vì “phần thực” có nghĩa là “sinh sản để duy trì nòi giống” thường tượng trưng bằng các bộ phận sinh dục của con người, trong lúc vịt đẻ trứng rồi giao phó cho thiên nhiên, không ấp để nở ra con vịt. Lý giải như vị giáo sư trên không đúng với thực tế nên không thuyết phục.

Người Trung Hoa thường dùng cả con heo quay để cúng thần linh. Tập tục này có phần tiện lợi cho gia chủ. Nhưng ở Việt Nam, có những nơi không được cúng heo quay, chẳng hạn như tại Mộ Tướng Võ Tánh tại Bình Định, bởi vì Tướng Võ Tánh và Lễ Bộ Tham Tri Ngô Tùng Châu đã tử thủ và chết thiêu cùng thành Bình Định.

ĐẦU HEO – THỦ LỢN VÀ ÔNG TIÊN CHỈ

Trong các lễ tại đình làng, tại nhà thờ họ, cỗ toàn con heo gần như bắt buộc (tùy theo số người tham dự mà mổ lợn). Miền Bắc gọi là “mổ lợn” miền Trung và Nam gọi là “hạ heo” hoặc “làm heo”.

Sau khi cúng tế, cái đầu heo (thủ lợn) được dành biếu ông “*tiên chỉ*”, cái nọng heo (cổ) dành cho ông “thứ chỉ” trong làng hoặc trong họ. [*Tiên chỉ* là ngôi thứ cao nhất trong làng, nếu xếp theo “thiên tước” thì người cao tuổi nhất, còn theo “nhân tước” thì người có phẩm hàm, khoa bảng cao nhất.]

“Tiên chỉ” nghĩa đen là “**chiếu trên**” tức là mâm cỗ trên dành cho người có chức sắc, danh phận, thịt và rượu phong phú hơn “mâm dưới” dành cho những người có ngôi thứ thấp hơn.

HEO ở Hy Lạp và Một Số Nước Tây Âu Châu.-

Nước Hy Lạp thời cổ đại, heo là vật hiến tế nữ thần Demeter (Thần Đất, Nữ Thần Nông Nghiệp). Thần này rất yêu thích con heo. Heo nái là biểu tượng của chức năng sinh sản, bản nguyên của nữ giới tương ứng với nguyên lý Mẹ Đất (Mother Earth).

Trong huyền thoại Tây Âu, có **CON HEO THÁNH** (Sacred Pig).

Heo trong mọi hình thái, từ heo rừng đến heo nuôi trong nhà đều là những hình ảnh vô cùng mâu thuẫn trong huyền thoại, nó có tính cách thiêng

liêng trong một số bối cảnh và có tính cách yêu quái trong một số hoàn cảnh khác hoặc là cả hai tính cách được sùng bái và bị xa lánh cùng một lúc (như trong cách kể chuyện một cách nghịch lý thường nghe).

Con heo được xem như con vật thiêng liêng dường như thuộc về những nữ thần trong tín ngưỡng sơ khai theo đó sự hiểu biết của chúng ta khó mà hoàn hảo được. Thế nhưng, những tác phẩm điêu khắc, chạm trổ và những đồ tạo tác, các tượng giả (artifacts) được tìm thấy khắp nơi, tại các vùng bây giờ gọi là Tây Âu châu, chỉ ra rằng *con heo là một hiện thân của Đại Nữ Thần (Great Goddess) liên kết với sự sinh sản, sự phì nhiêu, mặt trăng và các chu kỳ của sinh và tử*.

Sách **Zoologies** của **Alison Hawthorn Deming** giải thích rằng “Quá trình heo thuần hóa nuôi trong nhà đã bắt đầu tại lưu vực sông **Tigris Basin** mười ba ngàn năm trước; tại Cyprus và Trung Hoa, mười một ngàn năm trước. Những tượng điêu khắc về heo đã được khai quật tại Hy Lạp, Nga, Yugoslavia và Macedonia.



Marija Gimbutas, trong tác phẩm *The Goddess and Gods of Old Europe*, cho rằng sự tăng trưởng nhanh chóng của thần thể heo có lẽ đã được so sánh với sự mọc và chín của cây bắp (ngô), do đó chất mỡ mềm của heo dường như đã đưa tới sự tượng trưng cho đất và khiến cho heo trở thành con vật thiêng liêng vào thời kỳ khoảng năm

6,000 trước Tây Lịch. Vị nữ thần của thực vật, trồng trọt đôi khi mang mặt nạ hình heo. Đôi khi hình tượng heo, mập mạp, no tròn được khắc họa với những dấu vết của những hạt ép vào đất sét hoặc được trang điểm với hoa tai.

Nữ thần của trồng trọt thời tiền sử có nguồn xa xưa tận thời Neolithic (Thời Đồ Đá mới) và là tiền nhiệm của **Demeter**, nữ thần Hy Lạp của sự phì nhiêu và thu hoạch, mà đền thờ tại Eleusis được xây dựng vào thế kỷ thứ hai trước Tây Lịch.

Theo Deming, “Những Huyền bí vùng Eleusis đã trở thành nghi lễ tôn giáo chính của Hy Lạp cổ đại, bắt đầu vào khoảng 1600 BC. Từ nguồn gốc, trong một lễ dâng cúng bí mật dành cho thần Demeter, các nghi thức vinh danh chu kỳ chết và tái sinh hàng năm của hạt giống trong những cánh

đồng. Sự sống lại của những hạt giống chôn trong lòng đất đã gọi lên sự tin tưởng rằng có sự tương đồng giữa sự sống lại của những thân xác được yên nghỉ trong lòng đất. Những nghi thức tôn giáo của Huyền Bí Eleusis đã kéo dài hai ngàn năm, đã trở thành tín ngưỡng chính thức của quốc gia Hy Lạp và lan truyền đến La Mã. Những huyền bí này đã đặt nền tảng cho đức tin Thiên Chúa giáo vào sự phục sinh. Vào thế kỷ thứ Tư CE (Common Era) Hoàng đế La Mã đã hoàn toàn lật đổ tin tưởng này.

Nữ thần Demeter chủ về sự phì nhiêu của đất đai và mùa màng.

Hình tượng bầy heo đang bú mẹ đóng một vai trò chủ chốt trong lễ hội Thesmophoria, một nghi thức - ba ngày cử hành vào tháng October, thời điểm gieo hạt mùa thu cho lúa mạch và lúa mì mùa đông. Trong các truyện cổ sau giai đoạn huyền thoại cổ điển, heo xuất hiện trong một số truyện kể về anh hùng: không giống như loài vật thiêng liêng mà là một quái vật cần phải giết đi. Chẳng hạn, Theseus giết con heo Crommyonian đang tàn phá vùng quê gần Crommyon. Đây không phải là một con heo thường, mà chính là đứa con gái của Echidna (người đàn bà-rắn) và Typhone (đứa con trai quái vật của Gaia), tên này được đặt theo tên của người đàn bà đã nuôi nó. Heo Crommyonian Sow, sau đó là mẹ của Heo rừng Calydonian do thần Artemis gửi tới để trừng phạt vùng đất Calydon, là nơi mà nhà vua đã xao nhãng những nghi lễ cúng các thần. Con heo rừng ấy bị giết trong một cuộc đi săn nổi tiếng của hoàng tử Meleager được nữ thần Atlanta hỗ trợ (bởi những lý do phức tạp).

Heo cũng xuất hiện trong suốt cuộc hành trình *The Odyssey*. Odysseus là vua của xứ Ithaca, một hòn đảo nổi tiếng về đất nông nghiệp và những đàn heo cái mập mạp. Odysseus là con trai của Laertes và Argonaut người đã tham gia cuộc đi săn Heo rừng Calydonian. Trên hành trình dài về quê nhà từ cuộc chiến Thành Troy, Odysseus đã chạm trán với nữ phù thủy Circe, bà này đã biến những quân nhân của Odysseus thành heo cái (và các con vật khác) rồi sau đó bà ta đem lòng yêu Odysseus và phóng thích hết đoàn người khỏi bùa mê. Cuối cùng khi Odysseus về tới Ithaca, ông ta ẩn mình trong nhà người chăn heo của ông trong khi xem xét tất cả những gì đã mất đi trong thời gian ông vắng mặt và tại đó, giữa những con chó và heo, ông ta gặp lại con mình Telemachus.

Trong chuyện cổ tích Tây phương, những người chăn heo đều trở thành hoàng tử cao sang. Heo đôi khi được xem ngang hàng với con người. Thủ tướng Anh Winston Churchill (1874-1965) nói "*I like Pigs. Dogs look up to us. Cats look down on us. Pigs treat us as equals*" (Tôi thích con heo. Con chó thì ngược lên nhìn chúng ta. Con mèo thì nhìn xuống chúng ta, còn con heo thì coi chúng ta là ngang hàng.)

Tại Hoa Kỳ, có nhiều trường học dùng hình heo làm biểu tượng, đặc biệt tại Đại Học Arkansas, đội thể thao của trường lấy biểu tượng là con heo rừng (lợn lòi=Sus scrofa).

Ngoài ra, còn có “**Con heo khôn nạn**” xuất hiện một cách cùng khổ trong các huyền thoại Trung và Cận Đông, bao gồm cả những vùng theo giáo phái Abraham (tức là tin vào lời tiên tri Abraham gồm Judaism, Thiên Chúa giáo và Hồi giáo), tại những nơi này Heo được xem là con vật không sạch sẽ và là sinh vật ô uế trong Do Thái giáo, Hồi giáo và những câu chuyện dường như thuộc Thiên Chúa giáo. Có khuynh hướng quy chiếu sự sa đọa của con heo khỏi ân sủng với những bí mật của người đàn bà. Từ đây heo bị cấm kỵ trong các nghi lễ dâng cúng thần linh của các nhóm này. Heo và chó không được đến gần các đền thờ.

Kinh Qur'an của Hồi giáo cấm tín đồ ăn thịt heo. Luật Kashrut cấm người Do Thái ăn thịt heo.

Heo trong Phúc Âm (Thiên Chúa giáo)

Trong Phúc Âm, Luca, có dụ ngôn “Đưa con hoang đàng”. Chuyện kể rằng, một người con xin cha chia phần gia tài cho mình rồi mang đi. Anh ta chỉ biết ăn chơi, phung phí để hưởng thụ. Cho đến một ngày hết sạch tiền của, lại gặp lúc khó khăn, không biết lấy gì để sống, bèn đi tìm việc làm, nhưng chỉ được thuê chăn heo. Lúc đói quá, anh ta muốn ăn đồ ăn của heo mà cũng không ai cho. Khổ quá, anh nghĩ đến việc quay về nhà, xin lỗi người cha... và được cha đón nhận.

Chuyện thứ hai, chúa Giê-su đã làm phép biến những con quỷ ám ảnh người hòa vào một bầy lợn.

“Khi Đức Giê-su sang bờ bên kia, và đến miền Ga-đa-ra, thì có hai người bị quỷ ám từ trong đám mồ mả ra đón Người; chúng rất dữ tợn, đến nỗi không ai dám qua lại lối ấy.

29 Chúng la lên rằng: “Hỡi Con Thiên Chúa, chuyện chúng tôi can gì đến ông? Chưa tới lúc mà ông đã đến đây làm khổ chúng tôi sao? “ 30 Khi ấy, ở đàng xa, có một bầy heo rất đông đang ăn. 31 Bọn quỷ nài xin Người rằng: “Nếu ông đuổi chúng tôi, thì xin sai chúng tôi nhập vào bầy heo kia.” 32 Người bảo: “Đi đi!” Chúng liền ra khỏi hai người đó và nhập vào bầy heo. Thế là tất cả bầy heo từ trên sườn núi lao xuống biển và chết đuối hết. 33 Các người chăn heo chạy trốn vào thành, kể lại mọi sự, và những gì đã xảy ra cho những người bị quỷ ám” (Lời Chúa Mt8 28-34 – Facebook Những người công giáo Việt Nam).

Tại Pháp

Cho đến ngày nay, nông dân Pháp vẫn còn tập tục gọi Heo bằng “**Monsieur**”(Ông). Jean-François Blaise, à Chauceaux viết trong bài “*La revanche de Monsieur cochon*”: “Autrefois, quand on parlait d'un cochon, on l'appelait « monsieur ». « C'est un beau monsieur », disait-on avec respect en affûtant le couteau: Ngày xưa khi nói về một con heo, người ta gọi là “ông”. “Đó là một ông tao nhả”, họ nói với sự kính trọng khi thọc con dao vào...”

Vùng Normandie gọi heo là “**le noble**” (nhà quý phái), ở Lorraine gọi bằng từ “**le mignon**”(cưng) hoặc “**le camarade**” (ông bạn). Người ông thôn Pháp rất ít dùng chữ Cochon để gọi heo. Theo Blaise, ngày nay “cochon” đã trở thành “porc” và sự trượt dốc ngôn từ này tương ứng với một thực tế đáng buồn. “Porc” là một sản phẩm công nghệ hóa, nuôi không đúng cách – công nghệ không cần bận tâm đến sự thoải mái của con vật và môi trường sống... trong khi “cochon” là một con vật có thiện cảm, hấp dẫn và ngon lành.”

Thế nhưng trong ngôn ngữ, từ “**cochonnerie**” lại chỉ “sự bẩn thỉu”(saleté) cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Tất cả những gì phẩm chất xấu (mauvaise qualité), tiếng Pháp gọi là “cochonnerie” (se nourrir de cochonneries = nuôi sống bằng những cái tầm thường, bẩn thỉu); Cochonnerie cũng chỉ những đồ vật không có giá trị, không vững chắc. “Cet appareil est une cochonnerie, il est toujours en panne = Cái máy này là đồ tồi, nó luôn luôn bị đứng). “Dire des cochonneries” nghĩa là nói những chuyện tục tũ, chuyện nhảm nhí (Obscène).

Trong loạt Truyện Kinh Dị Mỹ (American Horror Story), phim “Monsieur le Porc” (Piggy Piggy) là tập thứ 6. Phim “Monsieur le Porc” không liên hệ đến thiện cảm của nông dân Pháp đối với Heo.

Jean-Marc Veszley đặt câu hỏi “**Phải chăng heo sẽ là tương lai của con người?**” và nói thêm “*Sans doute, le porc deviendra-t-il demain parfait donneur d'organs pour l'homme*”(Hiển nhiên, ngày mai heo sẽ trở thành ân nhân hoàn hảo hiến tạng tạng phủ cho con người.) Báo Le Soir illustré.

Tại Trung Hoa.-

Một bộ lạc không thuộc người Hoa đến từ Mãn Châu (Manchuria) đã cai trị một vùng rộng lớn phía Bắc Trung Hoa giữa năm 916 và 1122 được xem là đã có cái đầu con heo, chính vì lý do này mà dân tộc Kitan không được ăn thịt heo.

Người đạo Hồi cũng không ăn thịt heo theo lời dạy của kinh sách. Bởi vì thần Xuan-tan là một người thuộc Hồi giáo, cho nên không được dùng heo để dâng lễ cho ngài. Trung Hoa có tục lệ con gái không nên ăn móng giò heo, bởi vì nó gợi ý tưởng đang mang thai. Nhưng phụ nữ mang thai thì được cho ăn thứ này vì cho rằng nó bổ dưỡng cho cả mẹ lẫn bào thai. Trong ngôn ngữ Trung Hoa “Ăn heo quay” là ẩn dụ của việc giao cấu tình dục. (Theo A Dictionary of Chinese Symbols-Wolfram Eberhard)

HEO “TRƯ BÁT GIỚI”

Trong huyền thoại Trung Hoa có nhân vật “Trư Bát giới” với hình dạng đầu heo mình người, một trong ba người theo Đường Tăng qua Tây Phương thỉnh kinh Phật về Trung Hoa.

LÝ LỊCH TRƯ BÁT GIỚI.-



Bản thân là Thiên Bồng Nguyên Soái tại Thiên Đình, chỉ huy hơn tám vạn thủy binh. Thiên Bồng có 36 phép thần Thiên Cang Địa Sát của Lão giáo, có khả năng biến hóa, diên đảo âm dương, hô phong hoán vũ, giá vụ đằng vân, di sơn đảo hải... Bản tính háo sắc, tham ăn, lười biếng, hay ganh tị...

Trong một đại tiệc ở Thiên Đình hội tụ đủ mặt các chức sắc thượng giới, Thiên Bồng nhìn thấy Hằng Nga và bị hút hồn bởi sắc đẹp. Trong cơn say rượu, Thiên

Bồng đã tán tỉnh và sàm sỡ Hằng Nga. Nàng tấu với Ngọc Hoàng và Thiên Bồng bị phạt đày xuống hạ giới và chẳng may đầu thai vào loài heo với thân người đầu và mặt heo. Người mặt heo này vẫn còn phép thuật nên thường đi quấy phá người hạ giới. Một hôm, Đường Tăng và Tôn Ngộ Không ghé vào trang trại gia đình họ Cao, thì được biết con gái lớn của gia đình này vừa bị bắt đi. Kẻ bắt người còn để lại lời nhắn xin cầu hôn. Tôn Ngộ Không liền dùng kính chiếu yêu tra xét và biết được thủ phạm là người mặt heo nên lập kế vây bắt. Quả nhiên người mặt heo xuất hiện và đánh nhau với Tôn Ngộ Không.

Phép thuật người mặt heo không địch nổi Tôn Ngộ Không. Cuối cùng, người mặt heo nhận ra rằng Tôn Ngộ Không là đồ đệ của Đường Tăng, người mà Phật Quán Thế Âm đã sai người mặt heo, pháp danh Trư Ngộ Năng theo phò tá trên đường đi thỉnh kinh để chuộc lỗi đã gây ra. Đường Tăng đặt tên cho người mặt heo là Trư Bát Giới hàm ý: phải giữ Tám hạn chế trong đời sống để tu tập, đó là 1/ không tham ăn, 2/không háo sắc,

3/không tham lam của cải, 4/không nói dối và lừa gạt, 5/không đổ ky, 6/ không ham nhàn hạ, 7/ không sợ khổ, sợ khó, 8/không tham công lao.

Pháp danh Ngô Năng có nghĩa là hướng về công năng, thuộc hữu vi, cần cho cuộc hành trình qua Tây Thiên thỉnh kinh Phật. Trư Bát Giới rất ghen tị Tôn Ngô Không, thường bịa chuyện thừa lại với Đường Tăng, để hạ bệ Ngô Không.

Pháp danh ba đồ đệ của Đường Tăng đều có chữ “Ngô”: Ngô Không, Ngô Tĩnh, Ngô Năng. Ngô Không, Ngô Tĩnh... cuối cùng đều thành Phật hoặc La Hán, chỉ Ngô Năng là không thành Phật vì vẫn chưa dứt trọn sự ham muốn, do đó được cử làm “Tịnh đàn sư giả” giữ việc chăm sóc bàn thờ...

TRANH VẼ HEO, LỢN



Ngày Tết Nguyên Đán, dân Việt có tục mua tranh Tết vẽ Heo và Gà về treo trong nhà. Tranh Heo và Gà tượng trưng cho sự sinh sản và phát đạt. Hình ảnh béo tốt, mập mạp của Heo đối với người Việt (và cả người Hoa) là biểu tượng của sự sung mãn và sinh sản dồi dào.

Heo biểu trưng cho sự sung mãn và sinh sản đông đúc .

Về mặt vật chất, trong một số gia đình, nuôi heo như một cách để dành tiền vì có thể dùng nước vo gạo, cơm thừa cá cặn làm thức ăn, ít tốn kém mà lại có lời to, ngoài ra còn lấy phân để bón vườn, bón ruộng. Từ sự kiện “nuôi heo để dành tiền” dẫn tới con heo làm bằng đất nung, bằng sứ dùng để bỏ tiền tiết kiệm mà để dành...

Do đó, con heo trong các gia đình nông thôn Việt Nam rất thực tế và gần gũi. Nhìn chuồng heo là có thể biết kinh tế nhà đó khá hay nghèo.

Thịt heo là một thực phẩm quen thuộc và gần như cần thiết hàng ngày của người Việt (cũng như rất nhiều dân tộc khác trên thế giới) bởi vì thịt heo có giá trị dinh dưỡng phổ biến.

Về mặt tinh thần heo hay lợn bị xem như là hình tượng của sự tham ăn, tham nhục dục một cách lộ liễu và bản thủ...

HEO TRONG VĂN CHƯƠNG, CHỮ NGHĨA VIỆT NAM

Tác phẩm nói rõ về heo nhất trong văn chương Việt Nam, đó là cuốn Lục Súc Tranh Công, một truyện ngụ ngôn bằng văn vần (thể văn tuồng và biến thể của thơ song thất lục bát) gồm 570 câu, chia làm 12 đoạn, tác giả không đề tên nên giới nghiên cứu gọi là “khuyết danh” (thiếu tên chứ không phải vô danh). Nội dung mô tả cá tính, khả năng và nhiệm vụ của sáu con vật nuôi trong nhà (súc) mà tác giả muốn mượn để ám chỉ tình trạng tranh công, đòi danh của các hạng người trong xã hội, trong làng xóm và cao hơn trong triều đình. Chưa có tài liệu chính xác về thời đại Lục Súc Tranh Công ra đời, tuy nhiên nếu căn cứ vào căn cứ vào thể văn và các từ ngữ thì có thể nói là tác phẩm này xuất hiện vào thế kỷ thứ XVIII (Đây là thời kỳ văn tuồng thịnh hành – Chúa Nguyễn đã vưng vàng căn cứ Đàng Trong từ sông Gianh trở vào Nam – Miền Bắc hay Đàng Ngoài, Vua Lê-Chúa Trịnh, nhiều anh hùng cát cứ bất bình, nổi loạn khiến nhân dân khốn khổ điêu linh.) HEO ở đoạn thứ 12, từ câu 521 đến 566 tức 46 câu đã được trích trong phần nói về “heo hiến tế”.

Trong ngôn ngữ thường ngày, người ta thấy có nhiều thứ heo (nội địa) thường được nói đến như:

-Heo (lợn) nái: nuôi để sinh sản

-Heo nọc hay lợn giống: nuôi để giao phối với heo nái.

Lợn (heo) con,

Lợn (heo) sữa: dưới một tháng tuổi (trước khi cai sữa)

Lợn sề: Heo đã đẻ nhiều lứa.(nghĩa bóng chỉ người đàn bà sinh đẻ nhiều – nái sề)

Lợn ỷ: một giống lợn địa phương miền Bắc Việt Nam, có thịt, ít mỡ, năng suất thấp.

Lợn cỏ: giống địa phương miền Trung Việt Nam, còn gọi lợn đê, lợn cắp nách, có thân nhỏ, ẻo uột, chậm lớn.

Heo mọi hay lợn mán: lai heo nhà và heo rừng, lưng cong, bụng ồng, thông minh, thích sạch sẽ, nuôi thả tại các vùng cao nguyên miền Trung Việt Nam, nặng tối đa 10kg, thịt chắc.

Heo Mẹo: còn gọi là lợn Mèo, giống heo của người H'Mông, nuôi tại vùng núi các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, lao Cai. Yên Bái.

Heo bông hay Lợn Ba Xuyên: heo mình đen có đốm trắng xuất hiện tại vùng Ba Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, nặng tới 150kg, đẻ nhiều.

Lợn Móng Cái: xuất xứ tại thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, mình đen có đốm trắng hình tam giác hoặc hình thoi ở đầu, mõm trắng, sinh sản từ 10 đến 16 con một lứa.

-Mặt lợn: chỉ mặt mập núng nính những mỡ

-Ổ lợn: chỗ ở luân tuộm, đơ dáy

-Lợn lòng: chỉ những ham muốn nhục dục trong lòng con người đứng trước sự khêu gợi của thân xác ...”Con lợn lòng vùng dậy...”. [Phải chăng đây là “suy bụng người ra bụng heo”? Vì trong cuộc sống vật chất người và heo, lợn, có rất nhiều chỗ giống nhau, như thuộc loài “tạp thực” ăn đủ mọi thứ không chừa thứ gì, về cơ thể học, trái tim heo và tim người có nhiều tương đồng (Valve tim heo có thể thay cho tim người), về sinh lý thì nhu cầu tình dục vô hạn...Thế nhưng heo “động cõn có thi” nghĩa là có chu kỳ khác với người, do đó dùng “con lợn lòng” để nói lên ham muốn nhục dục có lẽ là “oan cho lợn” đấy.!]

Trong ngôn ngữ Việt Nam, thành ngữ “*Chuyện con heo*” lại thường nói về chuyện nhục dục của con người (như phim con heo, không nói về loài heo mà là phim làm tình của con người.) chứ không phải chuyện ngụ ngôn về heo.

Heo mà không phải heo!

Địa Danh Mang Tên Heo:

Suối Heo (ở Xuân Lộc); Hàn Heo (ở Đồng Nai); Đồi Heo (bãi sau Vũng Tàu); Hang Heo (biển Nha Trang –xã Vĩnh Lương); Vịnh Con Heo (Bay of Pigs/ Bahia de Cochinos ở Cuba).

Hoa Cứt Lợn:



tên khoa học: *Ageratum conyzoides*, còn có tên “hoa ngũ vị”, “cây bù xít”, “cỏ hôi” Cây này là một vị thuốc Nam cổ truyền, có vị cay, đắng, tính mát; đi vào hai kinh Thủ Thái Âm Phế và Thủ Quyết Âm Tâm bào với tác dụng thanh nhiệt, giải độc, sát trùng, trục ứ, tiêu thũng. Chữa sốt cảm, sưng yết hầu, chữa viêm xoang mũi, chữa rong huyết thai phụ.

Trư Linh☺



Còn gọi Địa ô đào, một loại nấm mọc trên thân cây (xốp) hoặc dưới gốc, tên khoa học: *polyprus umbelletus*. Tính bình, ngọt nhạt, vào thận và bàng quang. Trị thủy thũng, trướng đầy, tiểu tiện ít.



Cá heo:

tiếng Anh là porpoise; sea-hog và dolphin. Một loại cá rất thông minh.

Heo dầu:



một bộ phận quan trọng trong máy nổ chạy diesel, tiếng Anh là "Inline Pumps". Các thợ máy miền Nam Việt Nam gọi là con heo dầu.

Heo may: tên một loại gió se lạnh thổi vào đầu mùa Thu (tháng 7 âm lịch), tại miền Bắc Việt Nam. Khi có gió này không gian mang vẻ buồn, tâm hồn người băng khuâng khó tả...Gió này thường làm cho heo bị bệnh. Có người cho rằng ngọn gió se lạnh đầu thu này heo hắt cuộn theo hương cỏ may trên đồng cỏ nên gọi là heo may (?).

Heo, Lợn Trong Ca Dao, Tục Ngữ:

Tục Ngữ

Lợn thả, gà nhốt

Lợn Tó, gà Trò (?)

Chăn lợn ba năm không bằng chăn tằm một lứa.

Lợn đói một năm không bằng tằm đói một bữa.

Nuôi lợn ăn cơm không nuôi tằm ăn cơm nhộng

Giàu nuôi lợn nái, lợn bại nuôi bò câu.

Giàu nuôi lợn đực, khó nuôi lợn cái.

Lợn đực chuộng phệ, lợn sề chuộng ch ốm.

"Giàu lợn nái, lãi gà con"

"Treo đầu heo, bán thịt chó."

Gió heo may chẳng mưa dai thì bão giạt

Tháng bảy heo may, chuồn chuồn bay thì bão.

Gió heo may mía bay lên ngọn

Đàn bà không biết nuôi heo, đàn bà nhác,

Đàn ông không biết nuột lạt, đàn ông hư.

-Nuôi con trai mà không dạy như nuôi lừa.
Nuôi con gái mà không dạy nuôi lợn:
*"Dưỡng nam bất giáo như dưỡng lừa
Dưỡng nữ bất giáo như dưỡng tru"*

Cám treo, heo nhin đói
Lợn ăn xong lợn nằm lợn béo
Lợn ăn xong lợn réo lợn gầy

Ca Dao

- Cưới em anh nghĩ cũng lo
Con lợn chẳng có, con bò thì không
-"Chăn nuôi vừa khéo vừa khôn
Quanh năm gà lợn xuất chuồng quanh năm."
- Lái trâu, lái lợn, lái bò.
Trong ba anh ấy chớ nghe anh nào!
- Ai về chợ Vạn thì về,
Chợ Vạn có nghề cất rọ nuôi heo.
- "Ba bà đi bán lợn con
Bán đi chẳng được lon ton chạy về
Ba bà đi bán lợn sề
Bán đi chẳng được chạy về lon ton"

-"Đang khi lửa tắt cơm sôi
Lợn kêu, con khóc, chồng đòi tòm tem
Bây giờ lửa đã cháy lên
Lợn no, con nín, tòm tem thì tòm"

-"Cồng cộc bắt cá dưới bầu
Cha mẹ mày giàu, đám giỗ đầu heo"

-"Bố chồng là lông con lợn
Mẹ chồng như tượng mới tô,
Nàng dâu mới về là bồ chịu chửi"

-"Con gà cục tác lá chanh
*Con lợn ụt ịt (ủn ỉn) mua hành cho tôi
Con chó khóc đứng khóc ngồi
Mẹ ơi đi chợ mua tôi đồng riềng"*

(chỉ các thứ gia vị tương ứng với ba loại thịt)

- Bao nhiêu củ rím củ hà
Để cho con lợn con gà nó ăn."

"Mẹ em tham thúng xôi dền
Tham con lợn béo, tham tiền Cảnh Hưng.
Em đã bảo mẹ rằng đừng
Mẹ lườm mẹ nguýt mẹ bưng ngay vào
Bây giờ chồng thấp vợ cao
Như đôi đũa lệch so sao cho bằng."

- Ngày thời vất vả ngoài đồng
Tối về thời lại nằm không một mình.
Có đêm thức suốt năm canh
Rau heo, cháo chó, loanh quanh đủ trò."

- "Trông mặt mà bắt hình dong
Con lợn có béo thì lòng mới ngon"

- "Mèo tha miếng mỡ xôn xao
Cọp tha con lợn thì nào thấy chi!"

Chuột chù chê lợn rằng hôi!
Lợn mới trả lời: "Cả họ mày thơm!"

Ai đem cho mẹ con heo
Để cho mẹ phải vớt bèo cực thay!

- "Cô kia đi chợ Hà Đông
Để anh kết nghĩa vợ chồng cùng đi
Anh đi chưa biết mua gì
Hay mua con lợn phòng khi cheo làng"

- "Tình cờ bắt gặp nàng đây
Mượn cất cái áo, mượn may cái quần
May xong anh trả tiền công
Bao giờ lấy chồng anh đỡ vốn cho
Giúp em một thúng xôi vò

Một con lợn béo một vò rượu tăm...
Anh giúp đôi chiếu em nằm
Đôi chăn em đắp đôi tấm em đeo
Anh giúp quan tám tiền cheo.
Năm quan tiền cưới lại đèo buồng cau...
(giúp cả một lễ cưới)

- "Yêu nhau chả lấy được nhau
Con lợn bỏ đôi buồng cau bỏ già
Bao giờ sum họp một nhà
Con lợn lại béo cau già lại non."

- "Bởi vì con heo nên phải đèo khúc chuối,
Bởi vì con muỗi nên phải thả màn loan..."

"Bói cho một quẻ trong nhà
Chuồng heo ở dưới, chuồng gà ở trên"

- Em về thưa với mẹ cha
Bắt heo đi cưới, bắt gà đi cheo
Đầu heo lớn hơn đầu mèo
Làng ăn không hết, làng treo đầu đình
Ông xã đánh trống thành thành
Quan viên níu áo ra đình ăn cheo

Mẹ ngồi thách cưới:
Tiền chẵn năm quan
Cau chẵn năm ngàn
Lợn béo năm con
Áo quần năm đôi

Bao giờ gạo gánh đến nhà
Lợn kêu en éc mới là vợ anh

Bà già lật đật mua heo cưới chồng
Cưới về chồng bỏ chồng dồng
Bà già mới tiếc ba mươi đồng mua heo
- Còn duyên anh cưới ba heo
Hết duyên anh đánh ba hèo đuổi đi.

- Gió heo may lành lạnh thổi về
Thương người quan ải lòng tê tái sầu.

- Lòng vả cũng như lòng sung
Một trăm con lợn cũng chung một lòng.

-Em về nhắn với mẹ già
Mua heo ai thì trả lại kẻ trường ba hồng rồi!

HEO trong thơ Nguyễn Khuyến:

Ai lên nhắn hỏi bác Châu Cầu
Lụt lội năm nay bác ở đâu?
Mấy ổ lợn con rày lớn bé
Vài gian nếp cái ngập nông sâu?
(Bài Nước Lụt Hỏi Thăm Bạn)

HEO trong Sám Trạng Trình:

“Chó kêu ầm ĩ mùa đông
Cha con Nguyễn lại bế bông nhau đi
Lợn kêu tinh thể lâm nguy,
Quý vương chết giữa đường đi trên trời
Chuột sa chính gạo nằm chơi
Trâu cày góc lại chào đời bước ra...”

“Chó nọ vẫy đuôi mừng thánh chúa
Ăn no ủn ỉn, lợn kêu ngày.”

“Đến Phụ-nguyên đời còn chinh chiến,
Trải bao thu dẫu biển cát lằm,
Rừng xa vực thẳm nguồn thâm,
Nào ai biết lẽ nhân tâm lúc này?
Chó mừng chủ, gà bầy cộc tác,
Lợn ăn no thả rác nằm chơi...
Đó mới kể là đời thịnh thế
Mà thiên hạ sao sẽ làm hai.
Người Đoài cũng thức ấy tài,
Mà cho người Sở toan bài lập công.
Bởi Trần vương ngu không kể siết,
Mới phen này dề lại giết dề

*Đến khi thức tận bình bì,
Âm binh ở giữa, dễ thì biết sao.
Trời cho ta mang dao chém quỷ
Khấp dưới trời bình trị quỷ thư...”*

Có hai đoạn trong Sám Trạng Trình nói đến cuối năm Tuất, đầu năm Hợi, Đại Lãng Thiên Sư bàn rằng: “Chó kêu âm ỉ mùa đông”: cuối năm Mậu Tuất, dư luận bất bình Cộng sản Việt Nam nổi lên mạnh mẽ, chống Đặc Khu Kinh tế, chống luật An Ninh mạng, chống bắt bớ đàn áp những người bất đồng chính kiến, dân oan và các vụ cướp đất, đặc biệt vụ Thủ Thiêm (Sài Gòn), trong lúc Nguyễn Phú Trọng đẩy mạnh các vụ án tham nhũng, loại bỏ một loạt các tướng lĩnh quân đội và công an cộng sản khiến cho trong nước như có những đợt sóng ngầm, nhất là nền tài chính bị thua lỗ nặng, nợ chồng chất...Những tay cầm quyền họ Nguyễn tìm cách đi cầu cứu hoặc tẩu thoát, vì đầu năm Kỷ Hợi (2019) sẽ xảy ra nguy biến “Lợn kêu tình thế lâm nguy, quỷ vương chết giữa đường đi trên trời” và có thể tên đầu đảng quỷ cộng sản sẽ chết vì tai nạn máy bay khi tìm đường tẩu thoát...Đến năm Canh Tý (2020) thì kinh tế mới vững vì quỷ cộng sản đã chết và năm Tân Sửu (2021) thì mới có người ra lãnh đạo.”



Những câu “Chó nọ vẫy đuôi mừng thánh chúa, Ăn no ủn ỉn, lợn kêu ngày.” Ý nói cuối năm Tuất chắc sẽ có vận hội mới cho Việt Nam, và sang năm Heo thì đời sống dân Việt sẽ no đủ. “Thánh chúa” có nghĩa là kẻ sáng suốt và Trời cho dao chém quỷ có thể là nhân dân sẽ nổi dậy. “Khấp dưới trời bình trị quỷ thư...” tức là dẹp bỏ chủ thuyết cộng sản.” Mong là Sám Trạng Trình mau ứng nghiệm!

Chuyện về Heo quá nhiều khó mà nói hết, chỉ xin thưa lại quý độc giả một vài chuyện để vui xuân Kỷ Hợi mà thôi.

Chúc Một Năm Kỷ Hợi An Lành và Thăng Tiến!

NGUYỄN CHÂU (San Jose 11/2018)

TRANH CỦA HỌA SĨ TRƯƠNG VŨ



Hoa thạch dược ở Longwood Garden trong ngày Xuân
sơn dầu trên bố, 24" x 20" - thực hiện năm 2013



Mừng Xuân

sơn dầu trên ván ép, 16" x 12" - thực hiện tháng 2 năm 2018

XÔNG ĐẤT

*trừ tịch sấm gương mới
giao thừa soi dung nhan
còn nếp nào tươi rói
xếp lên môi điệu dàng*

*kẻ niềm vui vào mắt
mặc quần áo tinh khôi
đi tìm em xông đất
hái lộc xuân tuyệt vời*

*

*em giọng cười thuở trước
giòn âm điệu thủy tinh
theo lụa là tha thướt
vào tầm xuân tuổi mình*

*anh nét nhìn rất mượt
lướt trên nụ chồi non
lòng võ dòn nắng mới
quanh thời gian xoáy tròn*

**

*trừ tịch sấm gương mới
giao thừa soi dung nhan
là biết mình vẫn đợi
xông đất mùa xuân em!*

Cao Nguyên



DUYÊN XUÂN

*nhờ duyên tôi đã gặp người
chào nhau với những nụ cười dễ thương
nhờ duyên mình bước chung đường
qua ngàn lối nhớ quê hương tuyệt vời*

*nhờ duyên người đã hiểu tôi
theo dòng máu lệ vì đời mà rung
nhờ duyên thấp ngọn lửa hồng
sưởi tâm cho ấm suốt dòng tình quê*

*nhờ duyên thấu cuộc đời, về
trên thân cát bụi vỗ về đời nhau
nhờ duyên khơi chuyện trước sau
nổi tâm rạng rỡ nhịp cầu tri âm*

*khởi đi, người hỡi! nhiệt nồng
mai sau còn đẹp tấm lòng hôm nay
mừng duyên khởi sắc Xuân này
gởi lời thân chúc vạn ngày bình yên.*



Cao Nguyên

Mừng Xuân An Lạc

Vui tươi

Nhạc: Nguyễn Tuấn Lời: Thơ Hải Đà

Đầu xuân đi lễ hội Trầm hương ngát khung trời Tiếng
chuông chùa ngân vang Mai vàng cười trong nắng Tâm thành, sống an
hoà Lòng dâng tràn vị tha Sáng ngời hồn Thiện Mỹ Ý
nguyện cầu thiết tha Mừng mùa Xuân Di Lạc Chim hót cảnh Đa La
Mưa thấm vườn Tri Huệ Thơm ngát hồn Giác Hoa Mừng một Thiên Kỳ mới
Vùng tin nơi Đạo Vàng Nơi Đức Đại Từ Bi Cười khổ, độ chúng sinh Mùa
xuân nơi xứ người Thành tâm khấn chư Phật Giúp nhân loại bình an Trút
bỏ đời khổ đau Đón mừng Xuân An Lạc Hạnh phúc trong cuộc
đời Danh lợi là hư huyền Chỉ như thoáng mây trôi...



Hoàng Quân & nhóm Cadillac trình bày:

MỪNG XUÂN AN LẠC

Nhạc: **Nguyễn Tuấn** – Lời: thơ **Hải Đà**

https://www.youtube.com/watch?v=1XLptALI_7A

MÙA XUÂN với THƠ RƯỢU

**** Nguyễn Quý Đại (Germany) ****

Tháng Giêng là tháng ăn chơi

Tháng Hai cờ bạc, tháng Ba rượu chè

(Ca dao)

Đời có nhiều thú vui để hưởng thụ: tình yêu, thi ca, nghệ thuật, du lịch... đều là nhịp sống của nhân loại tương quan từ tinh thần đến vật chất, như vẻ đẹp của thiên nhiên mây nước. Sự cảm thông của tâm hồn với những thú vui tùy theo sở thích của từng người. Theo Tô Đông Pha "sự như xuân mộng liễu vô ngân / đời qua mau như một giấc mơ xuân, không lưu lại một vết nào", nhà thơ Xuân Diệu quan niệm đời người ngắn ngủi mà thời gian khắc nghiệt trôi qua, phải nhanh lên vui hưởng nếu không thời gian sẽ xóa hết những nét xuân, trong bài giục già "mau với chứ thời gian không đứng đợi".



Thời gian không dừng lại với chúng ta, khi những cánh én không còn bay lượn ở lưng trời thì tiếng ve sầu ngâm vang mùa hè rục rờ lá hoa, rồi thu về trời se lạnh gió thu mang theo những chiếc lá vàng rơi... Mùa xuân với mai vàng, hoa anh đào, hoa cúc, hoa vạn thọ nở đẹp ở bên quê nhà. Trong lúc Âu Châu là mùa đông ảm đạm thời tiết giá lạnh cây trơ cành trên màu trắng của tuyết, chúng ta ngậm ngùi hướng về Tết cổ truyền Việt Nam, hàng năm vào cuối đông Cộng Đồng Việt Nam sống lưu vong khắp nơi trên thế giới, lo chuẩn bị vui Tết hướng về quê hương, mỗi lần xuân về chúng ta thường nghe nhạc phẩm bất hủ "Ly rượu mừng" của nhạc sĩ Phạm Đình Chương.

Ngày xuân nâng chén ta chúc nơi nơi

Mừng anh nông phu vui lúa thơm hơi

Rót thêm tràn đầy chén quan san,

Chúc người binh sĩ lên đường.

Chiến đấu công thành

Sáng cuộc đời lành

Mừng người vì nước quên mình.

<https://www.youtube.com/watch?v=CF2R2yJ--V8>

Dù nơi đây không có tiếng pháo giao thừa, nhưng chúng ta cùng nâng ly rượu mừng xuân nhớ về cố quốc ... Rượu có hàng chục ngàn năm, từ non cao đến thành thị người ta đều biết biến chế và uống rượu, theo thời gian và mỗi nơi có những công thức khác nhau. Rượu thường chế bằng

các thứ hạt ngũ cốc với bột men. Người Pháp có truyền thống chế rượu mạnh và rượu vang bằng các loại nho tùy theo phong thổ, bên sông hay đồi núi nổi tiếng như: Chateau, Charente, Bordeaux. Eau-de-Vie de Cognac hay Eau-de-Vie des Charentes. Người Đức chế rượu bia với nguyên liệu chính là Mễ cốc (Getreide), Mạch nha (Malz) hạt ngô (Mais)...Không thể thiếu hoa Hopfen (Đường hoa thảo) làm xúc tác lên men tên khoa học Humulus-Lupulus Cannabincaceen, nguồn gốc nước giềng cũng là yếu tố làm bia ngon.

Người Việt Nam cất rượu với nguyên liệu: đường với ngũ cốc, có rượu đế (Reisschnaps) rượu lúa mới, Hà Nội có rượu nếp cẩm, Sài Gòn có rượu nếp thang, Đà Lạt có rượu dâu... Mỗi gia đình có thể cất rượu cho ngày tết hay các lễ cưới hỏi...gạo lức hay nếp nấu chín đổ ra nong trải rộng để nguội rất đều bột men trên mặt ủ lại bằng lá chuối vài ba đêm lên men, trên mặt có men màu vàng hay hơi xám, cho vào hủ đổ nước vừa dung tích đầy nắp kín để chỗ mát thích hợp thời gian ngắn, bỏ đường vào hòa tan trong dung dịch đó gọi là hèm, đem cất rượu. (men tự biến chế từ rễ, củ, cây lá, theo gia truyền bí quyết làm rượu thơm ngon) Người Thượng dùng các thứ lá, rễ cây trên núi để ủ men, những thứ này cùng với củ gừng, riềng xắt nhỏ, phơi khô, giã mịn, trộn với bột gạo và vỏ trấu, viên tròn phơi khô để biến chế rượu Cần, loại rượu này làm với nguyên liệu: Hạt cào (một thứ cỏ mọc ở núi), hạt bo bo, kê, gạo, bắp (ngô), khoai mì (sắn)...Mỗi loại có hương vị ngọt ngào riêng, tuy nhiên được yêu chuộng nhất theo thứ tự vẫn là rượu cào, bo bo, kê, rồi mới đến gạo, bắp. Nguyên liệu được nấu chín, trải ra cho nguội. Men giã nhỏ, trộn đều, sau khi ủ qua một đêm mở ra bốc hơi thơm ngào ngạt, để có độ thoáng cho rượu lên men. Sau đó cho vào những chiếc chóc nhỏ to bằng góm, bịt kín miệng bằng lá chuối. Chóc ủ rượu có nơi còn gọi là ghè, nên rượu Cần còn được người Thượng gọi là rượu Ghè, dân tộc thiểu số đều có bí quyết biến chế rượu.

Rượu không thể thiếu trong các lễ nghi giao tế „*vô tửu bất thành lễ*”. Người Việt thờ cúng ông bà những ngày giỗ kỵ thường có rượu, trầu cau cúng ở bàn thờ để tưởng nhớ, đầu năm mừng tuổi, hoặc đi ăn giỗ, các lễ cưới, hỏi, hội hè đình đám không thể thiếu rượu. Thiên Chúa Giáo dùng rượu trong Thánh lễ, nhưng Phật Giáo Việt Nam, Trung Hoa thì cấm uống rượu, ngược lại ở Nhật Bản tu sĩ có thể uống rượu? các quốc gia Hồi giáo cấm rượu, nhưng được đa thế! Thổ Nhĩ Kỳ (Hồi Giáo) được uống rượu, ngoại trừ thành phố Konya không bán rượu.

Uống rượu trở thành thói quen trong sinh hoạt, cuộc tri ngộ của Nguyễn Khuyến và Dương Khuê trong văn học sử Việt Nam là một tình bạn tâm giao thấm thiết khi Dương Khuê tạ thế, Nguyễn Khuyến đã cảm thấy mất đi hầu hết hứng thú của cuộc đời và khóc bạn.

*Rượu ngon không có bạn hiền
Không mua không phải không tiền không mua
Câu thơ nghĩ đắn đo không viết
Viết đưa ai, ai biết mà đưa?
Giường kia treo những hững hờ
Đàn kia có gãy, ngẩn ngơ tiếng đàn...*

Ngày xưa thi nhân xem thú uống rượu đứng thứ tư sau thú chơi đàn, đánh cờ, ngâm thơ.

*Đàn năm cung réo rất tính tình đây
Cờ đôi nước, rập rình xe ngựa đó
Thơ một túi phẩm đề câu nguyệt lộ
Rượu ba chung tiêu sái cuộc yên hà*
(Nguyễn Công Trứ)

Người Á Châu có thể dạy người Tây phương về cách uống trà, nhưng chúng ta phải học họ cách uống rượu, tuy nhiên người Trung Hoa biết thưởng lãm nghệ thuật trà, rượu. “*trà như ẩn sĩ, rượu như hào sĩ*” Rượu để kết bạn, trà để hưởng tĩnh“, ở huyện Thiệu Hưng tỉnh Chiết Giang nổi danh thứ rượu hoàng tửu, nhà nào sinh con gái thì cha mẹ làm một hũ rượu cất giữ, khi con gái xuất giá cho mang theo món rượu quý với những tư trang. Uống rượu là thú vui trợ hứng trong khi tán ngẫu chuyện đời, đẹp nhất mùa xuân uống rượu bên cây mai vàng nở rộ và ban đêm uống dưới bóng nguyệt. Uống rượu phải có nghệ thuật “*nên lựa lúc và nơi để say, Say với hoa thì nên vào ban ngày để hưởng hết màu sắc, ánh sáng; say với tuyết với trăng sao thì nên lựa ban đêm để tâm tư được thanh tĩnh...*” Các cụ ngày xưa quan niệm „không có rượu thì sơn thủy cũng vô nghĩa; nếu không có đàn bà đẹp thì trăng hoa cũng vô ích“ hay „*nam vô tửu như kỳ vô phong*“ ngoài niềm vui với thi phú, ngâm thơ vịnh nguyệt, say với đời, người sành rượu phải biết „*tri kỳ vị, tri kỳ hương, tri kỳ ảo, tri kỳ linh*“ (biết vị của rượu, biết hương thơm rượu, biết sự huyền ảo, biết linh hồn của rượu).

Ở Âu Châu nghệ thuật uống rượu phải phù hợp thời gian và không gian, rượu nào ly đó, nhiệt độ tùy theo loại rượu trắng hay đỏ, không bỏ nước đá vào bia hay rượu. Rượu phải thích hợp với món ăn, uống để thưởng thức và tâm sự, tiệc tùng các bà ngồi chung bàn, không thấy rượu nào nói đến chuyện cưỡng dương bổ thận „ông uống bà khen“? Bên Việt Nam các bà ngồi riêng, các ông thì “dzô dzô” chai này đến chai kia, uống cho sần không thấy trời trăng mây nước. Người giàu uống các loại Cognac, Champagne, Bia, giới bình dân uống rượu Đế quốc doanh sáng trưa chiều tối ... (ở Hoa Kỳ không phải chỗ nào cũng được phép uống bia rượu, ở Đức thì tự do không bị cấm, nhưng trong tuần bận làm việc, không có thì ngồi nhậu, bàn rượu không phải là nơi giải quyết giao tế việc làm hàng ngày). Người không uống được rượu, nhưng ngồi với bạn trong

cái thú vui bàn rượu. Hơn bốn mươi năm mùa xuân đi qua lặng lẽ (1975-2019), ngày Tết gọi lại những kỷ niệm xa xưa

Rượu giúp vui và giải sầu say sẩm một vài lần không sao, nếu uống rượu nhiều sanh bệnh ghien thì hại sức khỏe, uống nhiều rượu thì bất lợi rượu tác dụng không tốt vì có chất ethyl alcohol. Có thống kê : 50% tội phạm trong nhà lao, 40% tai nạn giao thông, 25% người bệnh có liên quan đến rượu.

Các nhà khoa học cho biết bệnh nhân từng trải qua phẫu thuật tim nếu uống một lượng vừa phải rượu hoặc bia hằng ngày sẽ làm giảm được nguy cơ hẹp tĩnh mạch trở lại. Mọi người đều biết việc dùng nước uống có chất rượu hợp lý có thể giảm nguy cơ đau tim và đột tử ở những người bị bệnh tim, các nhà khoa học tại Đại học Heidelber, Đức chứng minh rằng ngay cả khi tổn thương ở tim đã được khắc phục. Bác sĩ Donald Thomas, một chuyên gia về bệnh suyễn và đường hô hấp ở Maryland, cho biết: “Với những kết quả vừa được công bố, tôi sẽ cảm thấy vững tâm thoải mái hơn khi khuyến nghị các bệnh nhân của tôi nên uống rượu vang một cách vừa phải và đều đặn.” rượu làm giảm các tế bào gây hẹp động mạch (mỗi dùng tối đa 20 gramm Alcohol là : 0,5 lit Bier hay 0,25 lit rượu vang). Uống nhiều có thể gây ra chứng tăng huyết áp và các vấn đề sức khỏe khác, rượu lợi hại tùy theo người dùng và bệnh lý phải chẩn đoán rõ ràng tránh phản ứng ngược lại.

Rượu vang đỏ có tác dụng chống ung thư do chứa tác nhân chống oxy hóa có tên resveratrol vốn có rất nhiều trên vỏ nho đỏ - nguyên liệu chính để làm rượu. Các nghiên cứu trước đây cho thấy resveratrol, có tác dụng ngăn ngừa bệnh tim mạch. Ngoài ra, chất này rất tốt đối với những người ăn kiêng.



Theo Đông y, rượu làm thông huyết mạch, tán thấp khí, giúp kích thích tiêu hoá ăn ngon “tửu vi bách dược chi trường / rượu đứng đầu trăm loại thuốc. Thị trường Việt Nam thường quảng cáo nhiều loại rượu thuốc cường dương bổ thận, trị đau nhức, hai thứ bệnh y học gọi là chứng tiết tảo (xuất tinh sớm) hay dương nuy (liệt dương) thì uống rượu

ngâm thuốc. Dùng rượu thuốc để chữa bệnh và bồi bổ gọi là Dược tửu liệu pháp. Họ còn cho rằng rượu rắn tốt và ăn thịt bổ, vì rắn là con vật hấp thụ đủ khí âm dương do cơ thể rắn sát đất (âm), đầu luôn ngóc lên (dương) khi bò. Rượu rắn tùy theo số rắn ngâm như 3 con: tam xà, 5 CỎ THƠM

con: ngũ xà, 10 con: thập xà. Các loại rắn thường dùng là hổ mang, cạp nong, mái gầm, lục. Một bình 10 lít ngâm 10-15 con rắn các loại, thêm cá ngựa, sâm quy, thực, táo tàu... Ngoài rắn ngâm rượu còn cả tắc kè ngọc dương vv... Các rượu thuốc Mỹ tửu, Trường sinh tửu, Diêu linh tửu, Minh Mạng tửu, Lộc nhung tửu (rượu nhung hươu), Hải cẩu thận tửu, Ba kích tửu, Dâm dương hoắc tửu, Dương cao tửu (rượu thịt dê), Dương thận tửu (rượu cật dê), Trợ dương tửu, Hổ cốt tửu, Cáp giới tửu (rượu tắc kè), Hải mã tửu (rượu cá ngựa)... Nếu để bồi bổ với mục đích bảo vệ và nâng cao sức khỏe thì cũng phải căn cứ vào các đặc điểm của người dùng như tuổi tác, giới tính, thể chất... phải xem mạch chẩn bệnh trong cơ thể bị hư yếu (âm hư, dương hư, khí hư hay huyết hư) và tạng phủ nào cần bồi bổ (tâm, can, tỳ, phế, thận...) để từ đó chọn lựa được thảo cho thích đáng chế rượu thuốc phù hợp có phẩm chất tốt; ngược lại có thể gây hại sức khỏe. Các quốc gia Tây Phương không uống các loại rượu thuốc hay các loại rượu ngâm như: rắn, các kè... mà họ sống rất thọ trung bình trên 80 tuổi, trong khi ở Việt Nam nhiều người chết sớm bị bệnh ung thư gan càng nhiều vì uống rượu hay các hoá chất nhập từ Tàu vào để chế biến rượu!

Bạn bè gặp nhau thường mời bia hay rượu, lúc rảnh việc cùng chén thù, chén tạc đôi khi rượu gợi nhớ về thời vàng son xuân sắc, quên tất cả buồn phiền đời sống vây quanh, lúc say quên thực tế phủ phàn đi vào giấc mộng dễ dàng và êm ả, nhưng đôi khi quá chén bị bà xã phiền hà thì phải cầu cứu thi sĩ Tản Đà

Say sưa nghĩ cũng hư đời

Hư thì hư vậy say thời cứ say

Đất say đất cũng lãng quay

Trời say mặt cũng cũng đỏ gay ai cười?

(Tản Đà)

Vua Ngô 36 tán vàng

Chết xuống âm phủ có mang được gì

Vua Chôm uống rượu tí tí

Thác xuống âm phủ khác gì vua Ngô!

(Ca dao)

Cũng có trường hợp "tửu bất khả ép, ép bất khả tử" quá chén sinh ra "Tửu nhập ngôn xuất / rượu vào lời ra" nói dài, nói dai mà không ý thức được điều mình nói gì? „đưa ngôn đưa quạ“ làm phiền người chung quanh không ít; người uống say về nhà chưởi bới đánh đập vợ con, làm mất niềm vui trong gia đình.

Ở đời chẳng biết sợ ai

Sợ thằng say rượu nói dai tới ngày

Rượu nhạt uống lắm cũng say,

Người khôn nói lắm dẫu hay cũng nhàm.

(Ca dao)

Nhưng người say cũng biện hộ cho việc say sưa đâu đến nỗi nào, bởi vì men tình mà đời đã trao cho.

*Say thời say ngải say tình
Say chi chén rượu mà mình nói say*

hoặc:

*Rượu nào rượu lại say người
Bớ người say rượu, chớ cười rượu say
(Ca dao)*

Nhà thơ núi Tản sông Đà sống cuộc đời “say sưa nghĩ cũng hư đời” nhưng thi nhân mượn thơ và rượu thoát khỏi thực tế chua chát, đắng cay.

*Rượu thơ mình lại với mình
Khi say quên cả tấm hình phù du
(Tản Đà)*

Thi hào Nguyễn Du đã diễn tả hoàn cảnh khổ đau ngang trái của nàng Kiều, khi vui bên chén rượu để giải sầu, nỗi buồn 15 năm lưu lạc có bao giờ tàn phai, mà người sầu muộn thường uống say để quên đời.

*Khi chén rượu, khi cuộc cờ
Khi xem hoa nở khi chờ trăng lên
(Kiều - Nguyễn Du)*

Lưu Trọng Lư thường mượn hơi men để giải sầu, đổi lấy những giây phút say sưa chiuến choáng hầu lãng quên và dứt khoát với dĩ vãng.

*Mời anh cạn chén rượu này
Trắng vàng ở cúi non tây ngậm buồn
Nửa đời phiêu lãng chỉ còn đêm nay
Để lòng với rượu cùng say
Chừ đây lời nói chua cay lạ thường
(Lưu Trọng Lư)*

Hay:

*Người đi ừ nhĩ người đi thật
Mẹ thà coi như chiếc lá bay
Chị thà coi như là hạt bụi
Em thà coi như hơi rượu say!
(Thâm Tâm)*

Ca dao trữ tình trong kho tàng văn học Việt Nam, phản ảnh tâm hồn lãng mạn và tình yêu dạt dào, tiếp xúc với thiên nhiên, đời sống gia đình và xã hội, ca dao nhắc về rượu rất nhiều nhưng tôi chỉ trích dẫn một phần mà thôi. Ở thôn quê người ta chỉ cần một buồng cau, khay trầu, uống chén rượu đã trở thành suôi gia, không cần mâm cao cỗ đầy.

*Rượu lưu li chân quỳ tay rót
Cha mẹ uống rồi dòi gót theo anh
Theo anh cho ấm tấm thân
Khỏi qua núi nọ, khỏi lần núi kia*

hay:

*Anh có thương em thì lo một buồng cau cho tốt,
một hũ rượu cho đầy
Đặt lên bàn thượng, hạ xuống bàn xây
Chàng đứng đó, thiếp đứng đây
Lẽ mô thầy với mẹ lại không kết nghĩa sum vầy cho con?
Tay ôm hũ rượu, buồng cau
Đi ngã đằng sau, thầy mẹ chê khó,
đi ngã cửa ngõ chú bác chê nghèo,
Nhắm cừng duyên nợ cheo leo
Sóng to thuyền nặng,
không biết chống chèo có đặng không?*

Về đời sống thiên nhiên và con người.

*Đất Quảng Nam chưa mưa đã thấm
Rượu Hồng đào chưa uống đã say
Rượu chuồn này chén trắng bơi
Uống cùng Huế với cuộc chơi sang ngày*

Nét đẹp của đàn bà Việt Nam thật tuyệt vời đảm đang lo việc nhà, giáo dục con cái, để chồng gánh vác việc ngoài xã hội, nói chung dù đời sống thế nào cũng một lòng tiết hạnh.

*Ăn miếng trâu năm ba lời dặn,
Uống một chén rượu năm bảy lời giao
Xung quanh dù sóng lượn ba đào
Em cũng giữ niềm tiết hạnh, chứ không lãng xao*

hay:

*Rượu sen càng nhấp càng say,
Càng yêu vì nét, càng say vì tình
Đầy với chúc một chén quỳnh
Vì duyên nên uống, vì tình nên say...*

Vì quan niệm lễ sống ảnh hưởng vào đời người, rượu được ví với cái nét đảm đảm, yêu đương hạnh phúc gia đình, người vợ đảm đang mọi việc đều ổn định.

*Rượu ngon bất luận be sành
Áo rách khéo vá hơn lành vụng may*

Rượu ngon nhờ để lâu ngày càng thơm ngon như rượu vang (vin) Clos, Château, Cru. Rượu mạnh Cognac X.O (Extra Old) so sánh rượu ngon với người vợ đoan trang, thủy chung để tình duyên thêm mặn nồng.

*Rượu ngon bởi vị men nồng
Người khôn bởi vị giống nòi mới khôn
Rượu say vì bởi men nồng
Vợ mà biết ở chắc chồng phải theo*

*Rượu sen càng nhấp càng say
Càng yêu vì nét, càng say vì tình
Đầy vui chúc một chén quỳnh
Vì duyên nên uống, vì tình nên say*

Ngày xưa bà Trần Tú Xương “quanh năm buôn bán ở ven sông” lo việc nhà để ông Tú vui chơi uống rượu giải sầu vì số phận long đong về đường thi cử không thành đạt, nhưng những người đàn bà khác cũng chiều chồng hiếu khách.

*Cái bồng là cái bồng binh
Thối cơm nấu nước một mình mỡ hôi
Rạng ngày có khách đến chơi
Cơm ăn rượu uống cho vui lòng chồng*

Vì trạng thái chung của xã hội ảnh hưởng vào tâm tư con người, đời sống cần cù, chất phát, ôn hoà nhưng cũng xao động sa ngã! Có thể nói ca dao đã ghi lại các khía cạnh của tình yêu, trạng thái tình cảm trắc trở khó khăn.

*Vai mang bầu rượu chiếc nem
Mãng say quên hết lời em dặn dò*

Rượu nồng nem chua, quyến rũ lòng người thêm dục vọng, vào vòng vui thú của bản ngã, tâm tình, gắn bó về nhân nghĩa bị lu mờ chẳng? bởi vậy ca dao cũng thường nhắc lại những thói hư thường tình, trong đời sống nhân sinh, ở Việt Nam có thêm phong trào uống “bia ô”, “rượu ô”.

Làm nhiều người gia đình mất hạnh phúc.

*Thế gian ba sự không chừa
Rượu nồng, dê béo, gái vừa đương tơ*

hoặc

*Còn trời, còn nước còn non
Còn cô bán rượu, anh còn say sưa*

Tuy nhiên con người phải tự kềm hãm dục vọng, nhìn chung xã hội loài người bất kỳ ở tầng lớp nào, cũng bị cám dỗ len lỏi vào cuộc sống.

*Anh ơi uống rượu thì say
Bỏ ruộng ai cày, bỏ giống ai gieo.*

*Mang bầu đến quán rượu dâu
Say hoa đắm nguyệt, quên câu ân tình*

*Rượu lạt uống lăm cũng say
Người khôn nói lăm dẫu hay cũng nhàm*

Việt Nam là quốc gia phát triển chậm, nhưng uống rượu, bia trở thành một phong trào (một năm Việt Nam tiêu thụ 4 tỷ lít bia và 400 triệu lít rượu?). Những nhà máy bia rượu nước ngoài đầu tư tại Việt nam, vì không có quốc gia nào tiêu thụ rượu chè thoái mái như Việt nam. Cả nước có 9 triệu lò tiểu công nghệ sản xuất, kinh doanh rượu tự do, không được kiểm nghiệm.



Làm thế nào để phân biệt được rượu giả, rượu độc? bởi vậy thường xảy ra ngộ độc rượu mà chết, nếu không chết cũng ảnh hưởng sức khỏe... Nhà hàng, quán nhậu những làng nướng mọc lên như nấm, quán bia ôm, vũ trường trở thành nơi “lý tưởng” để giải trí. Bia rượu đổ như suối suốt ngày đêm, mang đến những cơn say quên hết trời trăng mây nước, trong khi đó bọn Tàu xâm lăng bờ cõi... Số người đi biểu tình chống Tàu đếm trên đầu ngón tay! Vấn đề lạm dụng rượu quá độ làm cho sức khỏe kém, say sưa gây ra nhiều tệ nạn xã hội. Người uống nhiều rượu sinh con thiếu thông minh trở thành ngu dần, rượu chè be bét cũng là mối hại lâu dài cho cả bản thân người uống, gia đình họ, xã hội và nòi giống.

*Hiu hiu gió thổi đầu non
Mấy người uống rượu là con Ngọc hoàng
Ngọc Hoàng ngồi tựa ngai vàng
Thấy con uống rượu hai gàng lệ rơi
Tưởng đâu con uống con chơi
Ai ngờ con uống con rơi xuống buồn*

Đời sống xã hội tập hợp như những màu sắc rực rỡ, quyến rũ vì tình, tiền, quyền lực, dục vọng con người đang âm thầm đốt cháy từng mảnh tâm hồn, có người xa lánh trần tục muốn tu nhưng không tránh khỏi quyến rũ vật chất của đời sống văn minh! Đời sống trần tục chúng ta sống phải đạo làm người đó là điều đáng quý trọng. Say sỉn nhiều khi tránh được phiền não, người sầu muộn thường uống say. Trong những cái say của cuộc đời, cái say nào cũng nguy hiểm dù say rượu còn có lúc tỉnh. Say tình, say tiền, say danh vọng thì triền miên, có phải ai cũng phải mang một bệnh say?



Nguyễn Quý Đại (Germany)

Tài liệu tham khảo

Bier Jenseits von Hopfen und Malz (Christian Raetsch)
Wein& Speisen Lingen)
Ca dao trữ tình Việt Nam (nhà xuất bản Giáo Dục)
Việt Nam thi ca tiền chiến (Nguyễn Tồn Long)
The HealthDay (hình trên Internet)

Đọc thêm tài liệu về rượu ở Trung Hoa xưa

Ngược thời gian tìm hiểu của BS Lê Văn Lân TX

LỊCH SỬ CỦA NHỮNG MÓN ĂN TRUNG QUỐC TRONG CHỖN CUNG ĐÌNH

Những thứ ẩm liệu (đồ uống) trong cung đình thì chia ra thành các loại sau: Lục thanh, Ngũ Tề, Tam tửu Lục thanh là thủy (nước), tương (tức là dấm-tạc tương, và rượu chua - toan trấp tương), lễ (rượu nếp), thuần (rượu pha nước lạnh), y (rượu chế bằng cháo gạo đặc ủ với men và mầm cây), di (rượu chế bằng cháo gạo lỏng ủ men

Ngũ tề là năm thứ rượu có xác cặn nấu bằng ba loại như gạo, cao lương và kê (đạo, lương, thử): phiếm tề (rượu ngọt có xác cặn nổi lênh bình), lễ tề (rượu ngọt hơi nhạt chế bằng nửa gạo nửa nước để qua đêm), áng tề (rượu ngọt thật đục), đề tề (rượu màu đỏ giống áng tề nhưng trong hơn). trâm tề (rượu ngọt lỏng cặn rất nhiều)

Tam tửu là rượu đã lọc cặn. Rượu tề thì dùng tế lễ còn rượu tửu thì dùng uống. Tam tửu gồm: sự tửu là rượu làm đôi uống tùy ý khi cần có ngay; tích tửu là rượu ủ lâu hơn, ủ mùa đông đến sang xuân mới dậy mùi, nước rượu trong nếm ngọt dịu; thanh tửu thì trong hơn, ủ mùa đông sang hè mới uống được. Chúng ta thấy rằng rượu Trung hoa nguyên thủy còn sơ khai. Rượu thường chế bằng các thứ hạt ngũ cốc nấu chín rồi ủ men mà thành nên rất đục vì còn xác, chỉ khi lọc kỹ thì mới thành rượu trong - thanh tửu. Phải chờ đến đời Đường, Trung Hoa giao lưu văn hoá với vùng Á rập mới biết cách cất rượu bằng nồi cất để có rượu thật trong suốt và nồng độ cao hơn. Rượu mà Đường Minh hoàng, Dương Quý Phi và thi thánh Lý Bạch uống chính là loại thanh tửu này.

XUÂN, TẾT QUÊ NGƯỜI

*Gió lạnh Đông về trên xứ xa
Bâng khuâng lòng chợt nhớ quê nhà
Ly hương đã mấy năm rồi nhỉ
Ta khóc chưa mà lệ đã sa?*

*Ta rót mừng ta ly rượu đỏ
Chào Xuân đất khách, Tết tha hương
Hỡi ơi quê mẹ xa ngàn dặm
Se sắt lòng ta nỗi nhớ thương!*

*Rót ly rượu đỏ đưa năm cũ
Cạn một ly sầu mộng cố nhân
Em vẫn tận cùng trong ký ức
Bừng lên ý thắm dạt dào Xuân.*

*Quán nhỏ vang câu vọng cổ buồn
Chìm khu thương xá một màu sương
Gió băng khắp nẻo chiều cô tịch
Đôi bóng chim trời vọng viễn phương.*

Hoàng Song Liêm

(Virginia, 2007)



NGỠ NGÁC CỠ NGƯỜI

BEWILDERED ABROAD

đời lưu lạc mỗi ngày là một tuổi
dài vô cùng nhưng không đủ xót xa
ta hổ thẹn muốn giấu người tất cả
giấu được người, nhưng đâu giấu được ta

To an exile, each day seems one more year to drain;
Quite long, but not enough comparing with my pain.
And my shame, I want to hide it from everybody;
I can hide it from others, but from myself: in vain.

thư viết cho người mấy lần không gửi
ta đốt để nhìn làn khói trắng bay
từng chữ của ta hóa thân trong lửa
ta cũng cháy vèo sao vẫn chưa hay

The letters many times were written but not sent;
I burnt them to stare at where the white smoke bent.
Each word of mine became in the fire incarnate:
I was burnt too, but not aware of what that meant.

*

*

ta biết người chờ từng giây từng phút
bó gối quê nhà nhẫn nhục chờ trông
ta thẹn làm người tự do viễn xứ
ngó lại đời mình trùng điệp số không

I am aware that you've been waiting each second,
At home, inactive, patiently expecting some beckon.
Feeling ashamed of being a free man abroad,
I look at my life and find a repeated zero to reckon.

đã hẹn với người sao ta chợt khóc
sống phải làm người xứng đáng đương nhiên
tội nghiệp thân ta trót già trước tuổi
ngỡ ngác cỗi người hiu hắt đuốc thiêng

I made you the promise, but why I suddenly cry?
To be a worthy being is to live up to one's good ply.
How pitiful is my condition, aged ahead of age,
Bewildered to watch the sacred torchlight stultify.

xin gửi về người niềm tin chưa chết
cùng giọng thơ và chút nhớ thương
thơ hơi mặn vì hình như có máu
có lá cờ vàng đắp mặt quê hương.

Let me convey to you my undying faith as our base,
Together with nostalgia and my rhymes to embrace:
My verse tastes salted for there appears to be blood
And the yellow flag to cover our motherland's face.

LUÂN HOÁN

Translation by THANH-THANH



Hạnh phúc hôm nay 2

Vừa phải Trường Sa

The image shows a musical score for the song 'Hạnh phúc hôm nay 2'. It consists of ten staves of music in 3/4 time, with lyrics in Vietnamese. The score includes a key signature of one sharp (F#) and a common time signature of 3/4. The lyrics are: Ta vui bây giờ quên những gì sẽ đến với nhau trong tình / giờ xin cho lòng nhân ái với nhau chung 3 ngọt / người là hạnh phúc hôm nay . Cho 3 nhau bây giờ xin không hẹn ngày / bài xây hạnh phúc tương 1. lai . Mơ chi xa vời bơi trên dòng phù / mai vì ngày mai 3 người hỏi cuộc đời nào biết . thương yêu bây / 2. du Một dòng 3 xuôi ngược / mãi rồi cũng với tay không . Tay xin nắm lấy / tay diu đến tương lai . trên bước đường dài . Đời trăm muôn / biển thì tình yêu vẫn mãi đi theo cuộc đời yêu thương quá người / ời . Ta xin yêu người yêu ta vì lẽ sống . Với trăm năm 3 bạc / đầu xin hẹn mãi bên nhau . Ta xin 3 yêu người yêu cho đây cuộc / vui . Chợt hoàng 3 hôn về tối nào biết nhớ hay quên ! Canada 10/2015

Tâm Hào hát: "HẠNH PHÚC HÔM NAY 2"

Nhạc & lời: **Trường Sa**

<https://www.youtube.com/watch?v=6zs7tAjmBvg>



NGƯỜI BẠN

**** Vũ Nam (Germany) ****

Tôi có người bạn thân của năm học đệ tứ trường Sĩ Tài (ST), Bà Rịa (BR). Bây giờ là đã bốn mươi lăm, bốn mươi sáu năm rồi. Cả hai đều đã già. Chắc bạn còn già hơn tôi vì bạn lớn hơn tôi một tuổi và còn đang ở quê nhà, nơi quanh năm đón gió và nắng biển, những ngọn gió nồm, gió bắc mỗi ngày, hằng năm, và những cơn nắng rát da.

Quê bạn ở Long Hải (LH), quê tôi ở Phước Hải (PH). Hai làng cùng nằm trên bờ biển của tỉnh Phước Tuy. Trong chiến tranh làng bạn yên tĩnh hơn làng tôi. Tuy nhiên vì việc học nên cả hai thằng đều phải về thị xã Bà Rịa để trọ học. Năm đệ ngũ bạn học lớp sáng, tôi lớp chiều, nên không gặp. Đến năm đệ tứ bạn xin vô lớp học chiều, và kể từ thời điểm đó chúng tôi dần dà kết bạn và thân nhau.

Nhà bạn ở trọ là cuối con đường Phan Thanh Giản, nơi gần giáp mặt nước của con sông Dinh chảy về hướng làng Bến Xúc. Lúc này tôi ở trong căn nhà do người chị là cô giáo viên tiểu học mượn, sau Đình Phước Lễ. Buổi sáng ngày thường chúng tôi ít gặp vì bài vở, buổi chiều đã gặp nhau trong lớp. Chúng tôi chỉ gặp vào cuối tuần. Gặp rất là thường. Chỉ khi nào một trong hai thằng phải về quê ở PH hoặc LH thăm gia đình cuối tuần thì chúng tôi mới không gặp nhau.

Trong lớp học ngày ấy, tụi tôi chỉ là những học sinh trung bình. Chưa có nhu cầu hay áp lực phải học cho dữ, cho nhất nhì lớp, như sau này khi học ở Sài Gòn, vì sợ rớt phải đi lính nên học rất nhiều. Nhưng rồi chúng tôi cũng đều phải đi lính vì khi đến tuổi 18 cũng là năm của Mùa hè Đỏ Lửa, năm của Tổng Động Viên. Tôi, con trai duy nhứt (có chị em gái) trong gia đình cũng phải đi lính. Những năm trước đó hình như được hoãn.

Nhà bạn ở trọ là một nhà làm ăn rất khá. Căn nhà lớn, đông anh chị em. Chắc hai gia đình của bạn và gia đình bạn ở trọ thân nhau lắm nên mỗi khi đến chơi tôi thấy họ rất thân thiện với bạn, sau này tất cả anh chị em trong nhà cũng thân thiện với tôi luôn. Trong nhà có chị M. Lúc đó thấy chị đẹp và vui lắm khi trò chuyện với chúng tôi, dù là những lời hỏi ngắn ngủi. Hai em trai của chị, khoảng dưới tuổi tụi tôi hai ba năm cũng rất vui

về tiếp chuyện, mỗi khi tôi đến thăm bạn. Vì con nhà khá giả nên chị M ăn bận rất trau chuốt, cộng khuôn mặt và thân hình đẹp, nên chị được xem là người đẹp của đất BR.

Nhưng với bạn, hình như chuyện những người trong gia đình này không quan trọng. Vì nếu không có bà con xa gần, thì việc đóng tiền cơm nước hàng tháng cho nhà bạn ở trọ cũng làm bạn cứ yên tâm chơi và học chứ có chuyện gì phải lo lắng. Chuyện quan trọng với bạn lúc bấy giờ tôi thấy hình như ngoài việc học, bạn quan tâm đến cô nữ sinh tên H, nhà ở cạnh nhà bạn. Dù bạn không nói ra nhưng ở tuổi của năm đệ tứ này tôi cũng biết bạn đã "phải lòng" cô hàng xóm. H học trường trung học công lập CVT, bằng lớp tụi tôi. Hằng ngày đi học H mặc chiếc áo dài trắng, không như nữ sinh ST chúng tôi, đi học mặc áo bà ba trắng quần đen. H có nước da thật trắng, người mảnh khảnh, trong khi bạn tôi nước da ngăm, người có vẻ của người dân miền biển. Qua những lần nói chuyện giữa ba người tôi có nhận xét H chỉ quý mến bạn tôi nhưng chắc chắn là con tim H chưa rung động với tình cảm xa gần mà bạn tôi đã ngấm ngầm trao cho H. Biết chừng đâu con tim H đã rung động với một ai đó trong trường, trong lớp hay trong thị xã BR này rồi, và bạn tôi chỉ là kẻ ngoài rãnh, ngoài rìa. Người học sinh nam hàng xóm chỉ giúp cô chuyện trò giải sầu sau những lúc cô miệt mài với sách vở hay những việc nhà của cô, hay những lúc cô buồn vì chuyện đâu đâu, mà cần có một người để tâm sự.

Bởi vậy nên chuyện tình của bạn với cô nữ sinh hàng xóm không đi đến đâu, dù bạn ở đó đến bốn năm năm học.

Cuối tuần khi đến với bạn, nếu nhằm buổi sáng buổi trưa thì tụi tôi hay ngồi nhà, ra trước sân nói chuyện, hay qua nhà cô H hàng xóm, còn nếu là xế chiều, thường chúng tôi hay tản bộ dọc con đường Phan Thanh Giản để đi lại quán chè Thanh Cảnh, nằm ở góc đường Phan Thanh Giản và con đường đi về cổng trường ST, gần khu phố lâu của bà Giáo Linh để vừa ăn chè vừa nói chuyện. Quán chè nhỏ, chủ quán bắt những tấm ván trên đường mương cho nước chảy ở hai bên đường và đặt trên đó những bàn ghế nhỏ nhỏ theo một hàng dài kéo qua mặt tiền của những nhà hàng xóm. Quán chè có cái sân nhỏ để những nồi chè đậu đen đậu xanh còn bốc hơi. Anh chị chủ quán lúc đó rất vui, rất lịch sự. Tôi cũng không biết anh chị tên gì để kể ra đây. Anh chị trông rất trí thức, dù phải bưng chè ra cho mấy thằng học trò chúng tôi, chắc tuổi chưa bằng em út của anh chị. Quán chè không có cô bưng chè nào đẹp, nhưng chúng tôi

không cần, chỉ cần ăn chè đậu xanh trộn với những hạt đậu phộng rang là chúng tôi đã mãn nguyện rồi. Sau đó lại được uống một ly nước trà cho không.

Nhưng mỗi khi chúng tôi tới ngôi ăn chè chiều chiều như vậy, T, cô học sinh gốc Trung Hoa, bằng tuổi, học dưới tụi tôi hai lớp, cùng buổi chiều của trường ST, có căn nhà cạnh bên quán chè, hay len lén ra vào để nhìn chúng tôi. Chúng tôi đến ăn chè, chớ không phải đến để chọc ghẹo cô, nhưng cô cũng hay ra vào với bộ đồ mặc ở nhà đồng màu trông rất sạch sẽ. Sờ dĩ như vậy là vì cô biết tụi tôi hay đi chơi với Khánh, bạn cùng lớp với cô, và mỗi khi đến đây ăn chè Khánh hay chỉ trở vào nhà cô nên cô rất ngại. T nhỏ người, trắng, cũng thuộc vào những cô gái đẹp của lớp đệ lục buổi chiều thời đó. Nhưng nghe bạn bè kể lại, ba cô khó lắm, và rồi thế nào cô cũng phải có chồng là người Tàu, nên hình như cô cũng không dám kết bạn với một người nam sinh người Việt nào và cũng không ai trao cho cô được một cánh thư tình. Sau này cô lập gia đình với người Tàu, nghe nói bây giờ cũng đang ở bên Cali. Nếu tình cờ đọc được những dòng chữ này chắc T còn nhớ đến nhóm học sinh ST Hiếu Văn Minh Khánh chớ? Những thằng ít học mà hay đi chơi đây.

Tôi nhớ khoảng nguyên năm học đệ tứ bạn chưa khi nào về PH với tôi, nhưng tôi về LH nhà bạn "hơi thường". Có lẽ vì PH tình hình lộn xộn không dám ngủ lại đêm. Đi lên đi về bằng xe đò trong một ngày lụp chụp vội vàng nên tôi cũng không có rủ mà bạn cũng không có ý hỏi đi. Còn về LH của bạn thật là tiện, chiều thứ bảy tan học, tôi báo cho bà chị xong, là tôi có thể leo lên Honda của một bạn học sinh nào đó có quê ở LH là có thể đi ngay. Bạn cũng vậy, nhờ một học sinh nào đó ở LH, trên đường về, không chớ ai là bạn có thể quá giang. Nếu không chúng tôi chớ ba đi cũng được. Lúc này hình như LH cũng có năm ba học sinh đi học lên về hằng ngày bằng xe Honda rồi.

Ba bạn ở LH làm nghề chạy xe lam, má bạn mua bán cá đi SG. Nhà lớn, khang trang, có thể nói là giàu. Trong nhà bạn lớn nhất, có bốn em trai và gái.

Về đến LH tụi tôi cũng lỏng nhõng đi chơi, hết thăm nhà thằng bạn này, đến thăm nhà thằng bạn khác. Đến lúc đói bụng cứ về nhà bạn lấy cơm cá ra ăn. Nhà nhiều khi vắng hoe, ai ai cũng bận đi làm, hoặc đi chơi đâu đó, những cửa ra vào, cửa sổ, lúc nào cũng mở ra sáng trưng.

Trong thời gian đó, tôi nhớ nhất là đến nhà bạn Q, người Bắc, đang học chung với chúng tôi ở BR, lên về hàng ngày bằng chiếc xe Suzuki. Ba Q là lính, ông đổi đến đâu thì mang gia đình theo cho ở trong khu gia binh của lính. Q hiền, vui, nói chuyện ra rả. Cười hở mười cái răng. Trong bữa ăn cơm với Q tôi ngạc nhiên là vì lần đầu tiên được ăn rau muống cây (chớ không phải dây) sống chấm với nước mắm nguyên chất không pha. Cây rau muống sống dài khoảng hơn một tấc, ăn rất giòn. Nghe Q nói hình như ba Q trồng trong khu gia binh. Khi ăn phải cầm rau muống lên tay và cuốn lại rồi chấm vào đĩa nước mắm. May mà có cá kho và canh, nên tôi cuốn thử một hai cuốn rau muống rồi thôi. Ăn cho biết.

Khi ăn cơm trưa xong tụi tôi hay ra những quán ở ven biển trong xóm lao động đánh cá để uống cacao pha với sữa. Bạn tôi nhà giàu có tiền nên ăn uống ba thứ này ăn thua gì nó.

Cuộc đời đã cuốn chúng tôi vào những ngõ quanh. Tôi về Sài Gòn, xa bạn quê. Tôi làm bạn với những thằng ở SG. Nhà giàu nhà nghèo đều có cả. Có những thằng bạn nhà ở mãi tận Xóm Củi, bên kia cầu Nhị Thiên Đường, đi học đạp xe đi và về đến mười cây số. Có những người bạn nhà thật giàu, có tiệm buôn bán ở mặt tiền của những con đường lớn. Bạn tôi vẫn ở lại tỉnh BR và học cho đến khi xong lớp đệ nhị.

Sau đó bạn vào lính, vì cũng là tuổi bị động viên. Rồi đến tôi cũng vào lính, vì cũng bị động viên. Tháng 9, năm 72 tôi cố gắng ngồi lì ở lớp đệ nhứt trường PSN, gần rạp chiếu bóng Long Vân được một tháng rưỡi với hy vọng là con trai một trong gia đình sẽ không phải đi lính, nhưng sau đó nhận giấy từ Nha Động Viên báo phải đi. Khi đó họ chỉ cho hoãn dịch với những người con trai độc nhất, không có chị em gái. Tôi có chị em gái nên phải đi. Tôi đành phải giã từ áo thư sinh để mặc áo lính từ đó.

Mỗi người mỗi ngã, tôi và bạn đứt liên lạc khá lâu. Rồi sau "châu cũng về hiệp phố". Khi tôi đang học ở trường Sinh Ngữ Quân Đội ở SG khoảng đầu năm 1974, chúng tôi lại gặp nhau khoảng một tháng một lần. Vì cứ mỗi tháng một lần, tôi hay về thăm gia đình, nhân dịp này tôi đi tìm thăm bạn luôn. Lúc này bạn là lính Địa Phương Quân (ĐPQ) đang rày đây mai đó trong phạm vi tỉnh BR. Tôi mượn chiếc Honda của anh rể hoặc chị ruột để đi thăm bạn. Chạy đến nơi bạn đóng quân, chờ bạn đi chơi vòng vòng, ăn uống rồi chiều thả bạn xuống lại nơi đóng quân, tôi vọt lẹ về BR để chuẩn bị về lại SG.

Lúc bạn là lính, khi đến thăm, bạn nói có quen một cô thợ may và dẫn tôi lại thăm cô. Nhưng rồi sau đó chắc vì đời lính, nay đóng quân nơi này mai nơi khác, nên bạn và cô bạn gái thợ may cũng không còn liên lạc gì với nhau.

Hồi ấy, lính ĐPQ đến đâu đóng quân thường tìm đến các cô thợ may để nhờ sửa quần áo lính. Sửa tới sửa lui, sửa qua sửa lại, thường sau đó họ thành vợ thành chồng. Nhưng bạn tôi cho đến ngày 30 tháng tư, 75 vẫn còn độc thân và đã trở về quê LH để làm nghề biển.

Rồi những ngày sau đó thỉnh thoảng tôi cũng đến LH thăm bạn. Bây giờ bạn đã trở thành một “chàng Vội” thật sự. Bạn đen đúa, vạm vỡ. Xốc vác những lồng lưới nặng nề lên như không. Tôi chờ bạn lo lưới xuống xong, hai thằng kéo nhau về nhà ăn cơm, rồi ra quán cà phê tán gẫu. Bây giờ không còn uống cacao sữa nữa mà là cà phê đá. Lớn hết rồi. Tôi hỏi về những cô bạn cũ, những người bạn mà bạn có thời “thâm yêu trộm nhớ”. Được biết H đã thành giáo viên tiểu học, đã có gia đình với một anh giáo viên đẹp trai, con nhà giàu. Bạn vẫn qua thăm H và chuyện trò bình thường, mỗi khi bạn có dịp lên BR thăm lại nhà trọ của bạn ngày trước. Cô bạn người thợ may vùng đất đỏ mà bạn quen thời làm lính ĐPQ cũng đã có chồng. Tôi hỏi bạn sao chưa lập gia đình, bạn nói có để ý một cô gái, ngay tại LH này, nhưng cô chưa chịu. Rồi bạn kể đôi chút cho tôi nghe về gia cảnh của cô.

Tôi tự hỏi nhà cô gái bạn thương không được như nhà bạn, cô ta cũng chỉ làm biển sao lại chưa chịu. Hay là vì cô ta có nhan sắc. Nhờ bạn chỉ, tôi thấy đúng cô ta có hơi đẹp hơn bạn tôi. Ở biển, làm biển mà sao cô có nước da trắng quá. Lại khuôn mặt khá đẹp, cộng chiếc mũi cao. Cha, tôi cũng thấy khó cho bạn. Nhiều khi cô chờ một người con trai đẹp. Tôi khuyên bạn cố gắng và chúc thành công.

Lúc bạn lập gia đình, đám cưới, tôi lại bạn học ở SG. Sau 30 tháng 75, chưa ra trường làm lính thật, lại nhà không có cha, anh em làm lính, nên tôi xin và được chính quyền mới (phòng Giáo Dục) cho học lại. Thời gian sau ngày tan hàng, bạn về LH làm biển, tôi ở trọ trong nhà bà chị ở BR cũng không khá gì. Sau khi học cải tạo tại chỗ 3 tuần ở BR, tôi đã tự động đi tìm việc làm. Không cơ quan nào nhận, vì là lính, về quê PH làm biển, buôn bán không được vì bị làm khó dễ, tôi quay lại BR để làm công

nhân cho bác Sáu chuyên môn thầu đóng la-phông, vách, xây dựng hội trường, nhà ở cho tân binh bộ đội trong quân trường Vạn Kiếp. Thấy tướng tôi thư sinh bác phân công chỉ đóng “la-phông”, việc xây cất, trộn và khiêng hồ bác giao cho những người lao động thứ thiệt, lâu nay đã làm với bác. Các cô gái ở Long Toàn, Long Điền thật là giỏi. Mùa cấy gặt, họ cấy gặt. Hết, họ bắt tay vào nghề trộn hồ khiêng hồ với bác Sáu. Hằng ngày, vì là gái, mà gái thì dù giàu dù nghèo bao giờ không muốn mình đẹp, làm ngoài trời các cô sợ nắng làm xấu đi nên bịt mặt bịt tay, nhưng rồi cũng đâu thể che kín được ánh mặt trời hoài hoài, nên da mặt da tay từ từ cũng bị nắng ăn và đen ra. Kể cũng buồn cho các cô! Các cô rất vui vẻ khi làm việc. Siêng năng cần cù. Lại gặp các anh làm công, thợ hồ chọc ghẹo. Nam nữ chọc qua chọc lại rất vui. Tôi cũng hòa vui với các anh, các cô, nhưng thỉnh thoảng vẫn có sự nghĩ ngợi trong đầu: Chẳng lẽ mình cứ làm như vậy hoài? Chắc rồi cũng phải tìm cách đi học nghề hay học gì đó, hoặc đi học lại. Họ biết ý định của tôi, nên sau này khi nói lời từ giã với bác Sáu và với các bạn làm công, tôi thấy họ có thoáng chút buồn. Từ đó đến nay tôi cũng không có dịp gặp lại các cô bạn này. Vài ba tháng làm chung trong một nhà thầu, thời gian qua mau, như những vết bụi phủ trên cuộc đời phù du này. Chóng nằm, chóng bay.

Khi tôi đi thăm lại bạn ở làng LH, bạn đã có một con. Cô gái cùng làng bạn thương nay đã trở thành bà xã của bạn. Bạn đang góp lưới đi bạn cho người ta.

Nhà bạn ở ngay trước biển và là một mái nhà lá nhỏ! Con trai lớn trong một nhà giàu có ở LH mà lại ở trong mái nhà nhỏ, vách lá? Đêm nằm trong nhà bạn để ngủ, tiếng gió, sóng biển lại vỗ về tôi trở lại thời thơ ấu, thời ở ấp Nước Ngọt. Gió biển rì rào. Nhà vách lá, gió đi vào đi ra dễ dàng. Nền nhà là cát biển nên đứa con nhỏ của bạn phải lăn trên cát để chơi đùa đầy những con bọ chét.

Gần sáng, bạn thức dậy đi biển. Tôi tiếp tục ngủ. Sáng ra vợ bạn kể, bạn không nghe lời ông bà già về chuyện gì đó, nên ông bà già không phụ, không giúp, chỉ có mấy đứa em gái thương bạn, lén lút cho chị dâu cho cháu tiền. Bạn cũng lì! Không thềm ngửa tay xin ông bà già. Tự làm biển nuôi vợ con. Từ đó tôi cũng không có dịp trở lại ngôi nhà của cha mẹ bạn.

Vợ bạn kể, vợ bạn chấp nhận lấy bạn là qua một cánh thư của bạn viết, chớ không phải thấy gia đình bạn giàu rồi muốn về làm dâu, vì khi ấy cô dù nghèo nhưng đẹp và cũng có người theo đuổi.

Ngồi nghe vợ bạn kể chuyện tôi thấy buồn cho cuộc đời của cô. Xuất thân từ trong một gia đình chài lưới nghèo, cùng cha mẹ khổ cực với biển cả từ nhỏ đến lớn. Nay, nhận lời kết hôn với bạn tôi, hy vọng về ở trong gia đình chồng, sung túc, khá giả, nhưng mọi mong ước đã tiêu tan, khi chồng và cha mẹ chồng không còn thuận thảo. Giờ lại phải ở trong mái nhà lá như thế này.

Rồi tôi theo việc dạy học lương ba cọc ba đồng ở trường cấp 2 Hòa Long. Bạn vẫn ở LH làm biển và đưa con thứ hai, thứ ba tiếp tục lần lượt ra đời. Tôi thỉnh thoảng cuối tuần cũng về LH thăm bạn, nhưng thường không ngủ lại nữa, chỉ lựa lúc xuồng gần vô buổi xế trưa, xuồng thăm là lúc bạn đã xong công việc, đang rảnh. Hai thằng lại đi vòng vòng tìm quán cà phê mà ngồi tâm sự. Giờ thì bạn bận quá, vừa lưới chài, vừa vợ con, nên ở chơi với bạn khi trời chiều là tôi trở về BR lại.

Năm 79, 80 người vượt biên ở các vùng biển ở tỉnh BR-VT thật là nhiều, thỉnh thoảng gặp bạn tôi cũng hỏi ý, bạn nói bạn không đi, lý do là vì chỉ có chiếc xuồng và vài tấm lưới làm biển nuôi vợ con, đi được không nói gì, nếu bị bắt thì sao? Nhưng bạn hứa nếu biết ở đâu có chuyến đi mà bạn giúp tôi được bạn sẽ giúp tôi toại nguyện. Từ nhỏ đến lớn là dân biển nhưng tôi chưa bao giờ đi biển một lần. Để chuẩn bị đi, tôi cũng phải tập đi biển. Lúc này bạn đã có một chiếc xuồng nhỏ, chuyên đi đánh lưới cá trích. Hai ba giờ sáng đi, xế trưa vô. Cuối tuần, không có đi dạy tôi về tập đi biển với bạn. Vì bạn là chủ xuồng nên khi xuồng vừa rời khỏi bờ để chạy ra khơi là tôi nằm phơi mình trên các tấm lưới để ngủ tiếp, mặc bạn một mình ngồi thức, coi lái.

Khi trời sáng là xuồng đã xa bờ lắm rồi, nhìn vào đất liền chỉ còn thấy những dãy núi màu đen. Tôi ngồi nhìn cách bạn và các bạn đi biển thả lưới, kéo lưới. Thả lưới xong, xuồng tắt máy thả trôi, bình bồng trên mặt nước. Xuồng đánh cá trích nên không xa bờ lắm. Tôi thầm nghĩ nay mai đây nằm trên chiếc xuồng như thế này để rời bỏ những bến bờ trong kia, bỏ người thân, bỏ Việt Nam, để đi ra, đi mãi đến một đất trời xa lạ, lòng tôi thấy vui, nhưng cùng lúc cũng thấy hoang mang. Sóng biển, bão biển, lòng đại dương sâu hun hút đầy những cam go, cũng không phải dễ dàng

để vượt qua. Nhưng thôi chùng nào đi sẽ hay. Rồi xuống kéo lưới, tằm có dính cá, tằm không, kẻ cười người không với lồng lưới của mình. Sau vài lần tập đi biển với bạn, rồi gặp dịp đi nên tôi xa bạn luôn, xa rời đất nước, bạn bè làng xóm, học trò thầy cô. Ngày tôi đi, vợ chồng bạn và đứa con vẫn còn ở trong căn nhà lá, trước biển.

So ra, bạn có đời sống đạo đức hơn tôi nhiều. Bây giờ nghe nói bạn chỉ ăn chay và dù không cạo đầu mặc áo cà sa nhưng hằng ngày chỉ ở trong chùa, làm việc thiện, thỉnh thoảng mới về nhà, sau khi đã lo xong cho các con, mỗi đứa có một mái gia đình đàng hoàng.



Vũ Nam (Germany)



MƠ XUÂN

*Ngẩn ngơ thiên lý một mình
Hành trang còn mối tơ tình
vấn vương
Trong tịch mịch những đêm trường
Ước mơ xuân đến
viễn phương mịt mờ
Nguyệt cảm lạnh những phím tơ
Bơ vơ lạc lối bên bờ sơn khê
Người đi sao chẳng thấy về
Mây hồng lãng đãng
bốn bề tịnh không
Chập chùng hư ảo mênh mông*

*Thoảng nghe như tiếng
gió đông thổi dài
Sương rơi hay lệ u hoài
Theo dòng nước chảy
trải dài chân mây
Hài xuân nhẹ bước đến đây
Ngàn hoa tươi thắm
hây hây nắng đào
Hương xuân quyện gió dạt dào
Từng đàn chim én
lao xao phiêu bồng.*

Quỳnh Anh

LE PRINTEMPS TARDIF DE THUY TIEN

(D'après le poème *Thùy Tiên Xuân Muộn* de Nguyễn Lân)

*Encore un printemps
Qui bouleverse mon âme
Il pleut toujours dehors
Et je pense toujours à toi*

*Juste un printemps
Où fleurissent tant de cerisiers
Offrant au pollen doré
Le secret caché de mon coeur.*

*Sous ces lampes féériques
Inonde ton parfum céleste
Enveloppant fumée et encens
Buvant mes larmes tranquilles.*

*Le soir se pose sur la véranda
Surpris de mon amour lassé
Guettant ton retour inopiné.
Où es-tu, mon narcissé
bien-aimée?*

*Quand la nuit descend solitaire
Et m'entraîne dans ce tourbillon
De nos retrouvailles si lointains
Tu m'es revenue enfin,
mon amour!*

*Sous tes pétales légères
Tu flottes et embellis mes rêves
Laisse-moi te suivre
Jusqu'au royaume de ton miel.*

*Que de parfum m'ennivre
Dans les nuages de ta chevelure
Couchant ces lèvres dorées
Qui me sourient à chaque instant.*

*Près des perles étincelantes
Ma brume s'apaise et disparaît
Dans ton charme envoûté
Sauvant mon amour désespéré.*

*Dans la fumée magique d'encens
Ma voix récitant tant de poèmes
Qui se marient avec ta beauté
Dans mon coeur toujours soif de toi.*

*Comme il fait froid ce printemps
Et cette pluie n'en finit plus
Mais, tu es là, près de moi
Et réchauffes mon bonheur à jamais.*



Diễm Hoa

Một cảnh mai trắng nở, run bên bờ tử sinh ...

**** Tống Mai ****

NGUỒN: <http://www.nhinguynhue.com/category/tong-mai/>

Trong phòng thờ Phật của nhà tôi có một bức tranh bạn tôi in ra từ bức Tuệ Mai của Khánh Trường để tặng. Bức tranh đơn sơ, tĩnh lặng nhưng ngút ngàn ý nghĩa: trên vách núi cheo leo, một cảnh mai trắng, duy chỉ một cành vươn ra run trong gió và sương mờ...

Với tôi, món quà đơn sơ nhưng mãnh lực quý giá sâu xa mà mỗi ngày đi qua nhìn thì nghe thấy một sự cảm kích và an bình khẽ khàng bước nhẹ trong lòng mình.

Những bức tranh thiền của Khánh Trường chở những mẫu kinh Phật nhỏ nhỏ làm ta nán lại nhiều lần nhưng bức Tuệ Mai in dấu trong tôi đậm nhất.

Tuệ Mai

Oil on canvas – Tranh: Khánh Trường



Một cảnh mai trắng nở
Run bên bờ tử sinh
Một cảnh mai trắng nở
Cháy đỏ nghìn tạn kinh

(Trong Đoàn Thi Khánh Trường, Sống Mới, California. 1987)

42 năm trước, một lần hành quân vùng Khe Sanh. Sáng tinh mơ, khi leo lên một ngọn đồi giữa trùng điệp núi rừng phủ mờ sương đục, người lính nhảy dù trẻ chột sưng người, trước mắt, vươn ra từ vách đá cheo leo, một cảnh mai – duy nhất một cảnh – với những chùm bông hoa nuột nà, trắng muốt run trong gió. Một cảnh mai giữa chốn này đã lạ. Lại là mai trắng, càng lạ hơn. Trung bình trên dưới 60kg gồm 450 viên đạn M16 cùng súng, một ống phóng M72, 6 trái lựu đạn MK3, 2 trái sáng, 2 trái lân tinh, 2 trái khói màu, một quả mìn claymore, tất cả được đeo dắt quanh người; và cái ba lô trên vai với quần áo, mũ, mền, võng, xà phòng, kem đánh răng, nồi niêu, 3 ngày lương tươi, một suất lương khô cùng muối mắm hành tiêu ớt bột ngọt (đã được sấy khô), linh kinh... Nói tóm, đó là hành trang một tên lính tác chiến buộc phải trang bị khi ra chiến trường đánh đấm... giết người (hoặc bị người giết) bồng hình như nhẹ hẫng, và mọi mệt nhọc cũng dần rút đi. Tên lính trẻ thấy tâm hồn lâng lâng. Cảnh mai trắng như thần dược phục hồi sinh lực.

Ngót nửa thế kỷ trôi qua, người lính trẻ xưa kia đã già, tóc xanh giờ còi cọc. Một kiếp người sắp chung cuộc, nhưng lạ quá, ấn tượng cảnh mai trắng giữa núi rừng lạnh lẽo năm xưa vẫn hiện về mỗi lần bước vào một chánh điện ngan ngát khói hương hay giáo đường với hình tượng Chúa trên thập giá, hoặc vắng nghe đâu đó tiếng chuông mõ, tiếng tụng niệm, kinh cầu âm vang, khuất chìm.

Bát Nhã Tâm Kinh

Oil on canvas – Tranh: Khánh Trường



Ngoài cây Bồ đề, Vô ưu cũng là loại cây rất được tôn quý trong Phật giáo. Cây Vô ưu nở hoa quanh năm, đặt biệt từ tháng 2 đến tháng 5, cũng là mùa Phật đản, màu hoa rất rực rỡ. Hoa Vô ưu màu cam đỏ, hương thơm dịu, nở thành từng chùm. Theo kinh điển, hoàng hậu Mahamaya khi mang thai, năm 564 TCN, đã rời hoàng cung về quê sinh nở như tập tục của quê hương bà thời bấy giờ. Trong lúc ghé vườn Lâm Tỳ Ni bà đã hạ sinh thái tử Tất Đạt Đa, tay vịn cành Vô ưu. Khi trưởng thành, nhìn thấy con người mãi trầm luân trong vòng sinh lão bệnh tử, ngài muốn tìm đường giải thoát cho tất cả, nên quyết định lìa xa vợ con, cung vàng điện ngọc, ra đi tầm chân lý. Trải qua bảy năm với nhiều biến cố, có khi rất nghiệt ngã, cuối cùng ngài chứng ngộ, dưới cội Bồ đề.

Bát nhã ba la mật đa tâm kinh, thường gọi tắt Bát Nhã tâm kinh là kinh ngắn nhất, gồm 260 chữ, của Phật giáo Đại thừa và Thiên tông được hầu hết Phật tử các quốc gia như Việt Nam, Trung Hoa, Triều Tiên, Tây Tạng, Nhật ... đọc, tụng hàng ngày. Kinh này ra đời khoảng 100 năm TCN. Bản phổ biến nhất tại Việt Nam là của sư Trần Huyền Trang (Tam Tạng) dịch ra tiếng Trung Hoa từ Phạn ngữ sau khi đi thỉnh kinh về vào năm 649.

Tuy ngắn nhưng Bát nhã tâm kinh lại rất thâm diệu, uyên áo, thấu tóm toàn bộ triết luận Phật giáo. Người ta thường ví bài kinh này như con thuyền – thuyền Bát nhã – đưa người vượt biển khổ đến bờ Giác ngộ. Bát nhã tâm kinh hiển thị qua ngôn ngữ màu sắc bằng tư duy hội họa.

Nhất Chi Mai

Oil on canvas – Tranh: Khánh Trường



Cáo Tật Thị Chúng - Thiền sư Mãn Giác

告疾示眾
春去百花落
春到百花開
事逐眼前過
老從頭上來
莫謂春殘花落盡
庭前昨夜一枝梅

Xuân khứ bách hoa lạc
Xuân đáo bách hoa khai

Sự trục nhân tiền quá
Lão tòng đầu thượng lai
Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai

*Xuân đi trăm hoa rụng
Xuân đến trăm hoa cười
Trước mắt việc đi mãi
Trên đầu già đến rồi
Đừng bảo xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua sân trước một cành mai.*



MÂY CÁI XUÂN TRÒN

Cái Xuân nó thật rộn ràng
Bao nhiêu ong bướm chập chờn đợi hoa
Nỗi buồn gặm nhấm hồn ta
Những mùa Xuân thấm đã qua mất rồi
Lên bảy lên tám tuyệt vời
Đồng tiền mừng tuổi gọi mời tuổi thơ
Tưởng rằng đời thật như mơ
Lớn lên mới hiểu đời ngơ ngẩn tình
Hai mươi tuổi vào chiến chinh
Giao Thừa ôm súng nằm nghênh quân thù
Đạn bom thay pháo mịt mù
Ba lô áo trận hoang vu núi rừng
Ngờ đâu gãy súng nửa chừng
Gông cùm cải tạo đâu Xuân mà chờ
Phương Bắc đầy ải ngục tù
Hoa bang hoa đại ngẩn ngơ đứng nhìn
May nhờ Thượng Đế minh minh
Tám mươi tuổi thọ Xuân xanh vẫn tròn
Quê người nhớ nước nhớ non
Mong mùa Xuân mới chẳng còn tha hương.



Texas Tết Kỷ Hợi 2019
Đặng Nguyễn



MÙA XUÂN BẮT NGỜ

** Diễm Châu (Cát Đơn Sa) **

Thiên vặn vẹo người, miệng ngáp dài một cái, há gần toác đến mang tai. Nhìn đồng hồ trên tường, thấy đã hơn 3 giờ sáng làm hấn giật mình! Phải thu xếp đi ngủ, nếu không ngày mai đến sờ lại “tụng kinh”, gục lên gục xuống! Tính ra, nếu không làm thì hấn đã ngồi dán mắt trước máy computer hơn 8 tiếng đồng hồ.

Từ ngày có máy điện tử đến giờ, Thiên bỗng nhiên bị màn ảnh lôi cuốn. Cũng như bao người khác, đi vắng thì thôi, nhưng hễ về đến nhà là lao đầu vào máy! Điều này làm cho trong nhà bực mình không ít! Bởi vì muốn nhờ hấn việc gì thì rất khó!

Khi mới biết xử dụng máy cũng hơi chán, vì Thiên chưa biết gì nhiều. Nhưng càng ngày thì hấn càng thông thạo hơn, biết cách xử dụng, nhất là khi Thiên tìm tòi ra những Web của Việt Nam, tham gia trao đổi như một thành viên, là coi như ít còn giờ rảnh. Lúc nào cũng thấy Thiên ngồi lì trước máy!

Có bao nhiêu là diễn đàn của người Việt trên Net. Thiên hạ hàng ngày nhào vô tham gia khá nhiều... người thì đăng thơ, truyện, kể thì viết lên tâm tình của mình... những lá thư bày tỏ đó, đôi khi viết bằng tiếng Anh, đa số thì bằng tiếng Việt. Nội dung của những lời tâm tình này đủ mọi đề tài.

Nhờ có computer thông tin nhanh và đông người biết, nên có người đem chuyện chính trị, tôn giáo lên đó, để khiêu khích dư luận tranh cãi. Những cô cậu mằm non mới nhú thì khoe khoang chuyện tình cảm của mình với một em (hay anh) nào đó. Thứ gì cũng có trên màn ảnh “computer” trong thời đại này!

Mục đích chính của những câu chuyện trên Net là để cho vui, sau đó cũng có chút tên tuổi, lấy le với thiên hạ, nhất là với những người quen!

Đề tài thì đủ hết, bài viết hay hình ảnh... có người thâu hình vợ con hay gia đình bạn bè ăn nhậu trong những dịp lễ lạc bỏ lên cho mọi người xem, kể thì hát inh ỏi với giọng ca thuộc loại “tiếng hát át tiếng la”, làm phiền hàng xóm không ít... nhưng họ cho là hay! Cũng có người mang chuyện tư thù cá nhân (hay tập thể) viết lên đó để mà giải quyết! Tung chường tố nhau long trời lở đất!

Mục nhiều người coi nhất là “Tìm bạn bốn phương” và hình xéch xy của các cô gái. Không biết ở đâu ra mà nhiều hình ảnh thế! Mấy ông bà cô cậu, già trẻ lớn bé (bé nhiều hơn già) kiếm bạn trên Net tham dự đông đảo. Mục này những ai không chơi cũng thỉnh thoảng bấm con chuột vô nhìn một phát rồi lại ra! Còn coi hình sex hay xéch xy thì có mấy ông thuộc loại máu “dê” khoái! Đàn bà ít ai thích tiêu đề này! Cũng có người sợ nếu mở mấy trang Web này ra coi, “tụi nó” lợi dụng thời cơ, hay thả mấy con “vi trùng” vô máy của mình, phá hỏng hệ thống máy thì khổ!

Thiên là người trung thành với những Web có mục tìm bạn tri kỷ & hình “sex” nhất. Phải nói rằng trong những tấm hình giới thiệu các cô, hẳn thấy cô nào cũng xinh như mộng! Còn coi những tấm hình khỏa thân, có nhiều giai nhân tài tử ca sĩ nổi tiếng hiện nay, họ cũng khoe gần như không có mảnh vải nào trên người!

Những người ơ thờ với trò “tìm bạn bốn phương”, khi coi hình, thì bĩu môi không tin, cho rằng xạo! Nhưng các chàng trai như Thiên thì chỉ biết khen và cảm cúi chọn lựa! Không có những thắc mắc như có phải là những tấm hình đó đẹp là do thợ sửa hình tót lại? hay chẳng lẽ ở Việt Nam bây giờ cô nào cũng đẹp như tiên?!

Từ chỗ liên lạc qua Email làm quen, sau đó dần dà nôm nóng tiến lên, đi xa hơn nữa... nghĩa là đa số khách thăm trang nhà chỉ thích tìm, và liên lạc thẳng với những người đẹp có đăng kèm theo địa chỉ Email riêng của họ, không phải đi qua môi giới của chủ nhân trang Web.

Cũng nhờ sự lan lợi và kinh nghiệm trong trò chơi tìm bạn bốn phương, mà Thiên đã quen được vài em coi hình rất sáng sủa, tuổi khoảng đôi mươi. Chít chát liên tu bất tận để tìm qua, sàng lại, rồi chọn ra một em thật là trúng ý của mình làm tri kỷ!

Thiên chỉ hơi hoang mang và sợ là không biết những người nói chuyện với lời lẽ yêu thương, lãng mạn trên máy, có phải là nhân vật nữ thật? Hay là mấy thằng cha già cả bệnh hoạn giả gái? Bởi vì thời buổi này, người ta hay chơi trò lập lờ đánh lận con đen! Làm sao tin được!

Cuối cùng thì Thiên cũng chọn một nàng, và nhất quyết cho rơi tất cả các em khác, chỉ liên lạc duy nhất một nàng này thôi.

Nàng của Thiên tên Dung. Thu Dung hai mươi bảy tuổi. Nhan sắc của Thu Dung như một nữ tài tử Đại Hàn mà Thiên trước đó thường coi phim bộ, chấm cô ta đẹp nhất. Vì nàng Thu Dung này có hình thể hao hao, nên Thiên chịu ngay. Thu Dung thì không thể là Dững được, chắc chắn phải là con gái rồi.

Thiên cũng chưa hề nghĩ Thu Dung là trai giả gái bao giờ, vì Thiên đã liên lạc Email với Dung rồi. Lời lẽ trong đối thoại rất mềm mại, nữ tính.

Vài tháng sau đó, theo thời gian, khoa học tân tiến hơn, người ta ở những nơi xa xôi vắng vẻ, vẫn có thể nói chuyện với nhau trên Net không tốn tiền, y như nói bằng phon, lại còn có thể nhìn thấy được mặt của nhau, nếu cả hai bên cùng có “Webcam”.

Đây là một dịch vụ mới của máy điện toán, giới trẻ rất hoan nghênh và ưa thích... khiến cho Thiên lại phải tốn kém thêm là đi mua “webcam” về gắn, để hy vọng thấy được mặt thật của người tình xa.

Thiên loay hoay mãi sau cùng cũng gắn máy xong. Chỉ cần bên kia cũng có máy thu hình, thì hai bên có thể nhìn mặt nhau nói chuyện. Phải liên lạc bằng cách này hẳn mới biết chắc được người đang tâm tình với mình chắc chắn không phải đực rựa, nhan sắc có xinh đẹp, già hay trẻ?

Thế là Thiên hí hửng email cho Thu Dung biết chuyện này, và rủ nàng tham gia vào dịch vụ “webcam” càng sớm càng tốt.

Từ ngày gắn máy thu hình, thì Thu Dung có vẻ bận rộn hơn, nàng không lên mạng thường xuyên như trước, và cho Thiên biết là vừa nhận làm thêm một “job” mới vào buổi tối. Nàng chỉ có thể “chát” với Thiên 15 phút hay lâu lắm là nửa tiếng lúc 10 giờ đêm, rồi còn phải đi ngủ để hôm sau đi làm!

Cho đến khi Thiên đòi hỏi sát nút về vụ gắn máy thu hình, nàng mới trả lời là không thích nói chuyện trước máy thu hình! Nó làm cho nàng cảm thấy ngượng ngùng làm sao ấy!

Thu Dung giải thích với Thiên rằng nàng chẳng sợ gì cái máy cả. Nhưng không thích là không thích. Nếu như Thiên không tin nàng, thì đừng có liên lạc nữa.

Thiên thấy Thu Dung có vẻ giận và cương quyết trong vấn đề này, nên nghĩ rằng nàng có lý! Hẳn bèn đề nghị nếu không thích máy thu hình, thì nói chuyện không có máy thu. Việc này Thu Dung đồng ý.

Nói chuyện bằng máy điện toán, công nhận giọng của Thu Dung cũng hấp dẫn lắm, rất nũng nịu và nồng nàn. Thu Dung biết cách làm cho Thiên thích nghe đến không rời. Có khi hai người nói chuyện đến ba bốn tiếng đồng hồ! Có khi suốt đêm không ngủ! Thật là một sự tai hại vô lường.

Dù biết là như vậy, nhưng Thiên không thể bỏ được thói quen nói chuyện bằng máy điện toán với người tình, điều này cũng như người ta nghiện hút thuốc, biết là có hại nhưng vẫn không bỏ nổi.

Chiếc máy điện toán có một mãnh lực ghê hồn, nó từ từ chiếm lấy tất cả mọi sinh hoạt bình thường của Thiên. Hàng ngày, trừ những giờ phải đi làm, về nhà là vừa cởi đôi giày đã xà vào máy! Vừa mới ngủ dậy chưa kịp đánh răng, là Thiên đã bật máy, rồi hấn ngồi đó từ sáng đến tối nếu là ngày cuối tuần, cũng chẳng buồn ăn cơm vì không thấy đói! không làm bất cứ việc gì trong nhà khi ở sở về, chỉ ngồi trước máy chăm chú mắt vào đó.

Mối tình của Thiên và Thu Dung ngày càng thắm thiết như keo sơn. Dù sao thì hấn cũng không đến nỗi mê chít chát quá mà dám bỏ sở. Bởi vì hấn còn biết hấn rất cần tiền!

Lúc này, Thiên còn bày đặt “copy” lại những bài thơ tình nổi tiếng để gửi cho Dung đọc. Đáp lại, Dung lựa ra những bản nhạc tình ca gửi cho Thiên nghe. Thật là lạ, Dung thích nhạc bình dân, những bài ca của Chế Linh hay Thanh Tuyền được Dung lựa để gửi nhiều hơn các bài khác.

Lần lần, Thiên biết được Dung đang ở vùng Cao Bồi Téch Xít, là một thành phố gần Houston, cách nhau khoảng nửa tiếng lái xe. Thu Dung ở Mỹ cùng cha mẹ đã được 27 năm, đó cũng là số tuổi của nàng.

Thiên tính nhảm... như vậy tức là Dung hơn Thiên 2 tuổi. Người xưa có câu: "Gái hơn hai, trai hơn một!" Điều này coi như tốt thôi, hai người rất xứng đôi vừa lứa. Sự suy nghĩ này khiến cho Thiên cảm thấy sung sướng cả ngày!

Dĩ nhiên Thiên cũng đã thành thật cho Dung biết rất nhiều điều về hấn. Thiên gửi tặng cho Thu Dung vài tấm hình. Đứng ra thì Thu Dung cũng đã thấy mặt của Thiên lâu rồi, vì nàng coi trên máy mỗi khi chát với nhau, Thiên hay mở “Webcam” cho nàng thấy mặt mình.

Rồi Thiên cũng nhận được 1 tấm hình của Dung qua đường bưu điện. Dung nhan của nàng sáng sủa, dễ thương y như giọng nói của nàng, mà Thiên đã tưởng tượng ra lúc trước. Sau ngày coi hình Thu Dung, Thiên cảm thấy càng yêu mến và lậm nàng hơn.

"Khi yêu thì yêu cả đường đi lối về"... Thiên cảm thấy mình bớt ghét miền đất Texas nóng bức, nơi mà trước đây hể ai bàn chuyện về đó sống, kiếm việc làm lương cao, đời sống vật giá rẻ, mua nhà rẻ... thì Thiên gạt đi ngay!

Vài tháng trời lại trôi qua, mối quan hệ tình cảm giữa Thiên và Thu Dung cũng như các mối tình nam nữ khác là ngày càng thêm gắn bó. Mới đó mà mùa Xuân lại sắp về. Xuân về thì Tết đến.

Ở Seattle trời hay mưa, ai lên đây chơi cũng nhớ mang theo cây dù! cho nên Tết năm nay Thiên đã có kế hoạch riêng cho mùa Xuân mới của mình, không che dù ăn tết nữa. Nhất định phải thực hiện cái chương trình mà hần đã vạch ra, phải nói là luôn luôn nghĩ đến trong đầu, từ ngày mới manh nha yêu nàng Thu Dung.

Đón Tết ở hải ngoại ngày nay thì không còn thiếu món gì như lúc trước nữa. Thức ăn lại bảo đảm tinh khiết và thơm ngon, đúng chất lượng hơn ở quê nhà là cái chắc. Dĩ nhiên chỉ thiếu, hay nói đúng hơn khác nhau vì đây không phải là mảnh đất quê hương!

Nhưng cũng có một số người trẻ lý luận rằng đây chính là quê hương của chúng nó. Ngày xưa từ Bắc ông bà chạy vào Nam, thì cha mẹ coi miền Nam là “quê hương” của mình. Bây giờ cha mẹ chạy qua Mỹ qua Pháp, thì Mỹ hay Pháp là quê hương của tụi con!

Bao nhiêu là lý luận xoay quanh vấn đề ... Chúng ta Mang Theo Quê Hương, quê hương là chùm khế ngọt, là con điều biếc!!! Mỹ bây giờ cũng trồng được cả Mít nói chi đến khế, cóc, chôm chôm... Ở Cali, những nhà vườn họ có đủ thứ cây trái.

Đến tiểu bang Florida cũng là nơi có nhiều trái cây miền nhiệt đới mà dân Việt thích ăn, trái cóc ở Florida rất nhiều, to như trái cóc bên Việt Nam, trái lại ở Cali thì cóc lại nhỏ bằng trái chanh nhỏ, không có hạt. Từ già Florida thì bỏ lại hay ăn cho hết trái cây nhiệt đới của Florida, bởi vì nghiệt cái là họ không cho chở trái cây đó ra khỏi tiểu bang, chẳng hiểu vì sao!

Qua biên giới vào Mễ cũng tha hồ mà ăn trái cây, nhưng phải biết chỗ. Người Việt bây giờ canh tác vườn tược bên Mễ không ít. Cho nên cóc kiểc, hay bon bon chôm tróc, xoài, măng cầu v.v. không còn là miếng ăn khó kiếm ở hải ngoại nữa! Nhưng đến biên giới vào đất Mỹ thì phải vất bỏ tất cả. Luật lệ ở Mỹ khó hiểu vậy đó!

Đã bao nhiêu cái Tết đến và đi trên xứ người? Thiên không biết sẽ mua gì để làm quà bất ngờ cho Thu Dung. Bên Texas, người Việt Nam cũng đông như ở Cali, nên những thứ trái cây hiếm quý như đã nói ở trên đều có bán.

Người ta ăn mừng Tết Âm Lịch với cả trăm thứ hàng hóa bày bán liên quan đến Tết. Ngay chính ở Seattle ít người Việt hơn mà cũng không ngoại lệ, hướng chỉ là Houston Texas. Thôi thì cứ mua hoa là hay nhất, đàn bà thường thích hoa.

Thời gian này, hàng ngày Thiên vẫn mở máy Computer để lùng kiếm vé máy bay và hotel giá rẻ, bắt giờ bay về Texas thăm người tình Chit Chat của mình.

Theo đúng kế hoạch đã vạch ra, là Thiên sẽ bay về ăn Tết ở xứ Cao Bồi, cho người tình "computer" của hắn phải giật mình... khi bất ngờ nghe chuông cửa reo, và mở cửa thấy hắn lù lù ở đó trong ngày đầu năm, dĩ nhiên với bó hoa hồng thật đẹp trên tay. Ôi, còn thơ mộng và lãng mạn nào cho bằng!

Dĩ nhiên là để chuẩn bị cho chuyến đi tốn kém này, mấy tháng qua Thiên đã chịu khó làm thêm "job" buổi tối: thu tiền cho tiệm "fast-food" trong "mall". Sự chi tiêu tính sơ sơ như đưa nàng đi ăn, đi chơi, vé máy bay, khách sạn... cũng tốn hết cả mớ tiền làm thêm của hắn!

Tưởng tượng lúc được ôm chặt Thu Dung trong vòng tay nồng nhiệt của mình, người Thiên đã nổi gai góc lên! Sau đó, hắn sẽ cùng nàng đi nhau trên phố, công viên, bãi biển...

Khi đã thân nhau, hắn dự tính trong đầu là cố nài cho được nàng về khách sạn năm sao của hắn mượn, không phải vì tính thích chơi sang, mà là để giựt le với người đẹp... Sau đó, khi cánh cửa phòng khép lại sau lưng, hắn sẽ dìu nàng đến bên cửa sổ nhìn cảnh thành phố bên dưới, tay hắn sẽ quàng qua vai nàng, và hắn sẽ nâng cằm nàng lên, nhìn vào trong đáy mắt, hôn lên bờ môi mộng... mới nghĩ như vậy thôi, mà hắn đã thấy thân thể nóng bừng bừng.

Chưa hết, chiếc điện thoại tối tân có máy thu video trong đó, hắn đã kín đáo bật lên để vào một chỗ có thể quay phim được cái giường êm ái, nơi mà hắn cùng người đẹp sẽ ngã xuống, trên người không còn mảnh vải... ý nghĩ này có lúc mới gần đây, khi người ta xôn xao về vụ Vàng Anh, hắn cũng được coi đoạn phim mà thấy tâm can cháy hừng hực! Dù vậy, hắn không có cảm tình khi tên nhóc chủ nhân của đoạn phim con heo đó, vừa đeo kiếng bịt mặt, khóc và la lớn nói lời biện hộ! Giọng điệu nghe mát cảm tình! Coi xong thấy tội nghiệp cho đứa con gái dại khờ ai cũng biết mặt!

Sở dĩ hắn muốn ghi lại buổi hẹn hò, không phải vì ý xấu là sẽ đem lên khoe trên "You Tube", mà hắn chỉ mục đích muốn coi lại cảnh luyến ái của hắn và nàng, khi trở về "thành phố mưa bay" buồn như châu cấn, cho đỡ nhớ nhung mà thôi!

Thiên đã lên máy bay, và đáp xuống phi trường Houston, gần thành phố của Thu Dung vào một ngày trước Tết.

"Anh đến thăm em đêm ba mươi. Còn đêm nào vui bằng đêm ba mươi..."

Lẽ ra Thiên tính đến thăm nàng ngay ngày mùng một Tết theo như dự tính, nhưng hơi ối, tiếng nói của con tim không nghe theo tiếng lệnh của

con người! Thiên đã cải bỏ tất cả qui luật để hồ hởi khăn gói lên đường tìm đến nhà nàng, khi chỉ còn hai tiếng nữa là bước qua năm mới.

Lúc ở phi trường, Thiên mượn một chiếc xe ngon lành hiệu BMW, giá chiếc xe này mắc gấp ba lần chiếc xe thường. Nhưng nể hà gì ba cái lẻ tẻ, dân chơi thì phải chơi cho đúng lúc đúng chỗ!

Địa chỉ nhà nàng sờ dĩ Thiên có được mà nàng không ngờ, là trong lúc “Chat” với nhau, Thiên vờ nghĩ ra cách nói dối cho Thu Dung biết: nàng là người được máy chấm thắng cuộc của người khách đã vào mạng lần thứ 5 ngàn, được “win” cái máy nướng bánh mì. Phải đưa địa chỉ để nhận quà hãng gởi đến tận nhà.

Nghe nói có quà “free”, Thu Dung đưa ngay địa chỉ của mình, và Thiên đã “save” lại lần “chat” đó, rồi hôm sau mò ra phố mua một cái máy nướng chưa đến hai chục bạc gởi cho nàng... Quá dễ để mà biết địa chỉ coi nàng đang ở đâu.

Thiên tìm ra nhà Thu Dung sau một tiếng lái xe, cũng dễ dàng nhưng hơi lâu hơn một chút vì bị kẹt sửa đường. Vùng này đất rộng người thưa, nhà cửa dễ tìm, không rắc rối gì cả.

Đây là một khu thuộc ngoại ô của Houston. Nhà trung bình không cũ quá mà cũng không mới. Nhìn con đường hai bên khá sạch sẽ, nên có vẻ an toàn. Tìm thấy số nhà và đậu xe xong, Thiên với tay ra sau lấy bó hoa cầm trong tay, cẩn thận soi vào kiếng để nhìn mặt mình thêm một lần nữa... rồi mới bước xuống xe, tiến vào ngôi nhà Thu Dung ở trong đó.

Đứng trước cửa, Thiên lắng tai nghe ngóng. Có TV nói tiếng Việt rõ mồn một vọng ra. Tiếng con nít đang nói chuyện với nhau bên trong. Như vậy đúng là nhà Việt Nam rồi!

Thiên đưa tay bấm vào chuông cửa. Hai khuôn mặt trẻ con ló ra nhìn ở cửa sổ, thấy Thiên là người Việt Nam, chúng chạy đến mở cửa. Thiên hỏi:

- Đây phải nhà cô Dung không em?

Đứa con gái khoảng mười hai tuổi trả lời:

- Dạ ở đây chỉ có mẹ cháu là bà Thư và tụi cháu thôi ạ!

Thiên hơi hoang mang, hay là lộn nhà? Thiên cố hỏi thêm:

- Cô Dung khoảng hai mươi mấy tuổi, chưa có chồng... Ở đây có ai nữa không? Hay là chỉ có ba mẹ con cháu thôi?

Đứa con trai xen vào:

- Không biết... chú hỏi mẹ cháu ...

- Thế mẹ đâu rồi?

- Mẹ cháu đi ra chợ mua bó hoa là về ngay. Mẹ cháu gần về rồi. Chú có muôn vô nhà đợi không?

Thiên cũng muốn ở lại để hỏi thăm người mẹ của mấy đứa bé, chắc người lớn biết nhiều hơn lũ trẻ. Hay là Thiên ghi lộn số nhà?

- Ở đây có người Việt nhiều không cháu?

- Dạ không biết.

- Trong khu này không có ai Việt Nam hả?

- Dạ không biết!

Thấy hai đứa bé cứ “dạ không biết” hoài, Thiên nghĩ chắc tụi nó không hiểu ý của hă. “Hay hai đứa này là con của Dung?” Vô lý, nếu mà con của Dung thì phải còn nhỏ khoảng bốn năm tuổi, chứ Dung mới hai mươi bảy tuổi, làm sao con lớn như thế này được!

Thiên bước hă vào trong phòng khách. Đành phải đợi chứ mất công đến đây rồi chẳng lẽ lại về không! Chiếc máy Computer để trên bàn ở một góc phòng khiến hă chú ý ngay.

- Các cháu cũng biết xài Computer à?

Cả hai đứa đều lắc đầu, Thiên hỏi tiếp:

- Vậy ai xài máy này?

- Mẹ.

- !!!

Thiên đến gần bàn máy tò mò nhìn kỹ. Máy tắt nên không thấy được gì! Cặp mắt Thiên chợt sững sốt khi nhìn thấy tấm ảnh của Thu Dung trưng trên kệ sách gần đó.

- Hình này là ai vậy các cháu?

- Mẹ!

- Hả, đây là mẹ các cháu? Sao mà trẻ vậy?

Con chị lắc đầu:

- Hình này mẹ chụp lâu rồi, khi chưa có tui con... Bây giờ mẹ già rồi, mẹ mập lắm!

Thằng em nghe con chị nói vậy, chạy vào phòng trong, một phút sau, nó cầm ra vài tấm hình, khoe:

- Tui cháu mới chụp với mẹ hôm Chirstmas đây.

Thiên nhìn vào mấy tấm hình, một người đàn bà sồn sồn như mẹ mướp, dáng điệu mập mạp, nhìn chán chết đang cười tươi khoe hàm răng thiếu một chiếc ngò bên cạnh hai đứa bé! Thiên nản quá, nhưng cố hỏi thêm:

- Còn ba các cháu đâu?

- Ba bỏ mẹ theo vợ bé lâu rồi!

Hình như cánh cửa ga ra sau nhà đang mở ra kêu ken két. “Người Tình Điện Toán” đã về... Thiên vội vàng rút lui thật nhanh, sau khi nói:

- Chắc chú tìm lộn nhà! Bye!

Ra phía ngoài rồi mà Thiên còn hồi hộp. Đứng né vào lùm cây trước mặt, Thiên đưa tay tìm điều thuốc cho trấn tĩnh lại. Hắn nghe tiếng con bé vọng ra:

- Hồi nãy mẹ đi chợ, có chú người Việt đến tìm.

Giọng của Thu Dung vang lên, nhưng không êm ái như trong phon:

- Họ có nói gì không?

- Không... hình như là chú ấy đi lộn nhà... chú ấy chỉ đi một vòng coi trong phòng khách nhà mình thôi!

Lần này, câu nói nghe lại càng chát chúa hơn:

- Thằng cha nào mà vô duyên bất lịch sự thế! Không có người lớn ở nhà mà xông vào nhà người ta soi mói định ăn cướp hay sao!!! Tao đã bảo với chúng mày cả trăm lần rồi, là coi chừng tụi ăn cướp, sao còn dám mở cửa ra cho chúng nó vào làm gì! Lần sau mà mở cửa cho người lạ nữa là tao đánh cho một trận đó, nghe không!

- Dạ!

Thu Dung chính là mẹ của hai đứa bé, một sự thật quá phũ phàng! Thiên lái xe trở về khách sạn lòng buồn và chán như chưa bao giờ chán thế!

“Mấy người chơi mực Tim Bạ Bốn Phương hay xạ lắm!”

Câu nói của thằng bạn thân có kinh nghiệm đau thương trong mực tìm bạn này vang lên trong đầu Thiên. Cũng vì không tin mà hắn và tên bạn kia đã nghĩ chơi nhau cả bốn tháng nay!

Mưa bỗng dưng tuôn xối xả trong đêm giao thừa. Người đang buồn thì cảnh có vui hay buồn cũng chẳng ảnh hưởng gì thêm! Thiên lấy chai rượu và miếng ham ra nhậu một mình cho quên đời, hắn uống mãi, uống cho đến lúc mềm môi gục xuống thiếp đi thì thôi!



Xuân đang len lén đến, mưa đã tạnh, bầu trời hé lên ánh bình minh rực rỡ đầu ngày. Mùa xuân vui tươi rộn rã với tiếng chim hót đầu đây, nhưng trong lòng Thiên nếu mà có thức dậy lúc này, chắc chắn là vẫn mang một tâm trạng mất mát, “nỗi buồn điện toán” khôn nguôi!

Diễm Châu (Cát Đơn Sa)

CỎ THƠM

187

CHIỀU CUỐI NĂM

*Chiều cuối năm chạnh lòng ta nhớ quá
Bà mẹ già nấu bánh tét sau hè
Bếp lửa hồng soi sáng mái hiên che
Nồi bánh tét bốc thơm mùi nếp mới.*

*Chiều cuối năm, ta mơ về nguồn cội
Quê hương xưa cách trở vạ trùng khơi
Đời viễn xứ, lưu vong sâu da diết
Sống tha phương, ta hận lắm bạn ơi!*

*Chiều cuối năm, ta ngồi nhìn tuyết đổ
Phủ trắng không gian, lạnh buốt tâm hồn
Ta cuốn mình trong chăn cho đỡ lạnh
Sưởi ấm con tim với bát cô đơn.*

*Chiều cuối năm trên xứ người đất khách
Chậu cúc vàng mờ nhạt trước sân nhà
Cảnh cũng buồn, đìu hiu đêm quạnh quẽ
Chung quanh đây giá lạnh mấy tuần qua.*

Ngô Văn Giai

Virginia, Feb 04/2019

(Chiều 30 năm Mậu Tuất)



NGÔN SỬ CỦA NGÔI LỜI



Thơ là cõi bình bông mà thi nhân là người có tâm hồn đa cảm nên đã tìm vào cõi mộng. Nguồn thơ là một phẩm vật tinh thần của trời ban đến với thi nhân nào có hẹn thời gian hay độ tuổi, tâm hồn thi nhân dù ở thời thanh xuân hay lúc xế chiều thì nguồn cảm hứng vẫn dạt dào cuộn cuộn. Nhà thơ **Vân Uyên** bước vào vườn thơ khi tuổi đời đã cao mới bắt đầu làm thơ nhưng thơ ông mượt mà, kỹ thuật vững vàng điêu luyện. Ông làm thơ không phải để rở thành thi nhân mà chỉ cùng thơ tri kỷ những lời thổn thức tiềm ẩn sâu kín trong tâm hồn. Ông quan niệm «cầu tinh bất cầu đa» nên rất cẩn trọng tỉ mỉ chọn lựa từng câu chữ, ngữ nghĩa cho ý thơ do đó số lượng thơ không nhiều nhưng thơ của ông lại mang tính độc đáo. Hơn nữa do tích lũy vốn sống và kiến thức rộng, ông lại thích nghiên cứu đọc rất nhiều sách của nhiều tác giả trên thế giới nên đã tự tìm cho mình một hướng đi riêng trên con đường Thi Ca.

Nhà thơ Vân Uyên tên thật: **Nguyễn Văn Ái**, sinh năm 1920 tại Hà Nội và mất năm 2015 tại Paris. Sang Pháp học Y Khoa vào giữa thập niên 40 và đã tốt nghiệp bác sĩ trở về nước năm 1955 của thế kỷ trước. Ông nguyên là Viện trưởng viện Pasteur Việt Nam (Sài Gòn, Đà Lạt, Nha Trang 1955-1975), giáo sư Y Khoa Đại Học Sài Gòn bộ môn Vi- Sinh-Vật-Học, từ năm 1955-1975. Ông là anh ruột của thi nhạc sĩ Tử Phác, người từng vang bóng một thời có những nhạc phẩm tiền chiến: *Tiếng Hát Quay Tơ*, *Tiếng Hát Lênh Đênh..vv....* Tử Phác là thư ký tờ báo Nhân Văn Giai Phẩm, và cũng là nạn nhân bị tù đày trong vụ án Nhân Văn Giai Phẩm năm xưa!

Nhà thơ Vân Uyên là tác giả 4 thi tập: *Những Vần Thơ Lưu Niệm, Tình Thơ Paris, Duyên Kiếp Thiên Tình, Nghĩa Nợ Tình*.

Những tác phẩm trước năm 75: *Khoa Học và Đức Tin, Giới Thiệu Tư Tưởng của Teilhard de "Chardin"* do Kim Lai Ấn Quán xuất bản Sài Gòn 1965.

Giáo sư Nguyễn Văn Ái dù là một nhà Khoa học nhưng mang tâm hồn thi sĩ luôn hướng đến một 'chân trời lãng du'. Tuy ông rất thích đọc thơ, nhất là cổ thi và những bài bình luận thơ nhưng Vân Uyên không bao giờ nghĩ sẽ có ngày làm thơ. Bất ngờ BS Tuyết Lan người ngẫu phối mà Vân Uyên yêu mến với biết bao kỷ niệm đẹp của thuở trẻ, thời cùng du học ở Paris hai tâm hồn như một, nguyện cùng đồng hành trọn đường cho đến ngày tóc bạc dù cho đường đời có trầm bổng. Từ khi 'Song song nhất thể lại rồi chia hai', sự ra đi của người bạn đời vào năm 1996 khiến Nguyễn Văn Ái cảm nhận tận cùng nỗi đau của sự mất mát, và thắm thía nỗi cô đơn nên những lúc hồi tưởng nhớ người bạn đời ghi lại một vài kỷ niệm tự nhiên thấy thơ từ nỗi đau sâu kín nhất ùa đầy trong tâm hồn theo dòng cảm thành suối thơ, và từ đó Vân Uyên làm thơ. Có lẽ chỉ có thơ mới chia sẻ được nỗi cô đơn, và những lúc cô đơn, hồn dễ xúc cảm những ý hay. Chữ tình là điều thiêng liêng nhất mà con người không thể thiếu và tách rời từ đó khởi nguyên của những nỗi buồn vui đau khổ hay hạnh phúc. Trong tình yêu có tình yêu cha mẹ, yêu tổ quốc, yêu thiên nhiên, tình yêu lứa đôi và còn nhiều thứ tình khác.

Trong tình yêu lứa đôi có tình phu thê là nặng nghĩa, mãnh liệt, tha thiết, đôi khi vượt lên mọi thứ tình khác, Đối với đức tin của một số tôn giáo tình nghĩa phu thê thật thiêng liêng vì là họ xương thịt của nhau.

Trong tập Thơ Vân Uyên ngoài những bài quê hương, tâm linh còn có những bài thơ tình về sự nhất thể, tình phu thê đậm sâu tính tôn giáo. Thơ Tình của Vân Uyên thuộc loại tâm linh rất độc đáo và đầy lãng mạn nói về sự chung thủy, chút hoang mang nghề nghiệp khoa học và đức tin, nhà thơ Vân Uyên ngược mặt nhìn trời nguyện cầu trong bài Tình Chỉ Tình:

*« Tình chỉ tình, khi tình chung thủy
Có yêu nhau hồn xác mới là yêu
Có yêu nhau sống thác mới là yêu
Tình người ghép mỗi thiên tình »...*

« Con của Trời biết khổ vẫn yêu. »

Chữ Tình thật bao la và vĩ đại, tình của Người, tình của Trời. Khi tơ duyên vợ chồng của Vân Uyên bị đứt đoạn, nhà thơ đau khổ vì yêu thương nhớ người bạn đời đã mất ông viết: «*Con của Người biết yêu là khổ*». Là một tín đồ Công giáo nên câu thơ «Con của Người» là con cái Chúa, và chữ yêu ở đây chỉ đơn thuần là tình yêu lứa đôi hàm chứa niềm hạnh phúc lẫn sự đau khổ thường tình của con người. Nhưng Thiên Chúa, Con của Trời, mang một tình yêu vĩ đại yêu nhân loại, biết thế gian đầy khổ ải vẫn xuống thế để chuộc tội cho nhân loại: «*Con của Trời biết khổ vẫn yêu*».

Nợ Tình là bài thơ tâm linh kết nối người sống trên dương thế và người khuất bóng. Giữa cái hiện hữu và cái huyền ảo thiên thu vẫn là một dù khoảng cách đã xa nghìn trùng:

«*Có yêu nhau sống thác mới là yêu.*»

Tình yêu lứa đôi dù tuyệt đẹp so với đời người thì cũng ngắn ngủi. 'Tình đến gặp tình một kiếp thôi'. Tình yêu lứa đôi chỉ ở kiếp này bên nhau mới thật hạnh phúc, nhà thơ ngại rằng ở cõi khác nếu có gặp nhau chắc gì còn tình lứa đôi!

*‘Đâu chung đâu thủy đâu trời nhỉ
Ai thấy hôn ai ở chốn nao?’*

Nhà thơ tự hỏi: 'Đâu chung đâu thủy đâu trời nhỉ?' 'Con người từ nhất thể song đôi tại sao trời bắt phân ly? Phải chăng định luật của tạo hóa con người vẫn phải phân ly cho dù sự phân ly đó chỉ ở phần thể xác, còn phần hồn vẫn quyền duyên không tách rời nhau?

«*Nhẹ bụi điều linh vẫn xót thương, trong đêm thoáng động dây tơ vương.
Trở về gỡ mối tương tư cũ, điểm mộng vào thơ phẳng phất hương.*»

Đoạn thơ tình tuyệt vời; nhưng 'Ai thấy hôn ai ở chốn nao'

Có lẽ con người khoa học trong nhà thơ trở dậy đêm hoang mang!

Nợ Tình

*«Gió thoảng hồn du phiếm hiem cao
Bao la mở ánh huyền huyền sao
Đâu chung đâu thủy đâu trời nhỉ
Ai thấy hôn ai ở chốn nao?
Nhẹ bụi điều linh vẫn xót thương.
Trong đêm thoáng động dây tơ vương*

*Trở về gỡ mối tương tư cũ
Điểm mộng vào thơ phảng phất hương.
Tình đến gặp tình một kiếp thôi
Từ yêu sáng thế tình song đôi
Tâm in phúc hứa Thần linh ước
Trí tích vinh danh vịnh Thánh Ngôi.
Thập ác, huyền thân, tử, phục sinh
Tình Trời duyên Tội lẽ u minh
Hồn về thử hỏi nơi nguyên tạo
Tân Cựu thiên thu nghĩa nợ tình.»*

Trong bài Khói Trầm Bay nhà thơ Vân Uyên tả lại cảm xúc khi nhìn thấy đôi chim khuyển mà chợt bùi ngùi nhớ người bạn đời xưa vì mỗi độ xuân về có đôi chim khuyển bay đến lượn hót trong vườn. Xuân này đôi chim khuyển lại đến nhưng thiếu tiếng người bạn đời gọi ra xem:

*« Đôi khuyển chim chíp song song
Đâu lời âu yếm tay lồng sóng đôi
Đường đời còn mấy nổi trôi
Khôn ngoan nước bước đứng ngời hỏi ai.
thôi thì đến thế thì thôi
Tình anh thế phách kiếp người biết sao!
Thiên nhan ước hẹn trời cao
Mặt nào nhìn mặt tay nào cầm tay.
Nguyện cầu hương khói trầm bay
Đưa về vĩnh phúc tình này tới đâu?
Kiếp này đành gầy nhọc cầu
Thắm đầu niềm nhớ ngậm sâu niềm vui.
(Khói Trầm Bay)*

Bài thơ tình đầy tha thiết diễn tả nỗi lòng tác giả khi nhìn cảnh cũ chợt tiếc nuối người xưa có sầu nhưng không bi lụy vì tác giả dựa vào đức tin sẽ có một ngày sẽ gặp lại người xưa ở Nước Chúa. Hai câu thơ:

*« Thiên nhan hẹn ước trời cao,
Mặt nào nhìn mặt tay nào cầm tay.»*

Hai câu thơ đã nói lên niềm hy vọng tôn giáo sẽ gặp nhau trước mặt Thiên Chúa, dù tin tưởng nhưng tâm hồn thi sĩ đa cảm vẫn thắc mắc ở nơi huyền bí đó về thân phận của hai người có còn là vợ chồng nữa

không? (mặt nào, tay nào). Từ đó cùng với việc làm thơ đời sống đạo của Vân Uyên chuyển hướng về nội tâm, tuy bề ngoài trong khuôn khổ Giáo Hội vẫn là một con chiên ngoan đạo. Vân Uyên diễn tả nếp sống đạo nội tâm qua những vần thơ, không những trong những bài thuần túy tôn giáo: *Cây Thập Tự, Tấm Mồ Không, Người Là Ai, Tình Ta Với Tình, Thiên Chi Đạo, Sách Khải Huyền*, nhưng cả trong những bài thơ tình đời hay tả cảnh. Bài thơ *Độc Phúc Âm* đã nói lên niềm tin và suy nghĩ của Vân Uyên:

*Gặp ai khi đọc phúc âm
Khi nghe nhấn nhủ thì thầm tiếng yêu
Ngọc châu tòa giảng tín điều
Hướng đi niềm sống ít nhiều thắm trôi.
Hai ngàn năm thuyết ngược xuôi
Ý trào như sóng ngập lời người xưa..
Khởi đầu từ bốn chứng thư
Cộng đồng Dân Chúa tôn thờ thành kinh.
Nguyện cầu thành khẩn tâm tình
Xin ơn tín ngưỡng dâng mình vào mơ
Bí huyền khôn tả lời thơ
Tình người thập tự bên bờ xót thương.
Người, Trời sống chết tơ vương
Phúc Âm là phúc chung đường cùng Ai.
(Độc Phúc Âm)*

Nhà thơ Vân Uyên có thời làm Bộ trưởng trong chính quyền VNCH và có thời gian dài bị tù đày dưới chế độ Cộng Sản nên khi qua định cư ở Pháp ông chán ngán thế sự. Nhà thơ đọc rất nhiều sách, trong đó có cuốn *Đạo Đức Kinh* do triết gia Lão Tử viết ra 600 năm trước Công Nguyên. Theo truyền thuyết thì Lão Tử chán thế sự nên cưỡi trâu đi ở ẩn. Ông Doãn Hỷ đang làm quan giữ ải Hàm Cốc níu lại «nếu ngài quyết đi đi ẩn cư xin vì tôi để lại bộ sách.» Lão Tử ở lại của ải Hàm Cốc viết ra bộ sách «*Đạo Đức Kinh*» dặn Doãn Hỷ cứ tu theo đó thì đắc đạo. Do đó *Đạo Đức Kinh* còn được gọi là sách Lão Tử. (Trích nguồn)

Bài thơ *Thiên Chi Đạo* nói lên sự chọn lựa cách sống thanh tịnh của ông:

*Thâm thúy phi thường đạo đức kinh
Khí từ man mác gió thần linh
Trường sinh ẩn hiện đời hằng sống
Cương nhược lung linh ánh nước tình
Cây cỏ ngọn cao mầm hạt bụi
Trí bình tâm thần thuở sơ sinh*

Công thành sự toại vô vi đợi
Thanh thoát huyền đồng thắng bất tranh.
(Thiên Chi Đạo)

Thơ của Văn Uyên thắm những tư tưởng của Lão Tử, trong bài Thiên Chi Đạo nhà thơ đã đưa tư tưởng đạo trời của Lão Tử và phúc âm của Thiên Chúa giáo vào thơ: «Đạo không thể dùng lời để diễn tả» :

«Đạo khả đạo phi thường đạo
Danh khả danh phi thường danh»

Câu : « Trường sinh ẩn hiện đời hằng sống »

Câu thơ chứa lời của Đạo đức kinh ĐĐK (trường sinh) và lời của Phúc âm (hằng sống).

Câu : «Cương nhược lung linh ánh nước tình »

Cương nhược là tư tưởng trong Đạo Đức kinh

Nhược nhi thắng cương. Nhu nhi thắng cương.(ĐĐK)
(*Yếu thắng mạnh, mềm thắng rắn*)

Nước tình: Royaume de l'amour (Mt)

Câu: « Cây cải ngọt cao mần hạt bụi»

Hợp bão chi mộc sinh u hào mạt (ĐĐK)

(*Cây gỗ tay ôm mọc lên từ từ cái mầm nhỏ*)

Câu : «Công thành sự toại vô vi đợi »

Công thành sự toại thân thoát thiên chi đạo (ĐĐK)

(*Khi công thành sự toại thân trở về với nguồn là Đạo của Trời.*)

Câu : Thanh thoát huyền đồng thắng bất tranh

Thiên chi đạo bất tranh nhi thiện thắng (ĐĐK)

(*Đạo của trời không cần tranh mà thắng.*)

Thơ là lời của Người, mà Tình là của Trời, làm liên tưởng tới 'Ngôi Lời' nói lên bằng lời của loài người tình yêu thầm kín của Trời 'Thiên Chúa – Tình Yêu'.

«Viết một bài thơ hay đã khó, viết một bài thơ vừa thắm nhuần lẽ đạo, vừa thật là thơ lại còn khó hơn nhiều. Những bài thơ như vậy nâng tâm hồn lên những tầng trời thăm thẳm nghĩa yêu. Đây mới

thật là những bài Thơ Tình, vì nói về Tình viết chữ hoa (Tình Đời, Tình Đạo, Tình Người, Tình Trời). Nhưng tất cả sẽ chỉ là ảo ảnh, là huyền bí, là dấu hỏi.

Phải chăng lẽ đạo là biết bền bỉ thành khẩn khiêm nhường học hỏi và cầu nguyện đi tìm dấu vết 'Ngôi Lờì' trong tâm hồn và thể xác của chính mình và của mọi người trong kiếp sống hướng về niềm tin. Là tín đồ Ki-Tô giáo, đời Sống Đạo của Vân Uyên hầu như có hai giai đoạn. Đoạn đầu từ khi trưởng thành đến năm 1996 (lúc 76 tuổi), đoạn sau là từ đó đến nay. Trong giai đoạn đầu Vân Uyên sống đạo như phần đông các con chiên ngoan đạo khác: đi xem lễ, đọc kinh, làm công giáo tiến hành, quỳ trước các Linh mục xin ban phép lành, đọc sách báo đạo, viết bài cho các báo đạo.

Đôi khi theo lời mời của Linh mục Đa Minh Nguyễn Huy Lịch cũng đi thuyết trình về những đề tài: Hôn Nhân và Gia Đình Công Giáo, Hướng Đi của Giáo Hội Việt Nam, Các Thánh Tử Đạo Việt Nam. Trong phần kết luận của đề tài sau có lần Vân Uyên đã nhận định :

« Thiên Chúa thương yêu cách riêng Giáo Hội Việt Nam còn non trẻ nên đã ban ơn cho nhiều người biết yêu Chúa theo đường tử đạo để được nên thánh.» Thời đó là thời Công Đồng Vatican II. Theo Linh mục Nguyễn Huy Lịch: *« Từ lời nhận định của BS Nguyễn Văn Ái đã khiến cho một số anh em trong đó có ông Nguyễn Đình Đầu đứng ra làm tờ báo: 'Sống Đạo'».*

Trước khi rời Việt Nam đi Pháp toàn bộ sách của Teilhard de Chardin và những người khác nói về Teilhard de Chardin, ông đã gửi biếu Linh mục Tuyên úy Trần văn Hiến Minh. Khi tới Pháp nếp sống đạo của ông không có gì thay đổi, mỗi tháng viết một bài cho Báo Giáo Xứ Việt Nam Paris. Một số bài được chú ý, thí dụ: 'Quan Niệm về Chữ Trời trong Cung Oán Ngâm Khúc', 'Chữ Tình và Chữ Yêu theo Truyền Thống và Trong Thánh Kinh'.

Dù là một tín đồ ngoan đạo, nhưng ông không đọc và hiểu Kinh Thánh theo lối từ chương mà hầu như bằng 'cảm nhận' nhiều hơn. Lời Kinh Thánh (Tân Ước) hầu như nhập vào ông để qua cảm nhận ông nhận ra những gì bàng bạc phía bên kia lời. Ông làm thơ từ Kinh Thánh, từ lời Jé-sus. Có cái gì cao sâu, ẩn kín vừa bấn khoăn vừa diêu vợi nên thơ ông không dễ hiểu nếu không dậy lên những 'rung động siêu hình' (frissons métaphysiques) nơi ta.

Xin hãy nghe nhà thơ bày tỏ:

«

*Thơ xưa vào mộng tới thiên thai
Tĩnh mộng còn chẳng tiếng thờ dài
Tan biến hư vô người, cảnh, mộng
Ngẩn ngơ mù mịt bụi trần ai.
Thiên thai nằm mộng như không mộng
Mỗi gổ thời gian kiếm bóng người
Thoáng ánh sao rơi thêm lạc lối
Thơ nay còn mất mộng ngày mai
Mộng thơ ấp ủ tình không đợi
Chập chùng muôn kiếp lạnh lùng trôi
Mây phủ hoang vu trời trắng mộng
Phương nào đâu nữa mộng thiên thai
Tiếng thơ không mộng tâm tư vắng
Mộng vắng tình thơ mộng vắng người
Một mai thơ mộng tâm tư mới
Mộng gặp tình thơ mộng gặp người.
(Mộng Ngày Mai)*

Bài thơ này tương đối dễ hiểu nhất trong số thơ ông. Với ông, thi ca là những "rung động của tâm tư bắt nguồn từ những 'tín hiệu' (informations) của Ngôi Lời (le Verbe), cái Ngôi Lời đã tạo nên Sự Sống nơi thế gian rồi gọi mời thế gian trở về với cảnh giới Ngôi Lời". Qua thơ của ông, ta có thể nghĩ "Vân Uyên là 'ngôn sứ của Ngôi Lời'".

Trong một lần Hội Ba Lê Thi Xã hội thảo bàn về thơ Tâm Linh, nhà thơ Vân Uyên góp ý bằng cách đọc một bài thơ của ông để ca ngợi 4 người "đặc biệt" đã trải qua vòng tử sinh mà nhà thơ gặp trong đời, bài thơ mang tên: Đọc Thơ Bốn Người, trong đó có những đoạn về thi sĩ Hàn Mạc Tử:

*« Đốt trầm hương tựa án thư,
Ý tình sinh tử đọc thơ bốn người.
Uống trắng say mộng khóc cười,
Hú hồn gánh huyết giữa trời hư vô.
' Máu đã khô rồi thơ cũng khô!
Hồn ơi! Phiêu lạc đến bao giờ »*

Do ông rất rõ căn bệnh phong nan y, ông giải thích hai câu thơ sau của Hàn Mạc Tử:

" Khi làm câu thơ ấy tâm hồn Hàn Mạc Tử đau đớn tột độ vì nguồn thơ

sắp cạn, thi sĩ biết mình đã kiệt lực sắp chết trong lúc tuổi đời còn đang kết trái nở hoa! Hàn Mạc Tử là người công giáo có đức tin mãnh liệt nhưng theo tôi thi sĩ chưa thực sự hiểu đạo. Câu thơ:

«**Hồn ơi! Phiêu lạc đến bao giờ**»; đã minh họa sự vô định của Hồn sau khi lìa xác; thay vì phải về Nước Chúa ».

Trong làng thơ Việt ở Paris nhà thơ Vân Uyên được các bạn thơ trong nhóm Ba Lê Thi Xã quý mến gọi là “ân sĩ” vì ít tham dự đám đông, thỉnh thoảng ông mới họp thơ và có những lời góp ý là những vần thơ độc đáo. Mỗi lần xuất hiện ông luôn tươi cười, tiếng cười âm vang rộn rã khắp phòng làm mọi người vui lây. Hội thơ Ba Lê Thi Xã đã ngưng sinh hoạt vì rất nhiều thi sĩ đã già từ cõi đời. Hiện nay chỉ còn vài người, tôi là người trẻ nhất trong hội nhưng các vị đó xem tôi là bạn thơ, là tri kỷ. Thi sĩ Bằng Văn Trần Văn Bằng, thi sĩ Vân Uyên Nguyễn Văn Ái, nữ sĩ Minh Châu Thái Hạc Oanh, thi sĩ Phương Du Nguyễn Bá Hậu và tôi rất hợp nhau, chúng tôi thường hay bàn luận về một bài thơ hay, một tác phẩm nghệ thuật giá trị. GS Trần Văn Bằng, GS Nguyễn Văn Ái, GS Thái Hạc Oanh đã về với thiên cổ, BS Nguyễn Bá Hậu đang ở bệnh viện cũng sắp đi, tôi tóc đã bạc bống trở nên cô đơn!

Năm 2000 nhà thơ Vân Uyên 80 tuổi, để mừng thượng thọ con cháu của ông đã tổ chức đại lễ thượng thọ mời gia đình và bằng hữu của thi sĩ đến chung vui hơn cả trăm người. Hôm đó có một số ít nhân sĩ được mời lên phát biểu cảm tưởng, tôi đã lên đọc một bài thơ làm tặng thi sĩ Vân Uyên. Năm 2010, thi sĩ Vân Uyên 90 tuổi, lần này con cháu của ông cũng tổ chức lễ đại thượng thọ, ngoài đại gia đình đến mừng thọ, số khách mời được thi sĩ Vân Uyên yêu cầu giới hạn trong vòng thân hữu, là những người mà thi sĩ Vân Uyên quý mến thường gặp gỡ, đó là: Nữ sĩ Minh Châu Thái Hạc Oanh, ÔB BS Tạ Thanh Minh, GS Lê Đình Thông, GS Trần Văn Cảnh, nghệ sĩ Thúy Hằng và tôi. Hôm đó tôi cũng làm một bài thơ tặng thi sĩ. Hai bài thơ cách nhau 10 năm đã được thi sĩ đưa vào thi tập hơn trăm bài thơ Vân Uyên, thi tập mang tên: «Nghĩa Nợ Tình» xuất bản tại Paris năm 2011. Bằng hữu văn nghệ biết tôi biết âm nhạc nên có ít người muốn tôi phổ cho họ một bài thơ nhưng tôi đã từ chối, vì sợ mình không đủ khả năng làm đẹp âm thanh thành giai điệu đẹp cho bài thơ. Nếu tôi phổ chỉ để làm hài lòng bạn sẽ làm hỏng nghệ thuật, lời thơ hay ý đẹp của thi sĩ, dù rằng tôi sử dụng quen thuộc dương cầm và guitare và thỉnh thoảng có viết ca khúc nhưng chưa bao giờ dám phổ thơ của ai!

Vào mùa hè năm 2015 gia đình thi sĩ Vân Uyên muốn tổ chức mừng thượng thọ 95 tuổi tại tư gia một biệt thự ngoại ô Paris và đã mời một số khách do chính thi sĩ chọn. Tôi và Thúy Hằng được mời, lần này tôi không thể làm thơ vì những ý hay lời đẹp tôi đều viết ở hai bài thơ trước, nếu làm thêm sẽ trùng ý và không thể hay! Do đó tôi đem những thi tập của Vân Uyên ra đọc nhiều lần để tìm cảm hứng phổ nhạc. Tôi đã thích bài Nợ Tình vì diễn tả tình đời ý đạo, và thi sĩ Vân Uyên cũng thích bài thơ này vì tính độc đáo của nó về sự huyền bí của Tình Trời Tình Người. Hôm đó con cháu của thi sĩ đến hơn trăm người, nhưng số khách chỉ có 4 người là : GS Trương Công Cửu người bạn thân niên thuở còn du học ở Paris với thi sĩ, ông có thời làm Bộ trưởng thời VNCH và là giáo sư các trường đại học ở Sài Gòn trước năm 1975. Ba người thuộc thế hệ sau: GS Trần Văn Cảnh, Thúy Hằng và tôi. Chiều hôm đó tôi đã đàn và hát tặng thi sĩ bài thơ phổ nhạc lần đầu của tôi. Thi sĩ Vân Uyên rất vui vì thơ nhạc đã giao hòa phát lên âm thanh giai điệu về ý nghĩa Tình Đời Lý Đạo. Hơn hai tuần sau thi sĩ Vân Uyên đã già từ cõi trần về gặp người thương nơi Nước Chúa. Bài thơ Tín Điều Trần Ai như một lời già từ.

Tóc sương đâu biết ngày đi

Đôi vầng cầu nguyện đến thì thì thôi

Đường đời đã cuối chân trời

Hồn nương theo gió những lời Phú Âm

Mai sau lưu lại đạo tâm

Vọng vang lời gọi, thì thầm tiếng yêu

Tình trời tình đất bấy nhiêu

Mỗi đời mỗi ngã tín điều trần ai.

(Tín Điều Trần Ai)



ĐỖ BÌNH Paris

20.08.2018

VÀI HÌNH ẢNH MÙA ĐÔNG

Kỷ niệm ngày 9 tháng 12, 2018 - bão tuyết Diego
tới Richmond, Virginia



“Giọt Lệ Mùa Đông”

ẢNH: MINH CHÂU (Richmond VA)





“Chưa Tàn Thu Mà Đông Đã Đến”
ẢNH: PHAN ANH DŨNG



“Sống Chết Có Nhau”
ẢNH: PHAN ANH DŨNG

KIỆP PHÙ SINH

Một kiếp phù sinh, mộng nửa vò
Bèo mây ly hợp, lá thu rơi
Cao sơn vẫn đó, người xưa vắng
Lưu thủy còn đây, bóng nguyệt trôi
Mây trắng lênh đênh sầu lũy thứ
Sao đêm vàng vọt giấc đơn côi
Buồn vui thế sự dòng thơ rượu
Nâng chén mời trăng giữa chợ đời.



vương-thanh

15/01/19



TÂM SỰ VỚI TRĂNG

Rồi một ngày nào đó ta lại thả bước lãng du, đi tìm một cõi đào nguyên, một khoảng trời xanh mây trắng bồng bênh, tiêu dao ngày tháng. Bên dòng thác nước, nâng chén rượu nồng, ngắm vàng thủy nguyệt, chút gì thương cảm cho kiếp nhân sinh - những mộng ước không thành ...

Đời có là như thoáng phù vân, sao lòng ta còn nhuộm bụi hồng trần! Ngàn xưa mây trắng vẫn lang thang, lang thang... Nâng chén mời nàng Trăng, "đối ảnh thành tam nhân"... Nhớ xưa Trích Tiên túy tửu cuồng ca, "dữ nhĩ đồng tiêu vạn cổ sầu"... Dưới ánh trăng gà, chợt nghe cảm khái. Vàng trắng nay có phải cũng là vàng trắng của ngàn xưa, của Lý Bạch, của Nguyễn Du, Tô Đông Pha ?

CỔ THƠM

"Dạ ngâm ưng giác nguyệt quang hàn"... Ánh trăng có khi nồng ấm, có khi lạnh lẽo biết là bao!... Phải chăng nàng Nguyệt cũng thương cảm cho nỗi cô đơn của một kiếp người. Nhỏ nhoi như hạt bụi nổi trời nơi cõi hồng trần, lẻ loi như một vì tinh tú phiêu bạt trong vũ trụ bao la, phù du như một đóa hoa sớm nở tối tàn trong dòng thời gian vô thủy, vô chung. "Triều như thanh ti, mộ thành tuyết" . Tuổi thanh xuân như bóng câu qua cửa, có bao giờ trở lại. Một kiếp người: sinh ly tử biệt, bao nỗi xót xa. Giữa dòng đời điên đảo, ai đi tìm ý nghĩa của nhân sinh....

Đêm dài, suy tư lan man thả trôi theo giòng sóng tư duy bênh bồng, phiêu lãng cùng mây gió tới cuối tận chân trời ... Một Cõi Mơ, từ thuở hồng hoang nào đó, một giòng suối nhạc cao sơn lưu thủy

còn mãi ngân vang trong hồn, một tiếng hát dưới vầng trăng hoang sơ, nguyên thủy, trong veo như dòng suối mát, như tiếng nhạc vọng từ cung trời, há phải là của cõi nhân gian ...

vương-thanh

2013/2018

CONFINDING IN THE MOON

English translation of "Tâm Sự Với Trăng" by vương-thanh

Some day, I will go on a far journey to find an enchanted land, a place of clear blue sky and gentle clouds floating by, to spend the rest of my days in Nature's tranquility and harmony. By the silver falls, a wine cup in hand, looking at the moon's reflection in the water, feeling a little saddened for the human fate and its unfulfilled dreams ...

Isn't Life like a passing trail of cloud ? How come my heart stilled filled with the dust of human desires. For thousands of years, the white clouds wander and keep on wandering ... Raising the wine cup to the Moon Lady, there are just us three: me, mine shadow and thee, the Moon Lady. Recollect the ancient times when Li Bai, intoxicated with wine, sung this verse line "With wine and thee to forget the thousand-years-old melancholy. Under the misty moonlight, feeling my heartstrings pulled with revelation and sadness. Is this moon still the same moon of thousand years ago, the moon of Li Bai, Nguyễn Du, and Su Shi?

"*Dạ ngâm vng giác nguyệt quang hàn*" : "Reading poetry in the night, one then understood how cold the moonlight can be". Moonlight some time is warm, other times it can be very cold! Is it because the Lady Moon also feels for the loneliness of the life of a human being – infinitesimally small like a speck of dust in this earthly world, lonely like a wandering star in the vast universe, ephemeral like a flower blooming in the morning, fading by night, in the no-beginning, no-ending stream of Time. "*Triều như thanh ti, mộ thành tuyết*": "In the morning (hair) like green silk, by evening, becomes snow" (1) Youth is like the shadow of a galloping horse passing by the door, never to return. Of the human fate: life is full of partings, and upon death: a forever goodbye . So much pain and sadness. In this human world full of upside-down craziness, who goes searching for the meaning of Life.

Long night, thoughts float in the waves of semi-consciousness, together with the wind and clouds, moving toward the distant sky horizon. A Dream Realm, from some ancient times, a gentle music stream of "High Mountain, Flowing Water" still reverberates in my soul, an enchanting voice singing under the ancient moonlight, crystalline clear, like Music from the Heaven, and not that of the Human Realm...



ANH EM CỘT CHÈO

** Ngọc Cường **

Trong khi ăn điểm tâm, Vượng vui vẻ khoe với Mai mới bán được cái nhà trên triệu bạc, và như thường lệ của bữa sáng, chàng nói rất nhiều, chỉ vì muốn nói và không cần vợ có chú ý nghe hay không... chờ cho chồng *đọc điểm* xong, Mai mới lên tiếng hỏi cho cô em gái vay năm ngàn, một số tiền nhỏ so với lợi tức của họ, và nghĩ sẽ được chấp thuận, nhưng chàng trả lời ngắn gọn là “không được”, xong ngồi yên lặng, rồi không cho biết lý do, khiến Mai ngạc nhiên... khuôn mặt chàng chợt đanh lại như một bức tượng, trông lạnh lùng khiến Mai lo sợ cơn giận kéo đến, rồi với giọng nói lạc đi, như từ miệng một người lạ... chàng dài dòng kể công là đã giúp gia đình cô em này nhiều từ khi họ còn kẹt lại ở Việt-Nam, cho nên bây giờ qua đây rồi là đến lúc họ phải chịu khó đi làm để tự lo lấy thân. Vượng còn nhắc lại chuyện cũ, đổ lỗi người em cột chèo này đã không nghe theo lời chàng cùng đi tản năm 75 nên phải chịu cảnh tù đầy. Nghe chồng vô lý nặng lời đến đũa em rể, Mai lên tiếng bả chữa, và như khi nghe vợ bệnh, lại càng thêm giận như vừa đổ dầu vào lửa, Vượng đứng lên bỏ đi làm.

Ngồi lại trầm ngâm ở bàn ăn, nàng nghe tiếng cửa ga-ra mở ra, tiếng nổ máy và xe phóng đi... Hai đĩa trứng bở dở chưa ai ăn xong, bên cạnh còn khúc bánh mì vừa nướng... Mai thấy chán nản, trống rỗng, nàng vô tình cầm ly cà-phê đưa lên miệng nhưng để lại xuống bàn, chợt nhận ra vợ chồng lời qua tiếng lại hơi lâu, và không rõ vì sợ trễ hay đang nổi sùng, Vượng phóng xe đi nhanh như vậy...

Thường ngày thức dậy cùng một lúc, nhưng chỉ có Vượng vội sửa soạn quần áo đi làm, còn Mai xuống bếp lo bữa điểm tâm. Đóng bộ xong, trong lúc chờ vợ dọn thức ăn, Vượng vắn truyền hình theo dõi tin tức... Và sau đó hai người cùng ngồi ăn. Uống cà-phê vào, tỉnh táo ra và trở nên hoạt bát, Vượng thường ngồi nói về vài tin nóng trong ngày dù vợ không để ý, ngồi nghe như một học trò lơ đãng trong lớp học.

Mai biết Vượng nóng tính và dễ nổi giận, nói chuyện rất độc ác, nhưng tính tình lại tốt bụng cho nên bà con trong họ thường phê bình chồng là có *khẩu xà, tâm Phật*. Chàng không hẳn là loại chồng chúa vợ tôi, và vẫn thường tỏ ra rất nể vợ trong việc nội trợ và mua bán nhà cửa, nhưng có lẽ vì có học vấn cao và là vai chính mang tiền về nuôi gia đình, nên lâu

năm anh trở nên độc tôn trong nhà. Như thói quen hơn ba chục năm qua, sáng ra Vương ăn xong đi làm, còn Mai ở nhà lo việc nội trợ.

Thiếu Vương, căn nhà trở nên yên lặng, trống trải và ...không biết làm gì, Mai lơ đãng nhìn ra sau nhà, nơi có mảnh vườn nhỏ: bên ngoài, mặt trời đã lên cao, nắng chiếu nhiều vệt ánh sáng màu vàng vào mái hiên nơi có treo cây hoa lan vừa ra nhiều cành hoa rũ xuống lốm đốm một màu hồng thắm như những con sâu nhỏ bé đang đậu trên sợi dây... Dưới đất, bên góc trái là một bụi tre mà Huân người em rể cho năm ngoái, nay mọc cao um tùm vươn qua khỏi bờ tường, khiến mảnh vườn đượm một vẻ Á Đông. Mai rất thích bụi tre này, nó mang đến một cảm giác đầm ấm như đang ngắm cảnh nhà quê thửa thanh bình xa xưa ở Việt-Nam ...nhưng nàng liên tưởng đến lời ông già hàng xóm người Mỹ đã lên tiếng cảnh cáo rằng tre này nó sẽ mọc rất hỗn xược, tràn lan nhanh rất bất ngờ, sẽ đâm xuyên qua tường mà lấn cả sang nhà bên họ nữa!

Nghĩ đến chồng và đứa em rể, Mai tin là hai anh em cột chèo xung khắc do nghịch tuổi nhau: Vương tuổi Thân, còn Huân tuổi Hợi, như người ta thường nói đến Dần-Thân-Ty-Hợi trong *tứ hành xung*. Nhất là gần đây, sau cả gần hai chục năm xa cách, bây giờ gặp lại nhau bên Mỹ, xung đột có vẻ còn gay gắt hơn trước...Chợt thấy buồn và băng khuâng, nàng đâm khó hiểu về hoàn cảnh oái ăm của gia đình mình: tại sao trước khi lấy vợ, hai người cột chèo này vốn là bạn học ở trường Luật Sài-Gòn, có những sinh hoạt chung và có vẻ tương đắc, vậy mà bây giờ, là đồng hao rồi lại đoàn tụ, hơn nữa, nhất là sau khi trải qua nhiều cảnh ngộ, và đã có tuổi cả rồi... thế mà họ lại không hề vui vẻ được với nhau.

Tuy hai gia đình cùng cư ngụ ở thành phố Santa Ana, và chỉ cách nhau vài phút lái xe, nhưng hai chị em ruột lại ít gặp nhau... lý do là hai ông chồng không muốn. Gặp nhau, nói đến bất cứ chuyện gì, Vương và Huân lại cãi nhau, nhất là khi nói đến chính trị hay tôn giáo. Điều này vẫn khiến Mai ray rứt khó chịu, cảm thấy bất lực trước tình trạng sứt mẻ vô cớ, với lý do mà nàng không hiểu nổi, như rất nhiều chuyện ở đời, rồi tự trách làm chị mà không hàn gắn được.

Phải chăng chỉ tại vì hoàn cảnh, kể qua Mỹ trước nên lối sống và suy nghĩ có nhiều thay đổi, khác biệt với người bị kẹt lại Việt-Nam, và qua sau theo diện HO? Đôi khi nàng cũng nhận là mình thiếu tinh tế: như khi gia đình Lan mới qua, nàng đồng ý cho ở tạm chung một thời gian ngắn với gia đình mình, lúc ấy Vương đã tỏ ra khó chịu với người em cột chèo rồi. Nhiều người bạn đến thăm cũng đã cảnh cáo nàng về lối sống khác biệt giữa kẻ đi trước, kẻ qua sau, như trắng với đen. Và chỉ sau ba tháng là họ dọn ra và cứ thế lông bông cho đến khi có người bạn thân của

Huân cho ở chung nhà kiểu *share* phòng với giá rẻ...Và nay, khi các con đã lớn và dọn đi xa, vợ chồng Huân-Lan chắt chiu để dành được chút tiền, dự tính mua một căn *mobile-home*, nhưng còn thiếu chút đỉnh nên Lan đã dọ hỏi vay bà chị ngày hôm qua .

Nói chung, hai chị em Mai-Lan vẫn vui vẻ với nhau; nhưng cũng như hầu hết các gia đình khác, thực tế bên trong đều có những va chạm khó xử. Mai thường đổ lỗi cho hai ông chồng, vì nàng thấy giữa hai chị em không thể có vấn đề gì: y hệt như khi nhỏ, lúc còn đi học ở Việt-Nam, rất thân thiết vì là hai cô gái diệu duy nhất trong gia đình, họ gần gũi nhau như hình với bóng, khiến chúng bạn thường ví Mai với Lan như hai chị em Thúy Kiều và Thúy Vân: *Mỗi người một vẻ, mười phân vẹn mười!* Nói về sắc đẹp thì đúng là như vậy: Mai sắc sảo và đài các, nhưng Lan kín đáo và có duyên ngầm hơn chị. Nhưng đối với bạn bè thân quen lâu mới nhận ra rằng Lan về nét đẹp có phần trội hơn chị: Chính Mai cũng nhận thấy như vậy: Cụ thể là khi đến nhà chơi, hình như Vương đã bị Lan thu hút trước, nhưng không rõ lý do gì mà chàng lại ngỏ lời tán tỉnh cô chị và xa cách dần cô em...

Xuất thân tiểu thư trong một gia đình giàu có ở Sài-Gòn, cả Mai và Lan đều được gửi theo học trường các bà Sơ và học thêm đàn dương cầm tại nhà riêng một cô giáo của trường Quốc Gia Âm Nhạc. Dù ông thân sinh chỉ là một công chức hạng trung của sở Quan Thuế nhưng lại kiếm được rất nhiều tiền. Ông cụ vẫn thường tiết lộ trong họ hàng biết là nhờ quen biết rộng, làm *áp-phe* với bọn tài phiệt ... nhưng nhiều đồn đãi là ông nhờ vào nằm trong một đường dây ăn hối lộ lớn ở bến cảng. Hàng tháng đều có người khách lạ ghé qua nhà, chỉ ngồi chơi trong chốc lát mà sau đó ông cụ cứ thế vui vẻ ra mặt...

Chợt điện thoại reo...đứng lên với ống nghe, Mai xướng: “A lô, a-lô ...”(Nàng có thói quen dùng tiếng Pháp hơn là tiếng “Hello” của Mỹ)...Ở đầu giây bên kia, tiếng Lan đáp lại: “Chị ơi, em bấm code mà cổng không chịu mở? Có phải 4856 không?” Chần chừ một chút Mai mới trả lời:“À...Họ mới đổi số ...Qua tháng lại đổi nữa...Họ mới gửi giấy báo hôm qua, chờ chút nghen...” Nói xong, để điện thoại xuống Mai quay qua tủ lạnh tìm kiếm lá thư ghi mã số mới của khu nhà... rồi bốc máy lên, đọc cho Lan biết...và không quên nhắc nhở em:“..Sau khi bấm số này, em còn phải bấm vào cái ô-vuông nữa nhe.” “Em cảm ơn chị.” Lan nói nhanh xong cất máy.

Gác điện thoại, Mai vội thu dọn chén đĩa trên bàn, bước ra mở khóa cửa sẵn cho em. Trong đầu đang băn khoăn chưa biết trả lời sao về số tiền

em hỏi vay, nàng còn bực mình vì nghĩ chỉ có năm ngàn đô mà Vương lại gây khó khăn. Theo nàng, có cho em mình mượn món tiền nhỏ này thì cũng phải đạo gia đình thôi. Nàng nghĩ thầm: “Phải chi mình không có đồng nào dư. Đẳng này, tụi nó biết rõ là mình có tiền: Cứ trông vào căn nhà này và mấy cái nữa cho con ở Westminster thì cũng đoán ra.” Nhưng do tự tin, nàng đoán quyết sẽ thuyết phục được chồng, tuy bây giờ chưa biết cách nào...

Có tiếng gõ nhẹ, cửa tự nhiên mở, Lan ló đầu vô... xong mở hẳn cửa bước vô nhà nói vọng:

“Chị Mai ơi, em Lan đây.”

Đang đứng nơi bếp, nghe tiếng em, Mai bước ra, vừa cười vừa lên tiếng mời: “Cô vào đây... Ăn sáng gì chưa? Có sẵn bánh mì với giò chả mua ở Thu Hương này, ngon lắm.”

Hai chị em cùng kéo ghế ngồi cạnh bàn nơi bếp.

Nhìn chị, Lan lắc đầu: “Em ăn rồi. Ghé thăm chị và biểu anh chị lọ mắm tôm chua em làm đã ngấm... Nghe anh Vương thích món Huế nên em làm hai hũ.”

Nói xong Lan mới nhớ là hành động của mình như có tính toán và hơi ngượng với chính mình. Nghe em nói, Mai cũng hiểu ngay như vậy, nhưng thông cảm đứa em nghèo nên mong nhờ vào bà chị giúp đỡ.

Thấy Lan vẫn còn sắc đẹp của một mệnh phụ, Mai trong lòng tiếc rẻ là em mình đã không ưng lấy một người bạn của Vương, cùng lớp ở trường Luật, con nhà giàu, đã từng mê một Lan mà lại chịu Huân, lúc đó đang học dở dang rồi sau đó đi lính.

Với chai mắm trên bàn mở ra ngửi xem, Mai ngỏ lời khen: “Cô làm mắm ngon lắm đấy. Anh Vương sẽ thích hơn là của chỗ chị vẫn mua ở mấy bà Huế quen. Họ muối làm sao mà mấy con tôm không được thơm dòn như của cô. Nhất là nhiều đu đủ và riềng...”

“Em ngâm đã trên một tuần, ăn được rồi chị à,” Lan đáp.

Cất hũ mắm vào tủ, Mai mời em: “Uống gì không? Nhà này lúc nào cũng đầy đồ ăn. Bánh giò, đồ hộp bên Tây này mà chả mấy ai ăn cả... Cô lấy về mấy hộp pa-tê cho Huân, nghe?”

- “Nhất rồi! Anh Huân em mê đồ Tây lắm.” Nói xong Lan nghĩ thầm: *nhưng không có tiền mua...*

Thấy mấy cái bánh quế bày sẵn trên đĩa, Lan bèn với lấy đưa lên miệng. Cắn vào thấy đã iu, chứng tỏ đã để ra ngoài khá lâu, không còn được dòn nữa.

Biết thế nào em cũng nhắc đến món tiền hỏi vay, Mai lên tiếng trước: “Hai cô chú tính mua nhà ở đâu đó?”

Như mở cờ, Lan trả lời chị: "Anh Huân có người bạn ở khu mobile-home chỗ đường số Một, bây giờ rẻ lắm, chỉ khoảng bốn năm chục thôi. Nếu cần sửa sang chút đỉnh là ở được. Tụi em để dành được ít tiền, chỉ thiếu có năm ngàn... Hai thằng nhỏ mới ra trường, đều có việc làm nên cứ muốn mua một căn cho bố mẹ có nhà riêng và tí vườn trồng rau cho vui... May mắn có hai đứa đều học giỏi,"

Nhắc đến con cái, Mai hiểu là tuy em mình bây giờ nghèo, nhưng được cái hai thằng con trai ngoan ngoãn, vừa tốt nghiệp kỹ sư, tương lai sẽ được nhờ... Khác với mình, ba thằng con trai chỉ ăn bám mà: học hành thì dở dang, đi làm vớ vẩn, lại đòi có nhà riêng ở cho tự do. Lâu lâu lại về nhà vòi cha mẹ. Mai đổ lỗi cho Vượng chiều con nên tụi nó hư, nhưng cũng có thể vì chúng nó sống theo lối Mỹ, thích độc lập, không nghe lời cha mẹ..., cứ lâu lâu vãn ngựa tay xin tiền cha mẹ. Mai lo nếu không đưa cho thì lại sợ chúng nó sinh sống khổ...

Do thói quen, Mai nấu nước sôi rồi pha một bình trà, xong rót ra tách để đó.

Thấy chị lúc nào cũng ân cần với em, Lan cảm nhận như tình chị em không hề suy yếu... Nhưng khác lạ ở chỗ không thể còn như trước kia, khi cả hai còn con gái, ở nhà với cha mẹ. Thời gian và hoàn cảnh đã từ từ tạo ra những khác biệt chia cách họ một cách lặng lẽ. Như câu thơ của Prévert ngày nào: "*Nhưng cuộc đời vẫn chia cách...âm thầm, những kẻ yêu nhau...êm ái không một tiếng động.*"

Định bụng hỏi thăm về hai đứa cháu vừa dọn đi ở riêng, nhưng nghĩ sao Lan lại thôi, sợ tạo thêm cơ so sánh với con mình thì sẽ khiến chị mình buồn... Lơ đãng nhìn về phòng khách, trông thấy cây đàn dương cầm Yamaha đồ sộ màu đen, loại *piano à queue* mà trước đây hai chị em có trong nhà, trông bóng loáng, dựng một góc như chỉ để trưng bày mà ít khi có ai đụng đến, Lan dò hỏi: "Độ này chị còn đàn piano nữa không?... Em thì lâu quá không sờ đến, có lẽ quên cả rồi. Mà có đàn đâu để đánh..." Nói xong, Lan đứng dậy đến bên cây đàn, đưa tay dạo chơi vài giai điệu của một phiên bản nhạc cũ thừa còn học với Mai ở Quốc Gia Âm Nhạc... Nghe tiếng đàn, chợt vang lên trong không gian, khiến căn phòng đang yên tĩnh bỗng trở nên như sống động như người vừa thức dậy sau cơn ngủ lâu dài. Âm thanh đằm ấm vang tỏa ra khắp phòng như đang từ cõi xa xôi nào đưa đến... Mai tiến lại gần em khen: "Cô đánh vẫn như xưa... Sao không chịu khó mua đàn để tập dợt." Nghe chị khen, Lan bèn ngồi xuống ghé rồi dạo tiếp bản *Lac de Côme*... Tiếng đàn vang lên lan tỏa khắp nhà, du dương như tiếng reo vui nhấp nhô của làn sóng bạc của hồ Côme bên chân núi Alps. Tiếng đàn quý phái như đang đưa hai chị em

về với dĩ vãng của một thời son trẻ êm ấm của một gia đình cao sang, thượng lưu... Mai có tiền, mua cây đàn đắt tiền nhưng lại không muốn tập dợt, rất ít khi đụng đến; trong khi đó Lan lại rất mong có trong nhà một phím piano để được dạo hàng ngày nhưng quá tầm tay, cạn túi tiền và không thích hợp với căn nhà chật chội, lồi thối hiện giờ...

Thoáng qua, Lan ao ước có được nhiều tiền và sung túc như Mai... nàng đâm ra ân hận là đã bỏ lỡ dịp đi tản năm 75, hoặc là lấy một người chồng giàu có như chị mình... nhưng vội ngưng lại ngay liên tưởng ấy, vì nàng cảm giác hoang mang, lo sợ chính mình là đã nghi ngờ tình yêu với Huân, và đồng thời cho đó là một ý tưởng thấp kém. Nàng biết mình yêu chồng và không thể lấy ai khác, nhưng không biết vì sao, có đôi lúc, như sáng nay, nàng vẫn *bâng khuâng* tưởng chừng trên đời này bi thảm ở chỗ là không có gì tuyệt đối, và mọi thứ đều có cái giá của nó, kể cả mối tình của mình mà nàng xưa nay vẫn cho là cao đẹp? Chẳng lẽ con người ta vì những trái khoáy của đời sống cá nhân mà có thể đánh giá được tình cảm? Bỗng thấy cần phải tự chủ và quay về với thực tại, Lan nghĩ đến bốn phận làm vợ, làm mẹ, nghĩ đến bao kỷ niệm đẹp với chồng con... Và nàng tự nhủ là không thể thiếu cận để có thể *thả mồi bắt bóng*, như hiện nay, đã và đang xảy ra ở nhiều gia đình tỵ nạn...

Ngưng đàn, Lan ngược nhìn Mai: “Chị đánh thử cho em nghe nào. Đây là bản tử của chị lúc trước mà. Em nhớ xưa kia, trước Bảy lăm, mỗi lần đến nhà chơi là thấy chị ngồi đánh bản này cho anh Vượng nghe...Chả thế mà anh ấy đã mê chị *như điên đảo!*”

Mai cười: “Thôi đi cô. Chuyện *ba đời tám tổng* nào rồi mà nhắc lại làm gì...Bây giờ tay chị chỉ có kéo máy ở casino thôi... Mà anh ấy còn yêu cầu đừng đánh đàn nữa, để xem ti-vi phim bộ Đại Hàn hay hơn... Cái đàn này mua trên chục ngàn, chỉ để *dọa* bà con thôi...”

Hai chị em cùng cười, bước qua bếp... Nghĩ đến uống trà, Mai mở hộp bánh trung thu ai đã cho, mời em: “Mau quá, mới Hè đây mà sắp Trung Thu rồi. Loay hoay lại đến Tết lúc nào không hay... Sao lạ, ngày xưa ở bên nhà, thời gian trôi chậm thế, mà qua đây cái gì cũng mau quá...Hay là càng lớn tuổi mình càng sợ thời gian nên nó lại đi nhanh hơn?” Nhắc đến Trung Thu, Lan chợt nghĩ là đã gần đến ngày giỗ mẹ: “Còn ba tuần nữa là giỗ Mẹ đấy. Nếu mua kịp căn mobile-home này thì năm nay em làm giỗ mời anh chị và các cháu. Chị khỏi bận tâm, từ nay bọn mình thay phiên nhau cúng Bố Mẹ. Chị thấy sao?”

Biết em mình có ý khéo nhắc khéo: từ khi qua Mỹ, cả Vượng lẫn nàng đều lo là việc cúng giỗ cho cả bên Nội lẫn bên nhà mình.. Nói đến giỗ cũng là Lan gián tiếp khéo kể công mình, thời gian ở lại Sài-Gòn đã chăm

lo cho hai cha mẹ sau khi Mai đi tản theo tàu Hải Quân vào đêm 29 tháng Tư. Đối với Mai, ở lại có khổ vì Cộng Sản nhưng qua Mỹ, gia đình nàng cũng chịu nhiều cảnh nhọc nhằn đi làm công, hành những nghề mà xã hội ta trước đây vẫn cho là thấp kém như lao công, dọn dẹp...

Rồi Lan kể lại câu chuyện cũ mà nàng đã nhắc đến nhiều lần: "Mấy năm đầu sau 75, khi anh chị chưa gửi tiền về qua ngã chợ đen từ Pháp, nhà mình khổ sở lắm: Bố Mẹ triền miên nhớ anh chị, còn em lo lắng anh Huân đi tù biệt tin ...Có lẽ vì vậy mà Bố bị tai biến...Bố mất rồi thì Mẹ trở nên khủng hoảng, cũng chẳng còn khỏe gì, cả ngày cứ quanh quẩn cả ngày với thằng Quân để em lo chạy bán thuốc Tây..." Nói đến đây, cảm thấy mũi lòng nhớ cha mẹ và thương cho chính mình, nước mắt tự nhiên ứa ra, Lan với tờ giấy chạm nước mắt. Nhưng nàng biết mình đã nói dối về người mẹ: Sự thật là sau thời gian dài chăm sóc cho người chồng đau ốm rồi qua đời, bà cảm thấy nhẹ gánh nặng; và như đã chuẩn bị sẵn, bà đã tỏ ra không mấy may đau khổ nữa. Cái buồn mất chồng của bà cũng chỉ như là phải bỏ đi một thói quen vậy thôi. Không đậm tình với nhau lắm nhưng hai ông bà còn quá nhiều nghĩa với nhau, trong nếp sống của những thế hệ trước.

Nhìn em xúc động, Mai bước sang, đưa tay vỗ lên vai em: "Thôi Lan, nghĩ mãi chuyện khổ làm gì...Chị chưa có dịp hỏi anh Vượng về món tiền em cần...Nhưng thế nào cũng có cho em và Huân vay..." Nói vậy, nàng cũng không biết tại sao mình lại nói trớ ra thế. Có lẽ một phần vì tin là mình sẽ thuyết phục được chồng hay chính vì chưa biết từ chối thế nào? Tự nhiên hai chị em cùng cảm thấy thương nhau, lại cũng càng hiểu rõ giới hạn của tình cảm, nhất là ở Mỹ, khó ai có thể giúp đỡ nhau một cách dễ dàng như trước kia: "*một người làm quan, cả họ được nhờ*".

Nhớ đến hồi sáng, chưa kịp hỏi Vượng về bữa cơm chiều, Mai nghĩ là sẽ gọi rủ chồng ra ngoài ăn tiệm cho tiện. Như vậy cả ngày hôm nay rảnh, nàng bèn ngỏ lời rủ em: "Có bận gì sáng nay không? Hay là hai chị em mình đi shopping? Ở dưới South Coast đang có sale...Chị cũng cần mua cái áo đi ăn cưới con người bạn." Nhìn chị, ngạc nhiên vì ít khi Mai tỏ ra thân mật với em đến vậy, Lan đáp: "Ồ...không được. Em phải về lo cơm nước để anh Huân ngủ dậy ăn xong còn đi làm đêm. Lúc khác em và anh Huân sẽ đến chơi lâu hơn." Nói xong nàng nhớ rằng chị mình không để ý là ít khi làm cơm mời em đến, chuyện giản dị có vậy. Không mời thì làm sao ai dám đến nhưng nàng thông cảm ngay vì biết bà chị mình ít chú ý bếp núc, thường ra ngoài ăn tiệm hay mua mang về nhà.

“Huân làm đêm hả?” Mai hỏi em.-“Làm *bảo vệ* ca đêm cho một nhà kho lớn lắm, ở gần phi trường Long Beach. Làm ca đêm được thêm 1 đồng mỗi giờ.”

Không quen với những từ ngữ mới của Việt-Cộng, Mai hỏi em:” Làm ét-cốt cho ai hả?”

Lan cười, giải thích :”Không chị ơi. *Bảo vệ* là làm an ninh canh gác ấy mà, chứ đâu có ét-cốt cho ai...Ở Việt-Nam sau 75 họ dùng nhiều tiếng mới, chị không hiểu nổi. Mới nghe buồn cười lắm, như *đồng hồ không người lái, hai ba cửa sổ...* của mấy anh Bộ Đội khi vào tiếp thu Sài-Gòn”

“Ồ...Huân làm khổ quá vậy, thêm có vài đồng mà phải thức suốt đêm. Phải chi Huân nói tiếng Anh giỏi thì anh Vượng lo cho theo học nghề địa ốc bán nhà. Chỉ cần trúng một mối lớn là có cả chục ngàn, ngon xơi. Có năm anh Vượng bán được cả chục căn.”

Nói xong Mai mới nhận ra lỗ lòi, đã tiết lộ nhiều chi tiết về công việc của chồng: Lúc nào Vượng cũng muốn đấu về lợi tức của mình, sợ bị ganh ghét, không lợi. Mai vội giải thích thêm: “Nhưng mà nghề nào cũng có mặt trái khó khăn của nó cả, em ạ ...Như mấy năm suy thoái kinh tế, bao nhiêu chuyên viên địa ốc phải lỗ vốn, nhiều người phải bỏ cả nhà đang ở cho nhà băng họ lấy!”

Bước tới mở tủ lạnh lấy một bó giò, rồi thêm một hộp bánh Trung Thu, Mai trao cho em:”Thôi để lúc nào rảnh, chị em mình đi shopping với nhau vậy nhé...Lan cầm gói này mang về làm quà...” Rồi như chợt nhớ ra: “Huân có thích uống rượu vang không? Mang về vài chai mà uống. Anh Vượng cứ thích mua mà để đầy ra đây này...” Biết Huân thích rủ rê bạn bè nhậu nhẹt, Lan mừng trong bụng: “Cho em hai chai”

Không rành về rượu, sợ cho đi chai chồng ưa thích, Mai cố kiểm xem có mấy chai giống nhau thì lựa mỗi thứ một chai, đưa cho Lan.

Cùng đứng dậy đi ra cửa, hai chị em trong lòng bỗng thấy hân hoan: Họ không ngờ chỉ cần tỏ ra vài cử chỉ lo lắng thân mật âu yếm nhỏ nhoi như bạn này, cũng mang đến cho họ một niềm vui lâng lâng về nhau...

Trong lúc Lan mở cửa sau xe bỏ túi quà vào, Mai phân trần, như trách khéo em: “Hai đứa lâu lâu ghé chơi nhé. Anh Vượng vẫn coi Huân như cậu em thôi. Đôi khi có hơi nặng lời, nhưng anh ấy trong bụng không có gì đâu. Em nói Huân gọi phone cho anh ấy vui lòng. Từ hồi nào đến giờ, chị không đi làm nên chỉ trông cậy vào lợi tức của chồng. Cũng như trước đây tiền gửi về Việt Nam cho gia đình, anh Vượng đều bằng lòng, chị mới dám...”

Ngồi vào xe, quay sang nhìn chị, ánh nắng chiếu rọi ngay vào mặt làm chói mắt, Lan bèn giơ bàn tay lên che: “Vâng. Em sẽ nhắc anh Huân gọi

nói chuyện với anh Vượng. Thôi em về nhe chị.” Nói xong, Lan vẫn bối rối trong lòng, chưa biết cách nào ổn thỏa nói với chồng: Huân vẫn còn giận về cách Vượng đối xử khó khăn lúc gia đình nàng mới qua Mỹ, ở tạm trong nhà của chị. May mắn là chỉ ba tháng sau, có người bạn cũ của Huân đề nghị cho share phòng với giá rẻ...

*

Trước năm 75, gia đình ông Khôi khá giả và đầm ấm, ít ra bề ngoài như thế: Ông kiếm ra tiền, nhiều hơn đồng lương công chức của ông, thêm có hai cô tiểu thư vừa đẹp vừa ngoan, nên đã khiến nhiều người quen biết ganh tỵ. Ông bà giao du rộng rãi trong giới quyền thế ở Sài-Gòn, cao hơn chức vụ Chủ Sự Sở Thuế của ông. Tuy chỉ quanh quẩn ở nhà lo nội trợ, nhưng như phần đông các bà mẹ Việt-Nam, bà Khôi nắm trọn việc chi tiêu, quán xuyến mọi chuyện trong nhà, cả việc dạy dỗ con cái. Nhờ biết lo xa, có bao nhiêu tiền dư dả, bà đều đem đi mua vàng để dành, cho nên sau biến cố đổi đời năm 75, khi Mai cùng Vượng di tản qua Mỹ, chỉ còn gia đình ông và Lan ở lại, sống không đến nỗi thiếu thốn, họ đã cầm cự ít ra trong hai năm đầu, không phải chịu cảnh túng quẫn quá như bạn bè. Họ kín đáo khéo thu vén nên anh chàng công an khu vực mỗi lần ghé vào nhà đều vẫn tỏ ra an ủi ông bà. Khi bà Khôi bán gần hết số vàng cất dấu thì vừa lúc Mai ở Mỹ dò bắt được một đường dây chuyển tiền chợ đen qua ngã bên Pháp nên gửi về giúp gia đình.

Cô gái lớn Mai trông cao ráo với nước da trắng, khuôn mặt thanh tú nhưng học hành lại chậm và đi lấy chồng sau khi thi rớt Tú Tài I, như thể một người đẹp như nàng không cần phải học giỏi. Vào thời điểm đó ở xã hội Việt-Nam chỉ những cô gái xấu mới cần học cao, làm như bằng cấp cũng là cái cờ kiếm ra một tấm chồng để rồi ở nhà lo việc nội trợ. Những cô có chút nhan sắc thì cảm thấy không cần phải cố gắng lắm trong việc học hành, hoặc thường là chưa có dịp học cao thì đã bị mấy cậu ...vội cưới làm vợ rồi!

Hai chị em đều có khuôn mặt hơi vuông giống cha, nhưng lại thanh nhã, vì được cái mũi cao và đôi mắt to sáng giống mẹ. Mai hơn em hai tuổi, lấy chồng sớm hơn hai năm. Khi hỏi cưới Mai, Vượng đã có mảnh bằng cử nhân Luật. Lúc Vượng sắp ra trường, ông Khôi cũng vừa đến tuổi về hưu, muốn con rể mình về làm ở Bộ Tài Chánh cho ông nở mặt với đồng nghiệp; nhưng tự thâm tâm không muốn dính đến việc làm ăn khá phức tạp của cha vợ tương lai, chàng xin vào làm ở Bộ Kinh Tế.

Trong thời gian học Luật, đã ra ứng cử trong Ban Đại Diện trường, Vương quen Huân, lúc đó mới học năm thứ nhất. Tích cực giúp bạn tranh cử làm đại diện sinh viên, Huân được cảm tình của Vương.

Trong một dịp tạt qua nhà Mai, lúc mới quen nhau, Vương tình cờ rủ Huân đi theo. Lần đầu gặp hai chị em, Huân có cảm tình với cả hai, nhưng hiểu ngầm là bạn mình đang ngắm ngé Mai nên chàng một cách vô tình dồn mọi chú ý đến Lan. Có lẽ lúc ấy tình cảm của bốn người với nhau chưa nảy nở rõ rệt, như những nụ khép kín và chưa biết sẽ cho nở ra một bông hoa như thế nào... Sau bao năm từng trải sống ở đời, nay nhìn lại quá khứ, họ cảm nhận thời còn trẻ của mình nó mong manh như cánh bèo bồng bênh trôi giữa giòng đời, mơ hồ như thể mọi việc trên thế gian, dù quan trọng hay nhỏ nhoi, cũng đều xảy ra một cách tình cờ, không giải thích được nên cứ phải cho là như vậy?

Chẳng ai quyết định được điều gì cả? Hay chính *xác suất là định mệnh?* Đời là may rủi, giống như trong canh bạc, có lúc hên lúc xui, lẫn lộn nhau, lên xuống nhấp nhô như cơn sóng đời liên tiếp lôi cuốn con người lên xuống theo...

Vương cao ráo mà đạo mạo. Với dáng mạnh khỏe da ngăm đen, anh trông như một quân nhân hơn là trí thức. Trong khi đó, Huân ốm yếu và trắng trẻo, ra vẻ một thi sĩ. Có lần mấy bạn hữu đến chơi, gặp cả hai gia đình, nói nhỏ với nhau là đáng lẽ Vương xứng với Lan hơn, và Huân với cô chị... Không biết sao lời bàn tán ấy đến tai khiến Vương khó chịu ra mặt, trong khi đó chỉ làm Huân bâng khuâng không nói gì. Bề ngoài khác nhau và tính tình cũng như hai thái cực: Vương hướng ngoại và giao du rộng rãi, đi đâu cũng lớn tiếng như kẻ đầu đàn, đến chỗ nào cũng phải ngồi trước mọi người. Huân thì khá rụt rè và như có mặc cảm với đám đông, chỉ muốn đừng ai để ý đến mình, thường có vẻ xa cách với họ hàng lẫn cả bè bạn.

Chỉ từ khi qua định cư, Huân mới thích giao du với đồng đội và đồng tù cũ. Có lẽ do tính thích sống về nội tâm và nhờ từng trải, chịu cảnh tù đầy nên sau này, Huân say mê đạo Phật, cho là sâu sắc và hợp lý. Tuy vậy, chàng cũng không năng đi chùa hay lo tụng kinh kệ như vợ. Đôi lứa này tính tình khá tương phản nhau nhưng lại sống bền chặt, hút nhau như hai cực của Nam Châm. Xem ra, có nhiều sự việc mới nhìn phớt qua tưởng rằng xung khắc, thế mà một khi đã trải thử thách qua thời gian của cuộc đời, lại vừa khớp với nhau như cái xích với nhông của xe đạp, con người ta thay đổi mà ngoại cảnh cũng có khác đi. Người sống trong nhưng lụa

bao giờ cũng lạc quan và yêu đời, còn kẻ thất tình sầu thảm như *người buồn cảnh có vui đâu bao giờ?*

Biến cố *đổi đời* năm 1975, không những chỉ đơn thuần là có chủ nhân mới mà là *hoán đổi* vị trí giữa hai phía, với vai trò mới, chủ nhân trước nay thành đầy tớ, và kẻ thắng với người thua, đời sống như đang có hai cảnh giới rõ rệt: Thua ở dưới địa ngục, còn thắng được lên thiên đàng. Theo tôn giáo thì kẻ xấu phải xuống địa ngục, còn người tốt mới được lên thiên đàng. Nhưng oái ăm thay, ở đây kẻ xấu lại là kẻ chiến thắng và được hưởng hoàn cảnh của thiên đàng. Hoàn cảnh thay đổi, khiến con người cũng khác đi. Đứng trước cảnh ngộ đoạn trường, phản ứng của mỗi cá nhân mỗi khác. Và chính phản ứng mỗi cá nhân trước hoàn cảnh đã xác định cá tính và nhân cách mỗi người. Và mỗi người đều có một sức chịu đựng khác nhau khi đối diện với đau khổ, và khả năng sinh tồn riêng biệt. Con người chỉ níu kéo khi sợ bị mất cái gì đang mình có, còn nếu không có thì không còn gì để sợ mất nữa.

Tất nhiên do hoàn cảnh của cuộc sống, vì ảnh hưởng của thời gian và không gian, cả Vượng lẫn Huân đều thay đổi tâm tính, nhưng có lẽ nguyên nhân chính có thể tại vì hai người là *cột chèo* với nhau? Như cái cột với mái chèo: Cần ràng buộc vào với nhau để tồn tại nhưng lại không thể cột chặt quá được: Sự ràng buộc giữa Vượng và Huân là do hai chị em Mai và Lan níu kéo vào với nhau, dù hai ông chồng phản ứng chỉ muốn đẩy ra!

Xuất thân từ một giòng họ giàu có nổi tiếng lâu đời, trong nghề buôn vàng ở Hà-Nội, đến khi vào Nam, gia đình anh chị em đời cha của Vượng đã làm chủ nhiều tiệm vàng đường Lê Thánh Tôn, nổi tiếng trong giới thương trường như các hiệu vàng Kim-Long, Kim-Lân ..v.v...Có lẽ vì truyền thống ăn trên ngồi trước, ở trong nhà đầy rẫy gia nhân, lúc nào cũng khúm núm, vâng dạ khi thưa chuyện với *cậu Vượng*, khiến chàng trở thành tự kiêu, tự coi mình hơn người? Mà cũng có thể do chàng có tài kinh doanh, học thức hơn người..., và chắc chắn là hơn đứa em đồng hao của mình.

Theo tiêu chuẩn bình thường, tất nhiên chàng thành công và xuất sắc hơn Huân: Có tài nên dễ tự kiêu, nhưng bản chất Vượng tốt bụng vì có một đời sống đầy đủ, và tận tình giúp đỡ bạn bè lẫn bà con, kể cả Huân nếu cần đến. Khi mới qua Mỹ năm 75, một mình Vượng đi làm, ban đầu có khó nhọc, có khi phải làm hai *jobs*, sống vừa đủ nhưng vẫn chắt chiu gửi về cho gia đình vợ. Nhờ đó mà Lan có thể thăm nuôi chồng; và khi qua được Mỹ, vô tình hay do mặc cảm, Huân lại đã không có lời cảm ơn người anh *cột chèo* của mình...

Trước kia ở Việt-Nam, *con vua thì lại làm vua, con sãi ở chùa lại quét lá đũa*. Nhưng ở xứ Bolsa thì khác, con cái HO tuy qua sau, nhà nghèo nhưng có nhiều người học giỏi và may mắn ngoi lên có địa vị trong xã hội mới, phải chăng cũng lại xảy ra thêm một cuộc *đổi đời* nữa?

*

Mới bốn giờ chiều, nhưng Lan đã sửa soạn xong bữa cơm để cho Huân ngủ dậy là có ăn ngay. Vì làm ca đêm, cả tối chàng ít ăn, và còn một lý do nữa họ cần xong sớm là để nhường bàn ăn cho gia chủ đi làm về, đến phiên họ ăn tối. Khi đó, hai vợ chồng Huân lại chui vào buồng trong nhà xem ti-vi.

Từ khi hai đứa con trai tốt nghiệp và đã có việc, dọn lên San Jose, Huân điều đình với chủ nhà, và cũng là bạn cũ cùng đơn vị để chỉ phải trả tiền share có một phòng. Dù họ đành chịu, nhưng cũng để lộ vẻ khó chịu vì căn phòng đó phải để trống và không cho ai thuê được.

Hôm nói chuyện với hai vợ chồng chủ nhà, bà vợ không chịu, nêu lý do đã giao kèo chịu thuê hai phòng, nay bỏ ngang kẹt cho họ. Huân vốn tính dễ chịu, nghe nói vậy, có vẻ đồng ý chịu một số tiền cho họ, nhưng Lan nháy chồng ngay và nhất định không chịu, rồi đòi dọn ra... cảm thấy có sứt mẻ chỉ vì chuyện tiền nong, Huân buồn lòng, nhưng có lẽ do yếu đuối, chàng chỉ muốn êm đẹp cho xong. Chàng cho là anh bạn chủ nhà cũng tốt bụng, đã cứu mang gia đình Huân khi mới qua. Nhưng rồi, dường như lòng tốt của con người đều có giới hạn, nếu không đụng chạm đến quyền lợi gì, thì cái gì cũng được, nhưng chỉ khi chạm đến chút hao tổn thì sự vui vẻ như tan biến hẳn...cũng như khi ở tạm với Vợng, chỉ được một tuần lễ vui với nhau, sau đó là có chuyện hục hặc.

Mới chân ướt chân ráo từ Việt-Nam sang, gia đình Huân không rành gì về lối sống, những sinh hoạt lật vật trong nhà từ cách giữ vệ sinh trong phòng hay nhà tắm. Mức độ sạch sẽ của một gia đình HO có lẽ thấp hơn của một nhà giàu như Vợng, một chuyên gia địa ốc nên có thói quen giữ nhà cửa bóng loáng, như sẵn sàng để bán.

Vợ chồng Huân và hai đứa con trai được Vợng dành cho hai căn phòng nhỏ và một phòng tắm riêng, nhưng vì không biết đến cách giữ vệ sinh và dọn dẹp theo kiểu Mỹ, nên khi Vợng vào phòng chơi, thấy bừa bãi, lộn xộn và đồ ăn cũ còn để rải rác dưới đất, khiến chàng bực mình. Hơn nữa, Mai phải lo cơm nước thêm cho gia đình cô em nên cũng đâm khó chịu và cũng cần nhắc cô em.

Về phía Huân thì không hiểu sự khó khăn đó và cho là người anh cột chèo kiếm chuyện và muốn họ dọn ra. Một hôm, khi thấy Huân mang chai

rượu của mình ra uống, Vương lên tiếng là nếu muốn thì phải hỏi trước, không thể tự tiện như vậy được, hoặc mua riêng mà uống, khiến Huân đau nhói vì tủi thân, không uống nổi hết ly rượu. Đêm đó, Huân tâm sự cho Lan nghe và hai vợ chồng cùng ứa nước mắt, nhìn nhau khóc thầm, cho là quá tủi nhục ... sự kiện đó như giọt nước làm tràn ly, khiến Huân lo kiếm chỗ dọn, và may mắn liên lạc với người bạn cũ cùng đơn vị. Trước kia hai người là bạn cố tri, có thể sống chết cho nhau...

Dự định ngồi đọc tờ báo trong khi chờ chồng ngủ dậy cùng ăn cơm, Lan bước qua phòng khách, cùng lúc đó, Huân mở cửa phòng ngủ đi ra. Thấy chồng, Lan hỏi: "Anh đói chưa? Hũ mắm tôm chua đã ngấm, bữa nay mình ăn nhe."

Đi vào phòng khách, Huân ngồi xuống ghế bành bên cạnh vợ, với cái *remote*, xong trả lời: "Ăn gì chả được em...để anh vặn xem tin tức có gì lạ không." Trong khi hình ảnh đang hiện lên máy TV, Huân vặn tìm đài chuyên về tin tức... Lan đứng dậy nói: "Tin tức lúc nào cũng chỉ toàn chuyện chiến tranh hay khủng bố, giết nhau. Nếu không thì là thiên tai, coi miết ghê bỏ xừ. Thôi em đi sửa soạn cơm nhe."

Huân không trả lời vợ, ngồi yên xem...

Dù nghe nói có lý, nhưng chàng có nhóm bạn HO, cứ mỗi ngày thứ bảy lại tụ nhau uống cà-phê tán dóc nói chuyện chính trị, cho nên Huân cần am tường thời sự để còn nói đối đáp, bàn tán với họ.

Xem được vài phút, không thấy có tin gì lạ, Huân tắt máy truyền hình, ngồi ngả người trên ghế, mơ màng... nghĩ đến Lan mới nói sẽ cho ăn món mắm tôm chua, Huân chợt liên tưởng đến món *mắm ruột cá* được ăn, lần đầu tiên trong đời khi bị giam ở Long Giao: dạo đó, chàng ở chung với hai anh sĩ quan Hải Quân, gốc miền Trung, xứ Quảng Nam hay Quảng Ngãi gì đó. Một ngày, Đội được phát một con cá mập to cỡ hai chục ký. Sau khi nhà bếp xẻ ra kho, còn sót lại bộ ruột. Anh nhà bếp tính vứt đi thì hai anh này xin về Tổ và hì hục làm sạch sẽ bộ đồ lòng, cắt nhỏ ra ngâm vào hũ, thêm muối để làm mắm. Khoảng một tuần lễ sau, khi cá kho phát ra ăn đã hết, Huân được hai anh cho thử một thìa mắm ruột cá này: chàng không ngờ nó ngon như thế, vừa béo ngậy, vừa đậm đà... sau đó, Huân tự hứa khi ra khỏi tù sẽ tìm kiếm món mắm này ăn lại, nhưng khi về đến Sài-Gòn, hỏi thăm không ai biết đến, mà chỉ cười chàng là có lẽ đã ăn đến món mắm cá lóc của người Miên, vừa hôi, vừa thối! Khiến Huân đâm nghi ngờ cả chính mình, cho là: có lẽ vì quá đói, thiếu thốn nên đã thấy ngon.

Sau này, chàng cò hỏi vợ, thì Lan chỉ cười trừ, trả lời không hề có món quái đản đó, nghe có vẻ dơ dáy quá...

"Thôi qua ăn đi này...để cơm nguội hết." Tiếng Lan ở trong nhà nói vọng qua kéo Huân về với hiện tại. Đứng dậy bước qua bếp, chàng kéo ghế ngồi xuống.

Nhìn các món ăn trên bàn, anh tấm tắc khen vợ: "Em giỏi quá, đúng là có cả công, dung, ngôn, hạnh đấy nhé."

Lan cười đáp lại: "Vây anh là số một rồi nhé, sướng nhất đời là chỉ có anh !" Huân bàn thêm: "Chúng mình có đủ cả, chỉ thiếu có ...tiền thôi em à." Nói xong chỉ có Huân nghĩ là khôi hài, Lan nghiêm mặt như đó là sự thực tế đau lòng.

Lan đưa bát cơm vừa xới nóng hồi đang tỏa khói cho chồng, xong cũng ngồi xuống. Hai vợ chồng ăn ngon lành... thoáng qua đã xong bát đầu, chàng đưa cho vợ ngồi đầu bàn xới thêm. Vừa bới cơm, Lan vừa kể: "Sáng nay em đến thăm chị Mai, anh Vượng đi làm không có nhà. Chị ý nói sẽ có năm ngàn cho bọn mình vay đó. Anh tạt qua chỗ Lake Park đi xem có cái nào khác để bán không, và hỏi kỹ tiền đất là bao nhiêu và họ có tặng mỗi năm không." Nói xong, nhìn chồng như dò phản ứng, nói tiếp: "Chị Mai gặp em vui vẻ lắm, cứ nhắc lâu lâu ghé chơi và còn cho hai chai rượu mang về cho anh...lát nữa anh gọi phone vô sở anh Vượng nói chuyện đi nhe?"

Nghe nói đến người anh cột chèo, Huân nhăn mặt không nói gì. Kỷ niệm những ngày ở chung lúc mới qua với Vượng lại len lén trở lại khiến chàng khó chịu, trong bụng không muốn để vợ hỏi bà chị, nhưng biết là Lan cần số tiền này và không còn ai để hỏi vay được: bà con của Huân đều còn ở Việt-Nam cả, anh em thì chẳng có ai. Huân bỗng cảm thấy mình đã thay đổi, nhất là sau khi ở tù về, không như trước kia, chẳng hề nghĩ là cần phải có nghề nghiệp kiếm tiền hay cần có nhiều tiền như Vượng. Trái lại, Huân còn chê Vượng là tầm thường sống như mọi người trong xã hội: có cái bằng cấp, rồi đi làm kiếm tiền nuôi vợ con. Chẳng nhẽ đời chỉ có thế thôi, vậy còn đâu là lý tưởng hay sự hấp dẫn, phiêu lưu bất ngờ của cuộc sống ? Nhưng hôm nay chàng tự nghĩ mình phải thành thật với chính mình: đó là Huân cũng tầm thường như Vượng thôi, cũng cần tiền cho gia đình được thông thả, nhẹ nhàng, chàng cần có một mái nhà riêng, không còn phải đi ở trọ, vợ con có chiếc xe mới, không còn cảnh nằm đường phải chạy đi câu xe về sửa...

Thấy chồng trầm ngâm, Lan đùa: "Kia ăn đi chứ...ngồi nhớ đến con bò nhí nào hả ông, già rồi còn gì mà mơ mộng, nhất là anh chẳng có đồng xu nào thì đừng có hòng!"

Huân vội cầm chén cơm lên, chán nản, có lẽ với chính mình, đáp lại: "Ăn xong anh gọi xin lỗi anh Vương, dù sao anh ý bụng dạ không có gì, chỉ có tật nói nặng người khác."



Đang ngồi xem bộ phim Hàn Quốc ở *family room*, chợt có tiếng cửa ga ra vọng vào, Mai biết Vương đã về. Và theo thói quen, ngược nhìn đồng hồ treo tường, thấy đã hơn bảy giờ thì nàng biết chồng chiều nay về trễ hơn mọi ngày. Đứng dậy bước ra bên bếp Mai bắt đầu lấy lọ mắm tôm chua ra gấp vào chén, còn các món thịt luộc và rau khác đã được bày sẵn trên bàn.

Sáng nay, sau khi Lan về, Mai dự tính hỏi xem chồng có muốn đi ra ngoài ăn cơm tối không nên nàng gọi phone cho Vương ở sở hai lần mà không gặp. Sau đó, thấy sẵn có hũ mắm tôm chua Lan vừa cho, nàng chạy qua chợ mua mấy thứ rau và miếng thịt ba rọi sữa soạn bữa cơm tối. Xong mở tivi xem nốt bộ phim.

Đang suy nghĩ chưa biết Vương sẽ uống rượu gì để lấy thì chàng xuất hiện trước mặt nàng. Nhìn chồng, thấy sắc mặt bình thường như không có vụ cãi nhau sáng nay, đoán có lẽ Vương đã bỏ qua, vì biết tính chồng mau nổi giận nhưng cũng chóng quên, Mai hỏi: "Hôm nay về hơi trễ hả anh?". Đưa tay tháo cà-vạt, Vương cười nhìn vợ: "À, lại kẹt xe ở xa lộ 405 qua 22. Hôm nay anh đi lên Los *close* cái nhà cạnh biển, họ mua gần hai tháng bây giờ mới có đủ tiền trả...Thời cũng xong. Em làm món gì đó? Trưa nay anh chỉ ăn có cái xà-lách nên đói."

"Mắm tôm chua ấy mà, Lan nó làm mang cho sáng nay. Nó biết anh thích nên muối hai hũ, cho mình một. Anh có uống nốt chai rượu vang mở hôm qua không?"

Đang đứng cạnh bàn ăn, Vương trả lời: "Không, mắm thì phải uống bia hay rượu mạnh chứ Shiraz không được đâu, mùi mắm mạnh quá thì phí cả rượu." Chàng tìm chai bia trong tủ lạnh, với lấy cái ly trên bếp, rồi ngồi xuống ghế, với về hài lòng rót ra ly, xong đưa lên hớp một ngụm bia. Vương chợt nghĩ đến nhiều người uống bia mà không cần ly, riêng chàng cũng không rõ lý do gì mà không thể tu chai được, nó làm mất ngon đi. Cả hai cũng ngồi xuống ghế đối diện nhau chỗ cố định mỗi ngày, Lan gần bếp để tiện đứng lên lấy tiếp các thứ cần.

Mai bóc giấy bóng bao mấy đĩa rau. Nàng mở tới đâu, Vương gấp bỏ ngay vào chén như đang đói bụng... Ăn xong một miếng đầy miệng, như nhớ ra điều gì, Vương nói: "Huân nó có gọi cho anh hỏi ý kiến về cái nhà tụi nó tính mua ở đường số Một, anh nói để cùng đến xem cho kỹ, coi chừng tiền thuê đất đắt, sẽ kẹt luôn..."

Nhưng nói đến vụ mua nhà của Lan và Huân, Mai muốn nhắc đến số tiền cho em vay nhưng chưa biết thổ lộ cách nào cho khéo thì Vượng nói tiếp: “Huân cũng hỏi vay mình năm ngàn như em nói sáng nay và có hứa trả trong vòng ba tháng... Anh nói ô kê, miễn là phải đúng hẹn.” Mai tiếp lời: “Tụi nó có hai thằng con ngoan, vừa có job với hãng lớn cả, thế nào mà chả giúp cha mẹ vài ngàn đô. Mình khỏi lo chuyện đó.”

Hai vợ chồng ngưng nói, yên lặng ngồi ăn ngon lành, nhưng mỗi người suy nghĩ đến một chuyện khác nhau: Vượng vui mừng đã bán xong căn nhà giá trên triệu bạc, còn Mai lại liên tưởng đến tình cảnh của gia đình mình mà buồn buồn trong dạ vì ba thằng con trai sống như Mỹ, chúng độ này ít khi về nhà, mà có về thì chỉ muốn moi tiền cha mẹ...



Xem ra số mệnh của Vượng và Huân đã cột chặt với nhau, tuy lỏng lẻo như cột với chèo thế mà không sao tách ra được. Phải chăng, nếu họ cố gắng chấp nhận nhau, để cho con thuyền gia đình trôi chảy như trong lúc này, thì cũng làm hài lòng hai bà vợ là hai chị em một thời rất gần gũi với nhau ./

NGỌC CƯỜNG

TẾT LỖ HƯƠNG

*Đêm mơ nghe tiếng pháo
Tưởng đón xuân quê nhà
Chợ Bến Thành đông đảo
Phố Nguyễn Huệ đầy hoa*

*Đêm giao thừa rộn rã
Đi hái lộc đầu năm
Kê đến chùa lạy Phật
Người vào Lăng* xin xăm*

*Mai vàng tươi hương sắc
Chào mùa Xuân thiêng liêng
Người người vui mở hội
Cùng đón xuân mội miên*

*Trên bàn thờ ngày Tết
Đủ bánh, mứt, rượu, trà
Thịt kho tàu dưa giá
Hoa trái cúng ông bà*

*Chợt giật mình tỉnh mộng
Giữa đêm trường quạnh hiu
Tết về trên Bắc Mỹ
Trời lạnh giá tịch liêu!*

Hoàng Trùng Dương
(*) Lăng Ông Bà Chiểu

TẾT KỶ HỢI XEM MỘT SỐ TRANH VỀ HEO



“Sung Mãn” - Lê Trí Dũng



“Lợn Mán” - Thành Chương



“Xuân Kỳ Hợi” - Quách Việt Hà



“Heo Kỳ Hợi” - Đỗ Trung Quân

ĐÃ CÓ BÁN



VĂN HỌC VIỆT NAM

Tác phẩm mới nhất của **Trần Bích San**
nhà xuất bản  **Cỏ Thơm**

- **Cộng Sản hủy diệt, người Việt Quốc Gia bảo tồn, gìn giữ nền văn hóa nhân bản dân tộc.**
- Tác phẩm bao gồm các yếu tố căn bản của nền Văn Học Việt Nam. Truy tìm tận gốc rễ sự thực các dữ kiện văn học tiềm ẩn chưa phát hiện. Hiệu đính sai lầm, bổ túc thiếu sót trong Văn Học Sử.
- Một quyển sách không thể thiếu trong mỗi gia đình người Việt hải ngoại.
- Công trình biên soạn công phu trong 20 năm. Sửa chữa và bổ túc trong 3 năm. Sách dày 1200 trang, khâu chỉ, bìa cứng, bọc plastic, chữ vàng, hơn 500 hình ảnh, tài liệu quý hiếm.
- **Giá bán \$50. Độc giả ở Hoa Kỳ miễn phí shipping. Tất cả tiền bán sách (vốn & lời) được dùng tặng quỹ yểm trợ Thương Phế Binh VNCH của Nhà thờ Dòng Chúa Cứu Thế ở Saigon. Tổng số tiền yểm trợ và biên nhận tiền gửi sẽ được công bố trên báo chí. Check hay Money Order trả cho THÁI TRẦN.**
- *Mua sách xin liên lạc:*
Tiến Sĩ Trần Gia Thái, Ph.D.
hoặc **Trần Ngọc Châu**
P.O. Box 740248
New Orleans, LA 70174
(504) 615-5606 - (504) 263-5661
Email: chautran6@aol.com

GIỚI THIỆU SÁCH VĂN HỌC VIỆT NAM CỦA TRẦN BÍCH SAN

**** Trần Văn Tích ****

Chúng ta đã có nhiều công trình biên khảo về nền văn học dân tộc của Dương Quảng Hàm, Nghiêm Toản, Phạm Thế Ngũ, Hà Như Chi, Phạm Văn Diêu, v.v..Đó là chỉ nói về Miền Nam, dưới chế độ quốc gia. Ở Miền Bắc cũng có nhiều tuyển tập văn học sử, phần lớn do một tập thể biên soạn.



Các tác giả sáng tác theo tinh thần quốc gia chỉ nhắm mục đích là cung cấp cho giới đọc sách một cái nhìn tổng quát về văn học sử Việt Nam. Đến lượt mình, **Trần Bích San** nêu rõ tâm nguyện khi chấp bút nơi trang 25 sách *Văn học Việt Nam* : “*Sách này được soạn thảo với mục đích bảo tồn sự trung thực của lịch sử văn học Việt Nam.*” Như vậy, khác hẳn các nhà nghiên cứu văn học sử tiền bối, Trần Bích San không những là một người biên khảo văn học mà còn là

một người lính chống cộng.

*

Tác phẩm *Văn học Việt Nam* phát hành cuối năm 2018, dày 1200 trang, in chữ cỡ lớn, do Nhà Xuất bản Cổ Thơm ấn loát và tác giả cùng thân nhân phát hành. Sách gồm 31 chương, bắt đầu với Chương 1 Nguồn gốc Văn học Việt Nam rồi qua các Chương 2 Chữ Việt Thượng Cổ, 3 Chữ Hán Chữ Nho, 4 Chữ Nôm, 5 Chữ Quốc Ngữ; kế tiếp là các Chương 6 Giáo Dục Nho Học, 7 Giáo Dục Pháp Thuộc, 8 Giáo Dục Cộng Sản, rồi đến các Chương 10 về Nho Giáo, 11 Quan Niệm Quân Tử-Đại Trượng Phu, 12 Mẫu Người Kể Sĩ, 13 Danh Vị Tam Nguyên, 14 Học Vị Phó Bảng. Từ Chương 15 Văn Khảo Khái Luận qua các Chương 16 Phương Pháp Biên Soạn Văn Học Sử, 17 Sai Lầm, Nghi Vấn Trong Văn Học Sử, 18 Trở Ngại Biên Khảo Nho Nôm, sách trình bày cung cách và tầm nhìn văn học sử cùng với những vấn đề tồn nghi. Lịch sử văn học dân tộc được ký thác trong các Chương 19 Trương Vĩnh Ký, 20 Đông Dương Tạp Chí và Nam Phong Tạp Chí, 21 Tự Lực Văn Đoàn, 22 Các Nhà Văn CỎ THƠM

Nữ Chử Việt, 23 Trào Lưu Văn Chương Lãng Mạn, 24 Khuynh Hương Trào Phúng, 25 Thơ Văn Yêu Nước, 26 Thi Ca Dục Ái. Phần cuối gồm những Chương 27 Câu Đối, 28 Phê Bình Văn Học, 29 Truyện Ngắn, 30 Phóng Sự-Tuỳ Bút và 31 Ca Dao. Sách chấm dứt với ba Phụ Lục: Các Nhà Văn Nữ Chử Quốc Ngữ, Mục Lục Tác Gia, Nhân Vật và Tiểu Sử Tác Giả.

Sáng tạo

Chương 2 Chử Việt thời Thượng cổ là một chương mới, các sách viết về văn học sử dân tộc trước kia không có. Chương này trình bày các luận cứ nhằm chứng minh là người Việt có văn tự riêng từ đời thượng cổ căn cứ vào các di tích khảo cổ học. Sách còn giới thiệu cả bài hịch của Hai Bà Trưng viết theo tự dạng tiếng Việt thời cổ đại.

Các chương dành riêng cho hai vấn đề Danh vị Tam nguyên và Học vị Phó bảng là những chương chỉ giáo quý báu và khoa học, chúng được trình bày một cách có hệ thống về hai học vị thời phong kiến kèm theo danh tính và tiểu sử các vị tam nguyên (Lê Quý Đôn, Trần Bích San, Nguyễn Khuyến, Vũ Phạm Hàm kèm theo giai thoại văn học) và một số vị phó bảng (như Nguyễn Văn Siêu, Hoàng Diệu, Kiều Oánh Mậu, Phan Chu Trinh v.v..). Riêng đối với Kiều Oánh Mậu, sách *Văn học Việt Nam* chỉ ghi nhận Ông là tác giả *Bản triều Bản nghịch Liệt truyện*. Thực ra Kiều Oánh Mậu còn là một nhân vật văn học sử rất quan tâm đến nền văn học chữ Nôm nên đã dẫn nôm các truyện *Tỳ bà*, *Hương sơn Quan thế âm*. Đáng nói hơn nữa, Kiều Oánh Mậu đã tiến hành chú thích rất công phu *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, phân biệt rõ ràng các bản phùng, bản kinh và trả lại tên gọi chính thức *Đoạn trường tân thanh* cho *Truyện Kiều*.

Chương 17 Sai lầm, Nghi vấn trong Văn học sử có thể được xem như một bản tập đại thành về những vấn đề còn tồn nghi liên quan đến thành phần chính thức của Tự lực Văn đoàn, đến năm sinh năm mất của một số nhân vật, đến hành trạng tiểu sử của một vài khuôn mặt, đến tác giả đích thực của một số tác phẩm văn học, v.v.

Ca dao đã được đề cập đến ở Chương 1 nhưng Chương cuối, Chương 31 lại cũng mang tên Ca dao. Đúng ra nó phải mang tên Ca dao Lịch sử vì Chương này trình bày ca dao thời Nguyễn triều và nhất là ca dao thời

hiện đại, sau tháng tư đen tức ca dao đã kích chế độ cộng sản, gồm từ trang 997 đến trang 1023.

Kèm theo những phần do chính tác giả phụ trách viết, có những phần gọi chung là “Bài đọc thêm”, những phần này góp công vào việc giải thích chi tiết hơn, chu đáo hơn, cụ thể hơn những điều đã được ký thác trong văn bản chính.

Thiếu sót

Có những chi tiết tác giả chưa biết để nêu ra trong thành quả trí tuệ của mình.

Không những chỉ có *Nam Phong* được chuyển toàn bộ vào sáu đĩa DVD (tr. 644) mà *Bách Khoa* cũng được tàng trữ nguyên vẹn tại Thư viện Quốc gia của Quốc Hội Hoa Kỳ và thư viện Đại học Yale; mới đây tạp chí này còn được Diễn đàn Thế kỷ bên Mỹ số hoá toàn bộ và 426 số báo đã được điện tử hoá, qua công trình của nhà nghiên cứu văn học Phạm Phú Minh.

Trần Thanh Mai đã tìm ra khuê danh của Bà Huyện Thanh Quan là Nguyễn thị Hinh. Chữ “hinh” viết với bộ “hương” trong chữ Hán nghĩa là mùi thơm lan toả mạnh và xa, như nói *hinh hương đảo chúc* nghĩa là đốt hương cầu khẩn; *thuy hinh thiên tự* nghĩa là để lại tiếng thơm ngàn năm. Khi *Hiệp khách hành* của Kim Dung sắp chấm dứt, người đọc có dịp làm quen với nhân vật nữ tên họ là Mai Văn Hinh, Văn Hinh có thể chuyển sang Anh ngữ thành *literary perfume*, một cái tên thực đẹp.

Trong tác phẩm của mình, Tác giả Trần Bích San chỉ có thể trình bày những kiến giải tưởng chừng đã ổn định nhưng thực ra không phải chính xác.

Ví dụ, đối với *Kinh Dịch*, tác giả chấp nhận là đã được “Khổng Tử giải nghĩa” (tr. 290). Đó là một phần nội dung thuyết *tác dịch tam thánh* của Trịnh Huyền đời Đông Hán, theo thuyết này, truyền thuyết cho rằng Phục Hy chế ra quẻ, Chu Văn Vương viết *Quái từ* và Khổng Tử viết *Thập dịch*. Tuy nhiên theo khảo chứng của các tác giả gần đây, thuyết này không đáng tin vì Phục Hy là một nhân vật hư cấu, huyền thoại, không có thật;

vả lại *Kinh Dịch* không phải là tác phẩm do một nhân vật viết trong một thời đại. *Chu Dịch* đã được nhiều tác giả chuyển sang Việt ngữ, như Phan Bội Châu, Ngô Tất Tố, v.v..

Nơi trang 125, tác giả cho rằng *Thuyết Văn Giải Tự* của Hứa Thận soạn có 9.353 chữ. Sự thực lịch sử phức tạp hơn. Hứa Thận căn cứ vào kinh điển cổ văn cùng các sách *Sử lược thiên* và *Thương Hiệt thiên* để biên soạn thành bộ tự điển *Thuyết Văn Giải Tự* vào năm Kiến Quang nguyên niên đời Hán An đế (121). Công trình trước tác đời đời 23 năm. Nguyên bản sách này đã bị tàn khuyết, triều Nam Đường thời Ngũ Đại, Từ Huyền hiệu đính xác định văn bản thu chép được 10.516 chữ, trong đó có 1163 chữ trùng lặp, còn lại 9.353 chữ. Năm 1963 sách được Trung Hoa Thư cục xuất bản. Trong lịch sử qua các triều đại, các bản chú thích *Thuyết văn Giải tự* có rất nhiều, ảnh hưởng lớn nhất là *Thuyết văn Giải tự chú* của Đoàn Ngọc Tài đời Thanh do Thượng Hải Cổ tịch Xuất bản xã phát hành năm 1981.

Chế độ quốc gia vốn quan tâm rất lớn đến kho tàng văn học chữ Hán nên đã có nhiều cống hiến rất đáng biểu dương và trân trọng như thành lập Ủy ban Dịch thuật thuộc Phủ Quốc vụ khanh Đặc trách Văn hoá với người đứng đầu cơ quan là Mai Thọ Truyền, kế đó lại thành lập Trung Tâm Học Liệu với trụ sở ở đường Trần Bình Trọng. Ngoài ra còn có những tổ chức dịch thuật từ Hán sang Việt khác như Ủy ban Phiên dịch của Viện Khảo cổ Sài Gòn, Ủy ban Phiên dịch Sử liệu Việt Nam của Viện Đại học Huế, Hội Việt Nam Nghiên cứu Liên lạc Văn hoá Á châu v.v.. Riêng Ủy ban Dịch thuật của Phủ Quốc vụ khanh qui tụ nhiều ban ngoài ban Hán, ban Nôm còn có các ban Trung Hoa học, Anh, Pháp, Nhật, Đức v.v.. Mỗi ban lại chia ra nhiều tổ chuyên môn như ban Hán văn có các tổ Sử, tổ Địa, tổ Triết. Đội ngũ dịch giả khá đông đảo, dễ đến hơn trăm người, nhiều người có danh vọng và uy tín như Đoàn Trung Còn, Lê Xuân Giáo, Lê Mạnh Liêu, Hoàng Khôi, Lê Xuân Mai, Tạ Quang Phát. Những dịch phẩm đã hoàn tất bao trùm các lĩnh vực văn, sử, triết, luật, địa, kinh... Xin liệt kê vài tác phẩm đáng để ý vì có giá trị đặc biệt về văn học lịch sử, do từng cá nhân hoặc do Phủ Quốc vụ khanh phụ trách dịch thuật, ấn loát và phát hành:

Quốc triều Hình luật do Cao Nãi Quang dịch, xuất bản năm 1956;

An Nam Chí lược, do Ủy ban Phiên dịch Sử liệu Việt Nam Viện Đại học Huế xuất bản năm 1961;

Ô Châu Cận lục do Bùi Lương dịch, xuất bản năm 1961;

Sử ký Tư Mã Thiên, Nhượcng Tống dịch, xuất bản năm 1964;

Ức Trai tập, Hoàng Khôi dịch, xuất bản năm 1972 v.v..

Ngoài ra *Công dư Tiệp ký* của Vũ Phương Đề, *Vân đài loại ngữ*, *Kiến văn Tiểu lục* của Lê Quý Đôn, *Lịch triều Hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú v.v..cùng với *Tứ thư Ngũ kinh* của Nho giáo cũng được Trung tâm Học liệu tổ chức dịch thuật và ấn loát, phát hành. Các tài liệu tham khảo này in và đóng thành sách với trang giấy cỡ lớn, văn bản ít lỗi ấn loát và nhất là với ưu điểm nổi bật mà chỉ có sách dịch dưới chế độ quốc gia mới làm được, đó là việc in nguyên văn chữ Hán kèm theo ở phần sau hoặc xen kẽ với phần dịch. Công việc in nguyên văn Hán tự không những giúp phổ biến rộng rãi các tác phẩm cổ mà các nguyên bản chữ Hán đính kèm dịch phẩm còn có tác dụng giúp người đọc có phương tiện và cơ hội thẩm tra lại những chỗ còn nghi vấn khi cần thiết hoặc cung cấp thêm tài liệu cho giới nghiên cứu tiến hành khảo dị.

Bổ túc

Chúng tôi trộm nghĩ sách *Văn học Việt Nam* cần được bổ túc bằng một chương riêng liên quan đến thi loại *từ* trong văn học Việt Nam.

Tất cả các tài liệu văn học sử Việt Nam từ trước đến nay không có tài liệu nào trình bày về thi loại *từ*. Trường Đại học Văn khoa Hà Nội trước 1954 và Trường Đại học Văn khoa Sài Gòn trước 1975, cả hai trường đều không có một giờ nào giảng về *từ* cho sinh viên. Thậm chí Giáo sư Văn khoa Trần Trọng San còn cho rằng “trong văn học Việt-Hán chỉ có độc nhất một bài *từ* : bài này làm theo điệu *Vương lang qui* do Đại sư Ngô Chân Lưu tặng sứ thần nhà Tống Lý Giác ở thời Lê Đại Hành (năm 907); trong văn chương chữ Nôm chỉ có mấy bài *từ* làm theo điệu *Tây giang nguyệt* trong truyện *Sơ kính tân trang* của Phạm Thái ở đời Hậu Lê”. Đến lượt mình, tác giả Trần Bích San chỉ có một lần duy nhất đan cử thể *từ* nơi trang 183 một cách ngắn ngủi, nguyên văn: “các bài *từ* của Phạm Thái”.

Từ là một thể loại thi ca cổ điển của Trung Hoa. *Từ* manh nha thời Nam triều, trưởng thành vào đời Đường, thịnh hành ở thời Tống. *Từ* sản sinh sớm nhất trong dân gian, gốc gác của nó vốn là chốn thanh lâu và các chuyên viên trình diễn *từ* đầu tiên là giới kỹ nữ. *Từ* là tổng hoà thi và nhạc bởi vì mỗi bài *từ* đều được viết theo một nhạc phổ mà thuật ngữ chuyên môn gọi là *từ phổ* và công việc đặt lời ca cho *từ* phổ được gọi là *điền từ*.

Bài ca của Đại sư Ngô Chân Lưu sáng tác để tống tiễn sứ thần Lý Giác thực ra làm theo điệu *Nguyển lang qui* chứ không phải *Vương lang qui*. Nhà Trần tiếp sứ Nguyên là Trần Phu đã cho cử nhạc gồm các điệu *Trang Chu mộng điệp*, *Bạch Lạc Thiên*, *Mẫu biệt từ*, *Vi sinh*, *Ngọc tiêu*, *Đạp ca*, *Thanh ca*, *Giáng chân long*, *Nhập Hoàng đô*, *Yến giao tri* và *Nhất thanh phong*. Đó là những khúc hát đã được Lê Quý Đôn ghi lại trong *Kiến văn Tiểu lục*, dựa theo *Giao châu Thi tập* của Trần Cương Trung; rất có thể đây là những điệu *từ*. Điệu *Đạp ca* chẳng hạn có lẽ là điệu *Đạp ca từ*. Bài *từ* cuối cùng là của Tản Đà, đó là bài *Tống biệt* viết vào năm 1917 theo điệu *Hoa phong lạc*.

Giữa hai thời điểm 907 và 1917 – hơn mười thế kỷ – thịnh thoảng cũng có tác gia vận dụng thể *từ*. Về phái nữ có Liễu Hạnh tiên chúa với những bài theo các điệu *Bộ bộ thiêm*, *Xân quang hảo*, *Cách phố liên*, *Nhất tiễn mai*; Trương Quỳnh Thư trong *Sơ kính tân trang* với hai điệu *Tây giang nguyệt* và *Nhất tiễn mai*; Hồ Xuân Hương với điệu *Xuân đình lan*.

Về nam giới có thể kể chúa Trịnh Cương với điệu *Kiều dương cách*; Ngô Thì Sĩ với điệu *Tô mộ giá*; Tùng Thiện Vương với rất nhiều điệu tập hợp trong *từ tập Cổ duệ từ* như *Hoãn Khê sa*, *Thanh bình lạc*, *Dương châu mạn*, *Mô ngư nhi*, *Giải bội lệnh*, *Lưỡng đồng tâm*, *Kim nhân bổng ngọc bàn*, *Pháp khúc hiến tiên âm*; Đào Tấn với gần hai mươi điệu trong *Mộng mai từ tập*: *Mãn giang hồng*, *Bồ tát man*, *Nhất lạc sách*, *Ngư phủ từ*, *Lâm giang tiên*, *Trường tương tự*, *Giá cô thiên*, *Úc Vương tôn*, *Úc Giang nam*, *Hậu đình hoa*, *Ỗ la hương*, *Ngư mỹ nhân*, *Tiểu trùng sơn*, *Như mộng lệnh*, *Điệp luyến hoa*, *Chuyển ứng khúc*, *Bốc toán từ* v.v.. Thi hào Nguyễn Du cũng có ít nhất một bài theo điệu *Hành lạc từ* và mười lăm bài theo điệu *Trúc chi từ* (mà tác giả *Truyện Kiều* gọi là *Trúc chi ca*). Ngoài ra các nhân vật hư cấu truyện Nôm như Vương Thúy Kiều trong *Truyện Kiều* của

Nguyễn Du, Tô Hữu Bạch trong *Ngọc Kiều Lê tân truyện* của Lý Văn Phức cũng đều có *điền từ*.

*

Khoa văn học sử có nhiệm vụ nghiên cứu các hiện tượng văn học, các phong trào văn học, các tác giả văn học. Văn học sử tìm hiểu quá trình phát triển của nền văn học dân tộc, khám phá những qui luật nội tại của văn học giúp áp dụng những qui luật ấy vào công việc phê bình và phát triển văn học. Văn học sử cố gắng giải thích những điều kiện lịch sử trong đó nền văn học dân tộc đã hình thành và phát triển. Văn học của một dân tộc có những đặc điểm không giống với văn học của các dân tộc khác và nhiệm vụ của văn học sử là nghiên cứu những đặc điểm liên hệ; ví dụ một đặc điểm của nền văn học Việt Nam là sự phát triển song song của nền văn học viết bằng chữ Hán và nền văn học viết bằng chữ Nôm trong khung thời gian dài nhiều thế kỷ, hoặc một đặc điểm khác là sự chống đối mãnh liệt giữa hai nền văn học tạm gọi nôm na là văn học Việt quốc và văn học Việt cộng.

Ra đời trong bối cảnh lưu vong, *Văn học Việt Nam* của Trần Bích San đáp ứng được phần lớn nhiệm vụ mà văn học sử đã uỷ thác cho nó. Nó là một trân phẩm hiện đại, khoa học, nhân bản, khai phóng; nó đáng được xem là của gia bảo đối với những ai còn nặng lòng với tiếng Việt chữ Việt.



Trần Văn Tích

Bonn, CHLB Đức

09.01.2019



Hoa Thủy Tiên – Ảnh: **Hương Kiều Loan**

Mời xem bộ hình hoa thủy tiên của Hương Kiều Loan:
<https://www.youtube.com/watch?v=0eAb4-nNCzQ>

PHIẾU MUA/GIA HẠN/QUẢNG CÁO
(SUBSCRIPTION & ADVERTISEMENT FORM)

Họ và tên (Reader's Name):

Địa chỉ (Address):

Phone, Fax, Email:

Ngày đặt mua (Order date): Từ số (From issue #) :..... tới số (To issue #):.....

Kèm theo chi, ngân phiếu số (Enclosed check, money order #)

Số tiền (US dollar amount) \$

GIÁ MỘT NĂM 4 SỐ BÁO CỔ THƠM, kể luôn cước phí media mail
PRICE OF 4 ISSUES, including media mail cost
Nội địa Hoa Kỳ (In USA): US \$40.00 - Gia Nã Đại (In Canada): US\$50.00

GIÁ QUẢNG CÁO TRẮNG ĐEN MỖI SỐ

Trên Tạp Chí Cổ Thơm (7 x 8.5")

1/2 trang trong: US \$30.00

1 trang trong: US \$60.00

Trang trong bìa trước: US \$100.00

Trang trong bìa sau: US \$100.00

Dùng ngân phiếu, lệnh phiếu Mỹ kim, xin ghi trả và gửi về:
(Check payable in US dollars to Cothom Foundation; send to):

COTHOM FOUNDATION
9020 CARDIFF RD
RICHMOND, VIRGINIA 23236
USA

**QUÝ VỊ ĐỘC GIẢ MUA BÁO DÀI HẠN, QUÝ THÂN CHỦ CHO QUẢNG CÁO
LÀ AN NHÂN YẾM TRỢ TAM CÁ NGUYỆT SAN VĂN HỌC CỔ THƠM.**



TỦ SÁCH CỎ THƠM

9020 CARDIFF ROAD
RICHMOND, VA 23236

Tel. (804) 276-7960 / dathphan1@gmail.com

TAM CÁ NGUYỆT SAN CỎ THƠM (Từ năm 1996)
ĐIỂM TRANG LÀM ĐÁNG CUỘC ĐỜI (1999) - Thơ Nguyễn Thị Ngọc Dung
TRĂNG NHỚ ĐÊM RẪM (2000) - Thơ Bùi Thanh Tiên
NHƯ GIẤC MỘNG SAY (2000) - Thơ phổ nhạc Ngô Thy Vân
TÁC PHẨM ĐẸP CỦA BẠN (2000) - Nhận định văn học của Hồ Trường An
VẤN KHẢO (2000) - Trần Bích San; GIẤC MƠ ĐỜI (2002) - Thơ Bùi Thanh Tiên
MỘT THOÁNG MÂY BAY (2001) Tập truyện Nguyễn Thị Ngọc Dung
TÌNH ANH NHƯ THỂ ĐÁY (2001) - Thơ Kim Vũ; KHI YẾU EM (2002) - Thơ Kim Vũ
BÊN DÒNG THẠCH HẦM (2002) - Thơ Phan Khâm; SÔI NỔI (2002) - Tập Truyện Nguyễn Lân
HOÀI CẢM (2003) - Thơ xướng họa của Hồ Trường An, Cao My Nhân, Phan Khâm,
Nguyễn T. Ngọc Dung, Văn Nương, Trần Quốc Bảo, Vi Khuê, Huệ Thu, Ngô Tăng Giao.
VƯỜN CAU QUÊ NGOẠI (2003) - Thơ Hồ Trường An
ĐÃ KHÔ DÒNG LỆ (2004) - Thơ Đăng Nguyên; HÌNH ẢNH TRÔI ĐI (2005) - Thơ Việt Bằng
PHƯƠNG VẪN NỞ BÊN TRỜI HÀ NỘI (Tái bản lần II 2005) - Hồi ký Nguyễn T. Ngọc Dung
SÀI GÒN NẮNG NHỚ MƯA THƯƠNG (Tái bản 2005) - Hồi ký Nguyễn Thị Ngọc Dung
GIAI THOẠI VĂN CHƯƠNG (2006) - Bút đàm của HỒ TRƯỜNG AN với Việt Bằng,
Đur Thị Diễm Buồn, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phan Khâm, Vi Khuê, Vũ Nam, Trần Bích San, Tiểu Thu.
DÒNG SÔNG THAO THỨC (2007) – Thơ Phan Khâm
NON NƯỚC ĐÁ VÀNG (2007) - Bút ký Nguyễn Thị Ngọc Dung
NÁO NỨC HỘI TRĂNG RẪM (2007) - Bút khảo của Hồ Trường An về các tác giả:
Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội, Bình Nguyên Lộc, Vi Khuê, Nguyễn Thị Thụy Vũ,
Trương Anh Thụy, Trần Bích San, Nguyễn Thị Ngọc Dung.
KHÚC VÔ THANH (2008) , 90 bài thơ - Bùi Thanh Tiên (2010)
ĐÀ LẠT NGÀY THÁNG CŨ (2010) - Biên soạn của Ngô Tăng Giao
GIỮ MÃI GIỮM ANH (2011) - Thơ Uyên Phương Minh Nguyệt
CA DAO - CON ĐƯỜNG VĂN HÓA VIỆT (2012) - Biên khảo của Nguyễn Văn Nhiệm
NỮ SINH VIÊN HÀ NỘI VƯỢT TUYẾN QUA RỪNG 1958 - Hồi ký Tô Bạch Tuyết (2013)
DANH NHÂN TRONG LỊCH SỬ & KIẾN THỨC KHOA HỌC & TÌM HIỂU SỬ ĐỊA THỂ GIỚI
& NHÀ VĂN & NHÀ THƠ VÀ TÁC PHẨM 2018: Biên khảo của Phạm Văn Tuấn
MƯA XUÂN/ SPRING RAIN - Thơ song ngữ Tâm Minh Ngơ Tăng Giao
MONG MANH & TỰ NHIÊN - Thơ Ý Anh
BƯỚC LẠ QUÊ HƯƠNG - Bút ký Nguyễn Thị Ngọc Dung
LUẬT PHÁP VÀ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT - Biên khảo của Nguyễn Văn Thành
TỪ MỘT VÙNG KÝ ỨC - Ý Nguyễn; BÊN KIA BỜ NHỎ - Bút ký Phạm Bá & Ý Nguyễn

CỎ THƠM



TẠP CHÍ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO
NĂM THỨ 24 – SỐ 83

Tạp chí Cỏ Thơm số 83 – Tết Kỷ Hợi
đã phát hành ngày 26 tháng 1, 2019

MUA ỦNG HỘ TẠP CHÍ CỎ THƠM (BÁO IN)

Một năm 4 số, 40 USD, gởi tận nhà - xin liên lạc: dathphan1@gmail.com /
Phan Anh Dũng, 9020 Cardiff Rd, Richmond VA 23236

Tạp Chí Cỏ Thơm có bán tại tiệm Washington Music trong Eden Center
6795 Wilson Blvd. #26 - Falls Church, VA 22044 / Tel. (703) 538-4979

TẠP CHÍ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO CỎ THƠM:

CHỦ NHIỆM: PHAN ANH DŨNG <dathphan1@gmail.com>
PHÓ CHỦ NHIỆM: PHAN KHÂM <phanvyle@yahoo.com>
CHỦ BÚT: TRẦN BÍCH SAN <littleisaigonnews@aol.com>
TỔNG THƯ KÝ: ĐỖ TRĂNG MỸ HẠNH <hanhbang@hotmail.com>
CỐ VẤN DANH DỰ: NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG <dsenser@yahoo.com>

TÒA SOẠN: 9020 CARDIFF RD
RICHMOND, VA 23236 USA
TEL. (804) -387- 8773

CHỦ BIÊN WEBSITE CỎ THƠM & CHỦ BÚT NGUYỆT SAN CỎ THƠM ONLINE:
PHAN ANH DŨNG <dathphan1@gmail.com>

